

Hội tập Kinh: Đại lão Cư sĩ Hạ Liên Cư
Chủ giảng: **Lão pháp sư TỊNH KHÔNG**
(Lần giảng thứ 10 - Năm 1998)

THUYẾT GIẢNG
PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA
VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM
THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH

TẬP 7
(VCD 061-VCD 070)



Cẩn dịch: **Vọng Tây Cư sĩ**

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
Phật Lịch 2559-Dương Lịch 2015

MỤC LỤC

PHẦN THỨ III: CHÁNH KINH.....	15
(VCD 061)	15
PHẨM THỨ TƯ: PHÁP TẠNG NHÂN ĐỊA.....	15
CHÁNH KINH: “Phật cáo A Nan: Quá khứ vô lượng bất khả tur nghị vô ương số kiếp, hữu Phật xuất thế, danh Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn”. (tiếp theo)	15
Thứ 4: “Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế gian giải, Vô Thượng sĩ, Điều Ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn” [Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn] (tiếp theo):.....	16
Đức hiệu thứ 4: “Minh Hạnh Túc”	16
Cái gì gọi là công phu tu hành có lực?.....	18
“Giới” là cái gì?.....	18
Phật pháp bắt đầu học từ đâu vậy?.....	20
“Pháp” là gì vậy?	22

Cho nên ở danh hiệu sau cùng tổng kết gọi là “Thế Tôn”.....	25
Xây đạo tràng là sự nghiệp của Bồ Tát.....	27
Niệm Phật vì sao có thể niệm đến đi vào địa ngục? 33	
(VCD 062)	39
Vậy thì làm thế nào tương ứng với “Định” học?	43
Làm thế nào tương ứng với Huệ?	45
Đức hiệu thứ 5: “Thiện Thệ”	47
“Thệ” là “Vô trụ”.....	50
“Thiện” là “Sanh tâm”.....	53
Chúng ta phải làm thế nào học tập?.....	56
(VCD 063)	61
Đức hiệu thứ 6: “Thế gian giải”	61
Loại thứ nhất gọi là “Hữu tình thế gian”.....	61
Loại thứ hai gọi là “Khí thế gian”.....	61
Loại thứ ba gọi là “Trí chánh giác thế gian”.....	61
Đức hiệu thứ 7: “Vô thượng sĩ”	66
Đức hiệu thứ 8: “Điều ngự trượng phu”	68
Vì sao Phật Bồ Tát có được cái bản lĩnh điều hòa được đại chúng này?	72
Đức hiệu thứ 9: “Thiên Nhân Sư”	73
(VCD 064)	79

Đức hiệu sau cùng là “Phật”	79
Cái gì là phước điền chân thật?.....	83
Một danh hiệu sau cùng gọi là “Thế Tôn”	84
CHÁNH KINH: “Tại thế giáo thọ, tứ thập nhị kiếp. Thời vi chư thiên, cập thế nhân dân, thuyết kinh giảng đạo”.....	84
Hiện tại có một số người đem mục đích xuất gia làm sai đi, điên đảo.	85
Tại vì sao người xuất gia không thể làm những việc từ thiện?	86
Thứ nhất: “Tại thế giáo thọ tứ thập nhị kiếp”	87
Thứ hai: “Thuyết kinh giảng đạo”	88
Cái gì gọi là kinh?.....	88
Cái gì gọi là đạo?	88
CHÁNH KINH: “Hữu đại quốc chúa danh Thế Nhiều Vương, văn Phật thuyết pháp, hoan hỷ khai giải, tâm phát vô thượng chân chánh đạo ý”.....	89
Thứ nhất: “Hữu đại quốc chúa danh Thế Nhiều Vương” ..	90
Thứ hai: “Văn Phật thuyết pháp, hoan hỷ khai giải”	91
Thứ ba: “Tâm phát vô thượng chân chánh đạo ý”	91
Vấn đề chính mình là gì?	92
CHÁNH KINH: “Khí quốc quyên vương, hành tác sa-môn, hiệu viết Pháp Tạng, Tu Bồ Tát đạo.”	93
Thứ nhất: “Khí quốc quyên vương”.....	93
Thứ hai: “Hành tác Sa môn”	94

Thứ ba: “Hiệu viết Pháp Tạng”.....	94
Thứ tư: “Tu Bồ Tát đạo”.....	95
Tiêu chuẩn của Bồ Tát đạo là gì?	95
CHÁNH KINH: “Cao tài dũng triết, dữ thế siêu dị, tín giải minh ký, tất giai đệ nhất”.....	96
Thứ nhất: “Cao tài dũng triết”.....	96
Thứ hai: “Dữ thế siêu dị”	97
Thứ ba: “Tín giải minh ký, tất giai đệ nhất”	97
 (VCD 065).....	99
CHÁNH KINH: “Hựu hữu thù thắng hạnh nguyện, cập niệm huệ lực, tăng thượng kỳ tâm, kiên cố bất động. Tu hành tinh tấn, vô năng du giả.”	99
Thứ nhất: “Hựu hữu thù thắng hạnh nguyện”.....	99
Nguyện thứ nhất: “ <i>Chúng sanh vô biên thế nguyện độ</i> ”.....	100
“Chúng sanh vô biên”.....	101
“Thệ nguyện độ”.....	106
Năng lực phải làm cách nào để hồi phục?	109
Nguyện thứ hai: “ <i>Phiền não vô tận thế nguyện đoạn</i> ”.	112
Vậy thì phiền não đoạn bằng cách nào?	113
“ <i>Thân kiến</i> ” là gì?	113

Nguyện thứ ba: “Pháp môn vô lượng thế nguyện học”	115
Vậy tại vì sao bạn không đi đến thế giới khác mà nhất định phải đến Thế giới Cực Lạc?.....	116
Nguyện sau cùng: “Phật đạo vô thượng thế nguyện thành”	117
Làm thế nào để giống Phật A Di Đà?	118
Thứ hai: “Cập niệm huệ lực”	119
Trong Tứ niệm xứ :	120
Cái thứ nhất: “Quán thân bất tịnh”.....	120
(VCD 066)	121
Cái thứ nhất: “Quán thân bất tịnh”.....	122
Cái thứ hai: “Quán thọ thị khổ”.	122
Cái thứ ba: “Quán tâm vô thường”.	123
Cái thứ tư: “Quán pháp vô ngã”.....	124
“Tứ như ý túc” :	124
“Tứ chánh cần”:	125
Ngũ lực :.....	127
Cái thứ nhất là “Tín lực”.	127
Vì sao lòng tin của bạn không có gốc?	127
Làm thế nào để lòng tin thêm lớn?.....	128
Cái thứ hai là “Tấn lực”.	128
Kinh này làm thế nào mới gọi là học thông?	129
Cái thứ ba là “Niệm lực”.....	135

Cái thứ tư là “Định lực”	135
Cái thứ năm là “Huệ lực”	136
Thứ ba: “Tăng thượng kỳ tâm, kiên cố bất động. Tu hành tinh tấn, vô năng du giả”	136
Một là “Kiên cố bất động”	137
Tiêu chuẩn của thiện ác cần phải rõ ràng:	138
Hai là “Tu hành tinh tấn”	139
Vậy cái gì gọi là khai ngộ?	141
Ba là “Vô năng du giả”	142
(VCD 067)	145
Văn Trường hàng:	145
Kệ tụng:	146
Mật chú	149
Thứ nhất: “Vãng nghệ Phật sở, đánh lễ, trường quy, hướng Phật hiệp chưởng”	150
Một là “Vãng nghệ Phật sở”	151
Hai là “Đánh lễ trường quy”	151
Ba là “Hướng Phật hiệp chưởng”	154
Thứ hai: “Tức dĩ già-tha tán Phật, phát quang đại nguyện, tụng viết”	155
Một là “Già tha”	155
Hai là “Phát quang đại nguyện”	155
Hành của Tịnh Độ:	159

Niệm Phật phải niệm như thế nào?	161
“Chúng trung tôn” giảng thế nào?	163
(VCD 068)	169
CHÁNH KINH:	175
“Nhu Lai vi diệu sắc đoan nghiêm	
Nhất thiết thế gian vô hữu đẳng	
Quang minh vô lượng chiếu thập phương	
Nhật nguyệt hỏa châu giai nặc diệu.”	175
Thứ nhất: “Nhu Lai vi diệu sắc đoan nghiêm”	176
Nhu Lai là nói cái gì?	176
Thứ hai: “Nhất thiết thế gian vô hữu đẳng”	177
Thứ ba: “Quang minh vô lượng chiếu thập phương”	179
Thứ tư: “Nhật nguyệt hỏa châu giai nặc diệu ”	179
CHÁNH KINH:	182
“Thế Tôn năng diễn nhất âm thanh	
Hữu tình các các tùy loại giải.	
Hựu năng hiện nhất diệu sắc thân	
Phổ sử chúng sanh tùy loại kiến.”	182
Thứ nhất: “Thế Tôn năng diễn nhất âm thanh”	185
Thứ hai: “Hữu tình các các tùy loại giải”	186
Phiền não phải đoạn từ chỗ nào?	187
Làm sao bạn có thể hồi phục kiến tánh?	188
Phật pháp học tập từ chỗ nào?	188

Thứ ba: “Hựu năng hiện nhất diệu sắc thân Phổ sử chúng sanh tùy loại kiến.”	189
(VCD 069)	195
CHÁNH KINH:	195
“Nguyện ngã đấng Phật thanh tịnh thanh Pháp âm phổ cập vô biên giới Tuyên dương Giới, Định, Tinh Tấn môn.....	195
Thông đạt thậm thâm vi diệu pháp.”	195
Thứ nhất: “Nguyện ngã đấng Phật thanh tịnh thanh”	196
Cái gì gọi là Phiền não chướng?	202
Cái gì là Sở tri chướng?	203
Thứ ba: “Tuyên dương giới, định, tinh tấn môn”	204
Tam học Giới-Định-Huệ.....	205
“Giới”:.....	205
Tóm gọn tu học Phật pháp là ở “Định”.....	207
Tinh tấn:	208
Phải làm thế nào tương ưng với tự tánh?	212
(VCD 070)	216
Vậy thì vấn đề hiện tại chúng ta làm sao có thể tương ưng với chân tâm với tự tánh?	216
Vì sao nói Phật pháp cũng phải buông bỏ?.....	217
Tại vì sao gọi là chân ngôn?	218

Niệm Phật theo cách “Không biết niệm” như vậy có được lợi ích gì không?	220
CHÁNH KINH:	220
“Trí huệ quảng đại thâm như hải Nội tâm thanh tịnh tuyệt trần lao Siêu quá vô biên ác thú môn Tốc đáo Bồ Đề cứu cánh nạn. Vô minh, tham, sân, giai vĩnh vô Hoặc tận, quá vong, tam-muội lực.”	221
Thứ nhất: “Trí tuệ quảng đại thâm như hải”	222
Tiêu chuẩn của trí tuệ Phật pháp là gì?	223
Thứ hai: “Nội tâm thanh tịnh tuyệt trần lao”	224
“Trần lao” là gì vậy?	225
Cái gì làm bạn lao nhọc?	225
Tu là gì vậy?	228
Tuồng là gì vậy?	228
Cái gì gọi là dụng công?	231
Thứ ba: “Siêu quá vô biên ác thú môn”	232
Vì sao nói mười pháp giới đều là ác thú môn?	235
Thứ tư: “Tốc đáo Bồ Đề cứu cánh nạn”	236
Chú giải:	240

KHAI KINH KỆ

Phật pháp cao siêu rất thẳm sâu,

Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu.

Con nay nghe thấy chuyên trì tụng,

Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT! (3 lần)

PHẦN THỨ III: CHÁNH KINH (tiếp theo)

(VCD 061)

PHẨM THỨ TƯ PHÁP TẠNG NHÂN ĐỊA (tiếp theo)

CHÁNH KINH: “Phật cáo A Nan: Quá khứ vô lượng bất khả tư nghị vô ương số kiếp, hữu Phật xuất thế, danh Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn”. (tiếp theo)

[Dịch nghĩa: Phật bảo A Nan: Vô lượng chẳng thể nghĩ bàn vô ương số kiếp trong quá khứ có Phật xuất thế hiệu là Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn trụ thế giáo hóa trong bốn mươi hai kiếp. Khi ấy, đức Phật vì chư thiên và người đời nói kinh giảng đạo.]

Thứ 4: “**Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế gian giải, Vô Thượng sĩ, Điều Ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn**”
[**Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn**]
(tiếp theo):

Đoạn này lần trước chúng ta đã giới thiệu phân nửa. Trong kinh văn nói ra mười tên chung của Phật, từ “Nhu Lai” đến “Phật” tổng cộng là mười danh hiệu. Bất cứ người nào thành Phật đều đầy đủ mười đức hiệu này. Mười loại đức hiệu là từ tánh đức tự tánh của chúng ta, do đó chúng ta nhiều ít cũng phải biết chút ít. Sau đó mới có thể thể hội được tại vì sao Thế Tôn thường dạy chúng ta phải minh tâm kiến tánh? Dụng ý của Thế Tôn là ở đâu vậy? Chúng ta liền có thể thể hội được.

Ở trong mười hiệu thì ba hiệu đầu “Nhu Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác” phía trước đã nói qua. Hôm nay chúng ta bắt đầu nói từ “Minh Hạnh Túc”.

Đức hiệu thứ 4: “Minh Hạnh Túc”

“Minh” là trí tuệ ; “Hạnh” là hành trì. Chúng ta xem thấy hai chữ này liền hiểu rõ trí tuệ và thiện hạnh. Chư Phật Bồ Tát các Ngài đã là người giác ngộ. Người giác ngộ, tư tưởng, lời nói, hành vi, đều có thể

tương ưng với trí tuệ, cho nên cái chữ Hạnh phía sau này có thể nói là bao gồm cả tư tưởng, lời nói, hành vi của chúng ta.

“Túc” là ý viên mãn. Cũng chính là nói hành vi ngay trong cuộc sống thường ngày tương ưng viên mãn với trí tuệ vốn đủ trong tự tánh, vậy thì thành Phật rồi. Chúng ta lại nói rõ ràng hơn một chút, nói tường tận hơn một chút.

“Minh” chính là “Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác” mà Phật pháp thường nói. Có thể thấy được cái Minh này không phải là trí tuệ của Tiểu Thừa, không phải là trí tuệ của Bồ Tát, không phải là trí tuệ của Quyền Giáo Phật quả, đương nhiên càng không phải là trí tuệ của phàm phu mà là trí tuệ cứu cánh viên mãn trên quả địa Như Lai.

“Hành”: Chính là nói đời sống hành vi. Ở trong Phật pháp gọi nói chính là Tam học Giới - Định - Tuệ. Cho nên từ tư tưởng, ngôn ngữ, tất cả tạo tác của chúng ta đều phải tương ưng với Tam học Giới - Định - Tuệ.

“Túc”: Thành tựu chính là Túc, chính là ý nghĩa của chữ Túc này. Việc này người học Phật chúng ta phải tường tận, phải lý giải sâu sắc, thì công phu tu hành của chúng ta mới có thể có lực.

Cái gì gọi là công phu tu hành có lực?

Cũng chính là nói hoàn cảnh đời sống của chúng ta có thể thay đổi, đó gọi là công phu có lực. Nếu không mà nói “Công phu có lực” thì câu nói này rất là trừu tượng. Vậy cái gì gọi là công phu có lực? Là hoàn cảnh đời sống của chúng ta có thể chuyển đổi lại, đây mới là tâm mong cầu của mỗi chúng ta.

Trí tuệ viên mãn nhất định phải dựa vào lời nói, hành vi mà hiển thị ra, nếu không thì trí tuệ có thể nhìn ra từ đâu? Từ hành vi đời sống của chúng ta, từ chỗ bạn đối nhân xử thế tiếp vật, xem thử bạn có trí tuệ hay không? Trí tuệ của bạn đạt đến một trình độ như thế nào? Xem ngay trong thực tiễn trong cuộc sống thường ngày, chính là Tam học Giới - Định - Tuệ.

“Giới” là cái gì?

Là như pháp! Người thế gian chúng ta gọi là hợp tình, hợp lý, hợp pháp, còn trong nhà Phật chúng ta gọi là giới học. Cho nên giới học ở chỗ này, chúng ta không nên nghĩ đến nghĩa quá hẹp. Nhắc đến giới học liền nghĩ đến 5 giới, 10 giới, cái phạm vi này quá nhỏ. Hợp tình, hợp lý, hợp pháp đó mới là giới học. Chúng ta nghĩ tưởng, không nên nghĩ người khác mà nên nghĩ chính mình. Người chân thật tu hành, mỗi giờ mỗi lúc quan tâm tới chính mình. Vậy thì bạn

đúng! Cũng giống như Đại sư Lục Tổ Huệ Năng của Thiên tông đã nói: *“Nếu là người chân chính tu hành thì không thấy lỗi thế gian”*.

Quan tâm chính mình còn không kịp, làm gì có thời gian để thấy lỗi lầm của người khác? Chính mình từ vô thủy kiếp đến nay tập khí phiền não thường hay khởi hiện hành, tất cả tạo tác ngay trong một đời này thật đúng như Bồ Tát Địa Tạng trong “Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh” đã nói: *“Chúng sanh Diêm Phù Đề khởi tâm động niệm đều là tội”*.

Nếu như chúng ta thường hay có thể phản tỉnh, có thể kiểm điểm, biết được khởi tâm động niệm chính mình đều là tạo tội nghiệp, lời nói việc làm cũng đều là đang tạo nghiệp. Nếu bạn có thể phản tỉnh, có thể quán sát, nhà Phật gọi là giác ngộ. Bạn khai ngộ rồi, *“Ngộ hậu khởi tu”*¹, sau khi ngộ đem những lỗi lầm của mình tu sửa lại, đó gọi là tu hành. Cho nên mọi người nhất định phải tương tận, tu hành không phải mỗi ngày đánh chuông gõ mõ đọc kinh thì gọi là tu hành, mà phải đem tất cả lỗi lầm bắt đầu từ trong nội tâm của chúng ta sửa đổi lại mới gọi là tu hành.

Các vị đều rất rõ ràng cái thế gian này tai nạn trùng trùng. Trên thế giới có rất nhiều lời tiên đoán trong và ngoài nước, tôi có rất nhiều đồng tu đều đã từng xem qua những tiên đoán này, nhưng sau khi họ

xem những dự đoán này rồi thì như thế nào? Họ cho rằng chưa chắc là thật, đều có tâm trạng hoài nghi để nhìn nó, không chịu tin tưởng, không chịu tiếp nhận, vậy thì không còn cách nào. Nếu như là người thông hiểu, người đầu óc tường tận rất bình lặng, xem qua những truyền thuyết này, lại xem qua tình hình xã hội hiện đại, lại xem thấy thông thường mọi người khởi tâm động niệm, những người này, những chúng sanh này, bình thường họ nghĩ tưởng cái gì? Nhớ cái gì? Nói cái gì? Làm những việc gì? Sau đó đem đối chiếu với với tiên đoán của người xưa sẽ lạnh cả xương sống.

Chúng ta có thể ý thức đến đại từ đại bi của Chư Phật Bồ Tát, lời nhắc nhở sau cùng, đó là chúng ta có cách nào cứu vãn hay không? Có! Quay đầu là bờ, chỉ cần bạn chịu quay đầu, từ Tham - Sân - Si quay lại nương vào Giới - Định - Huệ thì được rồi.

Phật pháp bắt đầu học từ đâu vậy?

Bắt đầu học từ trì giới, trì giới gì vậy? Hiện tại rất khó! Vì sao? Thời đại này chúng ta đồng tu phát tâm học Phật, nói đến thành tựu thì không bằng người xưa. Tại vì sao vậy? Người xưa làm đúng pháp, người xưa rõ lý. Vì vào thời xưa, người dạy bảo bạn nhiều, cha mẹ bạn biết dạy bạn, lão sư của bạn biết dạy bạn, nếu bạn muốn học Phật, sư phụ xuất gia liền dạy bạn, người dạy rất nhiều.

Ngày nay chúng ta tại vì sao không như pháp? Vì không hiểu đạo lý. Tại vì sao không hiểu đạo lý? Không có người nói, không có người dạy bạn thì bạn làm sao biết được. Hiện tại không có người dạy, bạn phát tâm học Phật, bạn cũng quy y cũng thọ giới, thậm chí cho đến cũng xuất gia, nhưng sư phụ đòi trước dạy bạn cái gì? Dạy bạn bái sám, dạy bạn hoá duyên, tên tuổi tốt đẹp tu phước, rốt cuộc là phước chân thật hay là phước giả? Đây là nói cái thời đại này của chúng ta, kém xa so với thời xưa. Nguyên nhân chính ngay chỗ này.

Tôi ngay trong lúc giảng giải thường hay nhắc nhở các đồng tu học Phật, “Phật” là ai? Chính là Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật của chúng ta. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện ra như vậy chính là tấm gương chúng ta học tập. Trên kinh nói Thích Ca Mâu Ni Phật “*Phước huệ nhị túc tôn*”, trên kinh có vô số so sánh phước báo. Thế Tôn dùng phương pháp so sánh này để chúng ta thể hội, Ngài nói “*Một người ăn xin, người ăn xin ở thế gian, bản tiện đến cùng tội, người ăn xin cùng đứng chung với một Hoàng đế*”. Sau khi các vị thấy rồi thì trong hai người này thì con người nào phước báo lớn? Vừa nhìn thì liền biết được, người ăn xin thì làm sao sánh được phước báo vị Hoàng đế kia. Loại so sánh này, Ngài lại ví tiếp, nếu như là Đế vương của nhân gian, cùng đứng chung với vua trời Đạo Lợi, thì Đế vương nhân gian chúng ta

cũng sẽ giống như người ăn mày vậy, điều này hiển thị phước báo của vua trời Đạo Lợi lớn. Cứ từng tầng tầng tầng mà so sánh, so đến vua trời Đại Phạm Thiên vương cao nhất là Ma Hê Thủ La Thiên Vương, đây là phước báo lớn nhất trong ba cõi của chúng ta thì sao? Phật nói cho dù vua trời Ma Hê Thủ La so với Bồ Tát vãng sanh Tịnh Độ hạ hạ phẩm thì vua trời Ma Hê Thủ La này cũng chỉ giống như người ăn mày vậy. Có vậy các vị mới biết được phước báo của người vãng sanh Tây Phương to lớn, không thể nghĩ bàn.

Trên kinh này nói được rất rõ ràng, người hạ hạ phẩm vãng sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc phước báo cũng giống như Phật A Di Đà. Đây là chỗ khó tin của kinh này, “Pháp thật khó tin”. Tại vì sao có được phước báo lớn đến như vậy? Là nhờ oai thần gia trì của bốn nguyện A Di Đà Phật, phước báo không phải do bạn tu mà là do hưởng phước báo của Phật A Di Đà. Cho nên đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc dung mạo của chúng ta giống y như Phật A Di Đà, thân thể giống y như Phật A Di Đà, phước báo, trí tuệ, thần thông, đạo lực đều giống y như Phật A Di Đà. Do đây có thể biết, tu hành đúng pháp quan trọng hơn bất cứ thứ gì.

“Pháp” là gì vậy?

Nếu như dùng lời hiện tại mà nói thì chính là

pháp tắc tự nhiên. Trong kinh Phật không nói tự nhiên, mà nói “*Pháp nhĩ như thị*”². Trong bốn kinh đã nói ra 8 chữ tự nhiên, ý nghĩa rất sâu rất rộng. Cái tự nhiên này chính là tương ứng với tánh đức, đó là tự nhiên. Ngày nay tư tưởng hành vi của chúng ta trái ngược với tánh đức, trái với tánh đức là phá hoại tự nhiên, phá hoại tánh đức. Ở trong sáu đường, ở trong mười pháp giới, Chư Phật Bồ Tát là tùy loại hiện thân, tùy cơ nói pháp, họ là tùy thuận pháp tánh cho nên họ được đại tự tại.

Ngày nay chúng ta khởi tâm động niệm đều là trái ngược với pháp tánh. Nếu như bạn muốn hỏi pháp tánh rốt cuộc là cái gì? Tôi cũng không thể nói ra được, thế nhưng tôi có thể nói với bạn ở trên cây cột này của chúng ta viết lên mười chữ đó chính là trên tựa đề của “*Kinh Vô Lượng Thọ*” đã nói rất rõ ràng “*Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*”, đây chính là tánh đức. Nếu bạn có thể khởi tâm động niệm đều tùy thuận mười chữ này, không rời khỏi mười chữ này thì bạn chân thật đang học Phật, bạn chân thật đang trì giới. Nếu như khởi tâm động niệm lời nói việc làm của chúng ta hoàn toàn trái ngược với mười chữ này thì là bạn đang tạo nghiệp. Bạn tạo nghiệp thiện, tương lai bạn được quả thiện, trong sáu đường quả báo của ba đường thiện, nếu bạn tạo ác nghiệp, nhất định bạn đọa ba đường ác.

Những đạo lý này ở trong kinh luận Phật nói quá nhiều không luận là kinh luận đại tiểu thừa, gần như Thích Ca Mâu Ni Phật lần nào giảng kinh cũng đều nhắc đến. Đó là từ bi đến tột đỉnh! Không chỉ nhắc đến, Thế Tôn Ngài còn làm ra tấm gương để cho chúng ta xem. Vừa rồi chúng ta đã nói qua, Phật trí tuệ, phước báo đạt đến cùng tột, không có người nào có thể so sánh được với Ngài? Vậy thì Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện ra kiểu dáng này là gì? Dưới gốc cây ngủ một đêm, nửa ngày ăn một bữa, ngày ngày ra bên ngoài khát thực, Ngài thị hiện ra đời sống như vậy. Tại vì sao Ngài không thị hiện đại phú đại quý mà lại thị hiện thành một người ăn xin? Các vị có thể hiểu được cái ý này hay không? Từ bi đến cùng tột! Nếu như thị hiện là trưởng giả đại phú, là quốc vương, Ngài đều có thể thị hiện ra, vậy thì ở ngay trong mắt của tất cả chúng sanh, nhất là chúng sanh nghèo khổ, xem thấy Phật đà trên cao vời vợi, cao không thể với tới, muốn gần gũi mà không dám gần, còn Thế Tôn thị hiện một người khát thực, thì người bần tiện nhất xem thấy Thế Tôn cảm thấy gần giống như họ vậy “Ta xin ăn, ông ấy cũng xin ăn”, nên người bần tiện nhất cũng có thể thân thiết tiếp cận với Ngài. Thật là từ bi đến tột đỉnh! Trong đây cũng là lại nói với người rằng tướng phước đức trí tuệ viên mãn thị hiện ra thì ra là loại tướng này, ở ngay trong loại tướng này để bạn thể hội đến “Phước huệ nhị túc tôn”, bạn dần dần mà thể hội. Thế tôn không phải ở loại thân

phận quốc vương đại thần đại phú trưởng giả, bảo bạn đi thể hội “Phước huệ nhị túc tôn”, để cho bạn trong việc khất thực ăn xin mà thể hội. Bạn nói xem cái ý này bao sâu? Cụ thể Ngài hiển thị ra là chân thật nhìn thấu buông bỏ.

Cho nên ở danh hiệu sau cùng tổng kết gọi là “Thế Tôn”.

“Thế” là thế gian, thế gian là nói hữu tình thế gian. Trí chánh giác thế gian, cũng chính là nói mười pháp giới, mười pháp giới không có một người nào không tôn kính đối với Phật. Trong mười pháp giới Phật là người đáng được tôn kính nhất, nên được gọi là Thế Tôn.

Bình thường chúng ta đọc kinh xem thấy những danh tướng này, thậm chí xem thấy truyền ký của Thích Ca Mâu Ni Phật, nhưng không thể hội được cái ý này. Bạn không thể nhìn ra là tại vì sao vậy? Vì bạn quá hời hợt, quá sơ ý. Chúng ta học Phật đích thực là không có chỗ nương tựa, cho nên phải bắt tay vào từ chỗ nào cũng không biết. Phật đã thị hiện cho chúng ta xem phải bắt tay vào từ chỗ nào? Từ không tham, không sân, không si! Bắt tay vào từ chỗ này, bắt đầu từ “Tri túc thường lạc”³.

Những tổ sư đại đức của Trung Quốc thời xưa, họ tường tận, cho nên ở nơi cửa của đạo tràng, ngay

nơi cửa chính là điện Thiên Vương, ở ngay chính giữa thờ cúng Hoà thượng Bồ Đại (chính là Di Lạc Bồ Tát). Ý nghĩa biểu pháp của Bồ Tát Di Lạc rất sâu, đời sống của Hoà thượng Bồ Đại không hề khác nhau với Thích Ca Mâu Ni Phật, không những Ngài không có đạo tràng, Ngài không có nơi ở, ngay đến danh tánh cũng không có. Trong lịch sử danh tánh cũng không có, pháp danh cũng không có, mỗi ngày vác một cái túi vải to đi dạo khắp nơi, cho nên mọi người gọi Ngài là Bồ Đại Hoà Thượng, pháp danh không biết, họ gì tên gì không hề biết, nhà ở nơi đâu cũng không biết. Có người thỉnh giáo với Ngài: “Pháp sư tu hành phải bắt tay vào từ chỗ nào?” Ngài liền để cái túi vải xuống đất, duỗi hai tay ra, không nói một câu nào. Cái ý này nói gì vậy? Là buông bỏ, con người này thể hội được rồi, Oh! Sau khi buông bỏ rồi thì làm sao? Ngài vác cái túi vải lên vai liền bỏ đi. Vậy thì lại biểu thị cái gì? Sau khi buông bỏ rồi phải đề khởi, buông bỏ được mà không lấy lên được thì không tác dụng. Sau khi buông bỏ mà không chịu nhắc lên là Tiểu thừa, sau khi buông bỏ lại có thể nhắc lên là Bồ Tát. Nhắc lên là gì? Cứu độ chúng sanh, vì chúng sanh phục vụ, còn buông bỏ là không vì chính mình, hoàn toàn vì chúng sanh, đó là hạnh Bồ Tát, như vậy mới có thể tương ứng với pháp.

Cho nên người chân thật tu hành không chỉ là xuất gia mà cả tại gia đều không ngoại lệ, đời sống

nhất định phải thành thật, phải tiết kiệm, có phước báo thì cùng hưởng với tất cả chúng sanh, cái phước báo đó là phước báo chân thật. Phước báo của Thích Ca Mâu Ni Phật là vô lượng vô biên, cùng hưởng với tất cả chúng sanh, là mô phạm tốt, tấm gương tốt của chúng ta.

Xây đạo tràng là sự nghiệp của Bồ Tát.

Những Bồ Tát nào vậy? Bồ Tát tại gia, Bồ Tát tại gia xây đạo tràng, mời Bồ Tát xuất gia đến giảng kinh nói pháp. Bồ Tát xuất gia không xây đạo tràng, chúng ta chẳng phải thường hay đề xướng một môn thâm nhập, phải chuyên tinh. Nếu như Bồ Tát xuất gia còn phải làm kinh doanh những sự việc này, những sự việc hành chánh đạo tràng, thì họ làm gì có tâm nghiên cứu kinh giáo, kinh của họ làm gì có thể giảng được tốt chứ. Sự việc này phải phân công, chúng ta phải hiểu rõ cái đạo lý này, không nên để người xuất gia quản lý những việc hành chánh này, để cho họ chuyên tâm nghiên cứu giáo lý, hoằng dương Phật pháp.

Hiện tại Phật pháp ở thế gian như vậy mà suy, có rất nhiều người thế gian sanh ra hiểu lầm nghiêm trọng đối với Phật pháp. Nguyên nhân này do đâu? Không có người giảng, cho nên mới sanh ra hiểu lầm, còn nếu như có rất nhiều người ở các nơi tuyên dương, thì chánh pháp cửu trụ.

Cho nên xây đạo tràng đây là phải nhờ vào “Bồ Tát Hiền Hộ” tại gia. Chúng ta ở phía trước giảng đã dùng hết 6 giờ để giảng qua Bồ Tát Hiền Hộ, hy vọng các vị phát tâm làm Bồ Tát Hiền Hộ. Bạn phải làm Bồ Tát thật, không nên làm Bồ Tát giả, Bồ Tát giả tương lai sẽ đọa vào địa ngục A Tỳ. Chân thật tường tận tất cả vì Phật pháp, vì chúng sanh, không vì một người.

Tôi vào những năm gần đây đã từng gặp người giả danh nghĩa của tôi ra bên ngoài hoá duyên, nói pháp sư Tịnh Không muốn tặng học bổng nên đến khắp nơi hoá duyên. Tiền hoá duyên được không đưa tôi một xu nào, họ đều lấy hết, làm vậy quyết định đọa địa ngục A Tỳ, hoặc họ nói “Pháp sư Tịnh Không cần phải đến nơi đâu đó mà không có vé máy bay”, họ cũng đi khắp nơi hoá duyên. Sau khi hoá duyên được cũng đều cho vào hâu bao của họ, đó là làm sự nghiệp của địa ngục.

Ngày trước tôi đã từng giảng qua, trên văn tự đều có ghi chép, ngay trong một đời của tôi, từ trước đến giờ chưa từng hoá duyên của ai một xu tiền nào, nếu như có người dùng danh nghĩa của tôi, hay dùng bất cứ lời nói nào hoá duyên cho tôi, thì toàn là giả. Các vị vạn nhất không nên bị người ta lừa, các vị bị người ta lừa, tôi chỉ ở bên cạnh mỉm cười, không liên quan với tôi, người kia biết lừa, bạn thật bị người ta lừa, tôi ở bên cạnh xem màn kịch, xem thấy họ tạo

tác tội nghiệp, không cách gì cứu giúp, nên chính mình nhất định phải giác ngộ.

Ngày nay các vị phải chân thật phát tâm làm việc tốt. Những người giả danh này, họ đến nơi đâu quyên tiền? Đến cả Cư Sĩ Lâm để quyên. Thậm chí người ta còn đưa giấy chứng nhận cho bạn, việc này là thật có không phải là giả. Người giả danh giả nghĩa ở bên ngoài lừa gạt chúng sanh không phải không có, đích thực là có, còn chúng ta phải nơi nơi tỉ mỉ cẩn trọng, thì quyết định không chịu thiệt.

Mọi người ghi nhớ, tôi học Thích Ca Mâu Ni Phật, cả đời Thích Ca Mâu Ni Phật không hề hoá duyên với bất cứ ai. Ngày trước tôi ở Đài Loan cũng có hai đạo tràng nhỏ, đạo tràng nhỏ không cần hoá duyên, tự nhiên liền sẽ thành tựu. Ở Hoa Kỳ vốn dĩ chúng tôi có một cái phòng rất nhỏ, trong khu nhà ở, do một cư sĩ cúng dường cho chúng tôi. Thế nhưng ông có mượn tiền của ngân hàng, ông chỉ trả có kỳ đầu, về sau tiền đó chúng tôi chính mình phải trả. Việc này lão cư sĩ Hạ Cảnh Sơn biết được, nghe nói tình hình này của chúng tôi, lão cư sĩ Hạ liền tìm một hộ pháp của ông, đưa đến cho chúng tôi 70 ngàn, vấn đề của chúng tôi liền được giải quyết, cho nên chỉ hy vọng cái đạo tràng nhỏ đó. Về sau lại có người biết, dần dần mang tiền đến, từ từ cái đạo tràng này mở rộng lớn hơn, quyết không phải chúng tôi hoá duyên.

Hơn nữa tôi nói với các vị đồng tu, tôi không hoá duyên nhỏ. Hoá duyên nhỏ thật là khó chịu, bạn mấy ngàn đồng này, anh ấy mấy trăm đồng, người kia mấy chục ngàn đồng, thật quá khổ. Tôi muốn hoá duyên xây dựng một cái đạo tràng cần phải có 200 ngàn, tôi tìm một người đưa hai trăm ngàn đến, thì tôi liền thành tựu. Chúng ta cảm ân trên bia công đức ghi tên một người là được rồi, không cần phải ghi quá nhiều người, làm gì mà phiền phức đến như vậy. Duyên chưa đủ thì quyết định không nên làm thì bạn liền sẽ tự tại vô ngại.

Chúng ta xem thấy bao nhiêu vị lão hoà thượng này, cả đời làm được rất khổ cực, vì đạo tràng mà đi khắp nơi quyên góp, đến khắp nơi hoá duyên, rất là khổ cực. Tôi không làm những việc này, tôi không cần đạo tràng, không cần đạo tràng thì không việc gì, còn nếu có đạo tràng sau khi xây xong rồi, sau khi bạn chết, người đời sau sẽ đánh lộn, tranh đoạt tài sản đánh nhau lỗ đầu chảy máu, vậy thì đây là đạo tràng gì vậy? Đạo tràng đấu tranh! Chẳng phải bạn tạo tội nghiệp hay sao? Để lại cái họa cho đời sau thế hệ sau. Tôi không có đạo tràng, sau khi tôi chết rồi không có bất cứ thứ gì, mọi người không có thứ gì để tranh đoạt, vậy thì tốt, không có cái lo về sau nên được thanh tịnh, nên luôn phải như pháp, phải như lý.

Cái điểm này tôi được sự khai thị từ Thích Ca Mâu Ni Phật, được sự giáo huấn từ nơi lão pháp sư

Ấn Quang. Bạn thấy Ấn Tổ cả đời không nhận đệ tử xuất gia, không truyền giới, không làm trụ trì. Tôi từ khi phát tâm học Phật, tôi đã ngưỡng mộ pháp sư Ấn Quang, tôi muốn học tập với Ngài. Hiện tại các vị đều biết, có không ít người nói xuất gia với tôi, đó là giả không phải là thật. Họ xuất gia với ai vậy? Họ xuất gia với Hàn Quán Trưởng, không phải xuất gia với tôi, mượn danh nghĩa của tôi để xuất gia mà thôi. Cho nên chính tôi đích thực không hề nhận bất kỳ một người đệ tử xuất gia nào, cho nên tôi đối với những người xuất gia trong đạo tràng này, tôi đều rất là cung kính. Tại sao vậy? Chúng tôi là bạn cùng ở chung với nhau, quan hệ của chúng tôi phân định rất rõ ràng không phải thầy trò mà là bạn đồng tu, đôi bên rất cung kính lẫn nhau. Đây là nói đến hành vi đời sống của chúng ta, đây là chân thật tu hành.

Niệm Phật phải niệm như thế nào thì bạn liền hiểu được. Niệm Phật Đường mở ra, tôi đã nói rất nhiều lần với mọi người, Niệm Phật Đường của chúng ta có chư Phật Bồ Tát ở trong đó niệm Phật. Vậy có yêu ma quỷ quái hay không vậy? Cũng có vài người. Vậy tại vì sao Phật Bồ Tát không đuổi yêu ma quỷ quái này đi? Phật Bồ Tát từ bi hy vọng yêu ma quỷ quái cũng quay đầu là bờ, nên cũng không thể để cơ hội này luống qua, nếu những yêu ma quỷ quái này chịu niệm thì có phải là luôn là tốt hơn không, vì thế nên Phật Bồ Tát từ bi. Thế nhưng những yêu ma

quỷ quái này không làm loạn ở trong đó thì không hề gì, họ có thể trường kỳ huân tu thì tương lai của họ cũng có thể vãng sanh làm Phật, còn nếu như tâm hạnh của họ bất chánh không chịu cải sửa thì đến lúc đó tự nhiên có thần hộ pháp sẽ trừng phạt họ. Đó là đạo lý đương nhiên. Cho nên nếu chúng ta muốn tiêu trừ nghiệp chướng của chính mình, tiêu trừ tai nạn của nhà mình, cho đến muốn giúp đỡ thế gian này tiêu trừ tai nạn nghiệp tập của chúng sanh thì chỉ có phương pháp duy nhất nỗ lực niệm Phật. Nhưng niệm Phật cần phải cả ba nghiệp thân ngữ ý đều có thể tương ưng với Phật.

“Phật” là gì vậy? Phật chính là một bộ “Kinh Vô Lượng Thọ” này. Quy nạp của một bộ Kinh Vô Lượng Thọ này, chính là trên đề kinh đã nói “Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác”, phía trước tôi thêm vào hai chữ “Chân thành”, phía sau thêm vào hai chữ “Tự bi”. Mười chữ này chính là rút gọn của “Kinh Vô Lượng Thọ”, chính là kinh nghĩa của Kinh Vô Lượng Thọ ở trong đó. Chúng ta phải có thể tương ưng, “Một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật”, khởi tâm động niệm tương ưng, lời nói việc làm cũng phải tương ưng, vậy mới gọi là thật niệm. Quyết không phải là hữu khẩu vô tâm, vì cái niệm đó không ích gì, như người xưa đã nói “Đầu mồm rất hòng chỉ uổng công” mà thôi. Trong miệng niệm A Di Đà Phật mà trong lòng vẫn là

phải quấy nhân ngã, vẫn có tự tư tự lợi, vẫn có Tham - Sân - Si - Mạn, vẫn còn nghĩ đến làm những việc tổn người lợi mình thì niệm Phật như vậy quả báo vẫn là ở địa ngục A Tỳ. Lời nói này không phải tôi nói mà là pháp sư Quán Đảnh khoảng năm Càn Long nhà Thanh đã nói, ông ghi chép điều này trong “Kinh Lăng Nghiêm Bồ Tát Đại Thế Chí Viên Thông Chương Số Sao”. Cuối cùng ông làm ra một kết luận niệm Phật một trăm loại quả báo, trong đó cái thứ nhất chính là niệm Phật vẫn đọa địa ngục A tỳ.

Những năm đầu tôi học kinh giáo với lão cư sĩ Lý Bình Nam, khi tôi đọc được quyển sách này, cảm thấy rất là nghi hoặc: “*Niệm Phật là việc tốt, vậy thì vì sao nói vẫn phải đọa địa ngục? Niệm Phật vì sao có thể niệm đến đi vào địa ngục?*”. Tôi đem sách này mang đến cho lão sư Lý xem, tôi thưa hỏi với lão sư Lý. Lão sư Lý nói :

- Vấn đề này là một vấn đề lớn, tôi không nói riêng với ông, đến khi giảng kinh sẽ nói với đại chúng.

Niệm Phật vì sao có thể niệm đến đi vào địa ngục?

Vì miệng niệm A Di Đà Phật, nhưng trong tâm hoàn toàn là tư tưởng hành vi đều không đúng pháp, đều là tự tư tự lợi, tổn hại chúng sanh, tổn hại Phật pháp, chỉ toàn làm những việc như vậy, thì tuy niệm

Phật vẫn là cứ phải đoạ địa ngục. Cho nên pháp sư Quán Đảnh kết luận sau cùng rất đáng được chúng ta cảnh tỉnh, “Học Phật không dễ dàng”.

Trong “*A Nan Vấn Sự Phật Kiết Hung Kinh*”⁴, Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta giải đáp vấn đề này. Ngay đề kinh này cũng đã tương đối rõ ràng, “Sự Phật” chính là phụng sự Phật Bồ Tát, cũng là nói ngày nay chúng ta gọi là học Phật. Học Phật rốt cuộc là tốt hay là không tốt? Kiết, hung, kiết là tốt, hung là không tốt, bộ kinh này là thuộc về kinh tiểu thừa: Câu thứ nhất Phật liền dạy chúng ta học Phật nhất định phải theo một vị Minh sư. Đây chính là then chốt một đời này của chúng ta thành công hay thất bại. Minh sư, không phải là danh tiếng lớn, tên tuổi cao, không ích gì, mà Phật nói với chúng ta cái “Minh” đó là quang minh, mà không phải là danh của danh tiếng, minh của quang minh. Chỗ này rất rõ ràng nói với chúng ta, bạn phải cùng với một người có tu có chứng mà tu học, bạn phải tìm được một vị thầy tốt như vậy mà thân cận với ông ấy thì bạn sẽ có thành tựu. Nhưng hiện tại người có tu có chứng không tìm ra được, vậy thì phải làm sao? Bạn có thể tìm được một người chân thật tu hành thì xem là không tệ rồi. Thế nhưng ở trong kinh Phật thường nói “*Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân*”. Chúng ta có thể gặp được thầy giáo tốt hay không, không phải ở duyên ngoài, vẫn là ở chính mình. Chính mình nếu như có

tâm chân thành tu học thì Phật Bồ Tát sẽ giúp đỡ, Phật Bồ Tát sẽ làm tăng thượng duyên cho chúng ta, bạn sẽ gặp được thầy giáo tốt. Còn nếu như tâm địa của chính bạn không chân thành thì bạn không thể gặp được thầy giáo tốt. Cho dù gặp được, bạn cũng sẽ không tin tưởng, bạn cũng không tiếp nhận giáo huấn của ông ấy, vậy thì gặp được cũng như không gặp được. Cho nên quy kết đến sau cùng vẫn là chính mình.

Tôi học Phật, tôi cũng thường nói, tôi rất là may mắn, tôi không hề đi con đường oan uổng. Tôi chỉ thân cận hai vị thầy giáo, vị thứ nhất là Đại sư Chương Gia, tôi theo ông 3 năm. Sau khi đại sư Ngài viên tịch rồi, về sau tôi quen biết với lão cư sĩ Lý Bình Nam, tôi theo ông 10 năm. Nếu chúng ta muốn có thành tựu chân thật, nhất định phải hiểu được cái đạo lý này, gần gũi một vị thầy, học một pháp môn “*Một môn thâm nhập, trường kỳ huân tu*”, bạn sẽ khai ngộ, công phu của bạn làm gì mà không có lực chứ!

Chúng ta xem thấy một số người tu học, tại vì sao đã học mười mấy năm, vẫn cứ công phu không có lực. Bạn tỉ mỉ mà quan sát, họ học được quá nhiều, học được quá tạp quá loạn, ngay chính họ cũng không biết được nguyên nhân này do đâu.

Thế nhưng loại cơ duyên thù thắng này như tôi ở thời đại này rất khó mà gặp được, có thể tôi là người may mắn sau cùng, về sau có thể là không có nữa. Tôi không thể nào dùng phương pháp của lão sư Lý, dùng phương pháp của đại sư Chương Gia để tiếp dẫn đại chúng, không thể nào được, vì người hiện đại không tin tưởng, vậy thì không còn cách nào, tôi cũng không biết.

Tôi sanh vào thời đại hoạn nạn, tôi từ rất sớm đã rời xa cha mẹ, giáo dục học đường cũng chưa hoàn thành, cũng không có người nói với tôi. Khi tôi thân cận những vị thiện tri thức này, những vị thiện tri thức dạy bảo những điều này cho tôi, đưa ra những điều kiện cho tôi. Tôi mơ mơ hồ hồ mà tiếp nhận, tôi thân cận 3 vị thầy giáo, cả ba vị này có người ngầm nói, có người nói rõ ràng, đó chính là nói với tôi:

Điều kiện thứ nhất: Chỉ có thể nghe lời dạy của một vị thầy, ngoài vị thầy ra, bất cứ vị pháp sư đại đức nào giảng kinh, không được phép nghe.

Điều kiện thứ 2: Xem sách thì cho dù xem sách Phật hay sách thế gian, không được sự đồng ý của thầy, không được phép xem, bạn thấy điều kiện này hà khắc cỡ nào! Cho nên nếu ngày nay tôi dùng cái điều kiện này để tiếp dẫn đại chúng thì người ta đều bỏ chạy hết, mọi người nhất định sẽ quay đầu lại

mắng vào tôi: “Ông có gì giỏi đâu mà cao lỏi, tự cao tự đại, xem thường người khác”. Người ta nhất định sẽ dùng lời này để mắng tôi nên hiện tại nếu dùng phương pháp này thì không có người nghe. Không có người nghe thì sư đạo đoạn tuyệt, thành tựu ngay trong một đời này của chúng ta là vô cùng khó khăn, không dùng phương pháp này, quyết định không thể thành tựu. Cho nên nếu bạn muốn thành tựu, nhất định phải học với một người.

Trên “Kinh Hoa Nghiêm” Phật đã đưa ra một mô phạm, đó là dùng Thiện Tài Đồng Tử để đại biểu cho một người cầu pháp, làm học trò, còn lão sư của Thiện Tài Đồng tử, Ngài là ai vậy? Là Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi. Ngài chỉ chuyên nghe một người dạy, ở dưới hội của Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi Ngài được Tam muội, khai trí tuệ, được căn bản trí. Vậy thì vào lúc này mới có thể xuất sư, có thể rời khỏi lão sư, có thể tiếp xúc với đại chúng bên ngoài, bất cứ người nào cũng đều có thể tiếp xúc, bất cứ người nào giảng nói cũng đều có thể nghe, lão sư cho phép, tại vì sao vậy? Nền tảng đã thành công rồi, bạn đã có năng lực phân biệt chân vọng, có năng lực phân biệt tà chánh, có năng lực phân biệt phải quấy, thiện ác, lợi hại, bạn có loại năng lực này, có được trí tuệ này, thì lão sư sẽ không hạn chế bạn, liền để cho bạn ra ngoài tham học. Thiện Tài thành tựu được cái bản lĩnh này ở dưới hội của Bồ Tát Văn Thù. Sau đó mới có điều

kiện ra ngoài tham học, đó là 53 lần tham học, còn nếu như không có cái năng lực này thì không được rời khỏi lão sư nửa bước. Khi bạn có loại năng lực này lão sư nhất định để cho bạn đi, sẽ không giữ bạn thêm một ngày, giữ bạn thêm một ngày là có lỗi với bạn. Còn bạn không có được cái năng lực này thì bạn muốn ra ngoài tham học, lão sư nhất định ngăn cản bạn, còn lão sư không ngăn cản là hại bạn. Ân đức của lão sư vượt hơn cha mẹ, cái đạo lý này chúng ta phải hiểu, phải tường tận.

Hiện tại ở thời đại này thì phải làm sao? Sư đạo đã không còn. Cho nên tôi trong quá trình giáo dục, ngay ở trong lúc giảng dạy, tôi thường hay khuyên các đồng tu chính mình phải nghĩ biện pháp. Biện pháp gì? Vào hiện tại chúng ta không tìm được lão sư tốt thì chúng ta tìm trong người xưa, trong người xưa tìm lão sư vẫn được, cũng có thể thành công.



(VCD 062)

Vào hiện tại chúng ta không tìm được lão sư tốt thì chúng ta tìm trong người xưa, có thể nương theo người xưa để tu học.

Ở Trung Quốc chúng ta người thứ nhất là Mạnh Tử. Mạnh Tử là người rất thông minh, ông muốn học Khổng Lão Phu Tử, lúc đó Khổng Lão Phu Tử đã qua đời rồi, nhưng trước tác của Khổng Tử vẫn còn, ông đọc sách của Khổng tử, có chỗ nào không hiểu thì thưa hỏi với học trò của Khổng Tử, nương Khổng Lão Phu Tử làm thầy, một lòng học Khổng tử, ông cũng chân thật một môn thâm nhập trường kỳ huân tu, ông thành công. Cho nên người Trung Quốc gọi Khổng tử là “Chí Thánh Tiên Sư”, gọi Mạnh tử là “Á thánh”. Đây là trong lịch sử Trung Quốc người thứ nhất được lấy làm lão sư đã kiến lập cho chúng ta một tấm gương rất tốt.

Trong lịch sử Trung Quốc về sau tấm gương lấy người xưa làm thầy có thành tựu huy hoàng còn có Tư Mã Thiên của nhà Hán. Nhắc đến việc này không ai không biết. Thầy của Tư Mã Thiên là ai? Tả Khưu Minh, Tả Khưu Minh cùng một thời đại với Khổng Lão Phu Tử, vậy chúng ta liền biết được Tư Mã Thiên đã học bằng cách nào? Trước tác của Tả Khưu Minh là “Xuân Thu Tả Truyện”, ông học “Tả

Truyện”, đọc “Tả Truyện”, học “Tả Truyện”, học được rất giống, ông cũng thành tựu một bộ trước tác vĩ đại “Sử ký”. Lịch sử Trung Quốc bộ đầu tiên là do ông viết.

Ngoài ra lấy người xưa làm thầy còn có Hàn Dụ, ông là một trong tám đại gia Đường Tống, thật cừ khôi. Đường, Tống hai thời đại này có 8 nhà đại văn học được xếp hàng thứ nhất thì Hàn Dụ là một trong 8 vị này. Thầy của Hàn Dụ là ai? Tư Mã Thiên, Tư Mã Thiên là người từ thời nhà Hán. Chúng ta biết được Hàn Dụ đọc “Lễ Ký”, học “Lễ Ký”, học được rất giống, trở thành một đại văn hào.

Những thí dụ trên đều là nói với chúng ta, học một bộ sách, học với một thầy, bạn mới có thể có thành tựu, không được học tạp, không được học lộn xộn.

Ở trong nhà Phật, rõ ràng nhất là đại sư Ngẫu Ích của Tịnh Độ tông chúng ta. Đại sư Ngẫu Ích là tổ sư đời thứ 9 tông Tịnh Độ, thầy của ông là Đại sư Liên Trì, thế nhưng vào thời của Ngẫu Ích Đại sư thì Đại sư Liên Trì đã vãng sanh rồi. Ông đọc trước tác của đại sư Liên Trì, ông học được rất giống, học thành công. Liên Trì là tổ thứ 8 Tịnh Độ, ông là tổ thứ 9 Tịnh Độ.

Khi tôi ở Đài Trung học tập, lão sư Lý rất là

khiêm tốn, ông nói với năng lực của tôi thì ông chỉ có thể dạy tôi 5 năm, ông khuyên tôi học Đại sư Ấn Quang, học người xưa, đọc “Văn Sao” của Đại sư Ấn Quang, pháp sư Ấn Quang là thầy của ông. Đó là ông khiêm nhường, ông muốn tôi lấy thầy của ông làm thầy, nhận ông làm huynh trưởng, quan hệ của chúng tôi sẽ là bạn học, cái ý của ông là vậy. Đây là hiển lộ đức hạnh của ông.

Do đó tôi ở khắp mọi nơi đều khuyên bảo các đồng tu, tôi cũng giới thiệu cho các vị một vị thầy tốt, còn thù thắng hơn pháp sư Ấn Quang. Vị nào vậy? Vô Lượng Thọ Phật, A Di Đà Phật là thầy giáo tốt của chúng ta. A Di Đà Phật ở đâu vậy? Kinh Vô Lượng Thọ. Hiện tại Kinh Vô Lượng Thọ bày ra ngay trước mắt của các vị, bạn có thể cả đời y theo một bộ kinh này mà tu học thì bạn chính là học trò của A Di Đà Phật, không chỉ nghiệp chướng một đời này của bạn được tiêu trừ, mà từ vô lượng kiếp đến nay chủng tử nghiệp tập hàm chứa trong A Lại Da Thức, thấy đều có thể tiêu trừ, bạn ở ngay trong một đời này, quyết định được sanh Tịnh Độ. Khi bạn vừa phát tâm, mười phương tất cả chư Phật Như Lai tán thán bạn, tôn trọng bạn, bạn là đệ tử Di Đà. Cho nên các vị đồng tu nhất định phải biết trân trọng cái cơ duyên hy hữu khó gặp này. Chúng ta lạy lão sư, còn có vị lão sư nào tốt hơn vị lão sư này chứ? Trong kinh Thế Tôn tán thán đối với lão sư này: “*Quang*

trung cực tôn, Phật trung chi vương”, tán thán đến cùng tột. Bạn phải biết rằng tán thán của Thế Tôn chính là đại biểu cho mười phương ba đời tất cả chư Phật Như Lai tán thán đối với A Di Đà Phật, chúng ta còn không chịu tin tưởng hay sao? Còn có do dự gì chứ? Còn có gì để hoài nghi nữa sao?

Nếu như bạn không y giáo phụng hành, nhưng bạn vẫn là giả bộ như phục tùng thì tội nghiệp của bạn tạo sẽ cực sâu, không thể tha thứ. Tại vì sao vậy? Biết rõ mà cố phạm. Tôi thêm một bậc nữa, đó là nếu bạn chưa tiếp xúc qua pháp môn này, chưa hề nghe qua kinh điển này, chưa hề đọc qua kinh điển này, thì bạn tạo tác tất cả tội nghiệp còn có thể tha thứ. Còn nếu bạn ngày ngày ở nơi đây nghe kinh, ngày ngày ở Niệm Phật Đường niệm Phật, mà còn làm những việc mất mặt, thì tội nghiệp này của bạn cực trọng cực lớn, đọa vào địa ngục mà Địa Tạng Vương Bồ Tát cũng không cứu được bạn. Đây là thật không phải là giả. Bạn phải mau hồi đầu, việc này nhà Phật thường nói quay đầu là bờ, chỉ cần bạn chịu quay đầu thì bạn liền được cứu, còn không chịu quay đầu thì bạn hết cứu rồi. Chỗ này là nói ở ngay trong cuộc sống thường ngày của chúng ta, khởi tâm động niệm phải đúng pháp, phải tương ứng với lời giáo huấn trong kinh điển này của Phật. Cũng như Đại sư Thiện Đạo đã nói những gì “Kinh Vô Lượng Thọ” dạy chúng ta nên làm thì chúng ta phải chăm chỉ nỗ lực mà làm, còn

những gì Kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta không nên làm thì chúng ta không chỉ không nên làm, mà ngay đến cả ý niệm cũng không được khởi lên. Trong bộ kinh điển này có đầy đủ ba học Giới - Định - Huệ, ngày ngày phải đọc tụng, ngày ngày phải phản tỉnh, ngày ngày phải cải đổi. Đó gọi là chân niệm Phật.

Vậy thì làm thế nào tương ưng với “Định” học?

“Định” là tâm thanh tịnh, là tâm bình đẳng, ở ngay trong cuộc sống thường ngày, sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần bên ngoài chính mình phải có thể giữ chặt lấy tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng.

Trên Kinh Kim Cang Phật dạy chúng ta “*Bất thủ ư tướng, như như bất động*”, đó chính là định. “Bất thủ ư tướng” là không chấp tướng, không phải dạy chúng ta lìa bỏ những sự tướng này, nếu bạn hiểu vậy thì bạn sai rồi. “Không chấp” là gì vậy? Trong lòng không có phân biệt, chấp trước, đặc biệt là trong tâm không chấp trước, thì tâm của bạn liền thanh tịnh. Tâm không chấp trước thì không bị ô nhiễm, tâm địa của bạn thanh tịnh sáng suốt, đó là định học. Có thể nói rõ ràng hơn một chút, đó là bạn nhất định không bị cảnh giới bên ngoài mê hoặc, không bị cảnh giới bên ngoài dao động, đó gọi là định.

Chúng ta lấy đời sống thường ngày mà nói, đó là chúng ta giữ lấy đời sống đơn giản chất trực,

không bị hào hoa xa xỉ bên ngoài mê hoặc. Không phải chúng ta thoát ly với cái xã hội này mà chúng ta cũng thấy cũng nghe, thế nhưng quyết định không bị mê hoặc, mỗi ngày chúng ta trà thô cơm đạm, ngày tháng trải qua rất tốt, qua được rất thoải mái, đời sống rất đơn giản, mong cầu rất ít, chân thật làm đến được không cầu người, bạn nói xem tự tại dường nào. Đó chính là quyết định không bị cảnh giới bên ngoài mê hoặc.

Thế gian cám dỗ mê hoặc người quá nhiều. Đơn giản ngay trong đồ dùng thường ngày, điện khí dùng trong gia đình các vị, mỗi ngày mỗi mới, một hai tháng thì mẫu mã mới xuất hiện. Bạn vừa thấy thì động tâm: “Nhà kia có rồi mà mình chưa có, ta không bằng người”, phải mau đi mua cho bằng được, trong khi chính mình vốn dĩ đã có rồi, cái cũ thì vẫn chưa dùng hư, nhưng vì sĩ diện phải mau đi đổi. Vậy thì bạn chính là bị những xí nghiệp đó, bị những người thiết kế đó lừa rồi. Bạn hỏi ma ở đâu vậy? Những người đó đều là ma vương, bạn không thể trốn được ma chương của họ, khổ sở mà đi phục vụ cho những ma vương này, vì họ mà làm việc vất vả, bạn nói xem bạn đáng thương cỡ nào? Phục trang, thầy thiết kế cũng là ma, thiết kế ra một kiểu dáng mới, cái năm trước đã lạc hậu rồi, không thời trang nữa nên bạn liền e ngại không dám mặc, phải mau đi mua mẫu mới, bạn nói: *“Cũ rồi mặc vào bị người ta cười*

chết”. Tôi thường nói: “*Bị người ta cười có quan hệ gì chứ? Cười chết họ chết không phải ta chết, là họ chết*”. Cho nên bạn phải thông minh một chút, một bộ quần áo có thể mặc được 10 năm không thể hư, tôi nói xem bạn trải qua ngày tháng có khoẻ không, điện khí gia dụng trong nhà bạn cố gắng bảo dưỡng, tôi nghĩ có thể dùng được 10 năm. Nếu mọi người đều muốn dùng cái tư tưởng này của tôi trải qua ngày tháng thì những ma vương đó đành phải bó tay, họ không thể mê hoặc người nữa.

Cho nên chúng ta phải có trí tuệ, phải có định lực, quyết định không bị họ dao động, chúng ta trải qua ngày tháng của chính chúng ta, trải qua đời sống hạnh phúc mỹ mãn của chính chúng ta, không bị người ta lừa gạt. Việc này phải dựa vào sức định, tương ứng với định.

Làm thế nào tương ứng với Huệ?

“Huệ” là đối với tất cả pháp thế xuất thế gian, rõ ràng tường tận, thông suốt thấu đáo, đó là trí huệ. Không thể nói người ta vừa hỏi, hỏi thứ gì cũng đều không biết, vậy thì không được. Phải mọi thứ đều thông đạt, mọi thứ đều tường tận, mọi thứ không chấp trước, đây mới là trí huệ chân thật.

Người giác ngộ, người học Phật, sống ở ngay trong Giới - Định - Huệ. Đời sống của họ chính là

tam học Giới - Định - Huệ. Nếu ngược lại mà xem, chúng sanh rất đáng thương, chúng sanh sống ở ngay trong phiền não Tham - Sân - Si, cho nên Phật gọi là “Kẻ đáng thương”. Bồ Tát có thể đem “San tham” chuyển biến thành “Giới học”, có thể đem “Sân hận” chuyển biến thành “Định học”, có thể đem “Ngu si” chuyển biến thành “Huệ học”. Chuyển biến chỉ ở ngay một niệm, cho nên chúng sanh cùng Phật nói rõ ra với các vị, chính là chỉ khác nhau ở ngay một niệm. Ban một niệm chuyển đổi lại, chúng sanh thành Phật, một niệm mê hoặc là chúng sanh, Phật cùng chúng sanh khác biệt chỗ nào vậy? Chỉ ở một niệm giác và mê. Phật Bồ Tát khổ tâm giáo huấn đối với chúng ta, cũng không ngoài việc dạy chúng ta giác ngộ, giác ngộ rồi chính là Phật Bồ Tát, mê rồi chính là phàm phu.

Định huệ sâu rộng vô tận, chúng ta quyết định không thể mới có được chút định nhỏ, mới có được chút công phu thì liền tự cho là đầy đủ, vậy thì sai lầm rồi. Bạn phải không ngừng đem cảnh giới của chính mình nâng lên cao, mỗi ngày phải chăm chỉ nỗ lực dụng công, mỗi giờ mỗi phút, mỗi nơi mỗi chốn, tất cả người, tất cả việc, tất cả vật, đều là nơi chốn chúng ta học tập, đều là nơi chúng ta dụng công.

Đây là phía trước từng nói qua về đạo tràng với các vị đồng tu là trên “Kinh Hoa Nghiêm” đã nói qua đạo tràng Bồ Tát Duy Ma đã nói.

Chúng ta phải có thể thể hội được cái tầng ý nghĩa này, sau đó mới có thể thành tựu “Minh - Hạnh - Túc”. “Túc” là đạt đến viên mãn, cứu cánh viên mãn. Ý nghĩa câu này thật tế mà nói sâu rộng vô tận, chúng ta bởi vì giới hạn của thời gian cũng chỉ có thể đơn giản giới thiệu qua với các vị đến chỗ này.

Đức hiệu thứ 5: “Thiện Thệ”

“Thiện” là ý nghĩa tốt đẹp, thiện hảo ; “Thệ” là ý nghĩa đi qua. Nếu như danh từ này đơn giản mà nói là “dễ đi”. Câu nói này rất đơn giản, dường như cũng rất dễ dàng hiểu, dễ đi, bạn đi đến nơi nào vậy? Tho thiên mà nói, con người đều phải chết, có người nào không chết. Chúng ta không nên sợ chết. Ngày trước có người nói với tôi:

- Sanh tử sự đại.

Tôi nói với họ:

- Việc sanh tử không lớn, không có gì đáng ngại.

Họ nghe rồi cũng rất kinh ngạc, tôi nói với họ:

- Tử sanh mới là việc lớn.

Họ cũng ngẩn ra:

- Chết là sao?

Tôi nói:

- Sau khi chết rồi đi về đâu? Việc này mới là việc lớn.

Trong Phật pháp nói với chúng ta sau khi chết rồi, trước mặt chúng ta bày ra mười con đường, mười pháp giới, bạn đi đến một pháp giới nào? Sự chọn lựa này là việc lớn. Thế nhưng các vị phải nên biết không phải lúc bạn lâm chung mới chọn lựa, lúc lâm chung thì không còn kịp nữa. Hiện tại bạn phải mau giác ngộ, hiện tại thì phải biết chọn lựa. Đặc biệt là chúng ta sống trong thời đại này, thời đại này trong Phật kinh gọi là “Đời ác năm trược”, hơn nữa còn trược ác đến cùng tột, vậy bạn có thể không cảnh giác sao? Nếu còn mê muội không cảm giác, vậy thì thật đáng lo. Sau khi chết rồi, rất ít người thoát khỏi ba đường ác, bạn nói xem sự việc này có to lớn không?

Cái thế gian này rất nhiều quốc gia, thậm chí còn rất nhiều lời tiên đoán cổ xưa từ những khu vực, bao gồm cả Trung Quốc chúng ta, đặc biệt là Ki Tô giáo nói tai nạn của thế gian này vào năm 1999 là ngày tàn của thế giới. Năm 1999 là năm tới rồi, Thượng đế phải tính hết sổ với người thế gian này, phán xét sau cùng. Chúng ta nghe những lời nói này không tin tưởng, không cho rằng đó là thật. Nếu như

là thật thì phải làm sao? Đương nhiên có rất ít người tin tưởng sự việc này là thật, số người cực ít, đại đa số là không tin. Không những họ không tin đối với lời tiên đoán này, mà ngay đến Thượng đế họ cũng không tin.

Thế nhưng cổ thánh tiên hiền Trung Quốc chúng ta dạy bảo chúng ta hãy quan sát xã hội, quan sát tư tưởng, kiến giải, hành vi của con người, thì bạn liền có thể xem thấy được thế gian này “trị” hay “loạn”. Nếu như lòng người thế gian này hướng thiện, đó là trị thế, thiên hạ thái bình; Nếu như lòng người hiểm ác, đều tạo Tham - Sân - Si, đều tạo ra mười ác nghiệp, vậy thì nhất định có rất nhiều tai nạn lớn. Cho nên chúng ta phải xem qua xã hội hiện tại là như thế nào.

Tôi ở trong hai mươi mấy năm qua thường hay qua lại rất nhiều quốc gia khu vực trên thế giới. Tôi đã nhìn thấy được ngũ nghịch, thập ác mỗi năm thêm nhiều, không hề giảm nhẹ, ngay đến tạm dừng cũng không thấy, năm sau tăng hơn năm trước, vậy còn có cái gì đáng lo bằng hay không? Cho nên chúng ta đặc biệt là người học Phật, chết không sợ, người học Phật quyết không sợ chết, nhưng sau khi chết rồi đi đến nơi đâu? Đây là vấn đề quan trọng nhất ngay trước mắt chúng ta. Con người sống ở thế gian này rất là ngắn ngủi. Tôi nghĩ lại lúc tôi còn trẻ, những việc lúc

tôi 6-7 tuổi, tôi đều nhớ được rất rõ ràng. Tôi sanh ra ở nông thôn, nghĩ tình hình vào lúc đó cũng giống như là sự việc của ngày hôm qua vậy, 100 năm như khảy móng tay, tôi có thể hội, tôi có cái cảnh giác này.

Chúng ta ở ngay trong cuộc sống này, thật giống như trong kinh đã nói “*Nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên*”, đó là được thân người, nghe Phật pháp. Nhất là ngay trong nghe Phật pháp thì thù thắng thứ nhất là pháp môn Tịnh Độ thù thắng không gì bằng. Vì sao? Pháp môn này vạn người tu, vạn người vãng sanh, một chút cũng không giả. Nếu để bạn có thể chân thật thành tựu thì kinh điển không cần nói nhiều, chỉ cần một bộ kinh Vô Lượng Thọ này. Bộ “Kinh Vô Lượng Thọ” này bạn không thể không thấu triệt, không thể không tường tận, sau đó y theo lý luận phương pháp cảnh giới trong kinh điển này mà tu hành thì ngay trong đời này của bạn nhất định thành Phật, đó mới gọi là “Thiện Thệ”. Thiện Thệ là đi thành Phật. Nếu như bạn không thể thành Phật, vậy thì không được xem là thiện thệ. Đây là từ trên sự mà nói.

Lại từ trên lý mà nói, xin nói với các vị “Thệ” chính là “Vô trụ”, “Thiện” chính là sanh tâm.

“Thệ” là “Vô trụ”.

Chúng ta dùng hai câu nói trên Kinh Kim Cang để nói “*Ung vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*”⁵, cũng là ý nghĩa của Thiện Thệ. Vô trụ, tại vì sao dạy bạn vô trụ, bởi vì tất cả pháp đều không phải là chân thật. Tâm của bạn phải trụ vào bất kể pháp nào, thì sai rồi, tâm có thể cũng là giả. Kinh Kim Cang nói với chúng ta “*Tâm quá khứ không thể được, tâm vị lai không thể được*”⁶, bạn có thể trụ vào cái tâm đó không? Không thể được. Thế xuất thế gian tất cả pháp đều là do duyên sanh, phạm ẽ do nhân duyên sanh thì đều không có tự thể.

Cho nên Phật nói: “*Ngay thể là không thì không thể có được*”⁷. Phật sợ chúng ta thể hội không được cái ý nghĩa này, còn đặc biệt nêu ra thí dụ nói với chúng ta “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh*”⁸, đây là thật không phải là giả. Hiện tại khoa học kỹ thuật phát triển, máy chụp hình rất tiện lợi, gần như mỗi một người đều có máy chụp hình, đại đa số mọi người đều có. Các vị chơi máy chụp hình có ngộ ra gì không? Khi các vị chụp hình là chụp lấy tướng, ấn xuống thì chẳng phải là dính tướng rồi hay sao? Tôi cũng biết chụp hình, kinh nghiệm chụp hình của tôi rất phong phú, đã chụp mấy mươi năm, tôi không giống như các vị, khi tôi ấn xuống đóng mở ống kính máy, tôi liền biết được đó chính là sanh diệt. Hiện tượng của sanh diệt chỉ là một sát na, một sát na đó đi qua, vĩnh viễn sẽ không

có cái sát na đó nữa, sát na đó không giống như sát na trước, không hề có. Cho nên cảm thọ của tôi hoàn toàn khác với các vị, đây chính là trên “Kinh Kim Cang” đã nói: “*Như lộ diệt như điện*”⁹, điện là ánh chớp. “Kinh Hoa Nghiêm” đã nói “Sát Na tế”, đó chính là chân tướng của vũ trụ nhân sanh. Chúng ta ở trong cái hiện tượng này có thể thể hội được đó là nói rõ cái gì? Nói rõ chân tướng sự thật không tồn tại. Cho nên Phật gọi nó là “Mộng huyễn bào ảnh”, một chút cũng không sai. Đây là nói rõ tất cả các pháp “*Bất khả đắc*”¹⁰, “*Vạn pháp giai không*”¹¹, cái tâm năng đắc bất khả đắc, cái pháp bạn có được cũng bất khả đắc. Vậy tâm của bạn làm sao có thể trụ được chỗ nào? Cái trụ này chính là ý nghĩa của sự vương giả, trong tâm của bạn nhớ nghĩ, bạn phải biết đó là giả, không phải là thật. Cho nên Phật nói ra cái chân tướng này, dạy chúng ta “*Không nên có chỗ trụ*”, khi nào không có chỗ trụ chân tâm liền hiện tiền, còn chỉ cần bạn có chỗ trụ, thì cái tâm trụ đó chính là vọng tâm, không phải chân tâm.

Cách nói này của tôi các vị có thể nghe hiểu không? Nếu như bạn còn không hiểu thì tôi sẽ nói rõ với bạn hơn một chút. Mỗi ngày trong lòng bạn vương giả, niệm niệm đều không thể quên đi, vậy chính là tâm của bạn có chỗ trụ. Người bạn nghĩ tưởng đến, người già luôn nghĩ đến con cháu, cái tâm đó của bạn dính ở nơi con cháu, người trẻ một ngày

từ sớm đến tối nghĩ đến tiền, tâm của bạn dính chặt vào tiền, thật đáng thương, không biết được rằng năng trụ sở trụ đều là một mảng không, bạn xem bạn ngày ngày bận rộn là gì? Sau khi giác ngộ rồi thì không còn, không để ở trong lòng. “Sự” thì có hay không? Sự thì có. Tuyệt đối không thể nói bạn chứng được “Vô trụ” rồi thì bạn không còn quan tâm đến con cháu nữa, không còn quản chúng nữa, vậy thì bạn hoàn toàn sai lầm. Bạn vẫn là thương chúng, vẫn là quan tâm chúng, vẫn là chăm lo chúng, nhưng mà không để trong lòng, trong lòng thanh tịnh bình đẳng, vậy thì đúng. Đó gọi là gì vậy? “*Lý sự vô ngại, sự sự vô ngại*”¹², không có chướng ngại. Còn nếu như tâm của bạn có trụ thì có chướng ngại, tâm vô trụ thì không có chướng ngại.

Cho nên “Kinh Hoa Nghiêm” là pháp giới không chướng ngại. Pháp giới không chướng ngại gọi là pháp giới nhất chân, mười pháp giới là có chướng ngại, pháp giới nhất chân không chướng ngại, đây là ý nghĩa của “Thệ”.

“Thiện” là “Sanh tâm”.

“Vô trụ” cùng “Sanh tâm” là một sự việc, không phải là hai việc. Sanh tâm gì vậy? Sanh tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi, sanh cái tâm này. Cái tâm này sanh thì tự thọ dụng chính là chứng được Báo thân Phật,

tha thọ dụng chính là tùy loại hóa thân, tùy cơ nói pháp, đó gọi là sanh tâm. Tuy sanh tâm họ tương ưng với vô trụ, tuy vô trụ họ tương ưng với sanh tâm, cho nên vô trụ cùng sanh tâm là một sự việc, không phải là hai sự việc, đây chính là Phật Bồ Tát.

Phàm phu chúng ta là như thế nào vậy? Phàm phu sanh tâm, họ có trụ, vậy thì không giống như Phật Bồ Tát, Phật Bồ Tát sanh tâm vô trụ. Khi vừa có trụ, sanh tâm liền không tốt, thì không phải là thiện, sanh ra cái tâm gì vậy? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sanh ra cái tâm này.

Phật, Bồ Tát sanh ra cái tâm là tâm Giới - Định - Huệ, phàm phu sanh tâm là phiền não, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sanh ra cái tâm này. Vấn đề then chốt chính là một cái có trụ, một cái không có trụ. Tâm không trụ là chân tâm, chân tâm khởi dụng, chân tâm biến pháp giới nhất chân. Tâm có trụ là vọng tâm, vọng tâm biến ra sáu cõi luân hồi. Hai cái này thọ dụng hoàn toàn không tương ưng.

Nếu bạn hiểu được rõ ràng đạo lý này rồi thì bạn ở ngay trong cuộc sống thường ngày liền được tự tại. Ngay trong cuộc sống thường ngày bạn có thể thọ dụng, không nên chiếm hữu, không nên chấp trước, thì bạn có thể thọ dụng, vậy bạn chính là Thiện thế. Bạn ở ngay trong thọ dụng còn có thể lợi ích tất cả chúng sanh thì bạn là Bồ Tát. Còn như chính mình

chỉ có thọ dụng và không hề chấp trước, nhưng cũng không tích cực đi giúp đỡ tất cả chúng sanh, vậy bạn là Tiểu Thừa La Hán, Bích Chi Phật. Đại thừa Tiểu thừa giới hạn chính ngay chỗ này.

Phật Bồ Tát xả mình vì người. Việc xả mình vì người là chúng ta nói, còn trên thực tế ở trong cảnh giới đó của các Ngài không có cái ý niệm ta và người thì làm gì có xả mình vì người gì đó? Ý niệm cũng không có, vậy thì đây cũng là trên Kinh Kim Cang Phật đã nói “Bồ Tát lìa ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tu tất cả thiện pháp”. Vẫn là vô trụ sanh tâm. Lìa ngã tướng, lìa nhân tướng, lìa chúng sanh tướng, lìa thọ giả tướng, thấy đều lìa khỏi hết, thì chính là vô trụ. Tu tất cả thiện pháp, chính là sanh tâm.

Phàm phu chúng ta tu tất cả thiện pháp, nhưng vẫn có ngã, có nhân, có chúng sanh, có thọ giả, vậy thì có trụ. Bạn đem những thứ này làm cho rõ ràng làm cho tường tận rồi, sau đó bạn liền biết được làm thế nào học Phật.

Muốn học Phật thì “*Vô trụ sanh tâm*”, người học Phật phải “*Lìa bốn tướng, tu tất cả thiện pháp*”, đó mới gọi là tích công bồi đức, vô lượng công đức. Nếu như bạn không thể lìa bốn tướng nhưng bạn tu tất cả thiện pháp, thì đó là phước báo hữu lậu thế gian, bạn tu phước đó không phải là tu công đức, tu

công đức nhất định phải lia bốn tướng.

Mặc dù sự việc này rất khó giảng, tôi cảm thấy tôi đã giảng được rất rõ ràng, nhưng xem thấy biểu hiện của các vị, dường như chưa nghe được tường tận, thực tế mà nói là rất khó hiểu, rất không dễ dàng thể hội. Thế nhưng nếu không hiểu cho tường tận, hiểu cho thông suốt, thì chúng ta không cách gì thực tiễn ngay trong đời sống. Nếu không thể thực tiễn ngay trong đời sống thường ngày của bạn thì kinh này của chúng ta đã giảng uổng công. Tại sao vậy? Không có được thọ dụng! Then chốt là chúng ta phải đem từng câu từng chữ, đều phải biến thành đời sống thực tế của chính mình thì Phật pháp mới trở thành một loại có hữu dụng, học rồi thật có ích, chân thật có chỗ tốt, chân thật có lợi ích, cái điểm này rất quan trọng. Cho nên chúng ta quyết không chú trọng “Đàm huyền nói diệu” vì như vậy thì không ý nghĩa gì.

Chúng ta phải làm thế nào học tập?

“Thiện thế” là phương pháp tu học đơn giản nhất, chính là niệm niệm không nên nghĩ chính mình, niệm niệm vì chúng sanh. Hiện tại chúng sanh khổ, làm thế nào giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn này? Các vị nhất định phải nên biết, giúp đỡ chúng sanh khổ nạn không phải nói chúng sanh không có ăn, chúng ta vội vàng đưa chút đồ ăn đến cho họ, chúng sanh không có đồ mặc, vội vàng đưa quần áo đến cho

họ mặc. Những việc này thông thường trong xã hội gọi là từ thiện cứu tế. Loại cứu tế này có giải quyết được vấn đề hay không? Không thể giải quyết được vấn đề, Thích Ca Mâu Ni Phật cả đời có làm qua việc này không? Không hề làm qua, chúng ta không hề xem thấy trong kinh điển nói Thích Ca Mâu Ni Phật vào lúc nào đó đi cứu tế? Không hề xem thấy! Vì sao không hề xem thấy? Thích Ca Mâu Ni Phật mỗi ngày chỉ xin một bát cơm để chính mình ăn vừa đủ, làm gì có dư để cho người? Như vậy có thể thấy được Thích Ca Mâu Ni Phật cả đời không làm qua những việc này. Thế nhưng Ngài có làm sự nghiệp từ thiện cứu tế hay không? Ngài làm, Ngài làm được viên mãn, làm được triệt để, làm được cứu cánh, đó là giúp đỡ chúng sanh phá mê khai ngộ, đó mới chân thật cứu tế. Ngài xem thấy người khổ nạn, người không có cơm ăn, không có quần áo mặc, Ngài nói với họ nguyên nhân vì sao mà bạn không có cơm ăn, vì sao mà không có quần áo mặc, vì sao mà bị tai nạn? Đem đạo lý giảng cho họ nghe rõ ràng, nhân trước quả sau nói cho họ nghe tường tận, họ chính mình giác ngộ rồi, họ chính mình quay đầu, vừa quay đầu thì họ được phước báo, đó là chân thật cứu tế, đó là từ bi cứu giúp chân thật.

Mọi người khác có thể không hiểu, nhưng chúng ta học Phật đối với tầng đạo lý chân tướng sự thật này không thể nào xem thường, nhất định phải tỉ

mỉ thể hội. Cho nên Phật cứu chúng sanh là giúp chúng sanh phá mê khai ngộ. Phật nói với chúng ta: Khổ nạn của chúng ta từ do đâu mà có? Do mê mà có! Bởi vì bạn mê hoặc bạn mới tạo ác nghiệp, bởi vì bạn tạo ác nghiệp nên bạn mới thọ ác báo. Nguyên nhân căn bản ở mê hoặc; Tất cả phước đức an lạc từ do đâu mà có? Từ giác ngộ mà có!

Cho nên Phật cứu hộ đời với tất cả chúng sanh là từ nơi căn bản mà làm. Bạn giác ngộ rồi, bạn muốn có bất cứ phước báo gì đều không khó, vì bạn đã biết rõ lý luận, hiểu được phương pháp, y theo phương pháp mà tu học. Nhân thiện được quả thiện, chỉ cần bạn chịu làm, một phần cày bừa tự nhiên có một phần thu hoạch, nhân duyên quả báo không sót mảy trần. Còn nhờ người khác cứu giúp không phải là biện pháp, không thể giải quyết vấn đề, nhờ người khác bố thí cúng dường, tương lai về sau còn phải trả nợ, làm gì có chuyện ăn không, không hề có.

Người xuất gia tiếp nhận cúng dường của bốn chúng đồng tu, trong Phật pháp thường nói: “Một hạt gạo của thí chủ, nặng như núi Tu Di, đời nay không liểu đạo, mang lông đội sừng để trả”, vẫn là phải đền trả, cơm này không dễ ăn. Cho nên vẫn là chính mình cày bừa thì tương đối thuận tiện. Nghiệp nhân quả báo trong đây sâu rộng vô ngần, tình huống sự thật rộng lớn vô biên, nếu như không phải Phật nói cho chúng ta nghe, ngay trong một đời này của chúng ta

nhất định không nghĩ ra được. Cho nên ân đức của Phật đối với chúng ta, cha mẹ cũng không thể sánh được với Phật, vì sao? Ân đức của cha mẹ chỉ là một đời một kiếp, sinh mạng của chúng ta có được nhờ cha mẹ, còn ân đức của Phật là đời đời kiếp kiếp, vĩnh viễn không có bờ mé. Ai biết được? Người giác ngộ biết được! Cho nên phải tri ân báo ân. Làm thế nào báo ân Phật? Chỉ có y giáo phụng hành, đó mới là chân thật báo ân Phật, có thể tin, có thể hiểu, có thể hành, có thể chứng đối với kinh điển.

Cái gì gọi là chứng? Dem đạo lý phương pháp mà Phật đã nói trong kinh điển hoàn toàn ứng dụng ngay trong đời sống, bạn ở ngay trong đời sống đạt được chứng minh, chính là chứng quả.

Thí dụ Phật nói với chúng ta: Bồ thí tài được tiền của, bạn hiểu rõ được cái đạo lý này, biết được phương pháp này, bạn tu bồ thí tài, quả nhiên phát tài được tiền của, đó gọi là chứng, nếu bạn không phát được tài, thì là bạn chưa chứng; Bồ thí pháp được thông minh trí tuệ, bồ thí vô úy được khoẻ mạnh sống lâu, có lý luận, có phương pháp, có chân tướng sự thật, chúng ta ở ngay trong cuộc sống thường ngày, đích thực là có thể đạt được, đó gọi là chứng. Các pháp mà Phật nói ra vô lượng vô biên, mỗi thứ mỗi thứ chúng ta đều đem nó chứng thực, đều đem nó chứng minh, đó gọi là chứng quả. Thế nên Phật nói

với chúng ta đều là nói ra những cương lĩnh, nguyên lý, nguyên tắc. Chúng ta phải sâu sắc mà thể hội, đem những nguyên lý nguyên tắc này ứng dụng ngay trong cuộc sống, ứng dụng ở trong công việc, ứng dụng ở trong đối nhân xử thế tiếp vật. Không có pháp nào không tương ưng, không có việc nào không tương ưng, vậy thì bạn hoàn toàn sống ngay trong Phật pháp.

Phật pháp là giác pháp, sống ở trong giác ngộ, cũng sống ở trong trí tuệ viên mãn, đó gọi là học Phật, đó gọi là tu hành chứng quả. Tu hành chứng quả chính là việc như vậy thôi, ở trong đây quyết không phải là hư huyền, quyết không luống không, quyết không phải là cao không với tới, sâu không thể dò được, không phải vậy, mà đều là ở ngay trong cuộc sống thường ngày, nói rõ đều là việc thường ngày trong nhà, làm gì có chút nào kỳ lạ đâu?

Hôm nay thời gian hết rồi, chúng ta giảng đến chỗ này thôi. A Di Đà Phật!

(VCD 063)

Đức hiệu thứ 6: “Thế gian giải”

Chữ “Thế gian” ở chỗ này: “Thế” vốn dĩ là nói thời gian. Trung Quốc thời xưa 30 năm gọi một đời, cho nên cái “thế” này có 3 cái mươi, biểu thị cái ý này, đó là nói thời gian ; “Gian” là nói không gian, có lúc cũng gọi là thế giới. “Giới” là giới hạn cùng ý nghĩa của “Gian” là như nhau.

Ngay chỗ này nói “Thế gian” không chỉ là chỉ có “Hữu tình thế gian” chúng ta, mà thông thường là chỉ loại chúng sanh.

Loại thứ nhất gọi là “Hữu tình thế gian”.

Là nói chúng sanh có tình thức trong sáu cõi, dùng lời hiện đại mà nói chính là động vật;

Loại thứ hai gọi là “Khí thế gian”.

Khí thế gian là thực vật, khoáng vật, cho đến vô số hiện tượng của đại tự nhiên, là hoàn cảnh đời sống của chúng ta.

Loại thứ ba gọi là “Trí chánh giác thế gian”.

Trí tuệ, chánh giác thế gian, thông thường chỉ

Thanh văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, đều bao gồm trong loại này. “Thế gian giác”.

“*Giải*” là ý nghĩa thông suốt. Hay nói cách khác họ đối với cả thầy vũ trụ nhân sanh họ đều có thể thông đạt tường tận mới có được cái đức hiệu này, cũng gọi là toàn tri toàn năng mà thông thường như trong các tôn giáo nói, không gì không biết, không gì không thể.

Khoa học gia cận đại, phương hướng nghiên cứu của họ đi đến hai cực: Một loại là cực lớn, vô cùng lớn, đó là nghiên cứu thái không vật lý; Ngoài ra một loại nghiên cứu vô cùng nhỏ, gọi là lượng tử lực tử, nghiên cứu nguyên tử, điện tử, hạt tử. Đó là khoa học kỹ thuật hướng đến hai cực để phát triển.

Phật tường tận đối với tất cả, không thứ nào không tường tận, trong khi trên thực tế cái mà nhà khoa học biết là rất có hạn. Chúng ta đọc được ở trong “Kinh Hoa Nghiêm”, Thiện Tài Đồng tử vào trong lỗ chân lông Bồ Tát Phổ Hiền, lỗ chân lông là rất nhỏ, Thiện Tài Đồng tử vào trong lỗ chân lông Bồ Tát Phổ Hiền, kỳ thật lỗ chân lông của Bồ Tát Phổ Hiền cùng lỗ chân lông của chúng ta không hề khác nhau, việc này cần phải nên biết. Thiện Tài, Ngài ở trong đó quan sát được, vô lượng vô biên công đức tạng. Các vị phải nên biết, Bồ Tát như vậy, chúng

sanh cũng là như vậy, chúng ta cũng là như vậy. Nhưng cái cảnh giới này nhà khoa học không cách gì chứng đắc, họ chỉ có thể xem thấy biểu thị bên ngoài cực kỳ vi tế của hạt tử, họ không thể hiểu rõ nội hàm của nó. Cho nên nếu như chúng ta dùng lời của Âu Dương Cảnh Vô để nói thì không luận hai phương diện này từ lớn từ nhỏ mà nghiên cứu, khoa học gia đều không đạt được kết quả chân thật.

Có thể thấy được trí tuệ viên mãn, đức năng chân thật là trong tự tánh chúng ta vốn dĩ đầy đủ. Hay nói cách khác, chúng ta vốn dĩ không gì không biết, không gì không thể, nhưng hiện tại tại vì sao thành ra đáng thương như thế này? Biến thành không biết thứ gì, không thể được thứ gì, hơn nữa vẫn còn không biết hồ thẹn. Đại sư Hoằng Nhất đã từng nói qua hai câu nói “Hồ thẹn”. Đó là đến ông lúc cuối đời làm một tông kiểm thảo, tông phản tỉnh, ngay trong một đời này, ông nói “*Nhất sự vô thành, nhân tiêm lão*”, nghĩa là ngay trong một đời này chưa thành tựu được một việc nào thì người đã già rồi. Ông lại nói một câu “*Nhất văn bất trực hà tiêu thuyết*”, đó là phê bình giá trị ngay trong một đời của chính mình, không đáng một xu. Vậy thì còn có gì để đáng nói nữa hay không? Hàm nghĩa của 2 câu này rất sâu, nếu chúng ta từ cạn mà nhìn là Đại sư Ngài phản tỉnh giác ngộ, cũng là nhắc nhở chúng ta cảnh giác. Còn từ chỗ sâu mà nói thực tế mà nói là cùng tương ưng với lý “*Nhị*

không”. Chính là trên “Kinh Bát Nhã” nói với chúng ta “Tam tâm bất khả đắc, chư pháp vô sở hữu”¹³. Chúng ta tỉ mỉ từ chỗ sâu mà thể hội mới có thể có chút thể hội ý cảnh của lão pháp sư.

Hiểu rõ cái chân tướng sự thật này chúng ta cần phải nỗ lực phản tỉnh, tỉ mỉ mà suy ngẫm, chúng ta ở ngay trong một đời này, ngày tháng này phải nên làm thế nào để đột phá, làm thế nào để vượt qua, làm thế nào để đời này qua được có ý nghĩa, có giá trị? Ở trên kinh Phật thường hay khuyên chúng ta tích công bồi đức, đó là người giác ngộ, sống có ý nghĩa có giá trị. Bạn ở ngay trong cảnh giới “Bất khả đắc”, “Vô sở hữu”, có thể tích lũy được công đức, nhưng cũng có thể tích lũy tội nghiệp. Một niệm giác thì bạn tích lũy là công đức, một niệm mê thì bạn tích lũy tội nghiệp. Tích lũy công đức quả báo ở ba đường thiện, còn tích lũy tội nghiệp quả báo ở ba đường ác. Ba đường thiện cùng ba đường ác cũng là không vô sở hữu, cũng là liễu bất khả đắc, chẳng qua là tướng có lý không. Cho nên nếu bạn muốn hỏi hoàn cảnh hiện tiền của chúng ta là có hay là không? Nếu như bạn cho rằng có thì tất cả đều có, nếu bạn cho là không thì vạn pháp đều không. Thế nhưng bạn phải biết được chân tướng, “Không” cùng “Có” là một, không phải là hai. Cho nên trên “Tâm Kinh” đã nói: “*Sắc tức thị không, không tức thị sắc, sắc bất dị không, không bất dị sắc*”¹⁴, đây mới nói rõ chân tướng sự thật.

Nếu như bạn tích lũy là tội nghiệp, bạn nhất định chịu khổ báo của ba đường, cái khổ báo này cũng giống như trong giấc mộng vậy, giống như bạn nằm thấy ác mộng, như bạn đang chịu khổ não cực hình ở trong mộng, khiếp sợ cực lớn, bạn giật mình tỉnh giấc sợ đến toàn thân ướt đẫm mồ hôi. Nhưng thời gian nằm mộng này ngắn còn nếu như bạn phải đọa vào ba đường, thời gian đó rất dài. Trên “Kinh Địa Tạng” đã nói “Vô số kiếp” bạn phải chịu dày vò của khổ nạn, đó là do bạn một niệm bất thiện. Bạn ở ngay trong đời sống thường ngày tích lũy tội nghiệp, người như vậy, chính là kẻ đáng thương mà chúng ta thường đọc thấy trên kinh điển Thế Tôn gọi người như vậy là kẻ đáng thương.

Còn người giác ngộ, họ sẽ biết vận dụng cơ duyên, đoạn tất cả ác, tu tất cả thiện, có thể đem cảnh giới của chính mình không ngừng nâng lên cao, ở trên kinh Phật tán thán đối với họ, họ nhận quả báo thiện, hơn nữa quả báo này càng ngày càng thù thắng, càng ngày càng không thể nghĩ bàn, từ phước báo của trời người, nâng lên đến tứ thánh trong mười pháp giới, rồi tiếp tục nâng lên đến cùng chư Phật Bồ Tát không hề khác biệt. Những việc này đều ở ngay khoảng một niệm hiện tiền, vấn đề là ở chính mình có biết hay không.

Vậy nếu bạn muốn hỏi: “Tôi hiện tại thật không

biết thì phải làm sao? Tôi rất muốn học nhưng lại không biết?” Chỉ cần bạn có một cái tâm chân thành, tâm khẩn thiết muốn cầu thì bạn liền có thể được độ. Đây chính là nhà Phật đã nói “*Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân*”, bạn quyết định có thể được độ. Vậy bạn phải nên học bằng cách nào? “Y giáo phụng hành”, bạn liền có thể thành tựu. Y theo giáo huấn mà trên kinh điển Phật đã dạy, chăm chỉ nỗ lực mà làm, liền có thể được quả báo thù thắng, dần dần, dần dần đối với tất cả sự lý nhân quả thế gian, từ từ liền sẽ tường tận. Việc này ở trong Phật pháp gọi là “Tiệm ngộ”.

“Ngộ” có “Tiệm ngộ”, có “Đốn ngộ”. Đốn ngộ khó, còn tiệm ngộ mỗi một người chúng ta đều có thể làm đến được, đó chính là giải hành có thể tương ưng, giải giúp cho bạn hành, hành giúp cho bạn giải, mãi đến cứu cánh viên mãn. Viên mãn mới gọi là “Thế gian giải”. Đức hiệu phía sau “Vô thượng sĩ”.

Đức hiệu thứ 7: “Vô thượng sĩ”

“Sĩ” là người đi học. Nếu dùng lời hiện tại để nói chính là phần tử tri thức. Ở xã hội Trung Quốc thời xưa địa vị này rất cao, được xã hội đại chúng tôn kính. Xã hội Trung Quốc thời xưa có Sĩ, Nông, Công, Thương khác biệt. Ở Ấn Độ có Sát Đế Lợi, Bà La Môn, Phệ Xá, Thủ Đà La. Thế nhưng Trung Quốc đối

với quan niệm giai cấp, không hề chấp trước sâu dày như Ấn Độ, cho nên Phật pháp Đại thừa đến Trung Quốc rất dễ dàng được người Trung Quốc tiếp nhận, người Trung Quốc có thể lý giải với mối quan hệ này.

Thích Ca Mâu Ni Phật và học trò của Ngài có thể nói mỗi mỗi đều là có phẩm đức cao thượng. Thế nhưng đời sống của họ rất đơn giản, đối với đời sống vật chất, đối với danh vọng lợi dưỡng của thế gian, họ hoàn toàn xả bỏ hết, thực hành chế độ khát thực, ôm bát xin ăn. Nhưng họ không phải là ăn xin thông thường, mà họ là người có học vấn, có đạo hạnh, cho nên gọi họ là “Khất sĩ”. Trí tuệ cao hơn trong phần tử tri thức, đức hạnh rộng, không có người nào có thể siêu vượt hơn Phật đà, cho nên chúng ta tôn xưng đối với Phật Đà gọi là “Vô Thượng Sĩ”, cũng chính là nếu dùng lời hiện tại mà nói là phần tử tri thức không thể vượt qua được họ, trong phần tử tri thức họ là trí cao vô thượng.

Phật Đà có cảm thấy kiêu ngạo hay không? Không có! Tại gì sao không có? Phật thấy tất cả chúng sanh trí tuệ đức năng không hề khác với Ngài, Ngài xưng là Vô Thượng Sĩ, thực tế tất cả chúng sanh nếu từ nơi tự tánh mà nói có ai không phải là Vô Thượng Sĩ chứ? Điều là vậy. Nhưng ngày nay đức hiệu này của chúng ta mất hết. Vì sao? Chân thật bởi vì chúng ta có 2 loại phiền não nên chướng ngại.

Phiền não chướng ngại giác tánh của chúng ta; Ngoài phiền não chướng còn có một Sở tri chướng. Đại Niết Bàn, Đại Bồ đề vốn đủ trong tự tánh của chúng ta nhưng liền bị 2 loại này chướng ngại mất. Phật nói với chúng ta 2 loại chướng ngại này không phải là thật, là hư vọng, chỉ cần đem 2 loại chướng ngại này buông bỏ thì trí tuệ đức năng trong tự tánh của chúng ta liền hiện tiền, thế là đức hiệu “Vô thượng sĩ” của chúng ta cũng tự nhiên liền đầy đủ. Những thứ này đều phải nhờ vào sự chăm chỉ nỗ lực đoạn phiền não ngay hiện tiền của chúng ta.

Đoạn phiền não cũng chính là đoạn ác tu thiện. Mục đích của đoạn ác tu thiện là hồi phục tánh đức của tự tánh chúng ta. Mười hiệu trên quả địa Như Lai chính là tánh đức. Đức hiệu tiếp theo gọi là “Điều ngự trượng phu”.

Đức hiệu thứ 8: “Điều ngự trượng phu”

“Trượng phu”. Trước tiên chúng ta nói về hai chữ “trượng phu” này, hai chữ này ở vào thời xưa Trung Quốc cùng hai chữ anh hùng là tương đồng như nhau, đại trượng phu chính là đại anh hùng, cho nên trượng phu ở chỗ này không có phân nam nữ, cũng không có phân già trẻ, đây là từ trên tánh đức mà nói. Người khác không làm được việc này nhưng bạn có thể làm được, đó gọi là đại trượng phu. Trong kinh

điền Phật cũng nói cho chúng ta nghe rất rõ ràng, quan trọng vẫn là phải thân cận minh sư, tu tích thiện pháp thành tựu phẩm đức học vấn của chính mình.

“Điều ngự”: Hai chữ “điều ngự” bên trên đây, thực tế nói điều ngự là nói hiệu quả. “Điều” là điều tâm, trong tâm chúng ta vọng tưởng tạp niệm rất nhiều, làm thế nào có thể điều hoà? Đem vọng tưởng tạp niệm từ bỏ ; “Ngự” là khống ngự, khống chế, khống chế hành vi của chúng ta, không để thân khẩu tạo ác nghiệp, đó gọi là ngự.

Cho nên “Điều tâm ngự hạnh” ở chỗ này nhà Phật gọi là chân thật tu hành. Nếu như bạn hiểu được nguyên lý này thì công phu tu học của bạn đương nhiên có lực. Ngày nay công phu tu học của bạn không có lực, vì bạn không biết được cách điều tâm, bạn không biết được khống chế hành vi của bạn, cho nên bạn không thể gọi là trượng phu. Một đại trượng phu họ có cái năng lực này.

Ngày nay xã hội này chúng ta có rất nhiều người gọi nó là xã hội đa nguyên văn hoá, đặc biệt là ở Úc Châu. Úc châu trong mấy năm gần đây rất là chú trọng điều hoà đa nguyên văn hoá, vì gần đây chính phủ Úc Châu đối với khu vực quốc gia này của họ chọn lấy chính sách mở rộng, hoan nghênh người nước ngoài di dân đến khu vực này của họ ở. Những người mới di

dân đến Úc châu đều là đến từ những quốc gia khác nhau, chủng tộc khác nhau, văn hoá khác nhau, hoàn cảnh đời sống khác nhau, tín ngưỡng tôn giáo khác nhau. Hiện tại họ cư ngụ ở xã hội này nhưng làm thế nào để những người này ở trong sự khác nhau đó có thể điều hoà. Đây là một vấn đề trọng đại, vì chỉ có điều hoà mới có thể phần vinh xã hội, hy vọng có thể đạt đến người mới di dân đến cùng cư dân của họ đôi bên có thể tôn trọng lẫn nhau, kính yêu lẫn nhau, quan tâm lẫn nhau, hợp tác lẫn nhau, để sáng tạo xã hội tốt đẹp, đời sống mỹ mãn. Mục tiêu lý tưởng này vô cùng cao cả, rất được đại chúng xã hội hoan nghênh. Cho nên họ thường hay tổ chức những buổi luận đàm này. Tôi nghe nói đầu tháng 12 còn có một buổi luận đa nguyên văn hoá với quy mô lớn. Có cái hoạt động này họ yêu cầu chúng tôi tham gia.

Trên thực tế thế giới hiện tại do giao thông thuận tiện, tin tức truyền nhanh nên chúng ta tỉ mỉ mà nghĩ lại, bất cứ một cái quốc gia nào, một khu vực nào mà không có người nước ngoài đến? Đã có cư dân bên ngoài đến thì chẳng phải là hình thái của đa nguyên văn hoá hay sao? Người Úc Châu đem cái vấn đề này chánh thức đưa ra công khai thảo luận, hy vọng đạt đến mục tiêu này. Kỳ thật bất cứ một quốc gia khu vực nào, người lãnh đạo thông minh trí tuệ đều phải chú ý đến vấn đề này, cũng đều rất xem trọng vấn đề này.

Dùng phương pháp gì để điều hoà? Loại phương pháp nào điều hoà có hiệu quả? Hiện tại mọi người đều đang thăm dò. Tôi xem thấy cái hiện tượng này, tôi liền lập tức thể hội được. Thể hội cái gì? Thế Giới Tây Phương Cực Lạc càng là khu vực đời sống đa nguyên văn hoá quy mô lớn, cư dân của Thế Giới Tây Phương là đến từ vô lượng vô biên, người của các cõi Phật vãng sanh đi đến nơi đó. Cho nên nếu muốn nói đến bối cảnh văn hoá khác nhau, cách biệt của tư tưởng hoàn cảnh đời sống thì có thể nói là không có bất cứ một nơi nào có thể so được sự phức tạp như Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, vì họ đến từ tận hư không khắp pháp giới. Những người này đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, làm thế nào đem đa nguyên biến thành nhất nguyên? Đây là chúng ta thấy được bản lĩnh của Phật A Di Đà, trí tuệ của Phật A Di Đà đáng được chúng ta học tập.

Ngày nay chúng ta cảm thấy đau đầu với đa nguyên văn hoá, không thể giải quyết, vậy bạn có nghĩ đến Tỳ Lô Giá Na Phật giải quyết như thế nào không? A Di Đà Phật làm thế nào để giải quyết hay không? Không còn nghi ngờ gì nữa “Kinh Vô Lượng Thọ” cùng “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh” chính là giáo trình đa nguyên văn hoá quan trọng nhất. Nếu bạn muốn giải quyết vấn đề này, học A Di Đà Phật, học Tỳ Lô Giá Na Như Lai thì cái vấn đề này, mới có thể giải quyết được cứu cánh viên mãn.

Cho nên Phật được gọi là “Điều ngự trượng phu”, thật đúng với tên, không hề quá đáng chút nào. Ở trong pháp thế gian, không luận đoàn thể của ta lớn hay nhỏ, nhỏ chính là một gia đình, lớn chính là một quốc gia, (thậm chí đến thế giới, thế giới hiện tại chúng ta vẫn chưa xem thấy, quốc gia chúng ta đã từng xem thấy) xưa nay trong và ngoài nước đều có mấy vị là người đầy đủ trí tuệ hiền đức cao độ, họ ở ngay trong quần chúng liền khởi lên tác dụng điều hoà, khiến cho cái đoàn thể này trên dưới mới có thể đoàn kết nhất trí, thế là họ mới có thể kiến công lập nghiệp. Nhỏ thì gia đình hưng vượng, lớn thì quốc gia giàu mạnh.

Vậy thì do đây có thể biết loại người điều hoà đại chúng là nhân vật then chốt, rất là quan trọng. Chúng ta phát hiện loại người này, nhất định phải tôn trọng đối với họ, thành tâm thành ý thỉnh giáo với họ, đạt được hiệp trợ của họ thì có thể thành tựu đại công, lập đại nghiệp, có thể điều ngự tận hư không khắp pháp giới. Đó là ai vậy? Đó là Chư Phật Bồ Tát.

Vì sao Phật Bồ Tát có được cái bản lĩnh điều hoà được đại chúng này?

Các vị đọc kỹ “Kinh Hoa Nghiêm” thì liền biết, nguyên tắc quan trọng nhất ở chỗ này, đó là dùng chân thành đối với người, từ bi tiếp vật, chân thành có thể cảm động tất cả mọi người. Tất cả chúng sanh

cùng đồng một tự tánh, cùng đồng một Phật tánh, không ai mà không cảm động, còn nếu không thể cảm động là lòng chân thành của chính chúng ta không đủ, nếu như chân thành đến cực điểm thì tự nhiên liền có thể cảm động tất cả chúng sanh, cho dù chúng sanh phiền não tập khí có nặng hơn cũng sẽ bị cảm động, cũng ít nhiều đều có thể nhiếp hoá được một ít. Như vậy đối với an định của xã hội, đối với hoà bình thế giới, đối với phước báo của chúng sanh, liền có được sự công hiến. Loại công hiến này chính là tích lũy công đức mà trong Phật pháp nói, dùng lời hiện tại mà nói, tích cực công hiến mặt chánh diện. Đức hiệu phía sau đây là “Thiên nhân sư”.

Đức hiệu thứ 9: “Thiên Nhân Sư”

“Thiên” là Tam giới, 28 tầng trời. Thế nhưng Phật nói trong 28 tầng trời này thì có trời Trường Thọ, Phật không hiện thân không nói pháp. Tại vì sao vậy? Họ không thể tiếp nhận. Cho nên Phật đem trời Trường Thọ xếp vào một trong tám nạn. “Nạn” là gặp nạn! Gặp nạn gì vậy? Cắt đứt cơ hội nghe pháp.

Các vị cần phải nên biết, tất cả chúng sanh nhân duyên thù thắng thứ nhất chính là được nghe pháp. Căn tánh lanh lợi, thiện căn phước đức sâu dày, nghe pháp họ có thể giác ngộ, thậm chí ở ngay trong một đời họ có thể chứng ngộ, vậy thì họ có thể làm

Phật. Các vị thử nghĩ xem thù thắng dường nào. Nếu như làm lỡ mất đi cái cơ duyên nghe pháp này của chúng sanh, hay cắt đứt đi thì cái tội này rất nặng, nghiêm trọng nhất là đọa Địa Ngục A Tỳ. Ai đến nơi đó chịu tội? Người nào phá hoại cơ duyên nghe pháp của tất cả chúng sanh. Tội cái này thì nặng, hy vọng chúng ta phải ghi nhớ. Hay nói cách khác nếu ngược lại chúng ta giúp đỡ tất cả chúng sanh, thành tựu tất cả chúng sanh, có được cơ duyên nghe pháp, đó là cái thiện bậc nhất, không có một thiện pháp nào có thể so sánh được với cái thiện này.

Hai ngày nay chúng ta có lẽ đã nghe qua cư sĩ Lý Mộc Nguyên nói lão cư sĩ Hồng quyên, hiến đất cho chúng ta xây dựng thôn Di Đà. Một tháng trước tôi có đi thăm ông, ông bị bệnh rất nặng, chúng tôi xem thấy hình tướng của ông thì có được sáng nhưng không giữ được chiều. Chính ông cũng biết được, trong lòng của ông rất lo lắng, cho nên ông hy vọng trước khi ông chết làm một việc tốt, ông vội vàng hiến, quyên khu đất của mình để làm thôn Di Đà. Ông thành tâm thành ý tìm cư sĩ Lý, còn cư sĩ Lý cũng có thành ý giúp mọi người làm. Các vị phải nên biết, việc này không phải ông làm cho chính bản thân ông, vì chính ông tương lai cũng sẽ không ở trong đó mà là vì chúng sanh mà tạo phước, vì để mọi người kết pháp duyên thù thắng với A Di Đà Phật, giúp đỡ mọi người, thành tựu mọi người vãng sanh Thế Giới

Cực Lạc. Cái duyên này quá thù thắng, cái phước báo này không ai có thể so sánh được với ông, Hồng lão tiên sinh đã phát ra cái nguyện này. Khi chúng tôi hoằng pháp từ Úc châu trở về, cư sĩ Lý nói với tôi, ông nghĩ đến tương lai xây dựng thôn Di Đà cần phải phí dụng, nhưng hiện tại vay tiền tương đối khó khăn, cho nên Hồng lão tiên sinh tự động đem giá đất lại hạ xuống một ngàn vạn so với giá ban đầu đã thoả thuận là hai ngàn năm trăm vạn, hiện tại là một ngàn năm trăm vạn, hơn nữa chỉ cần trả một ngàn vạn, ngoài ra còn năm trăm vạn có thể trả từ từ.

Hồng lão tiên sinh bị bệnh ung thư cổ, cuống họng đã có một cái lỗ ba năm rồi, nói chuyện không nghe được rõ. Lần đầu tôi gặp ông, ông nói chuyện âm thanh rất nhỏ, không nghe được một lời nào, sức khoẻ của ông rất suy kiệt. Nhưng sau khi phát ra cái tâm này không bao lâu, chưa được mấy ngày, thì bác sĩ xem bệnh cho Hồng lão tiên sinh không thấy cái ung thư của ông đâu hết, bác sĩ nói với ông sau hai tháng nữa thì ông hoàn toàn hồi phục, không thể nghĩ bàn. Tôi nghe nói vậy, tôi lại đi thăm ông, ông mặt mày sáng lạn, âm thanh dần dần rõ ràng, nói chuyện rất nhiều, ông mỗi một câu, mỗi một chữ, tôi đều nghe được rất rõ ràng. Ông nói tiếng Phúc Kiến, tôi nghe hiểu được, tôi nghe rất hoan hỉ. Tôi đem một sâu chuỗi tặng cho ông, hôm qua ông liền có cảm ứng. Hôm qua tôi lại đến thăm ông, ông đi tìm cư sĩ

Lý Mộc Nguyên nói với cư sĩ Lý: “*Hiện tại tôi thật tin tưởng*”. Ông nói vốn dĩ cả đời ông đều hoài nghi, đều không tin tưởng, vậy mà ông nói buổi tối hôm trước ông ngủ thấy một giấc mộng, ông nói: “*Thật ra không như một giấc mộng vì rõ ràng tường tận như ở cảnh thật*”, ông thấy có 2 người, một nam một nữ rất xinh đẹp đoan chánh, tướng mạo rất là xinh xắn, đứng ở bên cạnh ông. Ông hỏi họ: “*Các người là ai? Từ đâu đến đây?*” Họ cũng không trả lời, họ chỉ khuyên ông phải nhẫn nại, cho dù là chuyện lớn chuyện nhỏ đều phải nhẫn nại. Hồng tiên sinh gật gật đầu. Cả đời Hồng tiên sinh chính là nóng vội, họ khuyên ông nhẫn nại. Sau đó họ lại nói với ông: “*Đến cũng không không, đi cũng không không*”. Hồng lão tiên sinh nghe rồi liền hiểu, gật gật đầu. Ông lại hỏi họ từ đâu đến, họ nói hai người họ là do Ngọc Hoàng Đại Đế phái đến để chăm sóc ông.

Chúng ta giảng trên “*Kinh Hoa Nghiêm*”, cũng vừa lúc giảng đến 33 tầng trời, Ngọc Hoàng Đại Đế chính là Thiên chủ của 33 tầng trời, cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn. Hồng lão cư sĩ nói: “*Tôi 80 tuổi rồi, tuyệt đối không có nói vọng ngữ*”. Việc này đích thực là sự thật, ông rất có lòng tin, sẽ xem thấy thôn Di Đà viên mãn thành tựu, ông có lòng tin, hiện tại sức khỏe càng ngày càng tốt hơn. Tôi nghe nói sáng sớm ông còn xuống lầu vận động, việc này làm cho chúng ta xem thấy tăng thêm lòng tin.

Phật Đà không chỉ là thầy của nhân gian mà cũng là thầy của chư Thiên cho nên gọi là “Thiên, Nhân, Sư”.

Hiện tại người thế gian chúng ta đối với thầy, lòng tôn kính rất tan nhạt, thế nhưng chư Thiên tôn kính đối với thầy tuyệt nhiên không hề giảm ít. Tại vì sao vậy? Họ có trí tuệ, họ đối với tất cả sự lý thấy được rõ ràng hơn chúng ta, thấy được rộng hơn so với chúng ta. Đối với chúng ta khi khởi lên một tâm thiện, làm một việc thiện như vậy, Chư Phật, Bồ Tát, Thiên long, Thiên thần liền cảm ứng rõ ràng đến giúp đỡ chúng ta, giống như loại cảm ứng của Hồng lão cư sĩ. Chúng ta thấy được rất nhiều, mỗi nơi mỗi chỗ đều có, chỉ cần chúng ta phát ra là chân tâm, vì chúng sanh, vì xã hội, vì Phật pháp, tự nhiên liền cảm ứng được chư Phật hộ niệm, Long Thiên thiên thần hộ vệ.

Cho nên chư Phật Bồ Tát, đích thực là tấm gương tốt cho tất cả chúng sanh chín pháp giới, mô phạm của tất cả chúng sanh, đó gọi là sư. Ngày nay chúng ta tu học Phật pháp, tổng cương mục tu tập của chúng ta là “*Học vi nhân sư, hành vi thế phạm*”. Hai câu nói này phải thường ghi nhớ, chúng ta khởi tâm động niệm, lời nói việc làm, có thể vì thế gian làm ra tấm gương tốt hay không? Đây là điều mà chúng ta phải sâu sắc kiểm điểm, nếu như không thể làm tấm gương tốt cho chúng sanh thì nhất định không thể

làm, còn nếu như có thể làm tấm gương tốt cho chúng sanh thì chúng ta phải nên làm, không nên do dự, không nên hoài nghi.

Trên kinh nói rất hay “*Nghi là chương ngại lớn nhất của Bồ Tát*”, Bồ Tát có thể thành Phật chính là không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Ngày ngày chúng ta đang hô to, đang nhắc nhở đồng tu đối với giáo huấn của Phật ở trên kinh có chân thật không hoài nghi hay không, chân thật lý giải hay không? Chúng ta có làm được hay không? Chăm chỉ nỗ lực mà học tập, chỉ cần chân thật tu học thì quả báo thù thắng giống y như trên kinh đã nói một chút cũng không sai.

(VCD 064)

Đức hiệu sau cùng là “Phật”.

Cái chữ này mọi người nghe rất nhiều. Phật là lược dịch của Phật Đà, ý nghĩa của nó là trí tuệ, là giác ngộ. Trong trí tuệ có nói 3 loại: “Nhất thiết trí, Đạo chủng trí, Nhất thiết chủng trí”, ba loại trí tuệ viên mãn đầy đủ. “Trí” là thể, “Giác” là dụng. Nếu họ có thể tự giác, có thể giúp đỡ người khác giác ngộ, làm đến được ta và người viên mãn giác ngộ, mới được gọi là Phật. Trong đây nói đến tự, tha viên mãn giác ngộ.

Có một số đồng tu khởi lên nghi hoặc rằng: *“Phật giúp chúng ta giác ngộ, hiện tại chúng ta vẫn chưa giác ngộ, vậy vì sao Ngài đã thành Phật rồi?”* Các vị phải nên biết, giác tâm ý nghĩa viên mãn, vốn dĩ giáo hoá người khác chính là giúp chính mình giác ngộ, chính mình giác ngộ viên mãn rồi chính là tự hành hoá tha viên mãn. Do đây có thể biết nếu như bạn không phát tâm giác ngộ người khác, bạn chính mình giác ngộ thì không thể được viên mãn. Đây chính là người xưa thường nói: *“Giáo học tương trưởng, sư chất đạo học”*¹⁵. Thầy giáo giúp cho học trò, học trò cũng tương trợ thầy giáo. Cho nên giáo học thực tế mà nói là giúp nhau thành tựu, lợi ích vô biên. Không chỉ là thầy giáo dạy học trò, cho nên không một vị Bồ Tát nào không nhiệt tâm đi giảng

kinh nói pháp giáo hoá chúng sanh? Bạn muốn hỏi họ tại vì sao vậy? Trên thực tế vì để tự giác. Tự giác, giác tha là một sự việc, không phải là hai việc, không chịu phát tâm giúp người khác, thì chính mình không cách gì giác ngộ viên mãn. Cái đạo lý này chúng ta nhất định phải hiểu. Vậy đến lúc nào thì bạn đi giúp người khác mà không liên can với chính mình? Thì là lúc bạn thành Phật rồi. Sau khi thành Phật gọi là thừa nguyện tái sanh, vì họ chính mình tự giác đã viên mãn rồi, vào lúc đó giúp đỡ tất cả chúng sanh thuần túy là giác tha, trong đây không có tự giác. Còn Bồ Tát từ Sơ tín vị đến Đẳng giác, giác tha đều là vì tự giác, đến Bồ Tát Đẳng giác vẫn là như vậy. Vậy thì do đây có thể biết, bạn chân thật muốn tự giác viên mãn, không thể không nhiệt tâm dạy họ.

Trong quả báo Phật cũng nói với chúng ta bỏ thí tài thì được tiền tài, bạn phát tài. Ngày nay chúng ta xem thấy trong xã hội có bao nhiêu đại phú trưởng giả, tuổi tác tuy không lớn, chỉ có hai ba mươi tuổi, vẫn chưa đến bốn mươi mà tài sản ức vạn, mà tài sản này tuyệt nhiên không phải là tiền nhân lưu lại cho họ, là chính họ sáng nghiệp mà thành tựu. Thế nhưng những người hơn họ, người tài năng hơn họ rất nhiều, người cùng làm nghề nghiệp giống như họ cũng không ít, nhưng tại vì sao những người này họ có thể phát đạt? Còn người khác không thể phát đạt, thậm chí đến mức còn bị đào thải. Nguyên nhân này do đâu? Là

do trong mạng của họ có, còn người kia trong mạng không có, cho nên họ từ bất kỳ nơi một nghề nghiệp đều thành công, việc họ dùng trí tuệ năng lực của họ thì đó đều chỉ là tăng thượng duyên, còn nếu như không có nhân mà chỉ riêng có duyên không thể kết quả. Quả báo hiện tiền nhất định là nhân cùng duyên kết hợp, mới biến hiện ra quả báo. Nhân là gì vậy? Do đời trước tu tài bố thí thì ngay đời này được tiền của. Đời trước tu tài bố thí nhiều rồi nên gọi là trong mạng họ có, không luận họ từ nơi một nghề nghiệp nào, họ đều kiếm được ra tiền. Nếu như đời trước không có tu tài bố thí, thì dù cho bạn từ nơi bất cứ nghề nghiệp nào bạn đều không kiếm được tiền, vì trong mạng không có. Người hiểu được cái đạo lý này không nhiều, nên hiện tại thông thường người trẻ tuổi trên thế giới xem thấy một người nào đó thành công thì liền đi nghiên cứu xem họ làm thế nào thành công, rồi cố gắng mà học tập với họ, dù học được có giống hơn, giống được đến 100% cũng không kiếm được ra tiền. Do nguyên nhân gì vậy? Trong mạng không có thì làm gì có thể học ra được? Cho nên nếu bạn mong muốn phát tài, Phật dạy chúng ta phải tu tài bố thí; bạn hy vọng được thông minh trí tuệ thì bạn phải tu pháp bố thí; còn mong muốn khoẻ mạnh sống lâu, bạn phải tu vô úy bố thí. Còn như bạn không chịu tu nhân thì bạn làm gì có được quả báo.

Phật nói với chúng ta đó là chân thật, đó là

chánh pháp. Không thể nói chúng ta cầu Phật thì Phật có thể bảo hộ chúng ta thăng quan phát tài, không hề có đạo lý này. Nếu như bạn cầu Phật, Phật liền bảo hộ bạn thì chẳng phải là đã đem định luật nhân quả đánh đổ mất rồi, Phật cũng không có năng lực đánh đổ được định luật nhân quả. Năng lực của Phật dạy chúng ta tu nhân chứng quả, đó gọi là “*Trồng nhân thiện, được thiện quả*”. Đây là lời Phật nói, Phật không gạt người, lời Phật nói mỗi câu đều là chân thật. Nếu như người đã được thiện quả, thông đạt cái đạo lý này, lại chịu tu bố thí, vậy phước báo của họ sẽ rất lớn, càng ngày càng thù thắng, không chỉ phước báo một đời này họ hưởng không hết, phước báo đời đời kiếp kiếp cũng hưởng không hết.

Thế nhưng người trồng phước chân thật mới có được phước báo. Người không có phước báo, muốn trồng phước, nhưng trồng sai chỗ, tương lai bạn sẽ thất vọng vì không có kết quả. Tại sao thế? Nhà Phật gọi là “Phước điền”, như chúng ta trồng lúa vậy, trồng vào trong đất ruộng, khoảng đất đó phì nhiêu, ánh mặt trời lượng nước đều rất đầy đủ, sau khi bạn gieo hạt giống xuống, lớn lên rất tốt. Còn nếu như trồng vào trong cát, trồng ở trên đá cuội, thì hạt giống mục nát cũng không thể nảy được mầm. Cho nên bạn phải nhận biết phước điền, bạn mới có thể chân thật trồng được phước. Nếu như không phải phước điền, bạn đến nơi đó trồng phước, tương lai bạn sẽ rất thất

vọng, không có được kết quả.

Cái gì là phước điền chân thật?

Nơi đó chân thật có người tu hành, chân thật có người chứng quả ở nơi đó.

Chúng ta xem thấy phát tâm của lão cư sĩ Hồng, ta liền biết được tương lai sau khi thôn Di Đà này xây dựng xong, ở trong đây nhất định có rất nhiều người ở ngay tại nơi đây niệm Phật vãng sanh bất thoái thành Phật, đó là phước điền chân thật, cho nên ông mới có được công đức lớn đến như vậy, có được cảm ứng không thể nghĩ bàn như vậy, nếu không mà nói thì không thể nào.

Ở trên kinh Phật nói với chúng ta, Ngài nói tôn giả Ca Nặc Ca ở trong vô lượng kiếp trước đã từng cúng dường một vị Bích Chi Phật một bát cơm, đó là Ngài gặp được người chân thật tu hành, khi vị này ra ngoài khát thực. Chúng ta biết Bích Chi Phật nửa tháng đi ra ngoài khát thực một lần, nên ông có cơ hội gặp được, ông đã dùng tâm chân thành tâm cung kính cúng dường một bát cơm này. Phật nói quả báo mà ông có được là gì vậy? 90 ức kiếp không bị quả báo bần cùng. Chúng ta tin tưởng lời của Phật là lời thật không hư dối.

Trong đây hiển thị cho chúng ta một đại đạo lý,

đó chính là chúng ta tu phước không nên hoài nghi, không nên do dự, phải quả cảm, phải nhận biết rõ ràng, nắm chặt lấy cơ hội, cơ hội qua rồi sẽ không tìm được nữa, đó chính là người có phước. Bạn có thể nắm lấy cơ hội, không nên đi nghĩ tưởng xằng bậy rằng: “Việc này rốt cuộc thì có phước báo gì hay không? Phước báo này rốt cuộc là được bao lớn? Ta phải nên làm bằng cách nào?” Bạn ở nơi đó nghĩ tưởng ngớ ngẩn, thì cho dù có bố thí, phước báo sẽ rất có hạn. Cho nên đem tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước vứt hết, dùng tâm chân thành cung kính để tu bố thí. Đây là Phật dạy cho chúng ta, phạm hễ việc gì cũng đều có lý do, đều có nhân quả, chúng ta phải chú trọng. Cho nên Phật gọi là “Trí giác viên mãn”.

Một danh hiệu sau cùng gọi là “Thế Tôn”.

Đầy đủ mười loại đức hiệu phía trên, được thế xuất thế gian tất cả đại chúng tôn kính, nên gọi là Thế Tôn. Cho nên Thế Tôn là một tổng hiệu, phía trước là biệt hiệu, mỗi một danh hiệu, đều là hiển thị trí tuệ đức năng vốn đủ trong tự tánh. Mười hiệu này ở trong Phật pháp là thuộc về thường thức phổ thông của Phật giáo, mỗi một đức hiệu ý nghĩa của nó, chúng ta nhất định phải tường tận, phải rõ ràng. Lại xem tiếp đoạn kinh văn phía sau.

**CHÁNH KINH: “Tại thế giáo thọ, tứ thập nhị kiếp.
Thời vi chư thiên, cập thế nhân dân, thuyết kinh**

giảng đạo”.

[Dịch nghĩa: Trụ thế giáo hóa trong bốn mươi hai kiếp. Khi ấy, đức Phật vì chư thiên và người đời nói kinh giảng đạo]

Phật Bồ Tát thị hiện ở thế gian để làm gì? Chính là làm cái việc “Thuyết kinh giảng đạo” này. Các vị phải ghi nhớ, đây là chư Phật Bồ Tát thị hiện xuất gia, xuất gia thì làm cái việc này, không phải việc nào khác, làm những việc khác thì sai rồi, không phải công việc mà bổn phận của bạn làm. Cho nên chúng ta giới thiệu Phật pháp đối với sơ học thường nói “*Phật giáo là giáo dục của Phật đà, là giáo dục chí thiện viên mãn của Phật đà đối với chúng sanh chín pháp giới*”. Phật Bồ Tát ứng hoá ở thế gian, họ ở xã hội là địa vị gì vậy? Họ đóng vai trò gì trong phần diễn xuất này vậy? Nếu dùng lời hiện đại mà nói thì họ là một nhóm người làm công tác nghĩa vụ giáo dục xã hội.

Ngày nay chúng ta cũng xuất gia, làm đệ tử của Phật, chúng ta có nhận thức rõ chức trách của người xuất gia là gì không? Người xuất gia phải nên làm những việc gì? Chính là “*Vi chư thiên cập thế nhân dân thuyết kinh giảng đạo*”. Cái bạn làm là những việc này, những việc khác không liên quan gì với bạn.

Hiện tại có một số người đem mục đích xuất gia làm sai đi, điên đảo.

Sau khi xuất gia đi làm một số sự nghiệp từ thiện xã hội, cũng nhận được tán thán của xã hội, khen thưởng của chính phủ. Đây là thời hiện đại, nếu như vào thời xưa tôi tin tưởng quyết định không phải là hiện tượng này. Bạn xuất gia, người ta gọi bạn là pháp sư, “sư” là gì vậy? Là thầy của trời người, bạn là thầy giáo, nên gọi bạn là sư. “Sư”, bạn có dạy học hay không? Bạn có lên lớp không? Nếu bạn không có dạy học, không có lên lớp, mà người ta vẫn gọi bạn là thầy, bạn thử nghĩ lại xem bạn cảm thấy thế nào? Không đúng với sự thật! Nếu như làm công tác từ thiện cứu tế xã hội thì không cần phải thân phận xuất gia, thân phận tại gia cũng được. Người xuất gia không thể làm việc này.

Tại vì sao người xuất gia không thể làm những việc từ thiện?

Người xuất gia không có tiền. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện cho chúng ta xem ba y một bát, không có bất cứ thứ gì, nếu y phục của Ngài bố thí cho người khác thì Ngài không có y phục mặc, Ngài không để gì hoá duyên được một bát cơm, bố thí cho người khác, vậy thì ngày đó phải nhịn đói không có cơm ăn. Cho nên công tác từ thiện cứu tế xã hội là những đại phú trưởng giả, họ học trò tại gia của Phật, những việc này là do họ làm. Phật không làm những việc này, Phật thị hiện cho chúng ta “Nhiều việc

không bằng ít việc, ít việc không bằng không việc gì”, những việc khác đều buông bỏ. Phật dạy chúng ta chỉ làm một sự việc, vì tất cả chúng sanh giảng kinh nói pháp. Chúng ta chỉ làm việc này, ngoài việc này ra đều không phải là việc chúng ta làm. Ngay cả đến việc thành lập một Phật Học Viện thì sự việc hành chánh trong Phật Học Viện thành thật mà nói cũng không nên để người xuất gia làm, người xuất gia làm giáo viên. Các vị muốn học bộ kinh luận nào, tôi sẽ khai giáo trình này cho bạn, giảng bộ kinh này cho bạn nghe, những việc khác không nghe không hỏi. Đây là sự việc trong bốn phận của người xuất gia chúng ta, việc trong bốn phận thì nhất định phải làm cho tốt, không nên sau cùng lại trái ngược, không nên bỏ gốc lấy ngọn, vậy thì sai lầm đặc biệt.

Thứ nhất: “Tại thế giáo thọ tứ thập nhị kiếp” [Trụ thế giáo hóa trong bốn mươi hai kiếp]

Ở trong đoạn kinh văn này, chúng ta vẫn còn một phát hiện, đó chính là Thế Gian Tự Tại Vương Phật thọ mạng rất dài, Ngài “Tại thế giáo thọ tứ thập nhị kiếp”. Quay đầu chúng ta nhìn lại, Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật của chúng ta năm xưa ở đời giảng kinh nói pháp 49 năm, còn Ngài ở đây là 42 kiếp, thọ mạng của Thích Ca Mâu Ni Phật 79 tuổi, Thế Tôn 79 tuổi viên tịch. Người Trung Quốc chúng ta quen nói tuổi mụ là 80 tuổi, trên thực tế Thích Ca Mâu Ni Phật

là 79 tuổi viên tịch, giảng kinh nói pháp 49 năm. Thế Gian Tự Tại Vương Phật giảng kinh nói pháp 42 kiếp, vậy thì thọ mạng của Ngài quyết định không chỉ 42 kiếp mà thọ mạng dài. Thọ mạng dài nói rõ vào thời đó chúng sanh của thế giới đó phước báo rất lớn, rất đáng được chúng ta ngưỡng mộ. Vào thời đại đó tốt, nhất định không phải là đời ác năm trước, đời ác năm trước mạng trước thọ mạng ngắn. Cho nên từ chỗ này mà thấy, Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai thời đại đó là cõi nước thái bình, giống như Thế Giới Tây Phương Cực Lạc vậy, đây là điều chúng ta phải nên thể hội được.

Thứ hai: **“Thuyết kinh giảng đạo”** [Đức Phật vì chư thiên và người đời nói kinh giảng đạo]

Cái gì gọi là kinh?

“Kinh” là giảng lý luận, chân lý của vũ trụ nhân sanh, tất cả những gì Phật nói ra đều không rời khỏi thật tướng các pháp, chân tướng của vũ trụ nhân sanh.

Cái gì gọi là đạo?

“Đạo” là con đường. Tỷ dụ cho tu hành, đời sống như lý mà hành gọi là đạo. Thành Phật chi đạo, Bồ Tát chi đạo, là Phật dạy chúng ta làm thế nào để đi làm Phật, làm thế nào để làm Bồ Tát, chánh giác chi đạo. Chỉ cần chúng ta tường tận đối với nghĩa lý

của kinh điển, tư tưởng, kiến giải, lời nói, việc làm của chúng ta, tương ứng với nghĩa lý của kinh điển, đó gọi là tu hành.

Ngày nay chúng ta quy y Vô Lượng Thọ Phật, quy y A Di Đà Phật, nếu như có thể đem “Kinh Vô Lượng Thọ”, từng câu từng chữ đều áp dụng ngay trong cuộc sống thường ngày, chính là chúng ta hành đạo. Chúng ta đem hành trì thực tế của chúng ta, triển hiện cho xã hội đại chúng xem cũng gọi giảng đạo. Tuy là ta không có giảng, nhưng làm ra kiểu dáng để cho mọi người xem, đó là thân giáo. Chúng ta dùng ngôn ngữ, đó là miệng đang giáo học, còn làm ra kiểu mẫu là thân đang giáo đạo. Chư Phật, Bồ Tát thân ngữ ý, ba luân giáo hoá chúng sanh, đây đều là chúng ta phải nên học tập.

Cái đoạn này là nói rõ quá khứ Thế Gian Tự Tại Vương ứng hoá ở thế gian. Đời sống nhân dân vào thời đó, cho đến tình hình giáo học của Thế Tôn, Ngài vẫn tự tuy là không nhiều, giao phó được rất rõ ràng. Mời xem đoạn kinh văn phía sau.

CHÁNH KINH: “Hữu đại quốc chúa danh Thế Nhiêu Vương, văn Phật thuyết pháp, hoan hỷ khai giải, tầm phát vô thượng chân chánh đạo ý”

[Dịch nghĩa: Có đại quốc chúa tên là Thế Nhiêu Vương nghe Phật thuyết pháp hoan hỷ, khai giải,

liền phát vô thượng chánh chân đạo ý]

Đoạn này là nói rõ A Di Đà Phật phát tâm, nhân duyên tu hành chứng quả. Khi Phật nói pháp, trong thính chúng có một vị vua của một nước lớn là Thế Nhiêu Vương.

Như Thích Ca Mâu Ni Phật năm xưa ở đời nói kinh giảng đạo, chúng ta xem thấy ở trên kinh có 16 đại quốc vương đều là học trò của Phật, thường đến để nghe kinh, đến tiếp nhận giáo huấn của Phật. Vào thời đại mà Thế Tôn xuất hiện, thuộc về thượng cổ, vào lúc đó quốc gia chưa thống nhất, đều là dân tộc bộ lạc, ở Trung Quốc lúc đó là triều nhà Châu, chúng ta xem thấy ở trong sách sử có 800 chư hầu, chư hầu chính là quốc vương, họ có quốc gia của chính họ. Trong sách xưa ghi chép, nước lớn vuông vức 100 dặm, nước nhỏ có 20-30 dặm. Nếu luận nước nhỏ mà nói như Singapore thì có bao nhiêu nước nhỏ, tuy nhiên, đừng xem Singapore nhỏ, vì vào thời xưa có rất nhiều quốc gia, có khi chỉ là một thôn trang chính là một quốc gia.

Thứ nhất: **“Hữu đại quốc chúa danh Thế Nhiêu Vương”** [Có đại quốc chúa tên là Thế Nhiêu Vương]

Thế Gian Tự Tại Vương xuất thế vào thời đại đó, tình hình cũng là như vậy, thế nhưng phước báo

của người vào thời đó lớn, tuổi thọ dài. Lúc đó có đại quốc vương tên là “Thế Nhiêu Vương”. “Thế Nhiêu Vương” nhất định là xã hội thời đó tán thán một mỹ từ đối với vị quốc vương đó.

“Thế” là thế gian, “Nhiêu” là phong nhiêu, là nói rõ vị quốc vương này có trí tuệ rất từ bi, chăm sóc rất chu đáo đối với quốc gia nhân dân, nên mới được gọi là Thế Nhiêu Vương. Nhân dân rất cảm kích đối với quốc vương, rất tôn kính, rất là ủng hộ Ngài, cho nên Ngài có tên gọi đẹp như vậy.

Thứ hai: **“Văn Phật thuyết pháp, hoan hỷ khai giải”** [Nghe Phật thuyết pháp hoan hỷ, khai giải]

Ông là học trò của Phật, thường hay đến đạo tràng để nghe Phật giảng kinh nói pháp. Không chỉ thường hay đến mà sau khi nghe rồi “Hoan hỷ khai giải”: “Khai” là khai ngộ, “Giải” là hiểu rõ, chân thật hiểu được ý nghĩa mà Phật đã nói. Cho nên ông liền phát tâm.

Thứ ba: **“Tâm phát vô thượng chân chánh đạo ý”** [Liên phát vô thượng chánh chân đạo ý]

“Vô thượng chân chánh đạo ý”: Chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Vô Thượng Bồ đề. Ông chân thật hiểu rõ, chân thật giác ngộ con người cả đời phải nên truy cầu cái gì? Phải truy cầu Vô

thượng đạo. Đó mới là chân thật giác ngộ. Không phải truy cầu làm một đại quốc vương, làm đại quốc vương không giải quyết được vấn đề, không giải quyết không được vấn đề của chính mình.

Vấn đề chính mình là gì?

Sanh - Lão - Bệnh - Tử, bạn giải quyết không được, vấn đề sáu cõi luân hồi bạn cũng không giải quyết được. Bạn có ái hộ đối với nhân dân quốc gia của chính bạn, bạn cũng không thể giúp họ giải quyết được vấn đề. Cho dù bạn có thể làm tốt được sự nghiệp phúc lợi xã hội, khiến cho nhân dân toàn quốc có được cái học, cố gắng học tập, không hề bị thất học, người già được nuôi dưỡng, thì bạn cũng chỉ có thể giúp họ được một đời. Sau khi họ chết rồi vẫn còn có đời sau, vẫn còn có kiếp sau. Vậy đời sau kiếp sau thì phải làm sao? Bạn không có cách gì giúp được cho họ.

Cho nên nếu như bạn chân thật phát tâm đại từ bi, bạn phải chăm sóc những chúng sanh này, phải đời đời kiếp kiếp chăm lo cho họ, phải giúp họ thoát khỏi sáu cõi luân hồi, phải giúp họ ra khỏi mười pháp giới, giúp họ làm Phật làm Bồ Tát, đó mới gọi là đại viên mãn. Họ chân thật hiểu được, chân thật tường tận, sau khi tường tận rồi nghĩ lại xem thì thấy vẫn là phải làm Phật mới tốt, còn không làm Phật không thể giải quyết được vấn đề. Cho nên ông liền phát tâm,

phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, chính là phải phát đại tâm thành Phật. Tâm vừa phát ông liền có hành động, ông thật làm, không phải chỉ nói qua thì thôi. Mời xem đoạn kinh văn phía sau.

CHÁNH KINH: “Khí quốc quyền vương, hành tác sa-môn, hiệu viết Pháp Tạng, Tu Bồ Tát đạo.”

[Dịch nghĩa: Bỏ nước, bỏ ngôi vua, trở thành sa-môn, hiệu là Pháp Tạng, Tu Bồ Tát đạo.]

Chỗ này nói rõ sau khi ông phát tâm chân thật liền xuất gia.

Thứ nhất: **“Khí quốc quyền vương”** [Bỏ nước, bỏ ngôi vua]

“Khí quốc” là xả bỏ phú quý. Người xưa đã nói “Quý vi thiên tử, phú hữu tứ hải”¹⁶. Quốc vương vào thời xưa, lãnh thổ của họ cũng chính là nói tài sản tư hữu của họ, họ giàu có đến như vậy, nhân dân trông trọng trên đất của họ thì phải nộp thuế cho họ. “Khí quốc” là xả bỏ tiền của của ông.

“Quyên vương” là xả bỏ vương vị của ông. Các vị thử nghĩ xem, phú quý nếu là người thế gian ai cũng ưa thích, bao nhiêu người truy cầu, nhưng bạn không nhất định có thể cầu được. Thế Nhiều Vương tuy đã có được phú quý, hơn nữa là đại phú quý bởi

vì ông là đại quốc vương. Vậy mà đại phú đại quý có thể xả, sau khi xả rồi, ông đi làm “Sa Môn”.

Thứ hai: **“Hành tác Sa môn”** [Trở thành Sa Môn]

“Sa Môn” là tên gọi của người xuất gia. Thực tế mà nói đây là danh xưng. Vào thời xưa trong mỗi một tôn giáo Ấn Độ, người xuất gia tu hành đều gọi là Sa Môn. Sau khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc, ở Trung Quốc chỉ có người xuất gia nhà Phật mới gọi là Sa Môn.

Sa Môn là tiếng Phạn ý nghĩa gọi là “Cần túc”, thông thường giải thích gọi là: “Cần” tu Giới - Định - Tuệ, “Túc” diệt Tham - Sân - Si, đó gọi là Sa Môn. Hay nói cách khác ý nghĩa là đoạn ác tu thiện. Nếu có thể rất phân chân, rất nỗ lực, rất tinh tấn mà đoạn ác tu thiện, thì con người này gọi là Sa Môn. Do đó xưng hô Sa Môn này, người tại gia cũng có thể gọi, chỉ cần chân thật đoạn ác, tu thiện đều có thể gọi là Sa Môn. Nhưng ý nghĩa ở chỗ này là họ đã xuất gia rồi.

Thứ ba: **“Hiệu viết Pháp Tạng”** [Hiệu là Pháp Tạng]

Lão sư của Ngài đặt cho Ngài một pháp danh, pháp danh này gọi là “Pháp Tạng”. “Pháp” là tất cả Phật pháp, “Tạng” là hàm tàng, tất cả Phật pháp đều hàm tàng trong đó, nên gọi là Pháp Tạng.

Do đây có thể biết Pháp Tạng chính là tên gọi của tự tánh chúng ta, chỉ có chân như tự tánh mới hàm chứa tất cả các pháp, thể xuất thể gian tất cả các pháp đều hàm chứa ngay trong tự tánh của chúng ta.

Thứ tư: “**Tu Bồ Tát đạo**” [Tu Bồ Tát đạo]

Câu nói này là tán thán Ngài chân thật tu hành. Sau khi xuất gia Ngài thật làm, lấy Bồ Tát đạo làm tiêu chuẩn, đem tư tưởng, kiến giải, lời nói của chính mình, y theo tiêu chuẩn này để tu hành, đây gọi là tu Bồ Tát đạo.

Tiêu chuẩn của Bồ Tát đạo là gì?

Tịnh Tông chúng ta đề ra 5 khoá mục chính là tiêu chuẩn. Cái thứ nhất là Tam Phước, Tịnh Nghiệp Tam Phước; Cái thứ hai là Lục Hoà Kính; Cái thứ ba là Giới - Định - Huệ Tam Học; Cái thứ tư là Sáu Ba La Mật; Cái thứ 5 là Mười nguyện Bồ Tát Phổ Hiền. Chúng ta chỉ đề ra 5 khoá mục này, không cần nhiều hơn nữa, 5 khoá mục này đơn giản tường tận, các vị đồng tu đều có thể ghi nhớ. Dùng 5 khoá mục này làm tiêu chuẩn, chúng ta ở ngay trong cuộc sống thường, đối với người, với việc, với vật, khởi tâm động niệm, lời nói việc làm, đều phải tương ứng với tiêu chuẩn này. Không trái với tiêu chuẩn này thì gọi là tu Bồ Tát đạo, còn nếu như ở ngay trong cuộc sống thường ngày, khởi tâm động niệm, lời nói việc làm đều trái với cái

tiêu chuẩn này thì không phải tu Bồ Tát đạo.

Mọi người phải ghi nhớ, trái với tiêu chuẩn này là tu ba đường ác, quả báo thật là không tốt, việc này chúng ta cần phải nên ghi nhớ. Đoạn kế tiếp sau là Thế Tôn tán thán đối với hành trì của Ngài.

CHÁNH KINH: “Cao tài dũng triết, dữ thế siêu dị, tín giải minh ký, tất giai đệ nhất”.

[Tiếng Việt: Cao tài dũng triết, trở lạ hơn đời, tín, giải, nhớ rõ, đều là bậc nhất.]

Những lời nói này chúng ta cần phải ghi nhớ, phải học tập với Bồ Tát Pháp Tạng.

Thứ nhất: “Cao tài dũng triết” [Cao tài dũng triết]

“Cao” là tán thán đức của Ngài, đức cao; “Tài” là tán thán trí của Ngài, Ngài có trí tuệ, Ngài có tài hoa; “Dũng triết” là tán thán chí hướng của Ngài. Ngài lập ra đại chí đích thực là khác với người.

Người thế gian mong cầu là phú quý, mong cầu là hưởng thụ danh vọng lợi dưỡng, năm dục sáu trần. Còn Bồ Tát giác ngộ, biết được tất cả đều là hư vọng không thực, đều là căn bản của sanh tử luân hồi, cho nên có thể đem nó xả được sạch trơn. Ngài biết được vô thượng đạo mới là chánh pháp, là chư Phật Như

Lai sở chứng, là tất cả người giác ngộ mong cầu học tập. Ngài là chân thật giác ngộ, chân thật hiểu rõ.

Thứ hai: **“Dữ thể siêu dị”** [Trỗi lạ hơn đời]

Hành động việc làm không giống như người thế gian gọi là “Thể siêu dị”: “siêu” là siêu việt, “dị” là không như nhau (khác). Hai câu này nói rõ, bản chất của Ngài khác với phàm tình. Hai câu sau cùng thực tiễn ngay trong cao tài dũng triết.

Thứ ba: **“Tín giải minh ký, tất giai đệ nhất”** [Tín, giải, nhớ rõ, đều là bậc nhất]

Đây là chúng ta vô cùng ngưỡng mộ, chúng ta có thể làm được hay không? Có thể! Bắt đầu làm từ đâu? Từ “Tín”. Ngày nay chúng ta đọc kinh, nghe kinh không thể giác ngộ, tuy là nghe kinh đọc kinh mà không thể khai ngộ, nguyên nhân này do đâu? Tín không thật. Thế Tôn trên Kinh Kim Cang dạy chúng ta: “Tín tâm thanh tịnh”, nhưng ngày nay tín tâm chúng ta không thanh tịnh, nếu như tín tâm thanh tịnh liền sanh thật tướng, sanh thật tướng liền sanh trí huệ. Phía sau “Giải”, “Minh”, “Ký”, đương nhiên là đệ nhất. Cho nên ngay chỗ này chúng ta phải biết được tại vì sao Pháp Tạng mọi thứ đều là lấy đệ nhất? Là Tín. Ngày nay chúng ta trên tín tâm có vấn đề, cho nên ở trên kinh Phật thường nói “Tín là mẹ đẻ công đức”¹⁷.

Trên “Đại Trí Độ Luận” nói “Tin là có thể vào, trí là có thể chứng”. Nếu bạn không tin, thì bạn làm sao có thể vào? Chúng ta đọc đến đoạn kinh văn này, phải nên có sự khái thị, phải nên có sự lĩnh ngộ, không có một pháp nào, không có một chữ nào, không phải là từ trong tự tánh lưu xuất ra. Tự tánh của ai? Tự tánh của chính chúng ta. Cho nên chỉ cần xây dựng tín tâm thanh tịnh, chúng ta cũng có thể giống như Pháp Tạng “Giai tất đệ nhất”.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta chỉ giảng đến đây thôi. A Di Đà Phật!

(VCD 065)

CHÁNH KINH: “Hựu hữu thù thắng hạnh nguyện, cập niệm huệ lực, tăng thượng kỳ tâm, kiên cố bất động. Tu hành tinh tấn, vô năng du giả.”

[Dịch nghĩa: Lại có hạnh nguyện và niệm huệ lực thù thắng để tăng thượng tâm mình kiên cố chẳng động, tu hành tinh tấn chẳng ai hơn nổi.]

Hôm nay chúng ta tiếp tục giới thiệu Phật A Di Đà tu hành ở nhân địa. Vào lúc này thân phận của Ngài là một quốc vương xuất gia bá sư học đạo.

Phía trước đã từng giới thiệu qua bản chất của Ngài “Cao tài dũng triết”, nên ngay trong quá trình tu học đều siêu việt hơn đồng bạn của Ngài. Chúng ta xem tiếp đoạn kinh văn.

Thứ nhất: **“Hựu hữu thù thắng hạnh nguyện”** [Lại có hạnh nguyện]

“Thù” là đặc thù, “thắng” là siêu thắng, cũng chính là nói đức hạnh của Ngài, hồng nguyện của Ngài siêu việt hơn tất cả đại chúng, siêu việt tất cả Bồ Tát. Chỗ này chúng ta phải tường tận, cũng phải nên học tập, Chư Phật Như Lai đều phát ra đại nguyện khi còn ở nhân địa. Hiện tại chúng ta cũng phát ra đại

nguyện ở nhân địa, nguyện đã phát rồi, có thể thực hiện được nguyện hay không? Nếu như nguyện đã phát ra có thể viên mãn thực hiện tròn đầy, thực hiện được 100%, thì cái nguyện đó thù thắng. Nếu như nguyện tuy đã phát rồi, cũng có thể làm được, nhưng không làm được viên mãn, cái nguyện này sẽ kém thù thắng. Rất nhiều đồng tu Phật tử, nguyện là ngày ngày phát ra nhưng hoàn toàn không thể thực hiện thì tu học làm sao có thể thành tựu?

“Hạnh nguyện thù thắng” của Pháp Tạng chỉ cái gì? Thông thường nói chính là “Tứ hoàng thế nguyện”, còn nói riêng chính là phía sau “Phẩm thứ sáu” đã nói ra 48 nguyện. Nguyện tuy là có 48 điều, nhưng khi quy nạp lại vẫn là không thể siêu vượt Tứ hoàng thế nguyện. Cho nên Tứ hoàng là nói chung, 48 nguyện là nói riêng, 48 nguyện hiển thị rõ Ngài đã làm đến được 100%, đây chính là chỗ thù thắng của Ngài.

Trong tứ hoàng thế nguyện:

Nguyện thứ nhất: ***“Chúng sanh vô biên thế nguyện độ”***.

Chúng ta cũng phát ra cái nguyện này, thường là hay ở ngay trong lúc cộng tu, ở ngay trong lễ sám, chúng ta cũng đều niệm câu kệ tứ hoàng thế nguyện. Niệm thì có niệm nhưng rốt cuộc có phát huy được

hay không? Việc này thì rất khó nói, không thể nói chúng ta niệm thì đã phát rồi, không hề đơn giản như vậy, mỗi một người phát, tình hình của mỗi một người phát ra không như nhau, vậy bạn làm đến được mấy phần trăm? Trong nguyện văn nói được rất rõ ràng.

“Chúng sanh vô biên”.

Không chỉ chúng sanh cư trú ở cái thành phố này, cũng không chỉ một quốc gia này, cũng không chỉ một cái địa cầu này, vô lượng vô biên là chỉ tận hư không khắp pháp giới, vậy chúng ta có được cái tâm lượng lớn đến như vậy không? Các đồng tu hiện tại đều có một số kiến thức khoa học biết được ngay trong thái không có rất nhiều tinh cầu, số lượng của tinh cầu là không có cách gì tính đếm, mà ngay trong những tinh cầu này quyết định không phải chỉ có địa cầu. Trên tinh cầu này có nhân loại cư trú gọi là có sinh vật cao đẳng. Các khoa học gia tin tưởng những tinh cầu có sinh vật cao đẳng cư ngụ, số lượng vẫn là rất nhiều, thế nên khi họ đã nói sinh vật cao đẳng là chỉ hạn chế ở động vật, thực vật mà ngày nay chúng ta gọi, chỉ hai loại này.

Phật nói ra sáu đường với chúng ta, mà quan niệm của sáu đường, sự thật của sáu cõi vào lúc Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, cũng chính là nói 2500 trước, Ấn Độ xưa có rất nhiều tôn giáo cổ xưa

và họ đều thừa nhận, đều khẳng định có sáu cõi. Làm sao họ biết được? Điều là ở ngay trong thiên định sâu mà thấy được, cho nên biết được chính là nhờ trong thiên định rất sâu đột phá được thời không.

Ngày nay nhà Phật chúng ta gọi là mười pháp giới. Rất giống trong khoa học gia đã nói mười loại không gian duy thứ khác nhau, gọi là không gian ba độ, không gian bốn độ, không gian năm độ, thậm chí đến không gian vô hạn độ. Khoa học gia hiểu được, biết được ngay trong vũ trụ có cái hiện tượng này. Thế nhưng hiện tại khoa học gia vẫn không nghĩ ra phương pháp đột phá. Vậy thì do đây có thể biết, ngày nay quan sát của người thế gian, không luận dùng bất cứ dụng cụ khoa học nào quán sát thái không cũng chỉ có thể quán sát đến không gian ba độ, nhiều nhất là quán sát đến không gian bốn độ, lên trên nữa thì không thấy, không thể dùng thiết bị khoa học mà có thể thấy được. Hiện tại có rất nhiều truyền thuyết nói thấy được công cụ phi hành ngoài thái không mà người thông thường gọi là đĩa bay, cũng phát hiện có rất nhiều tình huống thậm chí đến lời đồn còn có người thái không, người ngoài hành tinh đã từng đáp xuống địa cầu chúng ta, trong các nhà sách báo chí đăng tin về những việc này số lượng rất nhiều. Liệu có phải chân thật có sự việc này? Rất có khả năng có. Như đĩa bay tôi chính mắt thấy qua, tôi tin tưởng có thứ này tồn tại, khi tôi thấy không phải

chỉ có mình tôi, bên cạnh tôi còn có rất nhiều bạn bè đồng thời đều xem thấy, sau đó ngày thứ 2 trên báo chí cũng đăng tin rằng có rất nhiều người xem thấy.

Những việc này nói rõ phàm hễ có thể thấy được người ngoài hành tinh đến địa cầu, thì họ vẫn ở trong sáu cõi vẫn là thuộc về cõi người, họ không phải cõi trời. Vì sao? Nếu như cõi trời thì người trời muốn đến thế gian này của chúng ta, hà tất phải dùng công cụ giao thông? Hà tất phải dùng công cụ phi hành? Không cần thiết! Nếu họ còn phải dùng công cụ phi hành thì họ vẫn là cõi người, không phải là cõi trời, ở trên kinh Phật nói với chúng ta trời có 28 tầng. Vậy thì do đây có thể biết, đây vẫn là khu vực giáo hoá của Thích Ca Mâu Ni Phật, gọi là một Đại thiên thế giới.

Phật nói với chúng ta thế giới giống như Đại thiên thế giới ở ngay trong thái không là vô lượng vô biên, không cách gì tính đếm mà trên kinh thường gọi là “Hằng hà sa số”, nhiều thế giới đến như vậy. Thực tế mà nói bất cứ thế giới nào cũng đều có chúng sanh. Tại vì sao chúng ta có thể khẳng định như vậy? Ở trong kinh Phật giảng cho chúng ta nghe một đạo lý mà chúng ta tin tưởng sâu sắc đối với đạo lý này. Cái đạo lý này là gì vậy? Y báo là từ chánh báo biến hiện ra. Điển tích của Pháp Tướng Tông đã nói rất rõ ràng về hình thành của pháp giới: Cái thứ nhất là một niệm

bất giác mà có vô minh, từ vô minh biến thành tam tế tướng, tam tế tướng¹⁸ chính là nói nhân duyên sanh khởi của vũ trụ. Vô minh nghiệp tướng, từ trong vô minh nghiệp tướng sanh ra kiến phần, do “Kiến phần”¹⁹ lại sanh ra “Tướng phần”²⁰, tướng phần chính là Cảnh giới tướng. Vậy thì làm sao có thể nói trên một tinh cầu người không có, (tức) chánh báo (không có) ở nơi đó, thì họ làm sao có thể xuất hiện y báo? Có nói thế nào cũng nói không thông.

Hiện tại khoa học kỹ thuật nhân loại trên địa cầu này phát triển, xem như có được thành tựu bước đầu, con người chúng ta cũng đã lên được cung trăng rồi, chứng minh trên cung trăng không thấy có người, không hề thấy có người, không hề thấy có súc sanh. Vậy thì trên cung trăng có quỷ cư ngụ không? Thì họ không hề xem thấy. Trên địa cầu chúng ta có quỷ cư ngụ, thỉnh thoảng cũng có thấy được quỷ, cũng có thần tiên cư hanh tinh ngụ. Địa cầu này của chúng ta là cõi phàm thánh đồng cư ngụ. Theo ghi chép của triều nhà Đường, Đại Thánh Trúc Lâm Tự núi Ngũ Đài là đạo tràng của Bồ Tát Văn Thù, đã từng có người gặp qua. Các vị đọc “Tứ Bi Tam Muội Thủy Sám”, đọc đến quốc sư Ngô Đạt bị ghẻ mặt người, cầu cứu với tôn giả Ca Nặc Ca. Tôn giả Ca Nặc Ca là A La Hán, đạo tràng của Ngài ở Tứ Xuyên, Ngô Đạt ông có duyên gặp được Ngài, sau khi trị hết bệnh rồi

khỏi đạo tràng, khi quay đầu nhìn lại thì không thấy gì nữa, biến thành một mảng núi hoang. Cho nên chúng ta biết được đạo tràng của Bồ Tát, đạo tràng của A La Hán, đạo tràng của thiên nhân, nơi cư ngụ của quý thần, con người chúng ta đều không nhìn thấy. Nhưng không thấy được không thể nói không có. Do đó ngày nay chúng ta chỉ có thể nói trong cung trăng không có người, không có động vật mà chúng ta biết. Chủng loại động vật rất là phức tạp, có những động vật con người chúng ta không thể nhìn thấy, cho nên chỉ có thể nói không nhìn thấy động vật là con người chúng ta quen biết. Nói không chừng còn có những động vật mà mắt thịt chúng ta không nhìn thấy được cư trú trên những tinh cầu này.

Trong “Dược Sư Bản Nguyện Kinh” nói chúng ta nghe, Bồ Tát Nguyệt Quang, Bồ Tát Nhật Quang, không chỉ là trong cung trăng có Bồ Tát cư ngụ, trong thái dương cầu cũng có Bồ Tát cư ngụ. Loại cảnh giới này cũng giống như trên kinh Hoa Nghiêm đã nói “Bất tư nghị giải thoát cảnh giới”, không phải phàm phu chúng ta có thể tưởng tượng ra được. “Thế giới chi đại, vô kỳ bất hữu”²¹, chúng sanh chủng loại, rất nhiều tộc loại, cũng là vô lượng vô biên.

Câu tứ hoàng thệ nguyện thứ nhất này tức tất cả chúng sanh này chúng ta đều phải phát tâm độ thoát. Vậy bạn nói xem cái tâm lượng này bao lớn?

Chúng ta ngày nay sáu căn: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý nếu có thể tiếp xúc được chúng sanh, thì chúng ta phải độ họ, còn nếu không tiếp xúc được, chúng ta phải biết nhất định có, chẳng qua không tiếp xúc được là năng lực của chúng ta chưa thể hồi phục, nhưng chúng ta khẳng định họ tồn tại, chúng ta tin tưởng lời của Phật nói. Phật là “*Chân ngữ giả, thật ngữ giả*”²², Phật nhất định không có vọng ngữ, hơn nữa lời của Phật nói quyết không phải là thần thoại, quyết không phải là lời dự đoán. Phật muốn chúng ta phải đem nó chứng thực từng cái từng cái, ở trong tu hành là Tín - Giải - Hành - Chứng, phải đem lời của Phật chứng minh, chứng thật, muốn chúng ta chân thật nhận biết tường tận hư không pháp giới. Tất cả chúng sanh hiện tại chúng ta có thể xem thấy cũng tốt, không thấy được cũng tốt, nhưng họ đều có liên quan mật thiết với chúng ta, chúng ta quan tâm họ, chúng ta thường hay nhớ nghĩ họ, cho nên mới phát nguyện “Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”. Trong cái tâm nguyện này, bao hàm lấy tất cả chúng sanh tận hư không khắp pháp giới.

“*Thệ nguyện độ*”.

Cái chữ “Độ” này ý nghĩa là gì? Dùng lời hiện đại mà nói là quan tâm họ. Chúng ta dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm đại từ bi, quan tâm tất cả chúng sanh, thương yêu tất cả chúng sanh. Chúng sanh cần giúp đỡ thì chỉ cần sức lực của

chính chúng ta có thể làm đến được, nhất định phải đưa tay ra tiếp giúp, nhất định phải giúp đỡ, còn nếu không có đủ sức để giúp họ, chúng ta cũng phải chân thành chúc phúc cho họ, đây là ý nghĩa của độ.

Vì muốn giúp đỡ những chúng sanh này, trong Phật pháp thường nói: “*Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân*”²³. Bạn xem thấy cái tâm nguyện này bao lớn, không bỏ sót một chúng sanh nào. Sự việc này chỉ có Phật mới có thể phân biệt được, chỉ có Phật mới có thể làm được viên mãn, Bồ Tát cũng không làm đến được viên mãn, huống hồ phàm phu chúng ta.

Cho nên chúng ta phát nguyện giúp đỡ tất cả chúng sanh, trước tiên chính mình phải tu thành Phật đạo. Tại sao vậy? Đến được cảnh giới của Phật, thì trí tuệ của chúng ta, năng lực của chúng ta hoàn toàn hồi phục, mắt của chúng ta mở ra, xa có thể thấy được hư không pháp giới, tận hư không khắp pháp giới, chúng ta đều có thể thấy được rõ ràng tường tận. Như trên kinh Phật đã nói “*Như đối mục tiền*”²⁴, cũng giống như mặt đối mặt với người, thấy được rõ ràng như vậy, tường tận như vậy. Trên kinh nêu ra cự ly gần nhất là bao xa? “Một tuần”! Một tuần là người Trung Quốc chúng ta gọi là tám thước, tám thước cự ly rất gần. Tôi ngồi ngay đây cự ly cách các vị không phải là tám thước, đại khái có khoảng hơn 20 thước. Bạn

tưởng tượng xem gần như vậy đó không phải thấy được rất rõ ràng hay sao? Thế giới Cực Lạc cách chúng ta mười vạn ức cõi nước Phật, vậy mà chúng ta thấy Thế giới Cực Lạc cũng như ngay trước mặt.

Khi bạn hồi phục năng lực, từ thế giới vi mô mà xem, bạn không cần dùng thiết bị khoa học bạn cũng có thể xem thấy bàn ghế bày ra ngay trước mắt chúng ta, mọi thứ mọi vật đều xem thấy nguyên tử, điện tử, hạt tử trong đó, xem thấy nó đang vận hành ở trong đó, đó chính là năng lực thấy của bạn được hồi phục, công năng của mắt. Công năng của tai hồi phục thì sao? Ngày nay chúng ta gọi là sóng âm thanh. Sóng âm thanh giữa vũ trụ này cũng là vô lượng vô biên, chúng ta tưởng tượng ra được, có thể lý giải sóng âm là do đâu mà có? Do chấn động mà ra, chỉ cần có chấn động thì có âm thanh, mức độ chấn động lớn nhỏ không như nhau, thế là hình thành sóng dài ngắn không như nhau. Ngày nay lỗ tai này của chúng ta, ở trong rất nhiều sóng âm khác nhau, chỉ có thể tiếp nhận một bộ phận rất là nhỏ hẹp, cao hơn âm này thì chúng ta không thể nghe được, thấp hơn so với cái âm này chúng ta cũng không nghe được. Việc này mọi người đều có thể hiểu được, đều có thể lý giải. Nếu như năng lực nhĩ căn chúng ta hoàn toàn hồi phục rồi, âm ba cực cao chúng ta cũng có thể nghe được rõ ràng, cực thấp như kiến, kiến nói chuyện ở trong ổ, chúng ta cũng có thể nghe được rõ ràng

tường tận.

Vậy nên nếu năng lực của bạn không thể hồi phục, thì bạn làm sao có thể giúp tất cả chúng sanh? Cho nên hồi phục năng lực là việc lớn quan trọng nhất ngay trước mắt.

Năng lực phải làm cách nào để hồi phục?

Phật ở trên “Hoa Nghiêm”, Phẩm “Xuất Hiện” nói với chúng ta “*Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí tuệ Như Lai*” nhưng vì vọng tưởng, chấp trước mà không thể chứng đắc. Phật chỉ cần một câu nói là đem gốc bệnh của chúng ta nói ra hết. Mỗi một người chúng ta đều có đức tướng Như Lai, đều có trí tuệ của Phật Đà như vậy, đức năng như vậy.

“Đức năng” chính là tôi vừa rồi nêu ra tai, mắt thông minh. Mắt của bạn, đôi mắt có thể thấy được hư không pháp giới, lỗ tai cũng có thể nghe được hư không pháp giới, làm gì phiền não như chúng ta ngày nay không dùng được gì. Tỷ dụ, lần này chúng ta diễn giảng ở đây, nhưng chúng ta biết được hiện tại toàn thế giới có rất nhiều người vào ngay lúc này đồng thời thu, xem giảng kinh của chúng ta, rồi nhờ vào thiết bị khoa học để phát sóng, vậy cũng vẫn là phiền phức. Phật nói chúng ta có bản năng, không cần phải nhờ vào bất cứ thiết bị nào giúp đỡ, chư Phật Như lai giảng kinh ở bốn quốc của các Ngài, chúng ta

ở nơi đây có thể nghe được, có thể thấy được. Không những mắt chúng ta có thể thấy được, tai có thể nghe được, tay chúng ta cũng có thể sờ tới, còn có thể tiếp xúc được. Việc này chân thật là không thể nghĩ bàn, đây là nói đức năng.

“Tướng” là tướng mạo! Như trên Đại kinh đã nói “Phật có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp”, mỗi người chúng ta cũng đều có đầy đủ, tại vì sao ngày nay thấy đều mất hết, chúng ta làm sao mất đi? Việc này đúng như Phật đã nói, vọng tưởng, chấp trước, ngay trong đó còn có một cái phân biệt, tỉnh lược rồi. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước che mất đi năng lực của chúng ta. Chúng ta cũng rất rõ ràng có thể thể hội được mười pháp giới từ đâu mà có. Chúng sanh trong mười pháp giới đều là mê, đều không giác ngộ, chỉ là mê có cạn sâu không như nhau. Sáu cõi mê sâu, pháp giới bốn thánh mê cạn, chỉ là khác biệt này mà thôi nhưng pháp giới bốn thánh cũng chưa kiến tánh. Việc này trên kinh nói được rất rõ ràng nên nhất định bạn phải đột phá mười pháp giới, chứng được pháp giới nhất chân mới xem là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật.

Cho nên chúng ta biết được mười pháp giới từ do đâu mà có? Từ phân biệt chấp trước mà ra! Có phân biệt lại có chấp trước là sáu cõi, có phân biệt không có chấp trước thì không có sáu cõi này mà chỉ còn lại pháp giới bốn thánh: Thanh Văn, Duyên Giác,

Bồ Tát, họ có phân biệt nhưng không có chấp trước. Nếu như phân biệt cũng không có, vậy thì tốt rồi, mười pháp giới không còn, thì vào pháp giới nhất chân. Nhất chân là pháp giới bình đẳng, còn mười pháp giới thì không bình đẳng. Cho nên bạn có phân biệt thì bạn không cách gì vào được pháp giới bình đẳng, nên bạn nhất định phải đem phân biệt xả bỏ mới vào được pháp giới nhất chân. Các vị đồng tu nhất định phải nên biết, chúng ta xả tất cả chấp trước thì tức là xả sáu cõi luân hồi.

Xả tất cả chấp trước không luận là thế pháp hay Phật pháp. Trên Kinh Kim Cang nói rất hay: “*Pháp còn nên xả, hướng hồ phi pháp*”. Đó chính là nói với chúng ta Phật pháp cũng không thể chấp trước, bạn chấp trước Phật pháp cũng vẫn là sai lầm. Phật pháp có cần hay không? Cần! Không chỉ Phật pháp cần, pháp thế gian chúng ta cũng cần, cần nhưng không được chấp trước, không được phân biệt. Chỉ cần bạn lìa phân biệt, chấp trước, thì cả thế, xuất thế gian pháp bạn liền thọ dụng tự tại, bạn liền được đại tự tại.

Chỗ này đúng như trên kinh Hoa Nghiêm nói với chúng ta “Lý sự vô ngại, sự sự vô ngại”. Vốn dĩ không có chướng ngại, chướng ngại đều là có ra từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, bạn chưa đoạn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì lý sự có chướng ngại, sự sự có chướng ngại. Chỉ cần sau khi bạn đem

những thứ này xả bỏ, thì sự sự không còn chướng ngại.

Chúng ta ở trong Đại kinh xem thấy Như Lai được đại tự tại, kinh Hoa Nghiêm của đời Đường dịch hình dung Ngài “*Sư tử tần thân*”, còn trong kinh Hoa Nghiêm của đời Tấn dịch là “*Sư tử phấn tóc*”, đều là tỷ dụ ý nghĩa đại tự tại. Vậy thì do đây có thể biết, nếu như chúng ta không thể hồi phục trí tuệ đức năng của chính mình, thì cái nguyện “Chúng sanh vô biên thế nguyện độ” này là không nguyện, không thể hiện thực, bạn không có năng lực giúp đỡ người khác.

Làm thế nào hồi phục năng lực của chính mình? Phật dạy chúng ta đoạn phiền não. Cho nên nguyện thứ hai:

Nguyện thứ hai: “***Phiền não vô tận thế nguyện đoạn***”.

Chủng loại phiền não thì quá nhiều, nói không hết, trong Phật kinh nói “Tám vạn, bốn ngàn trần lao phiền não”. Cái tám vạn này không phải tùy tiện nói, thật có! Các vị tra xem “Phật học từ điển”, tra xem “Giáo thừa pháp số”, tám vạn bốn ngàn phiền não, chân thật là đem từng điều từng điều liệt kê ra, thật sự là có nhiều đến như vậy. Vậy mà “Tứ hoằng thế nguyện” trong nguyện văn nói với chúng ta “Phiền não vô tận thế nguyện đoạn”, thì phiền não còn nhiều

hơn tám vạn bốn ngàn, không chỉ là tám vạn bốn ngàn.

Vậy thì phiền não đoạn bằng cách nào?

Nếu như bạn đem từng cái từng cái mà đoạn, vậy thì quá phiền phức, đó là phương pháp tu học rất ngờ nghệch. Tổ sư đại đức thời xưa Trung Quốc dạy chúng ta (trên thực tế đều là ở trên kinh Phật đã nói) tu hành phải tu từ cơ bản, đoạn phiền não phải đoạn từ cơ bản. Việc này cũng như đốn cây vậy, bạn không cần đến cây này nữa, muốn bỏ đi cây này, bạn đốn cây bằng cách nào, trước tiên tước bỏ lá đi, sau đó chặt cành. Bạn nói xem bạn có bao nhiêu phiền phức. Người thông minh từ gốc mà đào lên thì lập tức nhổ đi, làm gì mà lại phải phiền phức đến như vậy. Phiền não tuy là nhiều, nó có gốc, gốc là gì vậy? Chính là vừa rồi mới nói “*Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước*” đây là gốc. Nếu bạn không biết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, rốt cuộc là thứ gì? Phật nói rất cụ thể với chúng ta là “Tham - Sân - Si - Mạn”. Vậy thì chúng ta bỗng nhiên hiểu ra, cái đầu tiên là “*Thân kiến*”.

“Thân kiến” là gì?

Bạn đem cái thân thể này xem thành ta, chấp trước cái thân thể này chính là ta, đây là căn bản của

phiền não. Rồi từ nhận biết sai lầm này, sanh ra ngã tham, ngã sân, ngã si, ngã mạn thì phiền phức liền đến. Đều là do một chữ “Ngã”, cái “Ngã” này là từ trong chấp trước mà sanh ra, từ trong vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sản sanh ra, là giả không phải là thật.

Cho nên trên Kinh Kim Cang Phật nói: “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”. Đó là Phật nói lời chân thật với bạn, Phật nói những lời này, vậy thì liệu có thân thể chúng ta trong đó hay không? Có! Phật đã nói “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng*”, cái tướng này là cái tướng bạn phân biệt chấp trước, không có cái tướng này, chứ không phải không có cái thân tướng đang tồn tại này. Mỗi một thân tướng đều đang ở đây, “*Vô ngã tướng, Vô nhân tướng, Vô chúng sanh tướng*” là không phân biệt chấp trước cái ngã tướng, không phân biệt chấp trước cái nhân tướng, không phân biệt chấp trước tướng chúng sanh; “*Thọ giả tướng*”, chính là nói ngày nay chúng ta gọi là quan niệm của thời gian cùng không gian. Thọ giả là chỉ thời gian, thời không là quan niệm trừu tượng. Hay nói cách khác vẫn là từ ngay trong phân biệt chấp trước mà sanh ra, không phải là thật.

Phật dạy chúng ta lìa tướng, là lìa cái tướng vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chứ không phải là

cái tướng hiện thực này của chúng ta, nếu hiểu vậy thì bạn hoàn toàn sai lầm. Cái tướng này là như thế nào vậy? Trong Tướng Tông gọi là tướng phần của A Lại Da, nếu như từ trong Tánh tông mà nói “*Duy tâm sở hiện*”, đó là cái tướng duy tâm sở hiện, còn trên kinh Bát Nhã nói “*Chư pháp thật tướng*”²⁵, chính là nói cái này, đó là chư pháp thật tướng, cái tướng này không ngại sự, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Ngại sự là gì vậy? Ngại sự là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cái tướng đó của bạn, cái tướng đó ngại sự. Cái đạo lý này thì rất sâu rất rộng, nếu nói tỉ mỉ thì thời gian tương đối dài, may mà phía sau “*Hoa Nghiêm*” còn có nói đến, hơn nữa nói được rất nhiều.

Vậy thì chúng ta từ chỗ này mà thể hội được? Đoạn phiền não nhất định phải từ gốc mà đoạn. Chỗ này chính là chúng ta thường nói “*Nhìn thấu buông bỏ*”. “*Nhìn thấu*” giúp hiểu rõ chân tướng sự thật, “*buông bỏ*” chính là buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Càng cụ thể hơn mà nói chính là buông bỏ “*Tham - Sân - Si - Mạn*”, buông bỏ “*Phải quấy, Nhân ngã*”, vậy thì chúng ta trải qua đời sống trí tuệ cao độ của chư Phật Bồ Tát. Cho nên trước tiên bạn nhất định phải đoạn phiền não, bạn không đoạn phiền não thì không có năng lực học Phật pháp. Sau khi phiền não đoạn tận:

Nguyện thứ ba: “*Pháp môn vô lượng thế nguyện*”

học”.

Bạn học pháp môn thì rất đơn giản, rất dễ dàng. Tại sao vậy? Trí tuệ khai rồi! Sau khi đoạn phiền não thì trí tuệ khai mở, pháp môn vô lượng vô biên vừa tiếp xúc thì liền thông đạt.

Các vị ở trong “Kinh Vô Lượng Thọ” ở trong “Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật” xem thấy được, tình hình của thế giới Tây Phương Cực Lạc, bạn xem thù thắng dường nào. Không chỉ Phật A Di Đà ngày ngày giảng kinh nói pháp, Thế giới Tây Phương sáu trần đều nói pháp. Các vị đã nghe “Hoa Nghiêm” nửa năm rồi, ý nghĩa của “sáu trần” nói pháp, phải nên có thể hiểu thêm một chút. Sáu trần thật nói pháp, không phải là giả, cây cối hoa cỏ, tất cả vạn pháp, không có thứ nào không nói pháp, lại hướng hồ mỗi một người đều có năng lực, mỗi ngày thân cận mười phương vô lượng vô biên chư Phật Như Lai. Bạn đi cúng Phật là bạn tu phước, cúng Phật đương nhiên nghe Phật nói pháp, nghe pháp là tu huệ. Thế giới Tây Phương Cực Lạc là nơi chốn tốt nhất phước huệ song tu, đạo tràng tốt nhất. Cho nên Thích Ca Mâu Ni Phật khuyên chúng ta đến bên đó, mười phương tất cả chư Phật khuyên khích chúng ta đi đến thế giới Cực Lạc, đạo lý chính ngay chỗ này.

Vậy tại vì sao bạn không đi đến thế giới khác mà nhất định phải đến Thế giới Cực Lạc?

Vì thế giới Tây Phương Cực Lạc là nơi chốn để tu học tốt nhất, nếu như nói đến các thứ khác thì có một số thế giới còn thù thắng hơn so với thế giới Cực Lạc, thế giới Cực Lạc sẽ không so sánh được với thế giới đó, thế nhưng nói đến giáo học học tập, vậy thì bao gồm tất cả cõi nước chư Phật, đều không thể sánh được với thế giới Cực lạc. Chúng ta phải biết được chân tướng sự thật này mới hiểu rõ ý nghĩa chân thật chư Phật Bồ Tát khuyến bảo chúng ta vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì tu học liền nhanh, thời gian rất ngắn thì hoàn thành trí tuệ, cùng trí tuệ trên quả địa Như Lai không hề khác biệt.

Nguyện sau cùng: ***“Phật đạo vô thượng thế nguyện thành”***.

Đó là kết quả. Tứ hoàng bốn điều ở nơi đây lược nói, bạn xem thấy Bồ Tát Pháp Tạng làm thế nào đem áp dụng Tứ hoàng thế nguyện? Làm thế nào tu được viên mãn tứ hoàng thế nguyện? Đó chính là 48 nguyện! Chúng ta học bộ kinh này phải nhắm vào ngay chỗ này, chỗ này không được một chút mơ hồ nào.

Kinh văn chỗ này chỉ có một câu “Thù thắng hạnh nguyện”. Hạnh cùng nguyện nhất định phải hợp lại, có nguyện có hạnh, nguyện ở phía trước dẫn đường bạn, dùng hạnh để thực tiễn nguyện, thực tiễn nguyện vọng của bạn, thì nguyện vọng của bạn mới

có thể đạt đến, mới có thể viên mãn. Hy vọng các đồng tu phải tỉ mỉ mà tư duy, tỉ mỉ mà thể hội.

Chúng ta ở ngay trong đời sống hiện thực, phải nên làm thế nào dụng tâm? Phải nên làm thế nào tu hành? Nhất định phải phát nguyện, phải có thể xả mình vì người. Pháp tạng có thể mãn nguyện chính là nhờ vào cái nguyên tắc này mà làm, Pháp Tạng xây dựng thế giới Tây Phương Cực Lạc, xây dựng đạo tràng này, không phải chính mình hưởng phước, mà là cung cấp cho tất cả chúng sanh mười phương thế giới, chỉ cần ưa thích ở nơi đây, đều hoan nghênh bạn đến tu học. Cái phước báo này mọi người cùng hưởng, chính Ngài không hưởng.

Ngày nay chúng ta học Phật, tu học Tịnh Độ, thù thắng đến như vậy, tu học Tịnh Độ chính là học trò của Phật A Di Đà, chúng ta có giống A Di Đà Phật hay không? Mỗi ngày chí ít phải hỏi vài lần, ta có giống Phật A Di Đà không? Không giống Phật A Di Đà thì không được, vậy thì bạn là giả, bạn không phải là thật. Nhất định phải giống như Phật A Di Đà.

Làm thế nào để giống Phật A Di Đà?

Lúc trước tôi đã nói qua rất nhiều lần, bạn phải đem bộ kinh này từng câu từng chữ làm cho được thì bạn liền giống Phật A Di Đà. Bộ kinh này chính là Phật A Di Đà, cho nên chúng ta phải thật tin, phải có thể lý

giải, phải y giáo phụng hành. Không phải chúng ta đọc cái nguyện của Phật A Di Đà là y theo cái nguyện đó của Phật A Di Đà, mà chúng ta phải phát nguyện, phát ra cũng giống như cái nguyện của Ngài, tu cũng giống như cái hạnh của Ngài, vậy mới giống như Phật A Di Đà. Có được 2-3 phần giống, vậy thì bạn quyết định vãng sanh, bạn có thể tu được 8-9 phần giống, thì bạn thượng thượng phẩm vãng sanh, chúng ta phải nên nỗ lực. Câu phía sau cũng rất là ý nghĩa “Cập niệm huệ lực”.

Thứ hai: **“Cập niệm huệ lực”** [Và niệm huệ lực thù thắng]

Thực tế mà nói câu này là nói cơ bản hành môn của chúng ta, đó là ngũ căn ngũ lực, chỗ này là nói “Niệm, Huệ lực” là 2 trong 5 lực, căn có lực. Ở đây 5 căn²⁶ “tín, tấn, niệm, định, huệ”, nhưng chỉ nói đến niệm, huệ, ngoài ra đem “tín, tấn, định” ba cái chữ này tỉnh lược đi, nhưng ý nghĩa là viên mãn, quyết không có sót mất, bởi vì kinh văn này là đem bốn chữ một câu, đó là cái đẹp của văn tự, ý nghĩa rất viên mãn, trên văn tự có tỉnh lược đi chúng ta phải biết. Thế nhưng bạn nghĩ đến “Ngũ căn, ngũ lực” thì bạn cần phải biết “Ba mươi bảy phẩm trợ đạo”²⁷, trong đó, đầu tiên có “Tứ Niệm Xứ”. Niệm xứ chúng ta có hay không? Niệm xứ là trí tuệ, cũng là nhìn thấu mà chúng ta nói, Tứ niệm xứ là dạy cho chúng ta bốn loại quan niệm chính

xác.

Ngày nay chúng ta tu hành, các đồng tu thường nói công phu không có lực, vì nền tảng của chúng ta chưa chắc chắn, thì công phu của bạn đương nhiên không có lực. Không có lực là gì? Không buông bỏ được! Tại vì sao không buông bỏ được? Không nhìn thấu! Phật dạy chúng ta phải bắt đầu học từ đâu? Bắt đầu học từ Tứ Niệm Xứ.

Trong Tứ niệm xứ²⁸:

Cái thứ nhất: “Quán thân bất tịnh”.

Đây là bước đầu vào cửa, chính là làm cho chúng ta đối với thân kiến này tuy là chưa thể đoạn dứt, nhưng cái chấp trước này phải giảm nhẹ, vậy thì có tiến bộ. Dùng phương pháp “Quán thân bất tịnh” này giảm nhẹ ngã chấp.



(VCD 066)

Thân tuy là giả không phải là thật, nhưng chúng ta không thể thiếu nó. Nhà Phật thường nói “Mượn giả tu thật”. Chúng ta phải mượn cái thân giả này tu cái chân tánh, không có cái giả này thì không được, cho nên nó vẫn hữu dụng, bạn tận lực mà sử dụng nó, không chướng ngại, nhưng bạn không được chấp trước nó.

Việc này ngày trước tôi giảng kinh thường nói qua, chúng ta ở thế gian này tất cả vạn vật, chúng ta có quyền sử dụng, nhưng không nên có quyền sở hữu. Quyền sử dụng hữu dụng, còn quyền sở hữu là chấp trước, không cần phải sở hữu của ta, ta có dùng được thì tốt rồi. Cái giảng đường này, chúng ta ở nơi đây giảng kinh, chúng ta ngồi ở nơi đây, chúng ta có quyền sử dụng, còn quyền sở hữu là Cư Sĩ Lâm, không phải của chúng ta. Đối với thân thể này cũng vậy, không nên chấp trước cái thân này là ta, không nên thương yêu nó quá đáng, chăm sóc nó nhiều quá, nếu vậy thì sai rồi. Ta phải lợi dụng nó, phải sử dụng nó, nhưng ta quyết không chấp trước nó, sau đó xả thân thọ thân bạn liền được tự tại.

Cho nên Phật dạy cho chúng ta phương pháp tốt:

Cái thứ nhất: “Quán thân bất tịnh”.

Đó là dạy bạn thường phải quán sát “Quán thân bất tịnh”. Cái thân này không phải là thứ trong sạch, không phải là thứ tốt, vậy thì bạn trân trọng nó như vậy, thương yêu nó đến như vậy để làm gì? Sai rồi!

Cái thứ hai: “Quán thọ thị khổ”.

Dạy chúng ta “Quán thọ thị khổ”. Thọ là gì vậy? Hưởng thọ! Người ở Singapore đều có phước, đây là đất phước, trên thế giới có rất nhiều nơi con người đang chịu khổ nạn, còn người ở nơi đây thì cơm áo đầy đủ. Bạn tử tử mà nghĩ xem, bạn ngày ngày hưởng thọ thì bạn vui hay là khổ? Cũng không tệ! Rất an vui, nhưng bạn không biết được thật khổ, tại sao vậy? Bởi vì ba bữa cơm bạn ăn được rất no, cơm rau đều ăn được rất vừa miệng, rất vui, còn như một ngày không cho bạn ăn cơm, bạn đói đến khổ sở, cái khổ liền đến. Do đây có thể biết, ba bữa cơm là thuốc, là cứu khổ, bạn thiếu một bữa thì khổ rồi, thiếu hai bữa càng khổ, lúc đó bạn mới biết được hưởng thọ của bạn là khổ. Tại vì sao bạn không cảm giác được khổ? Là bởi vì đến lúc thì bạn liền uống thuốc, làm cho cái khổ đó bị che mắt, thì bạn không cảm thấy được khổ, còn khi một lần thuốc đến trễ thì khổ liền đến ngay. Bạn vẫn không giác ngộ hưởng thọ của thế gian chỉ có khổ không có vui. Cho nên nói với bạn, khổ là thật, vui là giả. Vì sao nói vậy? Vui sẽ

biến thành khổ, vui chính là giả, khổ không thể biến thành vui, cho nên khổ là thật. Bạn lấy ăn cơm để nói, bạn ăn một chén rất vui thích, ăn cảm thấy ngon, ăn hai chén cũng rất vui thích, liên tục bảo bạn ăn mười chén, hai mươi chén thì bạn liền khổ, bạn thấy chẳng phải vui lập tức biến thành khổ rồi sao? Bụng đói thì rất khổ, đói một ngày thì khổ, đói hai ngày càng khổ, đói luôn mười ngày, 20 ngày, chỉ có khổ kéo dài, tuyệt đối không thể nói đói đến một lúc nào đó thì vui, không hề có việc này. Cho nên vui là giả, khổ là thật, bạn chính mình phải cố gắng mà nghĩ tưởng lời Phật nói không sai một chút nào “Quán thọ thị khổ”.

Cái thứ ba: “Quán tâm vô thường”.

Tâm là gì? Ý niệm! Ý niệm bầy trên tám dưới, cho nên người thế gian qua lại, ây daz! Bạn hiểu rõ giác ngộ rồi, là hư tình giả ý, không có gì là thật. Xin nói thật lòng với bạn, đối tốt được với bạn thế nào, thương yêu bạn đến đâu, qua hai ngày thì thay đổi, trong tâm lập tức liền biến đổi. Cho nên nếu bạn hiểu rõ rồi, nghe lời Phật nói giác ngộ rồi, họ nói tốt mỉm cười, biết là giả, không phải là thật, họ nói không tốt, cũng là giả, cũng không phải là thật, vô thường không thật. Đây đều là nói đến chân tướng sự thật, đó là phạm phu.

Chư Phật Bồ Tát tâm của họ là chân thường, gọi là “Chân tâm thường trụ”, cái đó thì vĩnh viễn

không thay đổi. Phàm phu mê hoặc điên đảo, làm gì mà không thay đổi? Thiên biến vạn hoá, chính mình cũng không làm chủ được chính mình, thì làm gì có bảo đảm đối với người khác, làm sao mà đáng tin?

Cái thứ tư: “Quán pháp vô ngã”.

Phật dạy chúng ta “Quán pháp vô ngã”. Ngã là gì vậy? Chủ tể! Trên kinh Hoa Nghiêm đã nói qua tám loại ngã, chỗ này thì không cần nói thêm nhiều, ý nghĩa chủ yếu nhất trong tám loại này chính là chủ tể. Tất cả vạn vật đều không thể làm được chủ, đều là đang biến hoá: Người, động vật có Sanh-Lão-Bệnh-Tử; Thực vật có Sanh-Trụ-Dị-Diệt; Khoáng vật có Thành-Trụ-Hoại-Không. Tất cả vạn vật không có tự thể, tất cả vạn vật đều không thể thường trụ, đó gọi là vô ngã.

Phật dạy cho chúng ta bốn loại quan niệm cơ bản này, bạn phải thường hay quán sát như vậy đối với vũ trụ nhân sanh thì bạn liền khai trí tuệ. Đây là chúng ta nói bạn đã nhìn thấu. Sau khi nhìn thấu liền có thể buông bỏ. Buông bỏ là gì vậy? “Tứ như ý túc”.

“Tứ như ý túc” ²⁹:

“Túc” là gì vậy? Đây đủ! “*Tri túc thường lạc*”. Phật thị hiện cho chúng ta xem năm xưa Thích Ca Mâu Ni Phật còn ở đời, nhu cầu đời sống của Ngài ba

y một bát, khát thực nuôi cái thân này, nửa ngày ăn một bữa, dưới gốc cây ngủ một đêm, Ngài biết đủ. “Tứ như ý túc” bốn điều này hợp lại mà nói chính là “biết đủ thường vui”.

“Tứ chánh cần”³⁰:

Ngay trong đó có “tứ chánh cần”, tứ chánh cần là dạy chúng ta thái độ đối nhân xử thế ngay trong một đời này, nguyên tắc đối nhân xử thế. “Chánh” là chính xác, “cần” là phấn đấu. Bốn loại chánh đáng, phải nên phấn đấu mà làm, một cái là đoạn ác, một cái là tu thiện. Phật dạy chúng ta ác đã tạo phải mau đoạn dứt, ác chưa tạo thì quyết định không nên tạo tác, hai điều này là đoạn ác. Cái thiện đã làm, cái thiện này phải nỗ lực mà làm, cái thiện chưa làm thì phải mau phát tâm, hai điều này là tu thiện. Cho nên “tứ chánh cần” hợp lại mà nói chính là đoạn ác tu thiện.

Ngày nay chúng ta được thân người ở nhân gian này sống qua được mấy mươi năm, ngày tháng của mấy mươi năm phải nên trải qua như thế nào? Phật chỉ điểm cho chúng ta nguyên tắc là “Đoạn ác tu thiện” mà Thế Tôn cũng thị hiện tám gương này cho chúng ta xem thấy được trong truyện ký của Phật Đà, trong Đại Tạng Kinh có “Thích Ca Phương Chí”, có “Thích Ca Phổ” là người xưa viết. Đây là truyện ký cổ xưa nhất của Thích Ca Mâu Ni Phật, thấy cả đời

Ngài thị hiện cho chúng ta xem, 12 điều phía trước sát thực Ngài đã làm được: “Tứ niệm xứ”, “Tứ chánh căn”, “Tứ như ý túc”, Ngài thật đã làm được. Vậy nếu chúng ta muốn niệm Phật vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì bạn công phu phải có lực, muốn công phu có lực bạn cũng phải đem ba khoá mục 12 câu này làm cho được, bạn tu hành có gốc, có cái nền móng rồi thì công phu của bạn mới có lực, từ nơi nền tảng này mà nâng lên mới là “Ngũ căn”, “Ngũ lực”.

Chúng ta xem thấy trên kinh A Di Đà, người của thế giới Tây Phương Cực Lạc, cũng chính là nói những người của mười phương thế giới vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc họ còn tu cái gì? Trên kinh nói (họ tu) “Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Chánh Đạo Phần”, nhưng ba điều phía trước (tứ niệm xứ, tứ chánh căn, tứ như ý túc) không hề nói, vì ba điều phía trước không dùng, họ đều có rồi, nền tảng đều có rồi, nhưng đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, căn, lực, bồ đề phần, bát chánh đạo vẫn phải làm tiếp tục.

“*Tam Thập Thất Đạo Phần*”³¹ này, Đại sư Trí Giả của Thiên Thai nói rất hay: “*Người thông thường đều đem nó xem thành giáo nghĩa của Tiểu Thừa, cách nhìn này là sai lầm*”. Ba bảy phẩm trợ đạo này là thông cả Tiểu và Đại thừa, đây là pháp cơ bản trong Phật pháp, không luận đại thừa tiểu thừa, hiện

giáo, mật giáo, tông môn, giáo hạ thầy đều phải tu, khoa trình chung nhau. Chúng ta phải nhận biết rõ ràng điều này. Đại sư Trí Giả đem “Ba mươi bảy phẩm”, dùng phương thức bốn giáo là Tạng, Thông, Biệt, Viên giảng giải, chúng ta mới hoát nhiên đại ngộ, mới thấy ra “Ba mươi bảy phẩm” là pháp luân viên mãn của nhà Phật, bao gồm tất cả pháp ở trong đó, nó là tổng cương lĩnh của Phật pháp.

Bây giờ chúng ta trở lại trong kinh văn giảng, “Niệm huệ lực” chính là nói Ngũ lực.

Ngũ lực³²:

Cái thứ nhất là “Tín lực”.

Trước phải có gốc đã, sau đó cái gốc này mới sanh ra sức mạnh. Vậy chúng ta muốn hỏi, tín của chúng ta có gốc hay không? Ngày nay nghe được niệm Phật tốt, ngày mai lại nghe một người tham thiền tốt, tâm của bạn liền dao động, ngày sau lại nghe một người trì chú tốt, lại muốn đi trì chú, vậy thì tín của bạn không có gốc, giống như lục bình trôi trên sông vậy, trôi theo dòng nước, không có gốc, cái tín này làm sao mà được? Tín tâm như vậy không thành được việc gì.

Vì sao lòng tin của bạn không có gốc?

Vì bạn không làm tốt được ba khoá mục trước, “tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc”, không xây dựng tốt được nền tảng này nên lòng tin không có gốc. Nếu như bạn làm hết được 12 câu phía trước thì lòng tin của bạn liền có gốc. Vì sao vậy? Nhận biết rõ ràng sự lý nhân quả, tất cả pháp đều có thể tường tận, biết được đoạn ác tu thiện, biết được biết đủ thường vui, tâm của bạn liền định, cho nên lòng tin của bạn mới có gốc, gốc đang thêm lớn.

Làm thế nào để lòng tin thêm lớn?

Thân cận thiện tri thức, thân cận bạn lành, đọc tụng đại thừa, mỗi ngày nghiên cứu thảo luận, lý càng nghiên cứu càng rõ ràng, thế là lòng tin của bạn liền có sức mạnh, quyết định không thể dao động. Từ tín bạn mới có thể chịu tinh tấn.

Cái thứ hai là “Tân lực”.

Cái chữ “Tân” là tinh tấn, đặc biệt chú ý chữ “Tinh”, tinh là thuần mà không tạp, một môn thâm nhập, đây gọi là tinh tấn, không được học quá nhiều, không được học quá tạp.

Trong tứ hoằng thệ nguyện nói với chúng ta “Pháp môn vô lượng thệ nguyện học”, vậy vì sao bảo bạn học một môn? Một môn này cùng vô lượng môn là một ý nghĩa, không có một chút mâu thuẫn nào.

Nói như vậy là thế nào? Tổ sư đại đức nói với chúng ta một kinh thông tất cả kinh thông, tất cả kinh không phải là vô lượng pháp môn hay sao? Bạn thông một pháp môn rồi thì bao gồm tất cả pháp môn đều thông. Đây gọi là “Pháp môn vô lượng thế nguyên học”.

Kinh này làm thế nào mới gọi là học thông?

Có phải kinh này đều học thuộc gọi là học thông? Không phải vậy! Có phải đạo lý của kinh này đều hiểu hết mới gọi là thông? Cũng là không phải! Vậy vì sao gọi là thông? Mỗi một bộ kinh đều có Giáo - Lý - Hành - Quả, nhà Phật gọi là bốn kinh: Văn tự là giáo kinh; Đạo lý hàm nghĩa trong văn tự đó là lý kinh, lý là chân lý, là chân như tự tánh; Trong đây lại có phương pháp tu hành, đó là hành kinh; Giáo, lý, hành, dung hoà thành một gọi là chúng. Có như vậy bạn mới xem là thông, đừng nói là tất cả kinh mà Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong 49 năm, tất cả kinh là từ trong một cái Lý mà nói ra, thông thường gọi là giáo lý.

Ngày trước khi tôi học giáo với lão sư Lý, lão sư lên dạy buổi học đầu tiên liền dạy tôi:

- Ông phải học giáo lý.

Vào lúc đó tôi không hoàn toàn hiểu. Ông còn nói với tôi:

- Nếu như ông bắt tay vào từ giáo lý, tương lai tất cả kinh đều quán thông, giảm nhiều thời gian.

“*Như kỳ bất năng*”³³, còn như bạn không có năng lực này thì “*Thoái nhi cầu kỳ thứ*”³⁴, vậy bạn chú trọng giáo nghĩa. Nghĩa cũng là lý, thế nhưng nghĩa lý phạm vi nhỏ, thông một tông, không thể thông toàn bộ, nhưng có thể thông một tông, đó thuộc về nghĩa lý.

Đây là Thế Tôn, Ngài ngay ban đầu dạy cho chúng ta phương pháp, sau đó bạn có thể từ đó mà nhắm vào, học tập sẽ rất mau. Không thể nói học một bộ kinh thì sẽ giảng một bộ kinh, nếu bạn cứ chiếu theo phương pháp (lời giảng) của lão sư mà làm, vậy không được, có làm thế nào cũng chẳng qua máy ghi âm, máy ghi âm thì không sót một chữ nào, chúng ta có diễn đạt thế nào cũng không vượt qua được nó, có theo lão sư học như thế nào cũng học không giống như máy ghi âm, cho nên bạn phải hiểu trong đây có phương pháp. Thế nhưng không luận từ giáo lý hoặc là từ nghĩa lý (cũng không phải người thông thường có thể làm được), tâm bạn phải chặt, tâm phải chuyên, tâm phải thanh tịnh, bạn còn phải nhiệt thành với Phật pháp. Bạn cần phải chuẩn bị mấy điều kiện này mới được, nếu không đầy đủ mấy điều kiện này thì không được, nghĩa lý cũng không làm được. Hay nói cách khác, bạn vẫn phải như phía trước nói “*Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như y túc*”, vẫn là phải có

cái nền tảng này, nếu bạn không có cái nền tảng này thì khó.

Cho nên trước khi tôi giảng đến ba khoá mục này trong “37 phẩm trợ đạo”, cách giảng của tôi không giống như người xưa, người xưa giảng khó hiểu, tôi đem “tứ niệm xứ” giảng là “nhìn thấu”, thì mọi người dễ hiểu, tôi đem “tứ như ý túc” giảng là “buông bỏ”, mọi người cũng dễ hiểu, có như vậy bạn mới chân thật có thể được thọ dụng. Chính tôi học Phật, thực tế mà nói có được lực là nhờ Đại sư Chương Gia, đó là khi vừa bắt đầu học Phật, đại sư Ngài dạy cho tôi sáu chữ: “*Nhìn được thấu, buông được xuống*”. Cho nên về sau tôi đến chỗ lão sư Lý học giáo thì tương đối dễ dàng là bởi vì phía trước vị lão sư thứ nhất, đã xây dựng cho tôi nền móng chuẩn xác, cho nên biết được tinh tấn, một môn thâm nhập.

Thế Tôn nói ra tất cả kinh, ở trên lý mà nói “Pháp môn bình đẳng, không có cao thấp”. Bất cứ một bộ kinh nào mà bạn toàn tâm toàn lực dụng công ở trên đó thì bạn sẽ hiểu được. Không luận một bộ kinh nào mở ra đều có bốn phần “Giáo - Lý - Hành - Quả”. Chúng ta làm thế nào học tập? “Tín - Giải - Hành - Chứng”: Tín giáo, Giải lý, Tu hành, Chứng quả, thì bạn thông bộ kinh này. Bộ kinh này mà thông rồi, thì tất cả kinh đều thông, tất cả kinh chỉ cần vừa tiếp xúc, vừa nhìn, vừa nghe liền hiểu.

Nếu như các vị hoà nghi, rồi nói “Việc này có thể như vậy thật sao?” Tôi thấy rất nhiều đồng tu đều xem qua “Đàn Kinh”, Lục tổ đại sư Huệ Năng là tổ thứ sáu của Thiên tông vào triều nhà Đường nói (Đại sư Huệ Năng không biết chữ, cho nên không phải do Ngài viết mà là do Ngài giảng, học trò của Ngài ghi chép cho Ngài) thời gian học giáo của Ngài rất ngắn, ngay trong một đời học giáo của Ngài, đại khái ở ngay trong tưởng tượng của chúng ta nhiều nhất chỉ từ hai đến ba giờ, có khi vẫn chưa tới. Bạn thấy nửa đêm Ngũ tổ Hoàng Nhẫn bảo Ngài đến phòng, giảng Kinh Kim Cang cho Ngài nghe, giảng đến “*Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*”³⁵, thì Ngài liền khai ngộ, phía sau Ngũ tổ không cần giảng nữa. Các vị phải nên biết, hai giờ đồng hồ đó của Ngài thật cừ khôi, Ngũ tổ giảng cho Ngài là “Giáo-Lý-Hành- Quả” của Kinh Kim Cang, khi Ngài Huệ Năng nghe giảng hai, ba giờ đồng hồ liền Tín-Giải-Hành-Chứng. Hai người đều rất cừ khôi, một người biết nói, một người biết nghe. Làm gì giống như chúng ta ở nơi đây, giảng nhiều năm đến như vậy vẫn không thể chứng quả. Bạn thấy Đại sư Huệ Năng sau khi vừa chứng ngộ Ngài liền thông đạt tất cả. Trong lúc Ngài chạy nạn gặp được người thứ nhất là Tỳ Kheo Ni Vô Tận Tạng. Cả đời vị Tỳ Kheo Ni này thọ trì “Kinh Đại Niết Bàn” (số lượng của “Kinh Đại Niết Bàn” tương đối nhiều, có hai loại bản dịch, một bản dịch là 36 quyển, một bản là 14 quyển, phân lượng tương đối

hiều) tuy là đọc tụng, ngày ngày đọc, nhưng không hiểu được nghĩa của nó. Khi Đại sư Huệ Năng chạy nạn gặp được vị Tỳ Kheo Ni này, vị này liền đem “Kinh Đại Niết Bàn” đọc cho Đại sư Huệ Năng nghe, sau khi Đại sư Huệ Năng nghe rồi, liền giảng giải ý nghĩa trong đó cho cô ấy nghe, Tỳ Kheo Ni Vô Tận Tạng nhờ vậy mà cũng khai ngộ. Kinh này Ngài không có học qua, nhưng Ngài vừa nghe liền hiểu, chỗ này chính là nói rõ một kinh thông tất cả kinh thông là sự thật. Cho nên chữ “Thông” này là từ trong bộ kinh này, “Minh tâm kiến tánh”, kiến tánh mới gọi là “Thông”, không kiến tánh không gọi là thông. Sau khi kiến tánh tất cả thế xuất thế gian pháp đều “thông”. Vì sao vậy? Tất cả pháp thế xuất thế gian “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Kiến tánh chính là thấy được tâm tánh, thấy được thức tánh, cho nên thế xuất thế gian pháp, Ngài vừa tiếp xúc thì liền thông hết.

Lại nói đến Thiên sư Pháp Đạt đến Tào Khê gặp Lục Tổ, thỉnh giáo với đại sư, khi gặp mặt đương nhiên là đánh lễ. Lục tổ thấy ra được khi ông đánh lễ đầu không chạm đất, vậy nhất định là ông có một chút bản lĩnh đáng được kiêu ngạo, đầu không chạm đất là kiêu ngạo, đáng được kiêu ngạo. Lục Tổ liền hỏi ông có bản lĩnh gì? Ông nói ông đọc được 3 ngàn biến “Kinh Pháp Hoa”, không tẻ, là có chút bản lĩnh. Số lượng của “Kinh Pháp Hoa” rất lớn, đại khái một

ngày đọc qua 1 lần, hơn 3 ngàn biến là 10 năm thì biết được ông đã đọc “Kinh Pháp Hoa” mười năm, đáng được kiêu ngạo. Lục Tổ liền hỏi ông :

- Ý nghĩa của “Kinh Pháp Hoa” thế nào?

Ông không nói ra được, Pháp Đạt đập đầu sát đất thỉnh giáo với Lục Tổ. Lục tổ nói :

- Kinh Pháp Hoa tôi chưa nghe qua, ông đọc cho tôi nghe.

Thế là ông đọc từ đầu đọc đến “Phẩm Phương Tiện” (“Kinh Pháp Hoa” có 28 phẩm, Phẩm Phương Tiện mới là phẩm thứ 2) thì Lục Tổ nói :

- Không cần đọc nữa, tôi hoàn toàn hiểu hết rồi.

Lục tổ liền giảng cho ông ấy nghe, sau khi giảng rồi ông cũng khai ngộ. Đây chính là nói rõ một kinh thông tất cả kinh thông.

Cho nên giáo dục của Phật giáo không giống như giáo dục của thế gian. Ngày nay chúng ta dùng giáo dục thế gian, nhưng nếu dùng cái cách này để học giáo dục của Phật thì đáng lo, đem kinh điển của Phật làm thành sách giáo khoa thế gian để xem thì hỏng rồi. Cho nên mục đích giáo học của Phật pháp ở đâu vậy?

“Minh tâm kiến tánh”, đó là dạy bạn khai ngộ, không phải dạy bạn từng câu trong kinh này giảng như thế nào, đoạn này giảng như thế nào, không phải vậy. Mà đó là sau khi bạn ngộ rồi, kinh là sống, bạn giảng thế nào đều được, nói dài, nói ngắn, nói sâu, nói cạn, tất cả đều tự tại. Vậy không ngộ thì làm sao được?

Cho nên “tinh” nhất định phải tinh tấn. Hai chữ này chúng ta nhất định phải nhận biết rõ ràng, từ tinh tấn có gốc sanh ra sức mạnh tinh tấn, sau đó mới đọc đến, cái giai đoạn thứ ba là “niệm”.

Cái thứ ba là “Niệm lực”.

“Niệm” là gì vậy? Trong lòng thật có, đó là niệm. Nhà Phật thường giảng “Pháp môn tổng trì”, niệm chính là pháp môn tổng trì, trong lòng có nguyên tắc, có cương lĩnh, nắm lấy nguyên tắc cương lĩnh. Chúng ta niệm Phật cũng không ngoại lệ, cũng là đạo lý này, “A Di Đà Phật” một câu kinh văn này, một câu này đích thực là kinh văn, một câu này cũng là chú ngữ, pháp môn đại tổng trì, trong câu này vô lượng nghĩa, tổng quát tất cả pháp mà chư Phật đã nói, đều không rời khỏi tổng cương lĩnh này, đó là ý nghĩa của niệm.

Cái thứ tư là “Định lực”.

Sau khi nắm giữ được tổng cương lĩnh, tâm của bạn mới được định, tâm kiên định, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng hiện tiền, vọng niệm không còn, phân biệt không còn, chấp trước cũng không còn. Thật đúng như trong “Đàn Kinh” đã nói “Vôn dĩ không một vật”³⁶. Vào được cảnh giới này, đó là cảnh giới của định, “Vô nhất vật” là không có một vọng niệm nào khởi lên.

Cái thứ năm là “Huệ lực”.

Định có thể sanh huệ. Huệ có được rồi, tất cả pháp thể xuất thế gian tự nhiên liền thông đạt tường tận. Câu nói này câu phía trước là nói hoằng nguyện của Bồ Tát Pháp Tạng, còn câu này là nói công phu của Bồ Tát Pháp Tạng, công phu tu trì của người ta, tín tấn niệm định huệ năm loại này sanh ra sức mạnh lớn mà phía sau gọi là “*Tăng thượng kỳ tâm*”.

Thứ ba: **“Tăng thượng kỳ tâm, kiên cố bất động. Tu hành tinh tấn, vô năng du giả”** [Đề tăng thượng tâm mình kiên cố chẳng động, tu hành tinh tấn chẳng ai hơn nổi]

Cho nên chỗ này giảng Ngũ lực cùng thông thường chỗ khác giảng Ngũ lực ý nghĩa không như nhau, ở đây nó là ngũ lực thù thắng. Chúng ta có thể đem thù thắng phía trước quán thông để xem: Thù

thắng hạnh, thù thắng nguyện, niệm huệ lực thù thắng. Tán thán như vậy mới hiển thị rõ ra Ngài “Cao tài dũng triết, tín giải minh ký, tất giai đệ nhất”, mới có thể hiển thị rõ ra được:

*Một là “**Kiên cố bất động**” [Kiên cố chẳng động]*

Cái “Kiên cố” này chính là nói “Hạnh” cùng “Nguyện” của Ngài kiên định, quyết định không dao động, cho nên Ngài mới có thành tựu không thể nghĩ bàn.

Chúng ta muốn học thì phải ở ngay nơi đây mà học, kiên cố chính là không thoái. Tổ sư, Đại đức thường nói với chúng ta “*Vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc liền viên chứng tam bất thoái*”³⁷.

Trong đây đặc biệt chú trọng “Viên”, nếu như chỉ riêng nói chứng Tam bất thoái, thì Bồ Tát sơ trụ liền đã chứng tam bất thoái, thế nhưng muốn chứng được “Viên chứng”, vậy thì không phải Bồ Tát Sơ Trụ, Sơ Địa vẫn không được, đã nói đến viên chứng cũng phải là Bát địa, đó là phương tiện nói. Còn chắc thật mà nói, viên chứng phải là Bồ Tát Pháp Vân Địa, Bồ Tát Đẳng Giác mới có thể được gọi là viên chứng tam bất thoái. Cho nên trên kinh này một mực nói với chúng ta, sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là Bồ Tát A Duy Việt Trí. Người xưa chú giải cho

chúng ta, Thất Địa trở lên mới là A Duy Việt Trí, cho nên kinh điển pháp môn này thực tế là không thể nghĩ bàn.

Ngày nay chúng ta làm thế nào để làm được thì hạnh nguyện của chúng ta cũng có thể kiên cố bất động, quyết định không dao động, một lòng một dạ, vạn duyên buông bỏ, trung thực niệm Phật, đó là bạn kiên cố bất động. Ngoài một lòng ngưỡng vọng thế giới Tây Phương Cực Lạc ra, không một niệm thứ hai, bạn mới có thể làm đến được kiên cố bất động.

Sanh ở thế gian này y theo nguyên tắc của Phật dạy đoạn ác tu thiện, làm ra tấm gương tốt cho thế gian không luận những người thế gian này họ học Phật hay không, đoạn ác tu thiện quyết định là một tấm gương tốt.

Tiêu chuẩn của thiện ác cần phải rõ ràng:

Phàm hề lợi ích xã hội, lợi ích đại chúng là thiện, không lợi ích xã hội, không lợi ích đại chúng, chỉ lợi ích chính mình, lợi ích đoàn thể nhỏ của chính mình đều là ác, đó là Phật ở trong kinh điển nói với chúng ta tiêu chuẩn của thiện ác. Chúng ta hiểu rõ được cái tiêu chuẩn này, ghi nhớ tiêu chuẩn này, y theo tiêu chuẩn này để tu học thì chúng ta cũng có thể tưởng tượng ra được. Ở cái thế gian này, cái thế gian đa nguyên văn hoá này, tùy theo các chủng tộc khác

nhau, văn hoá khác nhau, thậm chí phương thức đời sống khác nhau, tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, tôn tin tưởng không một người nào không hoan hỉ. Đối với xã hội, đối với chúng sanh làm việc có lợi ích, đây là việc nhất định có thể làm được, quyết định không vì chính mình, mỗi niệm vì xã hội, vì nhân dân, vì chúng sanh.

Hai là “Tu hành tinh tấn” [Tu hành tinh tấn].

“Hành” đích chỉ hành vi sai lầm quá khứ, đem hành vi sai lầm tu sửa lại gọi là tu hành. Ngày trước chúng ta chưa tiếp xúc Phật pháp, không có người nói rõ cho chúng ta đại đạo lý của vũ trụ nhân sanh, chân tướng của vũ trụ nhân sanh, cho nên cách nghĩ của chúng ta sai lầm, cách nhìn sai lầm, cách nói, cách làm chúng ta đều sai lầm, đó là hành vi sai lầm. Hành vi sai lầm chiêu cảm quả báo của sáu nẻo ba đường, hành vi sai lầm biến hiện ra cảnh giới này. Hiện tại chúng ta tường tận giác ngộ rồi, đem những hành vi sai lầm này tu sửa lại. Tiêu chuẩn hành vi chính xác và sai lầm, chúng ta không thể không y theo Phật pháp. Cho nên đối với Phật pháp phải xây dựng tín tâm kiên định. Phật là người tái sanh, chúng ta không tin tưởng lời nói của người tái sanh thì tin tưởng lời của ai? Cho nên Phật nói tất cả kinh chính là tiêu chuẩn tu hành của chúng ta. Tư tưởng, kiến giải, lời nói, hành vi của chúng ta, tương ứng với kinh điển đã

nói, vậy là tốt, là chính xác. Nếu như không tương ứng với kinh điển đã nói thì chúng ta chính mình phải giác ngộ, chúng ta sai rồi, sai rồi thì phải mau đem nó tu sửa lại, đó gọi là tu hành.

Cho nên tu hành các vị đồng tu phải ghi nhớ, không phải mỗi một ngày đọc bao nhiêu bộ kinh, niệm bao nhiêu danh Phật hiệu, đập đầu bao nhiêu cái, không phải vậy, đó không phải là tu hành. Cái cách làm đó có thể gọi là gì? Tín giáo! Phật có bốn loại kinh “Giáo - Lý - Hành - Quả”, phương pháp mà chính bạn tu hành thì sao? Tín - Giải - Hành - Chứng. Trong khi với cách làm đó bạn chỉ có một cái, bạn cũng chỉ có một cái, đó là “Tín giáo”, còn “Lý” không hiểu, “Hành” không tu, tuy là ngày ngày đọc kinh niệm Phật, vẫn là nghĩ tưởng xằng bậy, vẫn là làm những việc tổn mình hại người, chỉ làm những việc này. Vậy thì không những như trong Phật kinh đã nói, công đức lợi ích bạn không có được, bạn vẫn là đang tạo nghiệp. Cho nên chỉ “Tín giáo” không đủ, phải hiểu lý, lý giải rồi vẫn không đủ, phải tu hành, tu hành mới hữu dụng. Tu hành cho dù chưa chứng quả, nhưng quyết định bạn không đọa ác đạo, vì bạn là thật tu nhưng công phu tu tập chưa đến nơi, còn nếu đến nơi thì chứng quả. Công phu chưa đến nơi, tuy không chứng quả nhưng cũng chắc được phước báo trời người. Việc này nhất định bạn có thể làm được.

Cho nên tu hành ở ngay trong quá trình chúng

ta tu tập có ba giai đoạn: Giai đoạn thứ là tín giáo: Tín tưởng giáo huấn của lão sư; Giai đoạn thứ hai là rõ lý; Giai đoạn thứ ba là tu; Giai đoạn thứ tư là chứng quả.

Phật nói ra “Giáo-Lý-Hành-Quả”, công phu của chính chúng ta là Tín-Giải-Hành-Chứng, đó là tinh tấn. Tinh tấn ở chỗ này cùng với tinh tấn của Ngũ lực phía trước không như nhau, phía trước đó là nói pháp môn thông nhau, còn đây là nói chuyên môn, bạn chọn ra một pháp môn, bạn chọn ra một bộ kinh điển, một môn thâm nhập, tinh tấn ở đây là nói cái ý này. Ở ngay trong một đời tu học của chúng ta có thể có thành tựu hay không, thì bốn chữ “tu hành tinh tấn” này là then chốt. Cho nên các vị nhất định phải tường tận. Nhà Phật thường nói khai ngộ, thường nói giác ngộ.

Vậy cái gì gọi là khai ngộ?

Biết được tâm bệnh của chính mình thì liền giác ngộ, thì gọi là giác ngộ; Đem tâm bệnh của chính mình sửa đổi lại thì gọi là tu hành, thì gọi là công phu. Những danh từ thuật ngữ này không thể hiểu sai, không thể nào hiểu sai lệch.

Chúng ta phát hiện ra rằng có không ít người nói đến tu hành, cho rằng tu hành chính là ăn chay, niệm Phật gọi đó là tu hành, đó là sai lầm rất lớn. Ăn

chay niệm Phật là kiêu dáng tu hành, có phải họ đang tu mà vẫn không biết. Chân thật tu hành, chân thật có công phu, không nhất định chỉ ăn chay niệm Phật, pháp môn của nhà Phật quá nhiều, tám vạn bốn ngàn pháp môn, niệm Phật chỉ là một trong đó. Nếu không dùng phương pháp này, dùng phương pháp khác cũng là đang tu hành, cho nên nhất định phải lý giải chính xác. Tu sửa tư tưởng hành vi sai lầm của chúng ta, một môn thâm nhập, đó mới gọi là thật tinh tấn. Sau cùng là câu “Vô năng du giả”.

Ba là “Vô năng du giả” [Chẳng ai hơn nổi].

Thật tế mà nói “Tu hành tinh tấn, vô năng du giả”. Hai câu này là tổng tán, tán thán Bồ Tát Pháp Tạng.

“Vô năng du giả”, ngay trong đồng tu không có người nào có thể siêu việt Ngài. Bẩm chất của Ngài tốt, người Trung Quốc thường gọi là thiên chất của Ngài tốt, ở trong Phật pháp nói, thiện căn phước đức của Ngài sâu dày. Duyên của Ngài cũng thù thắng, gặp được thầy giáo tốt. Thiện căn, phước đức, nhân duyên ba thứ đều tốt.

“Thiện căn” đơn giản mà nói là với đại pháp của Như Lai đã nói có thể tin có thể hiểu, đây là thuộc về thiện căn.

“Phước đức” là có thể hành có thể chứng, đó là phước đức. Cho nên các vị liền hiểu được, thể xuất thế gian phước báo đệ nhất đẳng là gì? Tu hành, tu sửa hành vi sai lầm của chính mình, đó là phước báo chân thật, đó là một người chân thật tu hành, chư Phật hộ niệm.

Chư Phật Như Lai “Ngũ nhãn” viên minh, phía trước đã nói qua với các vị, tận hư không, khắp pháp giới, các Ngài thấy đều thấy được hết, thấy đều nghe được hết, nên nếu bạn chân thật phát tâm tu hành thì chư Phật hộ niệm, Long thiên thiện thần ủng hộ, ngay đến những yêu ma quỷ quái đều bội phục bạn, đều tôn kính bạn, bạn thật cừ khôi, họ không dám quấy nhiễu bạn. Còn như nếu nói có người chân thật tu hành mà còn có yêu ma quỷ quái đến nhiễu loạn, thì bạn liền có thể nghĩ mà biết ngay công phu của người này ra sao rồi? Ngay đến yêu ma quỷ quái cũng xem thường bạn, vậy thì công phu của bạn liền có thể nghĩ mà biết. Người thật có công phu, yêu ma quỷ quái tôn kính bạn, cho dù là oan gia trái chủ cũng không dám nhiễu loạn bạn. Những sự lý này chúng ta đều không khó hiểu, cho nên ngay trong đồng tu không có người nào có thể siêu vượt Ngài. Nguyên hạnh của Tỳ Kheo Pháp Tạng, chúng ta phải nên học tập mới chân thật là đệ tử Di Đà.

Cái đạo tràng này hi hữu khó gặp, giải hành

tương ứng, hi vọng các vị đồng tu phải biết mà trân trọng, ngay trong một đời có thể gặp được không phải là ngẫu nhiên. Cũng giống như trong kế khai kinh đã nói “Trăm ngàn muôn kiếp khó được gặp”, cư sĩ Bàn Tế Thanh cũng đã nói “Vô lượng kiếp đến nay, hi hữu khó gặp”. Cho nên chúng ta gặp được rồi phải trân trọng, cho dù có chút chướng ngại nhỏ cũng phải khắc phục, không nên để trong lòng, càng không nên bởi vì chút việc nhỏ này, liền làm chướng ngại mất đi thắng duyên thù thắng, vậy thì quá đáng tiếc. Cái điểm này chúng ta phải nhận biết rõ ràng.

Hôm nay thời gian đã hết rồi. A Di Đà Phật!

(VCD 067)

Đoạn này là tán Phật phát nguyện.

CHÁNH KINH: “**Vãng nghệ Phật sở, đảnh lễ, trường quy, hướng Phật hiệp chưởng, tức dĩ già-tha tán Phật, phát quảng đại nguyện, tụng viết:**”.

[Dịch nghĩa: Đi đến chỗ Phật, đảnh lễ, quỳ dài, hướng về Phật chấp tay, liền dùng già-tha khen Phật, phát nguyện rộng lớn, tụng rằng:]

Phía sau có mười kệ tụng, mỗi một câu kệ tụng là 7 chữ, rất gần giống với thể loại thi ca của Trung Quốc.

Trong kinh Phật thể loại đại khái có 12 loại, nhà Phật gọi là “Thập nhị phân số”. Nhưng từ trên hình thức mà nhìn, cũng không ngoài ba loại: Một loại là văn trường hàng, hiện tại chúng ta gọi nó là thể loại tán văn, trong kinh điển phần nhiều là dùng phương thức này; Loại thứ hai là kệ tụng; Loại thứ ba là mật chú. Cả ba loại này luôn luôn ở trên một bộ kinh, ba thể loại này đều có. Tại vì sao Phật dùng loại phương thức này để nói pháp?

Văn Trường hàng:

Chúng ta phải nên biết văn trường hàng tiện ở phát huy, không luận là nói lý hay nói sự, có thể nói là lâm li thống thiết.

Kệ tụng:

Thỉnh thoảng xen vào một số thể loại thi ca nó riêng có dụng ý.

Ý nghĩa thứ nhất của kệ tụng: Phía trước Phật đã nói rất nhiều, nếu như Phật nói ra những lời giáo huấn, chúng ta không thể đem nó ghi nhớ, các vị nghĩ xem làm sao có thể phụng hành? Giáo huấn của Phật quan trọng nhất là y giáo phụng hành, không ghi nhớ thì bạn quyết định không làm được, trừ phi số ít người có được sức ghi nhớ tốt, có thể đem những phương pháp đạo lý Phật đã nói có thể ghi nhớ được, còn đại đa số không có được cái năng lực này. Không có năng lực ghi nhớ được, nhưng trong đây cũng có một số người thông minh, nắm lấy mấy câu quan trọng. Thí dụ chúng ta ở nơi đây giảng kinh, hai giờ đồng hồ này bạn có thể nghe hiểu hai ba câu, bạn cảm thấy mấy câu nói này rất có thọ dụng đối với chính mình, bạn cố gắng đem nó ghi nhớ, liền có thể được lợi ích, liền có thể được chỗ tốt. Thậm chí mỗi một buổi giảng bạn có thể ghi nhớ một câu hai câu, vậy thì mỗi ngày bạn đến nghe kinh, mỗi ngày ghi một câu hai câu, mỗi năm bạn liền viết được một quyển,

đó là thật không phải là giả.

Năm xưa tôi ở Liên Xã Phụng Sơn miền nam Đài Loan, vào lúc đó pháp sư Chữ Vân mời tôi giảng kinh, đó là một thời gian dài. Tôi ở Đài Bắc cũng có một đạo tràng, nên đương nhiên không thể bỏ đạo tràng Đài Bắc, cho nên mỗi một tháng chỉ đến Phụng Sơn giảng 5 ngày, mỗi một tháng đi giảng 5 ngày. Vào lúc đó có một vị lão cư sĩ Trần Hoàng Kỳ Hoa, con người này rất có tâm, bà đã hơn 60 tuổi, mỗi lần đều đến nghe tôi giảng kinh, sau khi nghe rồi đều viết lại một hai câu, không nhiều, ít nhất bà cũng viết một câu, nhiều nhất bà cũng không viết quá 5 câu. Sau khi tôi giảng xong bà mang đến cho tôi xem, muốn tôi sửa lại cho bà, rất đơn giản chỉ có mấy câu. Tích lũy như vậy 3 năm, bà ra được một quyển sách, hơn nửa quyển sách này phổ biến rất rộng, nghe nói đã in mấy mươi vạn quyển, ngay đến Trung Quốc đại lục cũng có lưu thông, điều này tương đối không dễ dàng. Bà nói cả đời bà có ý nghĩa nhất chính là làm được cái việc này. Cho nên các vị đều có thể làm theo cách làm như vậy, mỗi lần nghe giảng kinh mang theo một quyển sách nhỏ ghi chép, ghi lại một hai câu. Đương nhiên tôi cũng không hy vọng các vị đưa cho tôi xem, nhiều người như vậy đưa cho tôi xem thì tôi cũng không làm nổi, thế nhưng rất có thọ dụng có lợi ích đối với chính mình, đây là một biện pháp.

Thế Tôn rất tường tận đối với chúng ta, biết được căn tánh của chúng ta không nhạy bén, cho nên sau khi Ngài giảng xong, Ngài liền dùng kệ tụng trùng tuyên lại một lần, loại này gọi là “Trùng tụng”, trong kinh điển nhiều nhất đại đa số điều là trùng tụng. Trùng tụng chính là đem những gì đã nói trước dùng kệ tụng nói lại một lần. Văn tự kệ tụng ít hơn đến phân nửa, ngắn gọn, dễ dàng học thuộc. Ở trên kinh Hoa Nghiêm, tương lai các vị đặc biệt xem thấy kinh Hoa Nghiêm rất nhiều kệ tụng. Kệ tụng chính là muốn bạn phải ghi nhớ. Văn trường hàng thì không thể học thuộc, vậy thì bạn đọc kệ tụng có thể ghi nhớ. Ghi nhớ được thì chúng ta ở ngay trong cuộc sống thường ngày mới có thể phụng hành, khởi tâm động niệm, lời nói việc làm, lập tức liền nghĩ đến, khởi tâm động niệm của chúng ta có tương ưng với lời giáo huấn của Phật hay không? Nếu như tương ưng thì rất tốt, chính mình khuyến khích chính mình phải nên nỗ lực hơn, càng tinh tấn. Nếu như không tương ưng, lập tức liền phải biết đó là lỗi lầm của chính mình, chính mình sai lầm, vậy phải y theo giáo huấn của Phật mà cải đổi. Cho nên đó là ý nghĩa thứ nhất của kệ tụng, trùng tụng.

Ý nghĩa thứ hai của kệ tụng: Phật giảng kinh không giống như lên lớp ở trường, dạy học ở trường học trò là cố định, đến giờ học thì nhất định phải đến, cho nên giáo trình họ đều có thể tiếp nhận được. Phật

giảng kinh cùng pháp hội cùng với việc lên lớp ở trường ngày nay là không như nhau, không có gò ép, không có ép buộc nào đối với thính chúng, do đó có người đến trước, có người đến sau, thậm chí đến chúng ta giảng kinh ở nơi đây nhiều năm đến như vậy mà vẫn còn có mấy vị đồng tu hôm nay mới đến, lần đầu tiên đến nghe. Thế Tôn năm xưa giảng kinh nói pháp, loại tình huống này rất nhiều, cho nên Thế Tôn Ngài rất từ bi, người mới đến, những lời giảng phía trước chưa được nghe thì phải làm sao? Cho nên Phật dùng thể loại kệ tụng để lặp lại một lần, cũng chính là đem chỗ quan trọng đã nói phía trước, đề cương yếu lĩnh giản lược nói lại một lần, đối với người đến nghe trước họ sẽ không cảm thấy nhàm chán, người đến sau cũng có thể bổ túc những giáo huấn mà họ chưa được nghe, cho nên kệ tụng ở chỗ này thì rất cần thiết. Đó là Thế Tôn phương tiện khéo léo nói pháp.

Ngoài ra còn có một thể loại đặc thù chính là Mật chú.

Mật chú không phải là phạm ngữ Ấn Độ, không phải vậy, người Ấn Độ nghe cũng không hiểu, không phải là ngôn ngữ của họ. Người xưa nói với chúng ta chú ngữ là ngôn ngữ của quý thân sáu cõi, cho nên đây không phải là ngôn ngữ của nhân gian. Phật giảng kinh, thậm chí ngay đến pháp sư giảng kinh cũng đều có quý thân đến đạo tràng để nghe kinh, mắt thịt chúng ta không nhìn thấy, nhưng Phật Bồ Tát

các Ngài xem thấy được rất rõ ràng, đương nhiên những quỷ thần này cũng đều có thần thông, Phật giảng kinh họ có thể nghe hiểu được. Trong phẩm Pháp Tạng Nhân Địa của kinh Vô Lượng Thọ đây có chép: “*Thế Tôn năng diễn nhất âm thanh, hữu tình các các tùy loại giải*” [Thế Tôn có thể diễn ra một âm thanh. Mỗi một hữu tình tùy theo loài của mình mà hiểu]. Làm gì có chuyện không nghe hiểu chứ? Sau khi Phật giảng xong, dùng ngôn ngữ của họ, đem ý nghĩa quan trọng đã nói nêu ra vài câu, đây là việc thường tình của con người, nhưng đặc biệt thân thiết dùng ngôn ngữ của quỷ thần nói với quỷ thần, cho nên Mật chú là ý nghĩa này.

Do vì thính chúng rất phức tạp, số lượng cũng rất nhiều nên Thế Tôn ở trong bất cứ pháp hội nào đều là có loại tình hình này, tuyệt nhiên không nhất định chỉ đại kinh mới có loại tình hình này. Phật giảng bộ kinh nhỏ, thiên long quỷ thần đến nghe cũng là rất nhiều, nên trong kinh luôn luôn có ba thể loại này. Vì vậy ở ngay đoạn này là kệ tụng, kệ tụng này gọi là “*Cô Khởi tụng*”. “*Cô khởi*”, phía trước Trường hàng tuyệt nhiên không có nói qua, đó là Bồ Tát Pháp Tạng nói, là đối với lão sư của Ngài mà Ngài nêu ra tâm đắc của chính mình. Loại báo cáo này là dùng thể loại tán tụng. Kinh văn vừa mở đầu:

Thứ nhất: “**Vãng nghệ Phật sở, danh lễ, trường**

quy, hướng Phật hiệp chưởng” [Đi đến chỗ Phật, đánh lễ, quỳ dài, hướng về Phật chấp tay]

Một là **“Vãng nghệ Phật sở”** [Đi đến chỗ Phật].

Đó là nói Pháp Tạng đến chỗ lão sư giảng kinh nói pháp. Chữ “Phật” chỗ này chính là Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai là lão sư của Pháp Tạng. Bồ tát Pháp Tạng nhìn thấy lão sư.

Hai là **“Đảnh lễ trường quy”** [Đảnh lễ, quỳ dài].

Đó là lễ tiết. Nhà Nho thường nói “Nhân vô lễ tắc bất lập”³⁸. Cho nên lễ rất là quan trọng, con người không hiểu lễ ở vào xã hội thời xưa thì không có chỗ để đứng, cũng chính là nói bạn ở trong xã hội mọi người không tôn trọng bạn, bạn không có địa vị trong xã hội. Giáo học của nhà Nho, lễ chính là Nho hành; Ở nhà Phật “lễ” chính là Luật nghi, giới luật nghi qui, đệ tử Phật nếu như xả bỏ luật nghi thì bạn đã xả bỏ đi Phật hạnh.

Ngày nay chúng ta học Phật học cái gì? Học những gì Phật làm. Hay nói cách khác, chúng ta học đời sống của Phật, học hành vi của Phật. Hành vi đời sống của Phật ghi chép lại thì gọi là luật nghi. Giới luật nghi qui vô cùng là quan trọng, quyết định không thể xem thường.

Xã hội hiện tại này tuy là mọi người không nói lễ, thế nhưng nếu bạn lấy lễ đối với người thì người khác đều hoan hỉ, không có ai chán ghét, trái lại nếu như bạn không hiểu lễ mạo, bạn ở vào trong trường hợp này, mọi người xem thấy đều rất không hoan hỉ, dường như là thấy không vừa mắt, hay nói cách khác dần dần sẽ xa lánh đối với bạn. Như vậy có thể thấy được lễ vô cùng quan trọng. Tinh thần của lễ là biểu đạt thành kính của chính mình.

Cái điểm này rất then chốt, nếu trong tâm bạn không có lòng thành kính, thì nghi thức ở bên ngoài đó là hư ngụy, cau mày nhíu mặt cũng rất dễ bị người xem thấy. Cho nên chúng ta đối với người có lễ mạo chí kính, nhất định phải từ trong tâm chân thành mà sanh ra. Thế nhưng ở trên hình thức xưa nay không như nhau: Như thời xưa vào thời đại của Đế Vương, bá tánh xem thấy Đế Vương hành lễ chí kính, lễ chí kính vào thời trước là “Tam quý, cửu khấu”³⁹, đó là lễ xưa. Còn ở trong nhà Phật chúng ta, đó là đánh lễ ba lạy đi nhiều phía hữu ba vòng như chúng ta thường xem thấy ở trên kinh. Thế nhưng sau khi đến Trung Quốc, đi nhiều phía hữu ba vòng miễn rồi, thì đã bỏ bớt rồi, chỉ còn là đánh lễ ba lạy, đây là lễ kính nhất của nhà Phật chúng ta. Trên thực tế mà nói, việc đánh lễ ba lạy so với thấy quốc vương xưa ba lần quý chín lần cúi đầu đơn giản hơn nhiều.

Vào thời xưa người nhỏ xem thấy người lớn,

hoặc vào những ngày lễ lớn trong năm, như ngày tết thăm viếng ông bà, ba lần quỳ chín lần cúi đầu. Người lớn tổ chức mừng sinh nhật, bạn đến chúc thọ cũng là ba lần quỳ chín lần cúi đầu, đây là lễ xưa. Nghi qui hiện tại đã không còn quỳ lạy, nguyên thủ của quốc gia, người lãnh đạo quốc gia, đó là người chúng ta tôn kính nhất, lễ tiết ngày nay là chúng ta nhìn thấy họ, xá cúi đầu ba cái, xá cúi đầu ba lần chính là lễ kính nhất. Cho nên ở trên nghi thức tuy là xưa nay không như nhau, nhưng cái tâm thành kính thì không hề khác nhau, chúng ta phải hiểu rõ cái đạo lý này.

Ngày nay chúng ta muốn đem Phật pháp mở rộng đến toàn thế giới thì nghi qui của chúng ta phải hiện đại hoá. Vì sao? Có rất nhiều người thanh niên không dám đến học Phật, bạn hỏi họ vì sao vậy? Họ trả lời “Học Phật phải cúi đầu, việc này tôi không làm được”. Bạn thấy đấy, chỉ vì một nghi qui nhỏ như vậy mà đã chướng ngại rất nhiều người không dám đến học Phật.

Các vị phải nên biết, việc lễ xưa này quyết không phải là ý của Phật, Phật là một người rất mở rộng, Phật không hề có chút cố chấp. Bạn thấy Phật không hề có phân biệt, không có chấp trước thì làm sao Ngài có thể cố chấp? Cho nên chúng ta hiểu rõ được ý nghĩa này, Phật pháp nhất định phải đi đến hiện đại hoá, phải đi đến bốn thổ hoá, mới có thể

được người hiện đại, người bản địa nhiệt liệt hoan nghênh. Ngày nay chúng ta đề xướng trong đạo tràng, thấy hình tượng Phật Bồ Tát xá ba xá thì được rồi, thật chất là tốt, chấp tay cung cung kính kính, ba lần xá như ba lần cúc cung vậy, còn khi cử hành pháp hội, thì vào lúc này chúng ta đánh lễ ba lạy đối với Phật bởi vì đó là một điển lễ long trọng đặc thù. Còn bình thường xem thấy ở đạo tràng, ba lần vái chào thì tốt, thì được rồi. Đề xướng như vậy, rất nhiều thanh niên trẻ đều rất bằng lòng tiếp nhận.

Phật tiếp dẫn đại chúng, các vị đều biết được có “Tứ Nhiếp Pháp”. Tứ nhiếp pháp là Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự. Bạn thấy Phật rất nhiều mở rộng, Phật chưa từng miễn cưỡng người, chưa từng gây thêm chút phiền phức cho người, luôn là làm cho người hoan hỉ ưa thích. Chúng ta phải hiểu rõ nguyên tắc này, cho nên nhất định phải đề xướng nghi qui mới này thì mới có thể đem Phật pháp phổ cập đến toàn thế giới. “Đánh lễ trường quy”, như vậy là các vị đều biết, ý nghĩa đều biết được.

Ba là “*Hương Phật hiệp chương*” [Hương về Phật chấp tay].

Hiệp chương là biểu thị nhất tâm, cho nên lòng bàn tay phải khép lại, biểu thị cái gì? Bình thường mười ngón tay chúng ta đại biểu tán loạn, tán loạn là

không cung kính. Ngày nay nghe Phật nói pháp, thỉnh giáo với Phật, chuyên tâm nhất chí đem cái tâm tán loạn thu nhiếp lại, nên chấp tay là biểu thị nhất tâm, biểu thị cái ý này, cho nên bàn tay phải khép kín lại biểu thị nhất tâm, đó là biểu pháp.

Thứ hai: **“Tức dĩ già-tha tán Phật, phát quang đại nguyện, tụng viết”** [Liên dùng già-tha khen Phật, phát nguyện rộng lớn, tụng rằng]

Một là **“Già tha”** [Tán tụng]

Là tiếng Ấn Độ, dịch thành ý Trung văn là Cô Khởi tụng, chính là tán tụng, phía sau không phải là những gì đã nói phía trước, phía trước tuyệt nhiên chưa nói qua, nó là độc lập. Cô Khởi tụng cũng thường thấy trong kinh Phật, thế nhưng không có phổ biến như Trùng tụng, Cô Khởi tụng có lúc tác dụng của nó là bổ sung phần không đủ ở phía trước, ý nghĩa phía trước đã nói vẫn còn, vẫn chưa nói hết, dùng Cô Khởi tụng để bổ sung, hoặc là phía trước đã nói còn sót lại mà ý nghĩa rất quan trọng, thì dùng phương thức này để bổ sung. Thế nhưng nếu chỉ riêng tán thán Phật Bồ Tát, thì Cô Khởi tụng dùng rất phổ biến, đây là dùng để tán thán. Câu này là nói nội dung Ngài tán tụng.

Hai là **“Phát quang đại nguyện”** [Phát nguyện rộng]

lớn].

Việc này rất thù thắng, đây là Pháp Tạng phát nguyện ở trước mặt lão sư, cũng chính là thừa với lão sư nguyện vọng của chính mình. Chính mình đã lập ra nguyện vọng, người Trung Quốc chúng ta gọi là lập chí, cái điểm này đối với cả đời của chính chúng ta có thành tựu hay không mấu chốt ở ngay chỗ này. Chí hướng chính là nguyện vọng của một người ở ngay trong một đời của họ.

Pháp Tạng Tỳ Kheo phát đại nguyện, ở ngay trong một đời Ngài muốn thực hiện nguyện vọng của Ngài, cho nên đời sống của Ngài, nỗ lực của Ngài, phấn đấu của Ngài, Ngài có phương hướng, có mục tiêu, Ngài liền có thể đạt được. Nếu như một người không có chí hướng thì khi bạn hỏi họ tương lai làm cái gì? Họ không biết. Các vị nghĩ xem họ sẽ có tương ưng gì? Không thể có được thành tựu. Có thể thấy được chí hướng thành công hay thất bại đối với một người, nó là then chốt, là tinh túy. Ở trong Phật pháp gọi là phát nguyện, cũng như nhà Nho nói lập chí, không hề khác nhau, ý nghĩa hoàn toàn như nhau.

Chúng ta học Phật, nguyện vọng của chúng ta là gì? Nguyện vọng thù thắng nhất là học làm Phật. Đó là thù thắng nhất, hiếm được nhất. Chúng ta nghĩ

tưởng xem chính mình đi vào trong Phật đường, có phải là đến đây phát nguyện làm Phật? Các vị đồng tu đến nơi đây để nghe kinh, vì sao bạn muốn đến đây nghe kinh? Buổi tối hôm nay buồn chán không có việc gì làm, đến nơi đây để tiêu khiển một chút, đích thực có người có loại tâm trạng này. Việc tiêu khiển này đương nhiên ở trong xã hội văn minh hiện tại là tiêu khiển cao thượng nhất so với những nơi tiêu khiển thông thường, đây thực tế là cao minh hơn rất nhiều, thế nhưng việc này không thể thành tựu.

Chúng ta đọc “Lục Tổ Đàn Kinh”, chúng ta phải nên học tập với đại sư Huệ Năng. Đại sư Huệ Năng đến Hoàng Mai tham kiến Ngũ tổ Hoàng Nhẫn, cũng chính là lúc lạy Hoà Thượng Hoàng Nhẫn, Ngài nói rất rõ ràng với Hoà Thượng Hoàng Nhẫn: “Con đến nơi đây là muốn làm Phật”. Bạn xem khẩu khí của Ngài bao lớn, Ngài đến là muốn làm Phật, chúng ta rất ít nghe nói qua có loại khẩu khí này. Ngài lập chí muốn làm Phật, Ngài chân thật đã làm được, Ngài thật đã thành công rồi, trong Tông môn gọi là: “Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”, Ngài thật đã làm được Phật rồi.

Chúng ta nghĩ xem chúng ta ở ngay trong một đời này, trong khoảng mấy mươi năm chúng ta đã làm cái gì? Đến thế gian làm những việc chi? Ngay trong một đời này rốt cuộc có thể thành tựu được gì?

Rất quan trọng! Bạn ngay đến cái nguyện cũng không có thì ngay trong đời này bạn còn có thành tựu được gì? Thực tế mà nói cũng là sợ các vị đồng tu xem thường đi cái việc này.

Cái đạo tràng này được cảm ứng của chư Phật Bồ Tát, chư Phật Bồ Tát hộ niệm, cư sĩ Lý Mộc Nguyên lãnh đạo ở nơi đây, xây giảng đường, xây Niệm Phật Đường, chỉ cần các vị phát nguyện làm Phật, nơi chốn này chính là tăng thượng duyên cho bạn, giúp đỡ bạn ở ngay trong một đời này quyết định làm Phật, có nguyện ắt thành.

Người xưa thường nói: “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*”. Ngày nay chúng ta không cầu thứ gì khác chỉ cầu làm Phật, mọi người nhất định phải phát ra cái nguyện này. Pháp môn Tịnh Độ, tổ sư đại đức từ xưa đến nay nói với chúng ta, có ba điều kiện học tập, gọi là ba Tư Lương, đây là ba điều kiện cơ bản “Tín - Nguyện - Hạnh”.

Dương nhiên cái thứ nhất bạn phải tin tưởng, bạn không tin tưởng thì bạn làm sao phát nguyện? Tín xếp ở thứ nhất. Đại sư Ngẫu Ích nói ở trong “Di Đà Kinh Yếu Giải”, cái chữ “Tín” này Ngài đã giảng sáu điều, ngay trong 6 điều này thì điều thứ nhất chính là tin tưởng chính mình. Con người nếu không có lòng tự tin, Phật Bồ Tát tuy là từ bi cũng không thể nào giúp được,

bạn chính mình có thể tin tưởng, người khác sẽ giúp đỡ bạn. Tin cái gì? Tin chính mình ngay đời này quyết định có thể làm Phật. Đây là Đại sư Ngẫu Ích giảng cho chúng ta nghe cái chữ tín này, điều thứ nhất là tin tưởng chính mình. Điều thứ hai là tin tưởng Thích Ca Mâu Ni Phật, A Di Đà Phật, tất cả chư Phật Như Lai có thể giúp chúng ta, tin Phật là xếp ở hàng thứ hai, cái thứ nhất phải tin chính mình. Đây là chỗ khác nhau với các tôn giáo nói về chữ tin.

Thông thường các tôn giáo nói tin, thì cái thứ nhất là tin tha. Còn Phật pháp chúng ta nói tin, cái thứ nhất là tin chính mình, “*Ta có Phật tánh, ta có thể làm Phật*”. Sau đó thứ hai lại tin tưởng chư Phật Bồ Tát quyết định giúp đỡ chúng ta, quyết định thành tựu ta, việc này quan trọng. Cho nên có tin mới phát nguyện. Nguyện là mục tiêu cả một đời chúng ta nỗ lực phấn đấu, ở trong Phật pháp gọi là “*tinh tấn*”. Mục tiêu của tinh tấn, phương hướng của tinh tấn. Người xưa thường nói cho chúng ta nghe “*Nguyện dĩ đạo hành*”⁴⁰, là nguyện dẫn dắt bạn tu hành, “*Hành dĩ tiền nguyện*”⁴¹, là hành của chúng ta thực hiện nguyện vọng của chúng ta, “*Nguyện hạnh tương chất*”⁴², nguyện giúp cho hành, hành giúp cho nguyện, vậy mới có thể thành tựu, làm gì mà không thành tựu chứ?

Hành của Tịnh Độ:

Chánh hạnh là chấp trì danh hiệu. Ở trong vô lượng hành môn đại đức xưa đều tán thán, rất đơn giản, rất dễ dàng, rất ổn định, hơn nữa rất có hiệu quả. Một pháp môn tốt như thế này, đáng tiếc rất nhiều người không tin, vậy thì không còn cách nào. Rất nhiều người không tin tưởng, chúng ta đều không lấy làm lạ. Vì sao vậy? Chư Phật Như Lai đều nói là “Pháp môn khó tin”⁴³. Nếu như pháp môn này vừa nói ra mọi người đều tin tưởng, vậy thì làm sao có thể gọi là khó tin? Nói rồi mọi người đều không tin tưởng, đó mới gọi là khó tin, bạn có thể tin tưởng là không dễ dàng.

Bạn thấy hiện tại thế gian này, có bao nhiêu người học Phật? Trong những người đều học Phật có được bao nhiêu người niệm Phật? Số người quá ít. Các nơi khác chúng ta không cần nói đến, lấy Singapore nơi đây mà nói, tín đồ Phật giáo của Singapore có bao nhiêu người? Quyết không chỉ những người ngồi đây. Một lần tổ chức đại pháp hội nào, tôi đều xem thấy có mấy vạn người, đương nhiên tham dự pháp hội tuyệt nhiên không phải tất cả tín đồ Phật giáo Singapore đều đến tham dự, quyết định không thể. Vậy thì biết được tín đồ Phật giáo Singapore rất nhiều, thế nhưng người niệm Phật thì không nhiều. Bạn xem ngày ngày đến nghe kinh, ngày ngày đến Niệm Phật Đường để niệm Phật, hiện tại Niệm Phật Đường chúng ta, thứ bảy, chủ nhật đại

khái có 7-8 trăm người, 7-8 trăm người so với tín đồ cả một khu vực mà nói, là số ít, rất ít không đáng kể. Vậy chẳng phải gọi là pháp khó tin đó sao?

Niệm Phật phải niệm như thế nào?

Bồ Tát Đại Thế Chí dạy chúng ta “Gom nhiếp sáu căn, tịnh niệm tương tục”. Ngày trước từng có người hỏi tôi:

- Pháp sư! Hai câu này giảng như thế nào? Cái gì gọi là gom nhiếp sáu căn? Làm thế nào để nhiếp sáu căn?

Họ đến hỏi tôi, tôi nói với họ:

- Tịnh niệm nối nhau.

Họ lại hỏi tôi:

- Làm thế nào mới có thể làm đến tịnh niệm nối nhau?

- Thì là “Gom nhiếp sáu căn”.

Hai câu này hỗ trợ lẫn nhau. Nếu bạn không hiểu được thì làm sao gom nhiếp được sáu căn. Bạn ở trong Niệm Phật Đường thành thật mà niệm, trong lòng chỉ có Phật A Di Đà, các niệm khác đều không còn thì là gom nhiếp sáu căn.

Cho nên Niệm Phật Đường chúng ta, đại khái không giống như các Niệm Phật Đường ở nơi khác, Niệm Phật Đường này toàn là Phật tượng của Phật A Di Đà, không luận bạn nhìn từ phía nào, đều là xem thấy tôn tượng này, bạn sẽ không có phân biệt, sẽ không có chấp trước, tự nhiên liền làm đến được gom nhiếp sáu căn. Nếu như Phật tượng của Phật A Di Đà có rất nhiều hình dáng, chúng ta xem thấy rồi không biết được vị nào thì tốt, tương lai vãng sanh rốt cuộc không biết hình dáng Phật A Di Đà nào đến tiếp dẫn ta, phiền phức này sẽ rất to. Cho nên Niệm Phật Đường chúng ta Phật tượng rất nhiều, thế nhưng chỉ một tạo dáng, tuyệt đối chỉ một kiểu dáng, giúp cho bạn gom nhiếp sáu căn, giúp cho bạn tịnh niệm nối nhau. Tịnh niệm nối nhau chính là thường nói “*Không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn*”. Niệm Phật Đường tuy là niệm Phật, nhưng nghe kinh vẫn là rất quan trọng, sợ là niệm Phật niệm qua vài ngày không nghe kinh, họ lại nghĩ tưởng xằng bậy, ở Niệm Phật Đường mọi người cùng nhau niệm Phật lại có rất nhiều ý kiến, vậy thì phiền phức rồi. Cho nên trước khi bước vào Niệm Phật Đường “Hiểu rồi mới hành”. Đó là chính xác! Bạn hiểu được tường tận, hiểu được thấu suốt rồi, tâm được định rồi, sẽ không còn có ý kiến nữa, vậy Niệm Phật Đường đó có được kết quả. Hiện tại chúng ta hiểu chưa đủ, nên biện pháp bổ cứu duy nhất chính là giải hành tương ưng,

có giải có hành, đối với mọi người mới có thể có sự giúp đỡ nhiều một chút. Nhưng mỗi ngày mọi người theo tôi nghe kinh, mà không đi niệm Phật cũng không được, tâm là bao chao, cho dù có thể nghe kinh, nhưng không thể thâm nhập. Trên kinh nói “Thâm giải nghĩa thú”, họ không làm được. Có thể thấy được như người xưa nói giải cùng hành, giống như đôi cánh của chim, hai cái bánh của xe, thiếu một cái thì không được.

Ngày trước đạo tràng của Đại sư Ân Quang, tuy là không giảng kinh, thế nhưng ở trong Niệm Phật Đường, khi mỗi lần chỉ tịnh một cây hương đều có giảng khai thị. Dùng phương pháp giảng khai thị để bù đắp giảng kinh, những phương pháp này nếu dùng lời hiện tại mà nói, mục đích của Ngài cũng chẳng ngoài xây dựng cùng hiểu mà thôi. Dùng thuật ngữ của Phật pháp để nói là xây dựng “Kiến hoà cùng hiểu”, mục đích ở ngay chỗ này. Chỉ cần chúng ta cùng hiểu, có kiến giải nhất chí, sáu phép hoà liền làm được. Tăng đoàn của sáu phép hoà.

Chúng ta trong khi truyền thụ Tam Quy giảng “Quy y Tăng, chúng trung tôn”.

“Chúng trung tôn” giảng thế nào?

“Chúng” chính là đoàn thể. Hiện tại chúng ta

gọi là xã đoàn, thể xuất thế gian bao gồm trong tất cả xã đoàn thì cái xã đoàn này đáng được tôn kính nhất, đó gọi là chúng trung tôn. Vì sao đáng được người tôn kính, đáng được đoàn thể khác tôn kính, đáng được các đoàn thể khác noi theo? Bởi vì bạn là tăng đoàn hoà hợp, đạo lý chính ngay chỗ này.

Nền tảng của hoà hợp là xây dựng ở ngày ngày nghe pháp, xây dựng trên đọc kinh nghe pháp. Rồi khỏi đọc kinh nghe pháp, mỗi người có cách nghĩ của mỗi người, mỗi người có ý kiến của mỗi người. Vô thì kiếp đến nay, pháp môn tập khí của mỗi người không như nhau, cùng ở chung một nơi thì làm gì không có ý kiến chứ? Đây là việc không thể nào được, cho nên Trung Quốc thời trước những đạo tràng xưa ngày ngày giảng kinh.

Nếu y theo kinh Phật mà nói thì yêu cầu chúng ta tương đối nghiêm khắc, mỗi ngày giảng kinh hai thời, còn hai thời tu hành, đó là tiêu chuẩn Phật nói. Hai thời là hai thời của Ấn Độ xưa, Ấn Độ đem ngày đêm phân làm sáu thời, bạn nghĩ hai thời là thời gian bao lâu vậy? Hiện tại người Trung Quốc chúng ta gọi là tiểu thời, mỗi thời là một giờ đồng hồ, 24 giờ một ngày. Tại vì sao gọi là tiểu thời? Có tiểu thì đương nhiên có đại, không sai. Trung Quốc thời xưa dùng đơn vị thời gian là dùng Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi là 12 thời trong một

ngày, thời giờ của Trung Quốc dùng 12 thời, còn hiện tại chúng ta chọn lấy giờ phương tây mà toàn thế giới đều thông dụng, chúng ta cũng chọn dùng, gọi nó là tiểu thời, 24 giờ đồng hồ, một thời của nó là nửa thời vào thời xưa chúng ta, hai tiểu thời mới là một giờ của Trung Quốc xưa. Còn thời của Ấn Độ lại là lớn gấp đôi so với Trung Quốc xưa của chúng ta, cho nên một thời của Ấn Độ xưa là bốn giờ hiện tại. Vậy thì Phật giảng kinh ngày hai thời chính là một ngày nghe tám giờ đồng hồ. Nghe kinh như vậy bạn mới có thể khai ngộ, không để bạn có vọng tưởng, không để bạn có tạp niệm. Để bạn ngày ngày đến nghe kinh.

Thế nhưng nghe kinh cũng khó, đến nơi đâu mà tìm pháp sư để giảng kinh cho bạn? Vào thời xưa chúng ta xem thấy ghi chép trong sách xưa, Đại sư Thanh Lương năm xưa còn ở đời giảng Kinh Hoa Nghiêm, Đại sư Ngài đem một bộ đại kinh này giảng qua 50 lần. Chúng ta tỉ mỉ quán sát, “Hoa Nghiêm” giảng qua một lần chỉ ít phải một năm. Một ngày giảng bao nhiêu giờ? Tám giờ đồng hồ, một ngày giảng tám giờ đồng hồ, một năm một bộ viên mãn. Ngài giảng 50 lần thì 50 năm. Đại sư Ngài trường thọ, Ngài đã sống 100 tuổi.

Chân thật là 8 giờ giảng kinh, còn phải có 8 giờ tu hành. Phương thức tu hành không ngoài hai loại lớn, một loại là Tham Thiền, một loại là Niệm Phật.

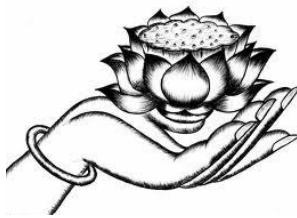
Hay nói cách khác mỗi ngày 8 giờ giảng kinh, 8 giờ niệm Phật hoặc là 8 giờ tham Thiền, thì bạn không có vọng tưởng, không có tạp niệm. Cho nên loại đạo tràng đó giống như lò luyện gang vậy, như là lò luyện, đồng bể, sắt vụn bỏ vào cũng biến thành kim cương. Đạo tràng như vậy vào 200-300 năm gần đây chúng ta không còn xem thấy, không còn nữa, đều không nghe nói qua.

Ngày nay chúng ta ở nơi đây, gặp được một số Bồ Tát phát tâm, các vị nhân duyên chín muồi, được Phật lực gia trì, Long thiên ủng hộ, hy vọng đạo tràng như vậy có thể lại xuất hiện ở Singapore, cái nhân duyên này quá hi hữu, chúng ta nghe rồi vô lượng hoan hỉ, ngay trong tưởng tượng chúng ta chư Phật hoan hỉ, Long thiên quý thần thấy đều hoan hỉ. Cho nên đây là nhân duyên hi hữu, tương lai thôn Di Đà xây xong, có một hình tròn, một Niệm Phật Đường lớn. Hình tròn cũng giống như cái lò luyện gang vậy, các vị bước vào luyện, bước vào rèn luyện, vậy thì chúng ta hy vọng tương lai niệm Phật 24 giờ không gián đoạn, đạo tràng như vậy quyết định có thần hộ pháp chăm sóc, nếu bạn muốn lười biếng thần hộ pháp sẽ trừng phạt bạn, giống như thầy Ngô Thiển của chúng ta đã bị thần hộ pháp trừng phạt một lần. Cho nên người tuy là nhiều, nhưng tôi tin tưởng quản lý sẽ không có chút phiền não nào. Tại sao vậy? Có thần hộ pháp quản lý, chư Phật hộ niệm, Long thiên

thiện thần ủng hộ, 24 giờ đồng hồ không gián đoạn. Đương nhiên tháng dài năm rộng chúng ta còn có tinh thần đó hay không? Chúng ta tuân thủ lời giáo huấn của lão hoà thượng Đế Nhân, niệm mệt rồi thì bạn nghỉ ngơi, nghỉ ngơi xong rồi lập tức trở lại Niệm Phật Đường niệm Phật. Vậy khi chúng ta giảng kinh, là khi các vị chỉ tịnh ở Niệm Phật Đường, ngồi lại nghe kinh. Chúng ta dùng truyền hình, dùng internet truyền qua, mở màn hình ở Niệm Phật Đường ra, mọi người ngồi lại nghe kinh. Sau khi nghe xong, tắt màn hình xếp gọn lại tiếp tục nhiều Phật, bạn nói xem tốt dường nào, không hề khác nhau với thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Sáng sớm hôm nay tôi đã làm một thí nghiệm, hôm trước Tịnh Tông Học Hội Hoa Kỳ Gia Châu, hội trưởng Dương gọi điện thoại cho tôi, ông nói buổi tối họ có một lần họp mặt, các đồng tu rất nhiều, ông muốn tôi giảng một chút khai thị với mọi người, cách giảng thế nào vậy? Buổi tối của họ cũng chính là sáng sớm của chúng ta, tôi nói được! Sáng sớm sau khi tôi ăn sáng xong sẽ giảng cho các vị nửa giờ đồng hồ. Cho nên sáng sớm ngày hôm nay dùng nửa giờ giảng cho các đồng tu Gia Châu bên đó nghe. Họ ở bên Gia Châu dùng internet tiếp sóng trên màn hình lớn, họ đều được nghe, nghe được rất hoan hỷ. Sau khi nghe xong, ông viết một lá thư fax gửi cho tôi nói hiệu quả rất tốt, họ hy vọng chúng ta gửi băng thu âm qua đó.

Việc này thuận tiện quá nhiều, chúng ta người không cần phải đi, bạn thấy hình ảnh âm thanh đều truyền đến Gia Châu, đồng một thời gian đều có thể tiếp sóng xem được. Cho nên tương lai không luận chúng ta giảng ở bất cứ nơi nào, cùng với các đồng tu nói chuyện, đều sẽ đem hình ảnh âm thanh truyền đến Niệm Phật Đường.



(VCD 068)

Học Phật “Tín - Giải - Hành - Chứng”, bốn điều này chúng ta phải đều quan tâm đến, đồng thời ứng dụng. Nếu như chúng ta có cái nguyện vọng này thì ngay trong một đời này quyết định có thành tựu. Tôi có thể giúp được thì tôi toàn tâm toàn lực giúp đỡ mọi người. Chúng ta còn có một nhóm pháp sư trẻ, mọi người đều phát đại nguyện “tiếp nối huệ mạng Phật, hoằng pháp lợi sanh” này, hy vọng tương lai mô hình đạo tràng này ở trên toàn thế giới đều có thể xây dựng ở rất nhiều khu vực. Chúng ta nghĩ chỉ cần có Bồ Tát chân thật phát tâm để làm, nhất định nhận được cảm ứng. Chư Phật Bồ Tát quyết không có lòng riêng tư, không có tâm thiên lệch, nên không phải chỉ chuyên môn chăm sóc Singapore mà không chăm sóc ở nơi khác, không thể nào như vậy. Tâm của Phật Bồ Tát là bình đẳng, là thanh tịnh. Chúng ta làm ra một mô hình đầu tiên, kiểu dáng đầu tiên, cho nên thành công thất bại của chúng ta sẽ quan hệ rất lớn, nhất định phải rất cố gắng, rất nỗ lực mà làm.

Có nguyện có hành, còn có nguyện không có hành, nguyện là trống không, cũng bằng với vọng tưởng; Có hành không có nguyện, cái hành này của bạn không có phương hướng, không có mục tiêu, hay nói cách khác khổ tu như thế nào đến sau cùng không

có kết quả, đây là nói có hành không có nguyện, không có kết quả. Cho nên nhất định phải hành nguyện tương ứng, nguyện giúp cho hành, hành giúp cho nguyện, như vậy mới có kết quả.

Nếu chúng ta muốn làm Phật, thì chúng ta chân thật tìm ra được phương pháp lý luận làm Phật rồi, đó là “Kinh Vô Lượng Thọ”. Chúng ta xây thôn Di Đà. Lão cư sĩ Triệu Phúc Sơ rất hiếm có, đưa ra cho chúng ta ba chữ “Thôn Di Đà”, lại nêu ra cho chúng ta tên của Niệm Phật Đường, Niệm Phật Đường “Liên Trì Hải Hội”, lão cư sĩ đã đề nghị bốn chữ này. Triệu Phúc lão là Bồ Tát tái sanh, năm nay hơn 90 tuổi rồi, ông nghe được việc của chúng ta làm rất là hoan hỉ, đây đều là những vị Phật Bồ Tát làm tăng thượng duyên cho chúng ta, chúng ta nhờ vào phương pháp và lý luận trên kinh điển nhất định thành công, nhất là hiện tại chúng ta cùng với mọi người cùng nhau học tập “Hoa Nghiêm”.

“Hoa Nghiêm” là đại “Kinh Vô Lượng Thọ”, tiến độ của Hoa Nghiêm về sau phải nhanh hơn. Hôm qua tôi lật xem sơ qua lại thấy phía sau còn hai đoạn nữa thì quyển thứ nhất viên mãn. Tôi liền nghĩ chúng ta đã giảng hơn nửa năm rồi mới giảng được một quyển, vậy “80 quyển Hoa Nghiêm” thì phải giảng 40 năm, vậy là không thể được rồi, cho nên về sau tiến độ của chúng ta nhất định phải nhanh hơn. Nhanh hơn tôi nghĩ phương pháp của chúng ta, chỗ nào có

thể tỉnh lược thì đọc lướt qua, chỗ nào cần phải nói rõ thì giảng tỉ mỉ, dùng loại phương thức này, nếu không thì thời gian sẽ rất dài. Nếu như “Hoa Nghiêm 80” giảng đến 59 quyển, lại tiếp theo “Hoa Nghiêm 40” thì 99 quyển, 99 quyển thì cùng gần bằng 100 rồi, vậy thì bộ kinh này nếu giảng như tiến độ hiện nay, phải giảng 50 năm. Ngài Thanh Lương 50 năm giảng 50 bộ, còn chúng ta 50 năm giảng một bộ, thật không đúng, vì vậy tiến độ này phải nhanh hơn.

Câu sanh Tịnh Độ phải có chí hướng lớn, không nên nói “Tôi hạ phẩm hạ sanh thì được rồi”, cái chí hướng này quá nhỏ.

Chúng ta nhất định phải phát ra cái nguyện vãng sanh thượng thượng phẩm, phải phát ra cái nguyện này, nếu nhờ không sanh được thượng thượng phẩm thì còn có thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm. Vì vậy cái nguyện đó tiêu chuẩn không nên quá thấp, nếu nguyện là hạ hạ phẩm vãng sanh thì chẳng may nếu dưới một chút thì không được.

Cho nên nhất định phải phát đại tâm, phải tranh thủ thượng thượng phẩm vãng sanh. Thượng thượng phẩm vãng sanh tôi đã nói qua với các vị rất nhiều lần, nhất định phải đem giáo huấn trong ba kinh “Kinh Vô Lượng Thọ”, “Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật”, “Kinh A Di Đà” (đây là Tịnh Độ ba kinh rất quan trọng) đem nó biến thành tư tưởng, kiến giải,

hành vi của chính mình, đối nhân xử thế tiếp vật luôn không lìa giáo huấn của Phật, chúng ta liền có thể đạt được.

Tiêu chuẩn của chín phẩm, tôi có một cách nhìn đơn giản hơn so với người xưa, nếu như chúng ta đem giáo huấn trên Kinh Vô Lượng Thọ, làm đến được 100%, bạn nhất định được thượng phẩm thượng sanh, nếu như bạn chỉ làm đến được 90%, vẫn còn 10% chưa làm được, thì bạn được thượng phẩm trung sanh, nếu như tiêu chuẩn của bạn hướng xuống thấp hơn, ta có thể làm đến được 80%, vẫn còn 20% chưa làm được, vậy thì bạn được thượng phẩm hạ sanh, y theo thứ tự này mà giảm lần, giảm đến hạ phẩm hạ sanh phải làm đến được 20%. Hay nói cách khác chỉ ít bạn phải làm đến được 20%, không làm đến được 20% thì không thể có được vãng sanh, vậy phải nhờ vào vận may khi bạn lâm chung. Chỉ cần bạn có thể làm đến 20%-30%-40% thì quyết định nắm chắc được phần vãng sanh, không có chút hoài nghi nào, phải thật làm. Chúng ta có làm được như vậy thì chúng ta mới là đồng tâm, đồng chí, đồng nguyện, đồng hạnh với các Ngài: A Di Đà Phật, Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, cho đến mười phương tất cả chư Phật Như Lai. Bạn nói xem cái nhân duyên này thù thắng dường nào?

Lấy thượng phẩm vãng sanh thì có gì khó chứ? Cái đạo lý này chúng ta phải hiểu, phải nhớ lấy, chăm

chỉ nỗ lực mà làm.

Mời xem đoạn kinh văn sau, đoạn kinh văn sau là Bồ Tát Pháp Tạng “Tán Phật”, “Phát nguyện”, Ngài là tấm gương của chúng ta, chúng ta phải nên học tập với Ngài.

CHÁNH KINH:

**“Nhu Lai vi diệu sắc đoan nghiêm
Nhất thiết thế gian vô hữu đặng
Quang minh vô lượng chiếu thập phương
Nhật nguyệt hỏa châu giai nặc diệu.**

**Thế Tôn năng diễn nhất âm thanh
Hữu tình các các tùy loại giải.
Hựu năng hiện nhất diệu sắc thân
Phổ sử chúng sanh tùy loại kiến.**

**Nguyện ngã đắc Phật thanh tịnh thanh
Pháp âm phổ cập vô biên giới
Tuyên dương Giới, Định, Tinh Tấn môn
Thông đạt thậm thâm vi diệu pháp.**

**Trí huệ quảng đại thâm như hải
Nội tâm thanh tịnh tuyệt trần lao
Siêu quá vô biên ác thú môn
Tốc đáo Bồ Đề cứu cánh nạn.**

**Vô minh, tham, sân, giai vĩnh vô
Hoặc tận, quá vong, tam-muội lực
Diệt như quá khứ vô lượng Phật
Vị bỉ quần sanh đại đạo sư.**

**Năng cứu nhất thiết chư thế gian
Sanh lão bệnh tử chúng khổ não
Thường hành Bồ Thí cập Giới, Nhẫn
Tinh Tấn, Định, Huệ, lục Ba La.**

**Vị độ hữu tình linh đặc độ
Dĩ độ chi giả, sử thành Phật
Giả linh cúng dường hằng sa thánh
Bất như kiên dững cầu Chánh Giác.**

**Nguyện đương an trụ tam-ma-địa
Hằng phóng quang minh chiếu nhất thiết
Cảm đặc quảng đại thanh tịnh cư
Thù thắng trang nghiêm vô đẳng luân.**

**Luân hồi chư thú chúng sanh loại
Tốc sanh ngã sát thọ an lạc
Thường vận từ tâm bát hữu tình
Độ tận vô biên khổ chúng sanh**

**Ngã hạnh quyết định kiên cố lực
Duy Phật thánh trí năng chứng tri
Túng sử thân chỉ chư khổ trung**

Như thị nguyện tâm vĩnh bất thoái.”

Hai khổ đầu là “Tán Phật”, tiếp theo sau từ khổ thứ ba đến khổ thứ chín là “Phát nguyện”, khổ sau cùng là thỉnh Phật chứng minh cho Ngài. Trước tiên chúng ta xem Ngài tán Phật:

CHÁNH KINH:

**“Như Lai vi diệu sắc đoan nghiêm
Nhất thiết thế gian vô hữu đẳng
Quang minh vô lượng chiếu thập phương
Nhật nguyệt hỏa châu giai nặc diệu.”**

[Dịch nghĩa:

*Như Lai vi diệu sắc đoan nghiêm
Hết cả thế gian không ai sánh
Quang minh vô lượng chiếu thập phương
Nhật, nguyệt, hỏa, châu đều ẩn sáng.]*

Đây là khổ thứ nhất là “*Quang tướng vô đẳng*”.

Các vị xem cái quyền này là quyền của “Khoa Hội”, khoa phán của chúng ta là “Quang tướng vô đẳng”. Bài kệ này khen quang minh tướng hảo của Phật, chúng ta thường hay đọc kệ tán Phật “Tướng hảo quang minh vô đẳng luân”, chính là một câu này,

ở ngay đây là bốn câu, bốn câu đương nhiên nói được càng rõ ràng hơn.

Thứ nhất: **“Nhu Lai vi diệu sắc đoan nghiêm”** [Nhu Lai vi diệu sắc đoan nghiêm]

Pháp Tạng ngay chỗ này không có nói “Thế Tôn”, không có nói “Thế Tôn vi diệu sắc đoan nghiêm”, cũng không có nói “Phật Đà vi diệu sắc đoan nghiêm”, mà Ngài dùng “Nhu Lai”. Cái ý này rất sâu, nếu như nói là “Chư Phật”, nói là “Thế Tôn” thì khi chúng ta xem thấy cái chữ này, chúng ta là phàm phu, chúng ta không có phần, chỉ có Phật mới có phần, chúng ta không có phần. Nếu nói “Nhu Lai” thì mọi người chúng ta đều có phần.

Nhu Lai là nói cái gì?

Nhu Lai là nói tự tánh, chân như bản tánh, đây là trên đại kinh thường dùng. Người Trung Quốc đọc Kinh Kim Cang rất nhiều, “Kinh Kim Cang” có lúc nói chư Phật, có lúc thì nói Nhu Lai. Phàm hề gọi chư Phật là từ trên tướng mà nói, phàm hề gọi Nhu Lai là từ trên tánh mà nói. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, Phật tánh gọi Nhu Lai, hay nói cách khác cái ý này chẳng phải là ngậm hàm lậy. Thế Tôn ở trong “Phẩm xuất hiện” của Hoa Nghiêm nói “Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng Nhu Lai”, chẳng phải là

cái ý này hay sao. Cho nên ở đây không dùng Phật Đà, không dùng chư Phật, mà dùng Như Lai.

“Vi” là tinh vi, “Diệu” là diệu thiện, đó là tán thán sắc tướng, “Sắc” chính là sắc thân. Tướng hảo, vẻ đẹp của thân tướng, tinh vi diệu thiện đến cùng tột, đoạn chánh trang nghiêm, ở trong tướng hảo, không tìm ra một chút kém khuyết, đây là đại viên mãn. Phía sau là dùng thí dụ để so sánh.

Thứ hai: **“Nhất thiết thế gian vô hữu đẳng”**
[Hết thấy thế gian không ai sánh]

“Nhất thiết thế gian” là tất cả thế gian hữu tình. Thế gian thì không cần phải nói, hữu tình thế gian bao gồm mười pháp giới, trong mười pháp giới Phật Bồ Tát đều không thể so sánh,

“Đẳng” là bình đẳng với Ngài, không có ai, không thể bình đẳng với Ngài. Trong đây còn có ý nghĩa rất sâu, sâu đến chỗ nào vậy? Đoạn kinh văn phía sau nói ra, chỗ này là hàm chứa trong đó không có nói ra, ẩn chứa ở ngay trong đó, phía sau lại tiết lộ ra, đó là mỗi một người vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc cho dù là hạ hạ phẩm vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, sắc tướng của bạn không hề khác biệt với Phật A Di Đà. Chẳng phải câu nói này chính là tán thán người vãng sanh đến thế

giới Tây Phương Cực Lạc hay sao? Cho nên nếu như chúng ta muốn tu đắc “Nhu Lai vi diệu sắc đoan nghiêm”, không phải là việc dễ dàng. Trong kinh này có vô số so sánh, so sánh đến phước báo của Đại Phạm Thiên Vương cũng có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, tuy là nay đủ 32 tướng 80 vẻ đẹp, nhưng so với ứng thân của Thế Tôn vẫn còn kém rất xa.

Thế nhưng các vị phải nên biết thế giới Cực Lạc là pháp giới nhất chân, không phải ứng thân của thế gian, nên cái thế giới đó trên kinh thường nói, “Phật có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp, thể chất của thân đều là tử ma chân kim sắc thân”. Chúng ta cần phải nhận biết rõ ràng thì sau đó đối với cái túi da thối này sẽ không ham tiếc, sẽ thấy cái thứ này phải sớm ngày xả bỏ nó để đổi một cái thân “Tử ma chân kim sắc thân”, để đổi một khuôn mặt “Vi diệu sắc đoan nghiêm”, đổi lấy khuôn mặt này, không chỉ 32 tướng 80 vẻ đẹp, vừa đến thế giới Tây Phương Cực Lạc liền đổi khác.

Cho nên mọi người nhất định phải hiểu được, nói người chết rồi, quyết định không có chết, chỉ là thay đổi hình sắc mà thôi, làm gì mà chết? Không phải chết, thay đổi hình sắc mà thôi. Người thông minh nhất, người thế gian đệ nhất đẳng, phải biết đem diện mạo của mình đổi thành diện mạo của Phật. Đây là mật nghĩa hàm chứa trong bài kệ, chúng ta phải biết tranh thủ.

Hai câu vừa rồi là nói sắc tướng. Hai câu sau là nói quang minh:

Thứ ba: **“Quang minh vô lượng chiếu thập phương”** [Quang minh vô lượng chiếu thập phương]

Loại “quang minh” này là ánh sáng của thân. Đây không phải nói phóng quang, mà là thân quang của Phật chính là vô lượng vô biên biến chiếu mười phương pháp giới. Cái ánh sáng này là trí tuệ Bát Nhã vốn đủ trong tự tánh, là ánh sáng vốn đủ trong tự tánh, không phải từ bên ngoài đến. Bạn chứng được tâm tánh viên mãn, thì ánh sáng của tánh đức làm gì mà không chiếu đến mười phương chứ? Phía sau cũng là thí dụ:

Thứ tư: **“Nhật nguyệt hỏa châu giai nặc diệu”** [Nhật, nguyệt, hỏa, châu đều ẩn sáng]

Hiện tại chúng ta ở cái thế gian này, đã thấy được ánh sáng thù thắng nhất không thể hơn được mặt trời, đây là mặt trời chúng ta có thể thấy được, kể đến là mặt trăng.

“Hoả châu”: “Hỏa” là đại biểu hoả diệm, đều là tượng trưng cho ánh sáng; “Châu” bảo châu cũng phát ra ánh sáng. Đây là nói thế gian này tất cả thể ánh sáng phát ra ở trong quang minh tự tánh nó đều không thể hiện thị ra được.

“Nặc diệu”: “Nặc” chính là chiếu diệu của Ngài, quang huy của Ngài. Giống như chúng ta vào ngày trời trong xanh, khi mặt trời không có mây che khuất ánh mặt trời rất sáng lạn, chúng ta ở dưới ánh mặt trời đó có thấp lên hàng ngàn ánh sáng đèn điện cũng không hiện ra được, cũng không thấy được ánh đèn.

Ý nghĩa của “Nặc diệu”, tương hảo quang minh đó là đạo lý gì? Là Phật nói với chúng ta “Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”, ở trong cảnh giới của tự tánh này chỉ có duy tâm sở hiện, cho nên cảnh giới hiện ra gọi là pháp giới nhất chân.

Các vị phải nên biết, trên “Kinh Hoa Nghiêm” Phật nói Bồ Tát Viên Giác Sơ trụ đã lìa khỏi tâm ý thức, không còn dùng tâm ý thức, họ đã xả bỏ “Duy thức sở biến”, họ không còn dùng tâm ý thức, cho nên pháp giới của họ là nhất chân.

Tất cả chúng sanh hữu tình chưa lìa khỏi tâm ý thức, phàm phu sáu cõi, pháp giới bốn thánh, cũng đều chưa lìa khỏi tâm ý thức, đều là dùng tâm ý thức: Trong pháp giới bốn thánh dùng được chánh, cũng chính là nói tâm ý thức mà họ dùng tương ưng với tánh đức pháp tánh, chỉ có thiện không có ác, tương ưng với thiện; Phàm phu sáu cõi dùng tâm ý thức dùng được bất thiện, hay nói cách khác không tương ưng với thiện pháp, mà tương ưng với “Tham - Sân -

Si - Mạn”, tương ứng với pháp ác. Như vậy mới đem pháp nhất chân biến thành mười pháp giới, đạo lý chính ngay chỗ này.

Thế nhưng các vị phải nên biết, thức không lìa khỏi tâm tánh, thức nương tâm mà khởi, lìa khỏi tâm làm gì có thức, thức không lìa tâm. Sau đó chúng ta liền biết được sở biến bất ly năng biến, đây chính là nói rõ mười pháp giới không lìa pháp giới nhất chân. Pháp giới nhất chân là tâm hiện, mười pháp giới là thức biến, thức không lìa tâm, mười pháp giới không ngoài pháp giới nhất chân. Thế nhưng tất cả chúng sanh mê mất đi tự tánh, mười pháp giới tuy là không rời khỏi pháp giới nhất chân, nhưng thọ dụng của pháp giới nhất chân họ không có được, không chỉ không có được, họ thấy cũng không thấy được. Còn Bồ Tát đối với pháp giới nhất chân, những chúng sanh trong mười pháp giới thì đều rõ ràng tường tận, thông suốt thấu đáo, đối với hoàn cảnh đời sống của chúng ta, tất cả khởi tâm động niệm tạo tác của chúng ta, họ thấy đều biết hết.

Những sự việc này ở trong bộ kinh này đều có thuyết minh tường tận, nếu chúng ta thể hội được cái đạo lý này thì đối với những sự tướng mà Phật đã nói chúng ta liền tin tưởng.

Người hiện nay không tin tưởng nhân duyên quả báo, vì sao họ không tin tưởng? Vì họ không hiểu

được cái đạo lý này, còn nếu như bạn chân thật hiểu rõ đạo lý của “Tâm hiện thức biến”, bạn liền tin sâu không hoài nghi đối với nhân quả. Cho nên nói: “*Vạn pháp giai không, nhân quả bất không*”. Vì sao lại nói nhân quả bất không? Nhân quả chuyển biến bất không, nhân quả tiếp nối bất không, hiện tượng của nhân quả chuyển biến từng giây. Loại hiện tượng này thì ở ngay trước mắt chúng ta, chúng ta không thấy được, hơn nữa tốc độ chuyển biến rất nhanh, sát na chuyển biến, nói sát na đã nói quá dài rồi, sự việc này chúng ta để lại phần sau khi giảng quyển một Kinh Hoa Nghiêm sẽ nói đến. Thật tế mà nói là không thể nghĩ bàn. Xem tiếp bài kệ thứ hai.

CHÁNH KINH:

**“Thế Tôn năng diễn nhất âm thanh
Hữu tình các các tùy loại giải.
Hựu năng hiện nhất diệu sắc thân
Phổ sử chúng sanh tùy loại kiến.”**

[*Dịch nghĩa:*

***Thế Tôn hay diễn một âm thanh
Hữu tình tùy loại đều hiểu được
Lại hiện ra một diệu sắc thân
Khiến khắp chúng sanh tùy loại thấy.]***

Trên khoa đề này là: “*Âm thân phổ độ*”.

Chư Phật Bồ Tát xuất hiện ở thế gian, cái thế gian này gọi là “Hữu tình thế gian” là chỉ sáu cõi; “Trí chánh giác thế gian” là chỉ trong mười pháp giới thì 4 pháp giới Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật là Trí chánh giác thế gian. Trong thế gian hữu tình còn có “Khí thế gian”. Tại vì sao nói Khí thế gian? Bạn xem kinh Hoa Nghiêm, trong “Thế chủ diệu nghiêm phẩm” có khí thế gian chủ, đó là thần núi, thần cây, thần hoa, thần nước, đó là khí thế gian chủ. Đó là chỉ tất cả thế gian.

Phật xuất hiện ở trong tất cả thế gian là vì việc gì vậy? Vì để giúp cho tất cả chúng sanh giác ngộ, giúp đỡ tất cả chúng sanh hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sanh, như trên Kinh Bát Nhã đã nói “*Chư pháp thật tướng*”⁴⁴, là khi bạn giác ngộ tường tận rồi thì gọi bạn là Phật Bồ Tát, còn không giác ngộ, không tường tận thì gọi là phàm phu.

Phàm phu ở thế gian này rất khổ cực, bạn ở thế gian này thời gian dài, chân thật là quá khứ vô cùng vị lại vô tận, vô thủ vô chung đều đang ở trong luân hồi. Bạn nói xem đời sống này khổ cực dường nào? Các vị thường hay đọc thấy trong kinh: “*Khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo*”⁴⁵, thế nhưng cảnh giới này rất không dễ dàng thể hội. Thông thường nói đều là nói cảnh giới rất thô, chúng ta ngay trong một đời này mê hoặc điên đảo, tạo tác vô lượng vô biên tội nghiệp,

đời sau lại chịu khổ báo ba đường, đây là nói được rất thô.

Còn cách nói này cực kỳ tinh vi: “Mê” là một niệm bất giác, đó là khởi “Hoặc”, một niệm bất giác, bất giác họ liền khởi lên vọng động, cái động này chính là tạo nghiệp. Trong Tướng tông đã nói “*Một niệm bất giác mà có vô minh*”. Một niệm bất giác là “Hoặc”, mà có vô minh là tạo “Nghiệp”, nên gọi là “Vô minh bất giác sanh tam tế”, tam tế là quả báo, đó là nói với bạn “Hoặc, Nghiệp, Khổ”. Nói đến chỗ cực kỳ vi tế này, bạn nói xem cái thứ này có đáng sợ hay không?

Ngày nay chúng ta ngay đến “Hoặc, Nghiệp, Khổ” thô cũng không cách gì đoạn được, “Hoặc, Nghiệp, Khổ” tế thì càng không biết, hoặc nghiệp khổ vi tế này ở trong khoảng sát na. Cho nên mới nói với bạn hiện tượng của luân hồi ở nơi đâu vậy? Luân hồi ở ngay trong từng sát na. Phật, Bồ Tát xem thấy, thấy được rõ ràng tường tận nên mới gọi chúng sanh của mười pháp giới đều là “Kẻ đáng thương”. Không phải chỉ là phạm phu sáu cõi, tội báo của ba đường, mà cả mười pháp giới ở trong mắt của Pháp Thân Đại Sĩ, Chư Phật đều là kẻ đáng thương. Những đạo lý này, chân tướng sự thật, chỉ có Phật mới có thể nói ra được, cho nên Phật xuất hiện ở mười pháp giới chính là để cứu độ tất cả chúng sanh.

Ngay đời này chúng ta đến thế gian để làm gì? Để thọ báo, tạo nghiệp, bạn nghĩ tưởng xem có đúng không? Mỗi một ngày trải qua đời sống khổ cực đến như thế, đó là thọ báo. Đã thọ báo lại không trung thực thọ, một ngày từ sớm đến tối khởi tâm động niệm, phải quấy, nhân ngã, Tham - Sân - Si - Mạn, đó là tạo nghiệp. Chúng ta đến thế gian này là thọ báo tạo nghiệp, đó là nói chân tướng với mọi người, nói lời thành thật. Chư Phật, Bồ Tát giác ngộ rồi, các Ngài đến là để giúp đỡ chúng ta “Lìa khổ được vui”, giúp chúng ta “Phá mê khai ngộ”, các Ngài đến làm việc này. Nếu bạn muốn hỏi tại vì sao các Ngài đến thế gian này? Đến thế gian này để làm cái gì? Chư Phật Như Lai cùng tất cả chúng sanh chỉ cần hai câu là nói ra hết. Cho nên chỗ này tán tụng Phật đến độ chúng sanh.

Thứ nhất: **“Thế Tôn năng diễn nhất âm thanh”**
[Thế Tôn hay diễn một âm thanh]

“Thế Tôn”: Bạn xem phía trước nói Như Lai, chỗ này nói Thế Tôn, không như nhau. Phía trước nói “Như Lai” là nói tánh đức chúng ta thấy đều có, chỗ này nói “Thế Tôn”, vậy thì chúng ta không có, mà nhất định phải nhờ vào tu đức. Tu đức có công thì tánh đức mới hiện. Cho nên chúng ta nhất định phải chăm chỉ nỗ lực mà tu trì.

“Năng diễn nhất âm thanh”: Trong tam mật tương ưng đó là mật ngữ, Phật dùng âm thanh để làm Phật sự.

Thứ hai: **“Hữu tình các các tùy loại giải”** [Hữu tình tùy loại đều hiểu được]

Phật nói pháp một âm thanh, vì sao “Hữu tình” họ thấy đều có thể lý giải? Ngày nay chúng ta nói pháp tại vì sao rất nhiều người nghe không hiểu? Cái lý do này ở đâu vậy? Vì chúng ta có chướng ngại cho nên người khác nghe không hiểu. Chúng ta có chướng ngại, nên khi ngôn ngữ khác nhau thì nghe không hiểu. Phật không có chướng ngại, cho nên bất cứ tộc loại chúng sanh nào nghe ra đều có thể nghe hiểu, đều giống như ngôn ngữ của chính họ vậy.

Chướng ngại ở chỗ nào vậy? Chúng ta có phân biệt, có chấp trước, có vọng tưởng, chính là chướng ngại. Phật không chướng ngại, không có vọng tưởng, không có phân biệt, không có chấp trước cho nên cái âm đó từ trong tự tánh lưu xuất ra. Trong tự tánh lưu xuất ra, vừa rồi mới giảng tất cả chúng ta “Duy thức sở biến”, thức không lìa tâm. Chúng ta hiểu rõ cái đạo lý này, Ô! Phật một âm nói pháp, chúng sanh tùy loại hiểu là có đạo lý, tuy không thể vào được cảnh giới này nhưng trên lý nói được thông nên trên sự thì có thể.

Ngày nay chúng ta dùng thức, không có dùng tánh, thức chính là nơi nơi đều có chướng ngại, cho nên cùng đồng giảng là Hoa Ngữ nhưng còn có tiếng địa phương khác nhau, người ta vẫn nghe không hiểu, thậm chí trong lúc nghe còn hiểu sai đi ý nghĩa, đây là điều thường hay gặp phải.

Do đây có thể biết nếu như muốn phát tâm phổ độ tất cả chúng sanh, muốn thực tiễn đại nguyện thứ nhất trong tứ hoàng thệ nguyện “Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”, bạn thử nghĩ xem không kiến tánh thì làm sao được? Mức độ thấp nhất cũng phải chứng được địa vị Viên Giáo Sơ Trụ. Viên sơ trụ chính là Biệt giáo Sơ Địa Bồ Tát thì cách nói của bạn không có chướng ngại. Làm thế nào đạt đến địa vị này, đến được cảnh giới này? Phật nói với chúng ta, phải đoạn kiến tư phiền não, phải đoạn trần sa phiền não, vô minh phải phá một phẩm, 41 phẩm vô minh phải phá một phẩm, bạn mới có thể vào được cảnh giới này.

Phiền não phải đoạn từ chỗ nào?

Phải bắt tay vào từ đâu? Bắt tay vào từ kiến tư. “Kiến” là kiến giải sai lầm, “Tu” là tư tưởng sai lầm, đem tư tưởng sai lầm, kiến giải sai lầm thay đổi lại. Việc này thì cần phải luyện, phải thật làm, vì vô lượng kiếp đến nay kiến giải chúng ta sai rồi, sai ở chỗ nào vậy? Đem cái thân này xem thành ta, vậy thì

sai rồi, nếu như bạn không chịu buông bỏ chấp trước sai lầm của bạn thì “Minh tâm kiến tánh” vĩnh viễn không có phần. Tại sao vậy? Tận hư không khắp pháp giới là tâm tánh của bạn biến hiện ra, thân thể này của chúng ta đương nhiên cũng không ngoại lệ, cũng là tâm tánh biến hiện ra, thế nhưng hiện tại bạn chấp trước cái tâm tánh này là ta, những thứ khác không phải là ta, kiến giải này là sai lầm.

Làm sao bạn có thể hồi phục kiến tánh?

Cho nên một người chúng ta muốn minh tâm kiến tánh, muốn hồi phục tánh đức thì Phật nói rất hay cái niệm thứ nhất thì bạn phải xem tất cả chúng sanh đều là cha mẹ quá khứ, chư Phật vị lai. Phương pháp này của Phật rất tuyệt diệu, mà còn là chân tướng sự thật, khéo léo đến cùng tột. Bạn có thể đem tất cả chúng sanh đều xem thành cha mẹ chính mình, là chư Phật vị lai. Xem thành cha mẹ thì chính mình phải hiếu thuận, xem thấy là chư Phật vị lai phải cung kính.

Phật pháp học tập từ chỗ nào?

Bắt đầu từ hiếu kính! Hiếu thuận tất cả chúng sanh, lễ kính tất cả chúng sanh. Biết được mình cùng tất cả chúng sanh là một thể, là một không phải hai, bắt tay vào từ chỗ này, bạn mới có tiến bộ, công phu

của bạn mới có lực. Không luận bạn tu học một pháp môn nào, đây là bước đầu tiên, bước đầu không làm được thì không cần nói thứ khác. Cho nên bước thứ nhất phải mở rộng tâm lượng tận hư không khắp pháp giới, đích thực là chính mình, nhà Phật gọi là “Thanh tịnh pháp thân”, đó là thanh tịnh pháp thân của chính mình. Pháp thân chính là tự tánh, tánh hải, trên kinh Phật thường dùng cái này để thí dụ, biển lớn pháp tánh, chân thật là chính mình. Bạn có thể khế nhập rồi, khẳng định rồi, bạn liền chứng được pháp thân thanh tịnh. Chứng được pháp thân thanh tịnh rồi bạn chính là Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát, tánh đức, trí tuệ, đức năng của bạn liền hướng ra bên ngoài, bạn liền được thọ dụng.

Hai câu nói này là nói pháp, hai câu sau là nói hiện thân.

Thứ ba: **“Hựu năng hiện nhất diệu sắc thân
Phổ sử chúng sanh tùy loại kiến.”**

[Lại hiện ra một diệu sắc thân,
Khiến khắp chúng sanh tùy loại thấy]

Phật “thân, khẩu, ý” tam mật! Thân mật, thân mật trong Tam mật. Hai câu phía trước âm thanh làm Phật, giảng kinh nói pháp.

Giảng kinh nói pháp cái ý này là nghĩa rộng, không thể nói nhất định phải triển khai kinh điển, chiếu theo từng câu từng câu này mà giảng thì mới gọi là giảng kinh nói pháp, không phải vậy, mà đối nhân xử thế tiếp vật ngay trong cuộc sống thường ngày, vừa mở miệng chính là giảng kinh nói pháp. Vì sao vậy? Dụng ý của từng câu nói đều là giúp người khác giác ngộ, mỗi niệm đều giúp tất cả chúng sanh lìa khổ được vui. Cho nên chỉ cần mở miệng, chỉ cần có âm thanh đều là nói pháp.

Chúng ta ở ngay trong cuộc sống thường ngày, có phải có được ý niệm này hay không? Có phải dùng loại tâm này hay không? Có phải mỗi giờ mỗi phút, mỗi nơi mỗi chốn, đều dùng trí tuệ của chính mình, dùng phương tiện khéo léo của chính mình, khuyến nủ nhắc nhở giúp người khai ngộ? Còn nếu họ nhất thời không thể khai ngộ thì từ từ vậy, thường hay nhắc nhở, sẽ có một ngày họ giác ngộ, họ quay đầu. Cũng như vừa rồi tôi nghe mấy vị đồng tu nói với tôi, “Nhà ăn dưới lầu chúng ta là vô giá đại hội”. Không nhất định phải là người tin Phật đến ăn, bất cứ người nào đến ăn đều hoan nghênh, nghe nói có những người ăn cơm rất tham, không tin Phật nhưng đến lúc ăn cơm thì họ liền đến, từ trước đến giờ không niệm một câu Phật hiệu, thế nhưng thời gian lâu dần, lâu ngày dài tháng họ cũng biết niệm Phật, họ cũng

thường hay đến thường trụ giúp việc làm công quả, thời gian lâu rồi liền tin, đều là nói pháp. Cho nên các vị ở bên dưới mỗi ngày dọn thức ăn, dọn thức ăn là giảng kinh nói pháp, nhà bếp nấu cơm, nấu cơm là giảng kinh nói pháp, bạn thấy thời gian lâu rồi đều khiến cho người ta sanh thiện tâm, đều khiến cho người hồi đầu. Cho nên giảng kinh nói pháp là nghĩa rộng, không phải nghĩa hẹp.

Phía sau đây hiện thân nói pháp là thân giáo, bạn thị hiện ra là một thân tướng. Rất nhiều chúng sanh xem thấy thân tướng này có cảm xúc không như nhau, đó chính là “*Phổ sử chúng sanh tùy loại kiến*” [Khắp khiến chúng sinh tùy loài thấy]. Chúng ta ở ngay trong cuộc sống thường ngày cũng có những việc này nên nếu chính mình không thể giác, tri, không thể cố gắng dùng âm thanh của chính mình thì dùng biểu hiện của thân thể chính mình vậy.

Trên thực tế chúng ta thì sao? Âm thanh của chúng ta, biểu hiện của chúng ta, đều là làm cho chúng sanh sanh phiền não, đều là giúp chúng sanh tăng thêm “hoặc, nghiệp, khổ”, tăng thêm Tham - Sân - Si, chúng ta làm ra là những thứ này.

Chư Phật Bồ Tát ứng hoá ở thế gian, âm thanh của các Ngài, biểu hiện của các Ngài, giúp chúng sanh giác ngộ, giúp chúng sanh lìa phiền não, giúp

chúng sanh quay đầu là bờ. Chúng ta học Phật phải từ ngay chỗ này mà học, học Phật hiện thân, học Phật nói pháp. Phật “thân, ngữ, ý” tam mật, chúng ta lại chẳng phải là tam mật hay sao? Căn tánh chúng sanh không như nhau, tập khí không như nhau, đáng dùng phương thức gì để độ, chúng ta liền dùng phương pháp đó. Chúng ta dùng phương pháp thái độ đối với anh A thì không thích hợp với anh B, đối với A có thể giúp anh ấy sanh tâm hoan hỷ, giúp cho anh ấy giác ngộ, nhưng nếu như dùng phương pháp này đối với B, B sanh phiền não, B mê hoặc điên đảo, vậy thì đối với B cần phải chọn một phương pháp khác. Chúng ta thấy chư Phật Như Lai đại dùng vô phương đối với tất cả chúng sanh, thế nhưng có một nguyên tắc lớn, đó là quyết định phải tương ưng với tánh đức với tánh thiện. Đặc biệt là ở trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta có thể học được rất nhiều, Phật Bồ Tát sống ở thế gian này, thái độ sinh hoạt của các Ngài, phương pháp sinh hoạt, chúng ta phải tỉ mỉ mà thể hội, phải nỗ lực học tập.

Từ một hiện tượng thô thiên, thí dụ có rất nhiều đồng tu đã từng đến tham quan du lịch Trung Quốc đại lục, rất nhiều người đến núi Phổ Đà, núi Phổ Đà có một động Phạm Âm, mọi người đều muốn vào trong động đó để xem Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân. Ngày trước pháp sư Thánh Nhất ở Hồng Kong

nói với tôi, lúc ông 80 tuổi, ba người xuất gia các ông đến bái Phổ Đà, ở ngoài cửa động Phạm Âm lay Bồ Tát Quán Âm. Lay qua nửa giờ thì thấy được Ngài, mọi người đều rất hoan hỷ, cảm kích Bồ Tát Quán Âm hiện thân. Khi quay về đôi bên hỏi nhau, Ngài thấy được Bồ Tát Quán Âm hình dáng như thế nào? Pháp sư Thánh Nhất thấy được là kim thân, thân sắc vàng, đội mũ Tỳ Lư, giống như mũ Bồ Tát Địa Tạng đội, đội mũ Tỳ Lư, thân sắc vàng. Ngoài ra vị pháp sư khác thấy được là Quán Âm bạch y thông thường như chúng ta thấy trên những bức họa, xem thấy được cái hiện tượng này. Vị một vị pháp sư nữa thấy được Ngài là tướng Tỳ Kheo, tướng người xuất gia. Bạn xem ba người cùng đồng lay nửa giờ đồng hồ, ba người đều xem thấy, xem thấy không như nhau, đó là “Phổ sử chúng sanh tùy loại kiến”. Có phải Bồ Tát Quán Âm có ý hiện ra thân tướng này cho bạn xem, hiện ra cái thân tướng kia cho bạn xem, không phải vậy, không có ý, mà là cái thấy của chúng ta do nghiệp cảm khác nhau, cho nên thấy được thân tướng của Phật cũng không như nhau.

Phật Bồ Tát không có hình tướng nhất định, chúng sanh thấy được, tướng tùy theo nghiệp lực của chính mình mà cảm ra.

Tốt rồi, thời gian hôm nay đã hết, chỉ giảng đến

đây thôi.

A Di Đà Phật!



(VCD 069)

CHÁNH KINH:

**“Nguyện ngã đăc Phật thanh tịnh thanh
Pháp âm phổ cập vô biên giới
Tuyên dương Giới, Định, Tinh Tấn môn
Thông đạt thậm thâm vi diệu pháp.”**

[Dịch nghĩa:

*Nguyện con đăc tiếng Phật thanh tịnh
Pháp âm phổ cập vô biên cõi
Tuyên dương Giới, Định, Tinh Tấn môn
Thông đạt thậm thâm vi diệu pháp.]*

Câu này là “*Nguyện âm thanh đòng Phật*”.

Từ bài kệ này về sau là phát nguyện của Bồ Tát Pháp Tạng, đây là hình thành 48 nguyện chân thật. Do đây có thể biết Bồ Tát khởi tâm động niệm, tất cả đều là vì phổ độ chúng sanh, cho nên về sau mới có 48 nguyện đại viên mãn. Trong kệ tụng từ câu thứ ba đến thứ chín, đều là nói rõ tình hình của phát nguyện.

Thế Tôn ở thế giới này vì chúng ta giới thiệu pháp môn Tịnh Độ. Căn tánh của chúng sanh thế giới này giống như trên hội Lãng Nghiêm Bồ Tát Văn

Thù đã nói “Nhĩ căn lợi độn”. Văn Thù chọn lấy viên thông, Ngài nói “*Thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn*”⁴⁶. Cho nên Thế Tôn năm xưa ở đời là lấy âm thanh làm Phật sự. Các vị nhất định phải ghi nhớ, Phật sự chính là giúp tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, lia khổ được vui, đây gọi là Phật sự. Dùng âm thanh làm Phật sự chính là giảng kinh nói pháp dạy bảo tất cả đại chúng.

Ở Trung Quốc vào lúc đó cũng xuất hiện một vị thánh nhân là Khổng Lão Phu Tử. Khổng Lão Phu Tử cả đời dạy học, cũng là dùng âm thanh, lấy giáo học là một loại phương thức tốt nhất, cũng là cùng giống Thế Tôn ở Ấn Độ, có thể nói là không hện mà gặp. Bồ Tát muốn phát nguyện độ chúng sanh đương nhiên phải đầy đủ năng lực trí tuệ trên quả địa Như Lai mới có thể làm tốt được việc này. Cho nên câu thứ nhất Ngài nói:

Thứ nhất: “**Nguyện ngã đắc Phật thanh tịnh thanh**” [Nguyện ngã đắc Phật thanh tịnh thanh]

Cái ý này chính là nói rõ, Bồ Tát Pháp Tạng hy vọng chính mình có thể giống y như chư Phật Như Lai, đầy đủ đức năng, lợi ích tất cả chúng sanh. Sáu căn thông lợi đó là thuộc về đức năng.

Phàm phu chúng ta vì sao không có loại trí tuệ năng lực này? Việc này chúng ta chính mình phải sâu

sắc mà phản tỉnh. Phật ở trên kinh Hoa Nghiêm nói với chúng ta “*Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng Như Lai*”. “Đức” chính là đức năng, “Tướng” chính là tướng mạo. Tướng hảo như thông thường trên kinh luận đã nói, Phật có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, đây là nói liệt ứng thân. Nếu như nói báo thân trên quả địa Như Lai, Phật A Di Đà, thế giới Tây Phương Cực Lạc, trên kinh Hoa Nghiêm nói Tỳ Lô Giá Na Phật, Phật có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp, không chỉ 32 tướng 80 vẻ đẹp, không chỉ tướng chánh báo đẹp, tướng y báo cũng đẹp.

Chúng ta đọc kinh văn rồi rất là ngưỡng mộ, Phật nói tất cả chúng sanh không hề khác nhau với Ngài. Thế nhưng hiện tại sự thật bày ra trước mắt, vì sao người ta ở là thế giới Hoa Tạng, là Cực Lạc? Còn ngày nay chúng ta cư trú là thế giới Ta Bà, vậy có phải lời Phật nói ở chỗ này có vấn đề chăng? Người hiểu được kinh giáo đôi chút thì đều có thể hiểu được, đều có thể khẳng định, lời của Phật nói là chính xác, quyết định không hề nói sai, vấn đề chính là ở phía phàm phu chúng ta mà thôi. Chúng ta có trí tuệ, đức, tướng Như Lai hay không? Thực tế mà nói là có, không phải không có, tất cả chúng sanh mỗi mỗi đều đầy đủ, đầy đủ rồi nhưng hiện tại không thể khởi được tác dụng. Nguyên nhân này là do đâu? Chúng ta tìm không ra. Nếu như chúng ta tìm ra được cái nguyên nhân này thì bạn liền đại triệt đại ngộ, bạn

không phải là phàm phu nữa. Phật rất từ bi đem cái nguyên nhân này vì chúng ta nói ra, Phật nói “*Chỉ bởi vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng đắc*”. Câu nói này của Thế Tôn đã nói ra hết tâm bệnh của chúng ta. Gốc bệnh của chúng ta là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nếu như chúng ta lìa khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì trí tuệ đức năng đầy đủ trong tự tánh chúng ta liền có thể hiện tiền, chúng ta liền giống như chư Phật Như Lai không hề khác nhau.

Nếu như chúng ta hiểu rõ đạo lý này thì thấy câu nói của Pháp Tạng không hề nói suông, cái nguyện này không phát suông, cũng tuyệt nhiên không hề vượt quá. Thành thật mà nói chúng ta cũng phải như Bồ Tát Pháp Tạng vậy, phát nguyện mong cầu “Thanh tịnh thanh” của Phật, chúng ta cũng phải cầu “Thanh tịnh thanh” của Phật. Thực tế mà nói trong nguyện này đã nói đến rất là thấu triệt, rất là rõ ràng, âm thanh của Phật tuyệt diệu không gì bằng, âm thanh vì sao tuyệt diệu như vậy? Thanh tịnh! Trên văn tự nói rất rõ ràng. Ngày nay âm thanh của chúng ta không thể hồi phục là do tâm của chúng ta không thanh tịnh. Do đây có thể biết nếu như chúng ta muốn được âm thanh viên mãn của Như Lai, âm thanh vi diệu, then chốt đều là ở tâm thanh tịnh.

Diệu đến trình độ nào vậy? Trên kinh nói “Phật dùng một âm mà nói pháp, chúng sanh tùy loại đều

hiểu được”. Sự việc này là có thể không? Nếu như chúng ta đem đạo lý này thấu triệt liền biết được sự việc này là có thể. Cho dù như đạo lý này không làm được mười phần thấu triệt, nhưng bạn nghĩ mà xem khoa học kỹ thuật hiện tại, vi tính phát triển như vậy, ngay trong hội nghị quốc tế mô hình lớn, diễn giảng đã dùng vi tính, có thể tự động phiên dịch thành các loại ngôn ngữ khác nhau, vậy chẳng phải là người ta ở trên đài dùng một một ngôn ngữ để nói hay sao? Mọi người đều có thể nghe hiểu được. Vậy vi tính đều có thể làm được, thì Phật làm gì mà không làm được chứ. Vi tính mà so với trí tuệ của Phật Bồ Tát thì kém xa, không thể sánh. Chúng ta từ khoa học kỹ thuật mà chứng thực việc này là có thể, then chốt đều là ở tâm thanh tịnh.

Cho nên chúng ta học Phật phải học từ chỗ nào? Từ chỗ nào dùng công phu chân thật? Chúng ta từ trong kinh giáo tiết lược ra mấy câu cương lĩnh, phải từ tâm chân thành thì tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi liền hồi phục, bạn liền có thể được âm thanh giống như Như Lai vậy. Bạn câu loại đức năng này để làm gì vậy? Phía sau nói:

Thứ hai: “Pháp âm phổ cập vô biên giới”
[Pháp âm phổ cập vô biên cõi]

Là dùng âm thanh này để nói pháp, nói pháp phổ độ tận hư không khắp pháp giới cho tất cả chúng

sanh. Đó chính là nguyện thứ nhất trong tứ hoằng thệ nguyện “Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”. Có vậy bạn mới có thể thực hiện được nguyện này. Chúng ta cũng đã từng phát ra cái nguyện này, tuy đã phát ra cái nguyện này không chân thật, vì sao nói không chân thật? Bởi vì tâm của chúng ta không bình đẳng, chúng sanh mình ưa thích, xem thấy chúng sanh rất vừa mắt thì độ họ, còn không ưa thích, xem không được vừa mắt thì không độ họ. Vậy thì tâm của bạn không thanh tịnh, tâm của bạn không bình đẳng, bạn không thể phổ độ chúng sanh.

Cho nên học Phật phải từ ngay chỗ này mà học, học tâm thanh tịnh của Phật. Phật nói pháp có phương tiện khéo léo, trong kinh đã nói phương tiện thiện xảo. Phật đem rất nhiều nhân tố phức tạp ở trong đó tìm ra một nhân tố quan trọng nhất. Trên rất nhiều kinh luận đều đã nói, Phật nói rõ nghiệp nhân của mười pháp giới cho chúng ta nghe, nghiệp nhân của mười pháp giới, đương nhiên nhân duyên của mười pháp giới vô lượng vô biên rất là phức tạp. Nghiệp nhân thành Phật ở pháp giới Phật là gì? Phật nói là “Tâm bình đẳng”, tâm bình đẳng là chân tâm, tâm Bình đẳng là tâm Phật; Nghiệp nhân thành Bồ Tát là gì? Tâm Lục độ; Duyên Giác là tâm Thập Nhị nhân duyên; Thanh Văn là tâm Tứ Đế, chẳng phải đã nói được rõ ràng hay sao? Chúng ta muốn học Phật, nếu như không bắt tay vào từ tâm bình đẳng, không

nỗ lực tu tâm bình đẳng, bạn làm sao có thể phổ độ chúng sanh? Bạn làm sao có thể viên thành Phật đạo.

Ở nơi đây có không ít pháp sư trẻ phát tâm học tập kinh giáo, bài kệ này chính là viết theo tâm hạnh của các Ngài, cũng chính là nguyện vọng của họ. Tôi cũng thường hay nói với các đồng tu, chúng ta đều biết thế gian hiện tại tai nạn quá nhiều, nếu muốn cứu giúp chúng sanh khỏi nạn thế gian hiện tại, chúng sanh rất khổ, nếu bạn muốn giúp đỡ họ, nếu muốn cứu độ họ thì phương pháp duy nhất chính là đem đạo lý của Phật pháp giảng rõ ràng với mọi người, giảng tường tận. Trong Phật pháp giảng là những đạo lý gì? Trong tất cả kinh luận nói với chúng ta chân tướng của vũ trụ nhân sanh, trong đây bao gồm tâm tánh là lý luận, hiện tượng tác dụng, nhân duyên quả báo, phạm vi bao gồm mười phương, tam tế (tam tế là nói quá khứ, vị lai), những chân tướng sự thật này, nếu bạn không rõ ràng, không tường tận, bạn làm sao có thể giới thiệu cho người? Bạn làm sao có thể đem những sự việc này nói cho người nghe rõ ràng, nói cho tường tận? Cho nên nhất định phải đem chân tướng sự thật làm cho rõ ràng, đó là trí tuệ, biểu đạt đó là phương tiện khéo léo.

Nhà Phật thường nói “*Từ bi là gốc, phương tiện là cửa*”⁴⁷, đó là tâm từ bi thương xót tất cả chúng sanh, hộ niệm tất cả chúng sanh, quan tâm tất cả

chúng sanh, đó là từ bi. Có từ bi rồi, còn phải có phương tiện khéo léo, bạn có thể biểu đạt ra được, chúng ta cần có cái năng lực này. Thế nhưng cái năng lực này ngày nay chúng ta không thể nào có được. Vì sao? Phật nói chúng ta có chướng ngại, nếu như tiêu trừ đi chướng ngại, cái năng lực này liền có được, vì sao liền có được? Vì “nó” là bản năng, không phải từ bên ngoài đến, là trí tuệ đức năng trong chân tâm tự tánh vốn đủ, nó không phải từ bên ngoài đến, chỉ cần tiêu trừ đi chướng ngại, trí tuệ năng lực của bạn liền hồi phục.

Chướng ngại cái gì? Trên kinh Phật thường nói, nói qua vô số lần, hiển thị Như Lai chân thật từ bi, biết được tâm bệnh lớn nhất của phàm phu chúng ta là dễ quên, giảng cho bạn nghe rồi khi ra khỏi giảng đường thì quên hết, cho nên ngày ngày giảng, mỗi năm giảng, vĩnh viễn không ngừng giảng, hy vọng bạn có một ngày bạn ghi nhớ, không nên quên mất, trường kỳ huân tu thời gian dài. Phật không ngại phiền nói cho chúng ta nghe có rất nhiều loại chướng ngại, nhưng quy nạp lại không ngoài hai loại lớn, hai loại chướng ngại, một loại là phiền não chướng, một loại là sở tri chướng.

Cái gì gọi là Phiền não chướng?

Thị phi - Nhân ngã, Tham - Sân - Si - Mạn, đó là phiền não.

Cái gì là Sở tri chương?

Thành kiến, thông thường nói một người nào đó thành kiến quá sâu, thành kiến chính là sở tri chương.

Phật không có ý kiến, quyết định không có thành kiến, Phật cũng không có phiền não, cho nên bạn có thể buông bỏ đi thành kiến, đem phải quấy nhân ngã, “Tham - Sân - Si - Mạn” buông bỏ, như trên Kinh Kim Cang đã nói, ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, thấy đều buông bỏ, bạn liền được tâm thanh tịnh, trí tuệ thiện xảo của bạn liền hồi phục, bạn mới có thể thực hiện được nguyện vọng cứu độ chúng sanh của bạn.

“Pháp âm phổ cập vô biên giới”, cho nên tâm lượng của bạn phải lớn, chúng ta giúp đỡ chúng sanh không phải chỉ giúp một khu vực này của chúng ta thôi, một cái thành phố này, không đủ, giúp đỡ cái quốc gia này, vẫn còn quá nhỏ, ta phải giúp đỡ cả thế giới có được không? Rất miễn cưỡng, vẫn không đủ lớn. Vậy phải lớn như thế nào? Tận hư không khắp pháp giới, quá khứ, hiện tại, vị lai. Bạn phải chân thật phát ra cái tâm này, nếu chúng ta muốn độ chúng sanh, phạm vi ta độ chúng sanh là “Rộng khắp mười phương, suốt cùng ba thời”. Bạn nhất định phải phát ra cái tâm này, bạn mới tương ứng với tự tánh, bạn mới có thể được oai thần chư Phật Như Lai gia trì. Vì

sao vậy? Bạn cùng chư Phật Như Lai đồng tâm đồng nguyện, đồng đức đồng hạnh thì chư Phật Như Lai làm gì mà không đến gia trì chứ? Bạn xem thấy câu nói này, tâm lượng của người bao lớn.

Trong câu thứ nhất “*Nguyện ngã đắc Phật thanh tịnh thanh*” [Nguyện con đắc tiếng Phật thanh tịnh] này, quan trọng nhất là “thanh tịnh”, trong câu thứ hai “*Pháp âm phổ cập vô biên giới*” là “vô biên giới”. Trong nhà Phật thường nói “*Tâm bao thái hư, lượng khắp pháp giới*”, nếu bạn không có tâm lượng như vậy, bạn làm sao có thể học Phật, không có tâm lượng như vậy, công phu học Phật của bạn làm sao có lực? Đồng tu chúng ta không luận tại gia xuất gia, bạn muốn học Phật, nếu muốn công phu có thể có lực, việc thứ nhất chính là bạn phải mở rộng tâm lượng.

Hai câu phía sau là nói nội dung nói pháp. Bạn nói ra là pháp gì?

Thứ ba: “**Tuyên dương giới, định, tinh tấn môn**” [Tuyên dương Giới, Định, Tinh Tấn môn]

Như thị pháp âm, Phật pháp, Phật rất là khéo ở nói pháp, Phật có năng lực đem các pháp rất phức tạp, đem nó quy nạp lại, quy kết ra một cương lĩnh quan trọng. Trong câu nói này chính là sáu Ba La

Mật của Bồ Tát, “Giới, Định, Tinh tấn”. Kinh văn phía sau có thuyết minh tường tận, chỗ này chỉ là một cương yếu. Chúng ta phải hiểu được “trì giới”, phải biết “tu định”, phải biết “tinh tấn”, cho nên trong câu này bao gồm Tam Học - Lục Độ.

Học Phật việc quan trọng thứ nhất chính là trì giới. Ý nghĩa của trì giới chính là thủ pháp, giữ qui củ, đó chính là trì giới. Ở trên kinh Phật dạy bảo cho chúng ta những gì nên làm, chúng ta nhất định chăm chỉ nỗ lực mà làm, dạy chúng ta những gì không nên làm, chúng ta nhất định phải tránh xa, không dám tạo tác, đây chính là trì giới.

Tam học Giới-Định-Huệ.

“Giới”:

Là nghĩa rộng, không phải hạn cuộc ngay trong điều văn của giới luật, bạn phải hiểu được tinh thần của giới luật ở đâu. Điều văn rất có hạn, điều văn thì làm sao có thể bao gồm từng li từng tí trong cuộc sống thường ngày của chúng ta, trong điều văn không có nói, tinh thần của giới luật bao gồm thì viên mãn rồi.

Cho nên giáo huấn của Phật trong tất cả kinh đều là giới, mỗi câu đều là giới, mỗi chữ đều là giới. Lià khỏi Phật pháp, chúng ta sống ở thế gian, sinh

sống ở quốc gia này, cái thành phố này, hiến pháp của quốc gia, pháp luật của quốc gia, đó cũng là giới điều, cũng phải tuân thủ, không được vi phạm. Khu vực này mọi người cùng nhau sinh sống, cũng có rất nhiều công ước qui tắc, thậm chí đến phong tục tập quán không có văn tự ghi chép, quan niệm đạo đức, có câu nói là “Nhập cảnh tùy tục”, đến một khu vực nào, phải tuân thủ phong tục tập quán của khu vực đó, tuân thủ pháp luật qui ước của khu vực đó, chúng ta mới có thể cùng ở chung với người của khu vực đó, mới có thể hoà thuận cùng ở chung với mọi người, đây đều là ở ngay trong giới luật.

Cho nên tam học mỗi một chữ, phạm vi cùng tâm lượng như nhau, cũng là bao trùm hư không pháp giới, bạn mới có thể phổ độ tất cả chúng sanh. Bạn ở khu vực này, cùng với người khu vực này trái ngược nhau không thể hoà thuận, bạn làm sao có thể giúp họ, bạn làm sao có thể giáo hoá họ?

Cho nên Phật tiếp dẫn chúng sanh, nói cho chúng ta nghe rất nhiều nguyên tắc, “Tứ nhiếp pháp”⁴⁸ chính là nguyên tắc tốt nhất mà Phật rất thường dùng. Trong đó, cái thứ nhất là Bố Thí, cùng kết duyên với những chúng sanh này, kết duyên hoan hỷ; Cái thứ hai là “Ái ngữ”, thứ ba là “Lợi hành”, thứ tư là “Đồng sự”.

“Tứ tất đàn”⁴⁹ cũng là dạy cho chúng ta cương

lĩnh quan trọng tiếp xúc đại chúng. Câu thứ nhất gọi là “Thế giới tất đàn”: Thế giới là ý gì vậy? Khiến tất cả chúng sanh sanh tâm hoan hỉ. Làm thế nào mới có thể khiến cho tất cả chúng sanh sanh tâm hoan hỉ đối với chúng ta? Chúng ta trì giới, tuân thủ pháp luật, giữ lễ phép, tiếp xúc với mọi người, mọi người sẽ tôn kính đối với bạn, sanh tâm hoan hỉ đối với bạn, điều bạn nói ra họ ưa thích nghe, họ mới có thể tiếp xúc. Tiến thêm một bước, họ mới chiếu theo phương pháp lý luận mà làm.

Tóm gọn tu học Phật pháp là ở “Định”.

Nhà Phật thường nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn. Trong tứ hoằng thệ nguyện “Pháp môn vô lượng thệ nguyện học”, những pháp môn này nội dung là gì? Xin nói với các vị đều là tu định.

Nhưng phương pháp tu định, cửa tu định không như nhau. Thí dụ: Trong Thiền tông dùng phương pháp quán tâm, dùng phương pháp tham thoại đầu; Giáo hạ thì dùng phương pháp đọc tụng, dùng phương pháp chỉ quán, đều là tu định; Tịnh Độ tông dùng phương pháp niệm Phật, niệm Phật còn có quán tượng niệm Phật, quán tướng niệm Phật, trì danh niệm Phật, rất nhiều phương pháp. Tất cả mọi phương pháp tuy là không như nhau, nhưng mục đích

là như nhau, đều là tu định. Tịnh Độ tông không gọi là thiền định mà gọi là “Nhất Tâm Bất Loạn”. Các vị nghĩ tưởng xem Nhất Tâm Bất Loạn không phải là thiền định hay sao? Cho nên định là tinh hoa của tu học Phật pháp. Vì vậy có câu “Do giới được định, do định khai trí tuệ”.

Tinh tấn:

Thế nhưng nếu bạn chân thật muốn công phu có lực, phía sau dùng hai chữ “tinh tấn” thì tốt, Ngài không dùng huệ, giới định không dùng huệ, dùng tinh tấn.

Sau cùng còn thêm chữ “Môn”, môn chính là phương pháp, lối đi. Do đây có thể biết, “tinh tấn” hai chữ này rất quan trọng, hai chữ này chúng ta nhất định không thể xem thường.

Ngày nay chúng ta tu hành công phu không có lực, chính là không hiểu được cái đạo lý này. Có phải chúng ta đang rất chăm chỉ tu tập? Rất chăm chỉ, cũng rất nỗ lực, thế nhưng chúng ta không phải tinh tấn, tôi thường nói chúng ta đang làm là gì vậy? Là tạp tấn, làm được quá nhiều, quá tạp. Tinh tấn, tinh là chuyên, chuyên nhất.

Tám vạn bốn ngàn pháp môn, Phật nói rất hay “Pháp môn bình đẳng, không có cao thấp”. Đây là

Phật nói trên Kinh Kim Cang, đây là lời nói chân thật. Nếu bạn tu học, bạn chỉ có thể ở trong tất cả pháp môn chọn lấy một môn, một môn chính là tinh, một môn thâm nhập thì có tiến bộ, chính là tinh tấn. Cho nên Phật không hề dạy cho chúng ta tạp tấn, không phải dạy cho chúng ta nhiều tấn, mà dạy chúng ta tinh tấn, vậy mới có đạo lý. Vì sao vậy? Tinh tấn có thể được định, tinh tấn có thể khai trí tuệ.

Vậy thì vì sao trong Tứ hoằng thệ nguyện lại nói “Pháp môn vô lượng thệ nguyện học”? Câu nói này cùng tinh tấn có mâu thuẫn hay không? “Pháp môn vô lượng thệ nguyện học” là học rộng nghe nhiều, vậy thì không phải chuyên tinh mà là dạy bạn học rộng nghe nhiều, nhưng như vậy cùng với tinh tấn phương pháp giáo học này không hề có xung đột, thế nhưng nó có thứ tự trước sau. Khi sơ học mới vào cửa, nhất định phải tinh tấn, một môn thâm nhập, vậy đến lúc nào bạn mới có thể học rộng nghe nhiều? Trí tuệ khai mở. Do đây có thể biết một môn tinh tấn là tu Giới - Định - Huệ tam học, còn học rộng nghe nhiều là tam huệ của Bồ Tát. Bạn xem văn huệ, tư huệ, tu huệ, Văn - Tư - Tu gọi là tam huệ. Cái huệ này là gì? Là huệ của Giới - Định - Huệ, nếu bạn chưa khai huệ, thì bạn làm gì có được “tam huệ”? Bạn phải có nền tảng của Giới - Định - Huệ, sau đó mới có thể học rộng nghe nhiều. Đó chính là “Pháp môn vô lượng thệ nguyện học”.

Cho nên các vị phải nên biết tinh tấn một pháp môn này có thể giúp chúng ta hoàn thành “Phiền não vô tận thế nguyện đoạn”. Đó là thành tựu đức hạnh của chính chúng ta, phiền não đoạn rồi, hồi phục lại tâm thanh tịnh, vào lúc này mới “Pháp môn vô lượng thế nguyện học”, mới học rộng nghe nhiều, cho nên không hề có xung đột với tinh tấn. Thế nhưng có trước sau thứ tự khác nhau, nếu như chúng ta đảo ngược thứ tự, vậy ngay trong một đời này của bạn, bạn sẽ không có thành tựu, vì phương pháp bạn đã dùng sai, bạn cần phải làm theo thứ tự.

Tứ hoằng thế nguyện thành thật mà nói chính là dạy chúng ta tuân tự thứ lớp tu hành: Thứ nhất: Bạn phải phát tâm; Thứ hai: Sau khi phát tâm, bạn đoạn phiền não; Thứ ba: Phiền não đoạn hết rồi bạn phải học pháp môn; Thứ tư: Pháp môn viên mãn thì thành Phật đạo. Cái thứ tự này quyết định không thể nào rối loạn, nhất định phải thứ tự tiến dần. Thực tế mà nói Phật từ bi đến cùng tột, quan tâm rất chu đáo đối với hậu học, mọi thứ đều nói cho bạn nghe rất tường tận, đều giảng cho bạn nghe thông suốt. Chỉ cần bạn có thể nghe hiểu được, thể hội được ý của Phật, y giáo phụng hành, thì làm gì mà không thành tựu. Câu sau càng càng thù thắng hơn:

Thứ tư: “Thông đạt thậm thâm vi diệu pháp”[Thông đạt thậm thâm vi diệu pháp]

Cái gì gọi là “Thậm thâm”? “Thâm” đến trình độ nào mới có thể gọi là “Thậm thâm”?

Trên kinh Đại thừa Phật đã nói “Chỉ Phật với Phật mới có thể cứu cánh”, vậy mới xem là thậm thâm. Vì sao vậy? Bồ Tát Đẳng giác còn không thể hiểu được rõ ràng. Vậy chân thật là sâu thì đó là pháp gì vậy? “Vi diệu pháp”, là pháp gì vậy? Xin nói với các vị chính là pháp môn niệm Phật, pháp môn niệm Phật là thậm thâm vi diệu pháp. Chúng ta xem thấy trên hội Hoa Nghiêm, Bồ Tát Văn Thù là trí tuệ bậc nhất ngay trong Bồ Tát, Bồ Tát Phổ Hiền là hành môn đệ nhất. Trong hành môn không có người nào có thể siêu vượt hơn Phổ Hiền, trong giải môn không có người nào có thể siêu vượt hơn Văn Thù. Vậy mà Văn Thù, Phổ Hiền hai vị Bồ Tát này, sau cùng ở trong kinh Hoa Nghiêm đều phát nguyện cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Những năm đầu tôi học Phật chân thật rất khó tin đối với Tịnh Độ, cho dù là lời Phật nói, tôn trọng Phật, tôi không dám phản đối, không dám huỷ báng, thế nhưng nếu bảo tôi học pháp môn này thì gần như không cam tâm. Tôi rất là yêu thích đối với kinh giáo Đại thừa, nhất là “Hoa Nghiêm”, “Lăng Nghiêm”, “Pháp Hoa”, tôi rất là ưa thích đối với những kinh đại thừa này. Nhưng đến sau cùng tôi xem thấy những kinh này đều quy về Tịnh Độ, lúc đó mới hiểu rõ chư

Phật Bồ Tát nói ra pháp môn này chân thật là pháp khó tin. Thế hội được ý nghĩa của pháp khó tin, cũng hiểu được một chút mùi vị thậm thâm, đó là lúc xem thấy Bồ Tát Phổ Hiền, Văn Thù đều phát nguyện vãng sanh. Về sau nhiều năm đến nay, lướt qua trong kinh giáo dần dần hiểu rõ, biết được cái đạo lý này, đúng như trong “Quán Kinh” Phật đã nói “Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật”.

Tâm tác tâm thị, thị tâm thị Phật là lý. Phật là gì vậy? Phật chính là chân tâm của chúng ta, Phật chính là bản tánh của chúng ta, Phật không ở bên ngoài. Chúng ta phải làm thế nào để làm Phật? Khởi tâm động niệm, lời nói việc làm, nếu như tương ưng với tự tánh, vậy thì bạn liền làm Phật, trái ngược với tự tánh thì bạn là chúng sanh, tương ưng chính là làm Phật.

Phải làm thế nào tương ưng với tự tánh?

Tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là tương ưng, mỗi môn đều tương ưng, mỗi môn đều là làm Phật, nhưng nhiều pháp môn như vậy có phải đều là thích hợp với tu học của chính chúng ta hay không? Không phải vậy! Vì sao vậy? Tất cả chúng sanh căn tánh không như nhau. Hiện tại người nước ngoài thường nói là “Đa nguyên văn hoá”. Đây là danh từ mới, tôi nói với họ, không chỉ người các nước tụ hội với nhau là đa nguyên văn hoá, mà ngay chính một mình bạn

cũng là đa nguyên văn hoá. Họ nghe rồi cảm thấy rất lạ, vì sao một người cũng biến thành đa nguyên? Tôi nói bạn là một người, bạn không chỉ có một đời này, bạn có quá khứ, bạn còn có vị lai, quá khứ vô thí, vô thí kiếp đến nay đời đời kiếp kiếp, bạn trải qua sáu cõi luân hồi, cõi nào bạn cũng đều trải qua, trong A Lại Da Thức của bạn hàm chứa chủng tử tập khí rất là phức tạp, thì bạn làm sao không phải là đa nguyên? Một người cũng là đa nguyên, chính bởi nguyên do này.

Cho nên Phật nói ra tất cả kinh, không nhất định đều thích hợp với chúng ta, chúng ta phải cố gắng chọn lựa. Thực tế mà nói chúng ta giống như một người bị bệnh vậy, bệnh đã quá lâu rồi, tâm bệnh bên trong quá nhiều, không phải một loại, chỉ có một phương thì không thể cứu nổi. Cho nên nhất định phải hiểu được chọn lựa, khi trị bệnh các vị phải biết thuốc phải đúng bệnh, thuốc có thể đúng bệnh đó chính là thuốc đến bệnh khỏi, bệnh của bạn liền khỏi. Không phải bất cứ loại thuốc nào cũng đều có thể trị hết bệnh của chúng ta, không phải vậy, nhất định phải ở trong đồng thuốc chọn lấy loại thích hợp, đúng bệnh mới được.

Chúng ta tu học Phật pháp cũng là như vậy, kinh luận Phật giảng rất nhiều, những kinh luận nào thích hợp với ta, có thể đối trị tập khí tâm bệnh của ta

từ vô lượng kiếp đến nay, để cho ta ở ngay trong một đời này có thể có được thành tựu, vậy mới có thể sanh ra hiệu quả.

Hiện tại chúng ta ở trong cái giảng đường này, chọn lấy hai bộ kinh, chính là rất khế cơ, hay nói cách khác nhắm đúng vào tâm bệnh của chúng ta mà cho thuốc tốt. Hai bộ kinh này chính là “Kinh Vô Lượng Thọ”, cùng “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh”. Kinh Hoa Nghiêm rất dài, chúng ta mới bắt đầu giảng, “Kinh Vô Lượng Thọ” các vị đồng tu ngày trước đã từng nghe qua, nghe qua hai lần. Kinh này ngày trước tôi đã giảng qua mười lần, không phải ở một nơi, ở rất nhiều quốc gia khu vực, thế nhưng lần này chúng ta có đủ thời gian, thời gian không vội chúng ta có thể giảng tỉ mỉ. Bộ kinh này là tất cả chư Phật Như Lai xúc tiến cho chúng ta, giới thiệu cho chúng ta, để chúng ta hạ thủ công phu ở bộ kinh này. Căn tánh lành lợi, bạn y theo bộ kinh này mà tu hành, có thể được minh tâm đạt bản, cũng chính là minh tâm kiến tánh mà nhà Thiền thường nói. Đây cũng chính là như trên Kinh Lăng Nghiêm Bồ Tát Đại Thế Chí đã nói “Bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai”⁵⁰. Tâm khai là tâm khai ý giải, chính là “Đại triệt đại ngộ minh tâm kiến tánh” mà nhà thiền đã nói thượng căn tu pháp môn này có thể đạt được. Ở Tịnh Độ tuy không gọi là minh tâm kiến tánh, Tịnh Độ gọi là Nhất Tâm Bất Loạn. Lý nhất tâm bất loạn chính là minh

tâm kiến tánh, siêu việt mười pháp giới, trên kinh Hoa Nghiêm là địa vị của Pháp Thân Đại Sĩ. Còn nếu như không có được căn tánh này, thành thật niệm Phật cũng có thể vãng sanh bất thoái thành Phật, đây chính là “Thậm thâm vi diệu pháp”.

Hôm nay chỉ giảng đến đây thôi. A Di Đà Phật!

(VCD 070)

Trong Thập Thâm Vi Diệu Pháp, còn có ý nghĩa của Thập Thâm Vi Diệu Pháp. Ý nghĩa này nói không hết, chúng ta nhất định phải nên biết, phải có thể tỉ mỉ mà thể hội. Vì sao vậy? Nếu bạn không thể hội được thì làm sao bạn có thể tuyên thuyết? Nếu bạn chân thật có thể thể hội được, thì sau đó mở quyển kinh này ra, mỗi câu mỗi chữ đều là Thập Thâm Vi Diệu Pháp, mỗi câu mỗi chữ đều là vô lượng nghĩa. Chúng ta phải khẳng định, chúng ta phải tin tưởng, tin tưởng chân tâm của chúng ta không hề khác nhau với tất cả chư Phật Như Lai.

Vậy thì vấn đề hiện tại chúng ta làm sao có thể tương ưng với chân tâm với tự tánh?

Đây là vấn đề lớn! Chư Phật Như Lai nói với chúng ta, bạn thường niệm một câu “Nam mô A Di Đà Phật” thì tương ưng. Tương ưng là ba nghiệp tương ưng, hiển tông gọi là ba nghiệp tương ưng, mật tông gọi là Tam Mật tương ưng, Thân - Ngữ - Ý, trong tâm chân thật có A Di Đà Phật, ý nghiệp của bạn tương ưng, trong lòng thật có. Ngoài A Di Đà Phật ra, xin nói với các vị thân tâm thế giới, thế xuất thế gian pháp thầy đều buông bỏ.

Buông bỏ không phải nói không cần, nếu hiểu

như vậy thì bạn hoàn toàn sai rồi, buông bỏ là không nên đem nó để ở trong lòng. Như thế nghĩa là sao? Trên sự thì bình thường, đời sống trước sao thì giờ cũng vậy, làm việc như vậy, qua lại như vậy, thì đó là trên sự thì có, nhưng trong tâm không có, trong lòng trong sạch không chút bụi trần, đó gọi là buông bỏ. Không chỉ buông bỏ thế gian pháp, Phật pháp cũng phải buông bỏ. Vì sao vậy? Trên Kinh Kim Cang Phật nói với chúng ta “Pháp còn nên xả, huống hồ phi pháp”, cái pháp đó chính là Phật pháp.

Vì sao nói Phật pháp cũng phải buông bỏ?

Phật nói “Phật pháp là nhân duyên sanh ra”, mà đã là nhân duyên sanh ra thì không phải là thật, vậy Phật pháp chúng ta có cần hay không? Cần! Cần thì sao buông bỏ? Không nên chấp trước! Buông bỏ phân biệt chấp trước của bạn thì đúng, chúng ta không có tâm phân biệt đối với Phật pháp, không có tâm chấp trước, bạn liền buông bỏ. Đối với chúng ta pháp thế gian quyết định không nên để ở trong lòng, vĩnh viễn giữ gìn tâm địa của bạn thanh tịnh bình đẳng, bạn phải giữ lấy như trên đề kinh chúng ta là “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, vậy thì ba nghiệp của bạn liền tương ưng với tự tánh. Tương ưng thì bạn liền minh tâm đạt bản. Bạn thông đạt rồi mới có thể nói ra được. Chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát giảng kinh nói pháp, đều là từ chân ngôn trong “thanh tịnh,

bình đẳng, giác” lưu xuất ra.

Tại vì sao gọi là chân ngôn?

Chữ “chân” này không phải là chữ “chân” của “chân, giả”, “chân” của chân giả không chân, cái chân này “Chẳng chân, chẳng giả, chẳng có chẳng không”, đó mới gọi là “Chân”.

Phật giảng kinh nói pháp bạn không thể nói Ngài có nói, bạn cũng không thể nói Ngài không nói, nếu bạn nói Ngài có nói thì sai rồi, Phật giảng kinh nói pháp đích thực không có ý, không có khởi tâm động niệm, không hề nghĩ ta phải nói pháp thế nào, đó là phạm phu, rơi vào trong tâm ý thức, Phật không hề có cái ý niệm này. Vậy pháp của Phật làm sao mà nói ra? Ứng cơ nói pháp. Thật đúng như đại phu trị bệnh cho người, xem bệnh cho thuốc vậy. Bạn nói xem đại phu có nói pháp không? Có đưa ra thuốc hay không? Không có! Xem bạn là bệnh gì, họ sẽ nói ra nguyên nhân bệnh tật đó của bạn, tình hình bệnh của bạn, lại ra phương thuốc cho bạn. Phật nói pháp cũng là như vậy, tùy loại hoá thân, tùy cơ nói pháp, làm gì có nhất định? Nếu như nói Phật có pháp đáng nói, vậy thì oan uổng cho Phật, bạn không hiểu được Phật. “Có pháp đáng nói” thì đó là tình hình gì vậy? Giống như đại phu ra phương thuốc trước vậy, cho ra một đồng phương thuốc, bạn bị bệnh đến tôi thì tôi liền đưa phương thuốc này cho bạn, đó chính là có pháp

đáng nói. Loại đại phu này nhất định hại chết rất nhiều người, người uống thuốc chết rồi họ vẫn không chịu thừa nhận, vì sao vậy? Người không chịu bệnh giống như phương thuốc ta đã cho, là người sai rồi, còn phương thuốc của ta không hề sai, người đã bệnh sai rồi, đó gọi là có pháp đáng nói. Cho nên Phật đích thực là không có pháp đáng nói, mà mới vô lượng vô biên pháp, bạn phải hiểu được cái ý này, phải hiểu rõ chân tướng sự thật.

Chúng ta làm thế nào học tập? Trên kinh này Phật nói với chúng ta “Một câu A Di Đà Phật, công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn”, đó là Thâm Thâm Vi Diệu Pháp. Thế nhưng bạn phải biết niệm, không biết niệm, người xưa gọi là “Đau mồm rất họng cũng chỉ uống công”. Không biết niệm! Không biết niệm tuyệt nhiên không phải là nói sáu chữ “Nam Mô A Di Đà Phật” này mà bạn không biết niệm, đến trẻ nhỏ ba tuổi cũng biết niệm, mà ở đây nói không biết niệm là bạn không biết dụng tâm. Bạn phải dùng tâm như thế nào niệm mới có hiệu quả? Nếu niệm chỉ có miệng không có tâm thì không có hiệu quả, thì dù bạn niệm được nhiều hơn cũng không được. Vậy dùng tâm gì niệm mới có hiệu quả? Vừa rồi mới nói tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng thì có hiệu quả, mới có thể niệm ra được mùi vị của Phật hiệu, đó gọi là pháp vị. Bạn biết niệm sẽ niệm được pháp hỉ sung mãn, bạn niệm được không chỉ tương ưng với

thế giới Tây Phương Cực Lạc, mà còn tương ứng với chân tâm bản tánh của chính mình. Cho nên niệm Phật phải biết niệm, còn không biết niệm thì một ngày từ sớm đến tối “A Di Đà Phật, A Di Đà Phật”, một ngày 24 giờ đồng hồ không gián đoạn, nhưng trong lòng còn có thị phi nhân ngã, Tham - Sân - Si - Mạn, đó gọi là không biết niệm, loại niệm Phật này sẽ không có thành tựu, đó chân thật gọi là “Đau mồm rất họng cũng chỉ uống công” mà thôi.

Niệm Phật theo cách “Không biết niệm” như vậy có được lợi ích gì không?

Không thể nói không có lợi ích, vì sao vậy? Vẫn còn tốt hơn là đi mắng người, tốt hơn đi nói chuyện phiếm, được cái tốt như vậy. Cho nên mọi người nhất định phải nên hiểu.

Bài kệ này tôi chỉ nói với các vị đến đây thôi, ý nghĩa thực tế rất sâu rất rộng, bạn chính mình tĩ mĩ mà thể hội rất là thú vị. Mời xem bài kệ tiếp theo, phía sau tổng cộng có sáu câu, đây là tiểu khoa thứ hai:

CHÁNH KINH:

**“Trí huệ quảng đại thâm như hải
Nội tâm thanh tịnh tuyện trần lao
Siêu quá vô biên ác thú môn**

**Tốc đáo Bồ Đề cứu cánh nạn.
Vô minh, tham, sân, giai vĩnh vô
Hoặc tận, quá vong, tam-muội lực.”**

[Dịch nghĩa:

*Trí huệ rộng lớn sâu như biển
Nội tâm thanh tịnh tuyệt trần lao
Vượt khỏi vô biên ác thú môn
Mau đến bờ Bồ Đề rốt ráo
Vô minh, tham, sân vĩnh viễn dứt
Hoặc tận, lỗi mất, tam-muội lực.]*

Cũng là tuyên dương “tam vô lậu”. Dùng tam vô lậu học đoạn ba độc phiền não, trước cầu chính mình thành tựu, đây đều là tấm gương tốt nhất cho chúng ta.

Bạn thấy Pháp Tạng Ngài làm thế nào tu hành thành Phật? Ngài làm ra cho chúng ta một mô phạm, làm ra một tấm gương. Nếu chúng ta muốn tu hành thành Phật, phải làm theo cách làm của Ngài.

Câu thứ nhất là “Trí tuệ quảng đại thâm như hải”, câu sau cùng “Hoặc tận quá vong tam muội lực”. “Tam muội” là định, bạn xem sáu câu này, phân nửa là lấy trí tuệ mở đầu, lấy tam muội làm tổng kết, ý nghĩa rất sâu rất rộng. Nghĩ lại xem chính chúng ta tu hành có phải đúng như vậy không?

Thứ nhất: **“Trí tuệ quảng đại thâm như hải”** [Trí huệ lớn rộng sâu như biển]

Trí tuệ, ngày nay chúng ta đơn giản mà gọi là lý trí, trái với lý trí là cảm tình. Các vị phải biết tình là mê cho nên gọi là tình thức, mê tình, còn trí tuệ là lý trí. Đời sống của chúng ta, bạn thử nghĩ xem có phải là lý trí hay không? Hay là cảm tình? Không luận xuất gia, tại gia, mỗi một người đều có công tác, công việc của chúng ta là lý trí, hay vẫn là cảm tình? Ngoài việc chánh đáng ra, ngày tháng không tránh khỏi thù đáp qua lại, đối nhân xử thế tiếp vật bạn dùng cảm tình hay là lý trí? Chỗ này để ở câu thứ nhất “Trí tuệ quảng đại thâm như hải” này. Chúng ta chân thật muốn học Phật, thì làm việc đời sống, đối nhân xử thế tiếp vật phải đem cảm tình biến thành lý trí, đây gọi là tu hành. Vì sao vậy? Cảm tình là một việc sai lầm, đem những sai lầm cải đổi lại gọi là tu hành, tu hành là tu sửa hành vi sai lầm. Lý trí trí tuệ rộng lớn thậm thâm như hải, hải là thí dụ, không có bờ mé, quyết không thể nói có được chút chút trí tuệ thì cảm thấy rất vừa lòng rồi, được ít cho là đủ, sai rồi.

Người thế gian có trí tuệ hay không? Không có! Chúng ta xem họ dường như cũng rất thông minh có trí tuệ, không phải, ở trong Phật pháp gọi những người này là “Thế trí biện thông”.

Tiêu chuẩn của trí tuệ Phật pháp là gì?

Là xem trong trí tuệ của bạn có tình hay không, nếu như có tình xen tạp ở trong đó thì gọi là “thế trí biện thông”, không phải trí tuệ chân thật, trí tuệ chân thật là chuyển tình thức mà triển hiện ra, đó là trí tuệ chân thật, trong pháp tướng tông gọi là “Chuyển thức thành trí”, đó là trí tuệ chân thật. Trí tuệ này thậm sâu rộng lớn, sâu rộng không bờ mé. Cho nên thực tế mà nói tu học của Phật pháp chính là dạy chúng ta có một sự chuyển biến, đó là làm thế nào chuyển thức thành trí? Trong tướng tông nói được rất rõ ràng, chuyển A Lại Da thức thành Đại Viên Cảnh Trí, chuyển Mạt Na thành Bình Đẳng Tánh Trí, chuyển Ý thức thành Diệu quan sát trí, chuyển Tiền ngũ thức thành Thành sở tác trí. Nếu bạn có thể chuyển biến lại thì bạn chính là Pháp Thân Đại Sĩ, ở Hoa Nghiêm là từ Bồ Tát Sơ Trụ trở lên, 41 vị Pháp Thân Đại Sĩ. Còn nếu không chuyển lại được thì là phàm phu, cho dù họ có ở trong pháp giới bốn thánh thì ở trong Đại thừa Phật giáo gọi họ là ngoại phàm, còn sáu cõi là nội phàm, vẫn là chưa siêu việt mười pháp giới. Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát là ngoại phàm, không gọi bạn là thánh nhân, việc này miễn cưỡng khách sáo một chút thì gọi bạn là Tiểu thánh, đó là lời khách sáo.

Tiêu chuẩn chân thật của phàm, thánh chính là

chuyển thức thành trí, bạn chuyển đổi lại được rồi thì đó là thánh nhân. Nhà Phật chúng ta thường nói Tam hiền, Thập thánh đều là Pháp Thân Đại Sĩ. Trong kinh Hoa Nghiêm Bồ Tát Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng gọi là Tam Hiền, còn Bồ Tát Thập Địa gọi là Thập Thánh, họ đều là Pháp Thân Đại Sĩ, đều là trong nhất chân pháp giới, không còn phải ở mười pháp giới. Những sự lý này chúng ta phải rõ ràng, cho nên ngay trong cuộc sống thường ngày phải dùng trí tuệ.

Ngày trước Tông môn, Giáo hạ, khi lão hoà thượng tiếp dẫn đại chúng, không luận là xuất gia tại gia, đều xem bạn có trí tuệ hay không? Nói vậy không phải xem bạn có cảm tình hay không, mà là xem bạn có trí tuệ hay không? Bạn có trí tuệ, đó là bậc pháp khí, bạn có thể thành tựu. Còn bạn có cảm tình, thì phiền phức rất to.

Cho nên câu này dùng trí tuệ mở đầu, ý nghĩa rất sâu rất rộng, chính là dạy chúng ta ở ngay trong cuộc sống thường ngày, làm việc, đối nhân xử thế tiếp vật, tôi nói rất rõ rất cạn, nhất định phải có lý trí, không nên dùng cảm tình. Bồ Tát Pháp Tạng là học pháp như vậy, Ngài làm ra tấm gương tốt nhất cho chúng ta. Câu thứ hai là:

Thứ hai: **“Nội tâm thanh tịnh tuyệt trần lao”** [Nội tâm thanh tịnh tuyệt trần lao]

Vẫn là hai chữ “thanh tịnh” này. Trên kinh đại thừa thường nói “*Như Lai tạng hữu nhiễm hoàn tịnh*”⁵¹, trên kinh Lăng Nghiêm câu nói này là giáo nghĩa rất quan trọng.

“Nội tâm” vốn sẵn là thanh tịnh. Hiện tại nếu muốn hồi phục lại thanh tịnh? Bạn phải đem trần lao khứ bỏ đi, cũng chính là buông bỏ đi trần lao.

“Trần lao” là gì vậy?

Là phiền não, đại danh từ của phiền não, phiền não thật quá lớn. Trong “Bách Pháp Minh Môn Luận” tướng tông đem nó quy nạp lại thành 26 loại, trong đó có Căn bản phiền não 6 cái, Tùy phiền não có đại tùy phiền não, trung tùy phiền não, tiểu tùy phiền não, hợp lại thành 26 cái. Bạn phải đoạn hẳn nó, “tuyệt” là đoạn tuyệt, nếu như không đoạn phiền não, thân tâm bạn mệt mỏi, bạn rất khổ cực, thông thường chúng ta gọi là lao nhọc, lao nhọc quá độ thì đoản mạng, sẽ giảm ngắn.

Cái gì làm bạn lao nhọc?

Phiền não đang làm lao nhọc. Những lời này phải nên nghe rõ ràng, phải nên nghe tường tận. Không phải bảo bạn không làm bất cứ việc gì, bạn hiểu vậy thì bạn hoàn toàn sai lầm rồi.

Trung Quốc Đại lục có một người viết thư cho tôi nói là nghe băng giảng kinh của tôi khuyên mọi người buông bỏ, ông buông bỏ rồi, công việc cũng không làm nữa, không làm bất cứ việc gì, viết thư gửi đến cho tôi nói là hiện tại không có cơm ăn thì phải làm sao? Đây chính là hiểu sai đi cái ý này rồi, tôi bảo bạn buông bỏ không phải bảo bạn buông bỏ công việc, không phải buông bỏ đời sống, không phải buông bỏ công tác, cư sĩ tại gia không phải buông bỏ gia đình, mà là buông bỏ những lo buồn vương bận phiền não trong tâm của bạn, bạn buông bỏ những thứ này. Có một số người nói:

- Vậy thì không được, tôi không suy nghĩ không được, không lo lắng không được.

Tôi hỏi lại họ một câu:

- Bạn lo lắng, buồn phiền, vương bận có giải quyết được vấn đề không?

Họ nghĩ lại rồi nói:

- Không thể giải quyết được vấn đề.

Không thể giải quyết được vấn đề, vậy thì bạn lo lắng để làm cái gì? Bạn phải phiền não để làm cái gì? Nếu như bạn phiền não mà có thể giải quyết được vấn đề, vậy thì tốt, nhưng phiền não không thể giải

quyết được vấn đề, không những không thể giải quyết được vấn đề, trái lại làm cho vấn đề rối hơn, làm cho vấn đề càng phiền phức hơn.

Cho nên Phật dạy chúng ta buông bỏ là buông bỏ phiền não, buông bỏ tri kiến, buông bỏ những thứ này; Không phải buông bỏ công việc, không phải buông bỏ đời sống, nếu ngay đến ăn cơm cũng buông bỏ, vậy chẳng phải bạn đói chết rồi sao? Làm gì có loại đạo lý này. Cho nên ý nghĩa của mỗi một câu, nhất định phải nghe cho rõ ràng, vạn nhất không nên để xảy ra hiểu lầm.

Phật dạy chúng ta nhìn thấu, nhìn thấu là ý nghĩa gì vậy? Có phải là chân thật nhìn thấu được mọi vật hay không? Làm gì có loại đạo lý này! Bạn xem thấy một cái nhà, bạn có xem tám năm, mười năm bạn cũng không thể nhìn thấu được cái nhà. Cho nên nhìn thấu là tường tận thấu suốt đối với chân tướng sự thật thì gọi là nhìn thấu, khi chưa nhìn thấu thì không thể hiểu rõ, không rõ ràng, còn bạn tường tận rõ ràng rồi gọi là nhìn thấu.

Buông bỏ là trong lòng không còn vướng bận, bạn mới có được tâm thanh tịnh, nếu trong lòng bạn có lo lắng, có vướng bận, có suy nghĩ, thì bạn làm sao thanh tịnh? Cổ thánh tiên hiền của người Trung Quốc chân thật là có trí tuệ, văn tự mà họ tạo ra, văn tự là phù hiệu, văn tự của Trung Quốc tràn đầy trí tuệ. Bạn

xem bạn có tư, bạn có tướng, tâm của bạn không thanh tịnh.

Tư là gì vậy?

Trong lòng có rất nhiều giới hạn, trong lòng vẽ ra rất nhiều vách ngăn, đó gọi là tư.

Tướng là gì vậy?

Trong lòng khởi vọng tướng, trong lòng có vọng tướng, đó là tướng, không thanh tịnh.

Cho nên bảo bạn buông bỏ cái gì? Bảo bạn đem những thứ rối rắm trong lòng vứt bỏ, đem cái tướng hư vọng cũng bỏ đi, còn lại chính là cái tâm, cái tâm đó chính là tâm thanh tịnh, gọi là chân tâm. Cho nên các vị phải nên biết, tư tướng là vọng tâm, không phải chân tâm. Chư Phật Bồ Tát “Tuyệt tư tuyệt lộ”⁵², Phật Bồ Tát không có tư tướng, cái tâm không có tư tướng đó là chân tâm, có tư có tướng là vọng tâm, việc này chúng ta nhất định phải nên hiểu.

Ngày nay chúng ta học kinh, gặp phải khó khăn rất lớn, ý của kinh không hiểu, xem chú giải của người xưa cũng xem không hiểu, rốt cuộc là sanh ra cái tâm bệnh gì? Căn nguyên của tâm bệnh chính là chúng ta có tư có tướng, không biết được “tư” là sở tri chương, “tướng” là phiền não chương, chúng ta

dùng tư dùng tưởng để xem kinh Phật thì bạn làm sao có thể xem hiểu được? Không chỉ kinh xem không hiểu, chú giải của tổ sư đại đức xưa nay cũng xem không hiểu. Vì sao vậy? Những người này, các Ngài đều là vô tư vô tưởng, Đến lúc nào thì chúng ta có thể xem hiểu được các Ngài? Chúng ta cũng vô tư vô tưởng thì liền xem hiểu. Lời nói này tôi đã nói qua với các vị nhiều lần, các vị muốn chuẩn bị giảng kinh, kinh làm sao chuẩn bị? Có tư có tưởng, thì sai rồi. Cách chuẩn bị thế nào vậy? Vô tư vô tưởng, vậy thì bạn đã chân thật chuẩn bị thật tốt.

Ngày nay chúng ta mở quyển kinh ra, những từ mới nhất định phải tra cho rõ ràng, không thể đọc sai nó được, việc này phải chuẩn bị, bởi vì phù hiệu này mọi người đều công nhận, đọc cái âm này cũng là phải được mọi người công nhận, ta không thể nào đọc sai đi một chữ, nếu đọc sai, vậy thì mọi người không thừa nhận. Danh từ thuật ngữ có giải thích nhất định, phải tra Phật học từ điển, tra tham khảo tư liệu, bạn phải chuẩn bị. Nhưng còn nghĩa lý bên trong không cách gì chuẩn bị, phương pháp tốt nhất chính là vô tư vô tưởng. Cái vô tư vô tưởng vừa lên đài thì có thể liền phiên phức, vậy phải giảng như thế nào? Lên bục giảng phải cầu Phật Bồ Tát gia trì.

Tôi trước khi lên bục giảng các vị thấy bên dưới lay ba lay, làm gì vậy? Cầu Phật Bồ Tát gia trì, mỗi câu

mỗi chữ đều là sống động, không phải là khô cứng. Cách giảng thế nào vậy? Nhìn vào mắt của mọi người mà nói chuyện, kinh này phải giảng như thế nào, nhìn vào ánh mắt của các vị mà có cách giảng như thế nào, linh động. Bởi vì các vị người nghe kinh bên dưới không như nhau, tôi giảng cũng sẽ không như nhau. Mỗi lần tôi giảng kinh đều có ghi lại bằng thu âm đĩa VCD, các vị lấy nghe thử, tôi giảng mười mấy lần, mỗi lần đều không như nhau. Có một số đồng tu chỉnh lý lại cho tôi, đại khái là có sự khác biệt, kết quả vừa nghe, họ nói khác biệt rất lớn, hoàn toàn không như nhau, do nguyên nhân gì vậy? Không có tư, không có tướng, trong đây có một bí quyết tôi muốn truyền cho các vị, tôi không bòn pháp, tôi không giữ làm của riêng, bí quyết là gì vậy? Tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là chân tâm, trong hai đến sáu thời, mãi mãi giữ gìn tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Chúng ta dùng cái tâm này mà sống, dùng cái tâm này mà làm việc, dùng loại tâm này mà đối nhân xử thế tiếp vật, mỗi niệm tương ứng với chư Phật Như Lai. Kinh điển là chư Phật Như Lai, từ trong thanh tịnh bình đẳng giác lưu xuất ra âm thanh văn tự, chúng ta chính mình dùng tâm thanh tịnh bình đẳng giác mà cảm ứng, thì làm gì mà không hiểu được chứ? Cho nên câu nói “Nội tâm thanh tịnh tuyệt trần lao” này rất quan trọng, danh vọng lợi dưỡng thế gian, quyết định không nên để ở trong lòng, quyết định không nên tiêm nhiễm, “Tham - Sân - Si - Mạn” nhất định phải đoạn.

Cái gì gọi là dụng công?

Đoạn “Tham - Sân - Si - Mạn” chính là công phu. Thế gian này nhân gian thiên thượng năm dục sáu trần bày ra trước mắt, bạn còn có động tâm hay không?

Các vị phải nên biết, công phu tu hành ở nơi đây rèn luyện, thật có thọ dụng, chỉ cần hồi phục thanh tịnh bình đẳng giác, không chỉ tất cả kinh luận, bạn sẽ không có chướng ngại, bạn đều hiểu được, thế gian tất cả pháp cũng không thể làm khó được bạn, bạn mới có thể được thọ dụng chân thật, mới chân thật được tự tại mỹ mãn, trong Phật pháp gọi là đại viên mãn, đại tự tại, bạn mới có thể thể hội được.

Cho nên câu này là công phu chân thật, câu thứ nhất là dạy chúng ta chỗ bắt tay vào, sau đó ngay trong cuộc sống thường ngày của bạn, không chỉ một đời này đời đời kiếp kiếp, từ sơ phát tâm đến Như Lai địa dùng cái công phu gì vậy? Chính là câu này “Nội tâm thanh tịnh tuyệt trần lao”.

Trong trần lao này rất là rộng lớn, Phật pháp nói với chúng ta Kiến tư phiền não, Trần sa phiền não, Vô minh phiền não, ba loại lớn này đều là thuộc về trần lao, nhất định phải đoạn, không đoạn thì bạn không thể liễu sanh tử thoát luân hồi, không đoạn thì bạn không cách gì tránh khỏi ba đường ác. Câu phía sau là:

Thứ ba: **“Siêu quá vô biên ác thú môn”** [Vượt khỏi vô biên ác thú môn]

“Ác thú môn” này, nghĩa hẹp chính là chỉ ba đường ác, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nghiệp nhân của ba đường ác là gì vậy? “Tham - Sân - Si”! Các vị nhất định phải nên biết, lòng tham đọa ngạ quỷ, sân hận đọa địa ngục, ngu si đọa súc sanh, đó là nghiệp nhân của ba đường ác.

Thế gian danh vọng, lợi dưỡng, năm dục, sáu trần đều là đối tượng “Tham - Sân - Si” của người thế gian. Người học Phật có những người không tệ, đem danh vọng lợi dưỡng năm dục sáu trần thả buông bỏ, buông bỏ đến sau cùng thì thế nào? Tham Phật pháp! Trong Phật pháp khởi lên “Tham - Sân - Si” nếu chúng ta hỏi quả báo của họ ở đâu vậy? Quả báo vẫn là ở ba đường, vì nghiệp nhân của ba đường là “Tham - Sân - Si”, bạn không thể nói đối đối tượng “Tham - Sân - Si” thì không việc gì, là bảo bạn đoạn phiền não, không phải bảo bạn đối đối tượng.

Cho nên các vị phải nên biết, bạn ưa thích một vị Bồ Tát, ưa thích một vị Phật, không được, lòng tham, ưa thích một bộ kinh điển, ưa thích một pháp môn, cũng là lòng tham, không ưa một pháp môn khác, lòng sân hận, đều là đang tạo nghiệp, cái hiện tượng này từ xưa đến nay có.

Chúng ta tu học Tịnh Độ, tán thán Tịnh Độ, xem thấy người nào không phải tu Tịnh Độ thì không ưa họ, xem thấy người tu Tịnh Độ thì khởi lòng tham, xem thấy người tu các pháp môn khác thì khởi lòng sân hận, vẫn là đang “Tham - Sân - Si”, vẫn tự cho là mình tu không tệ lắm. Sau khi chết bị Vua Diêm La kéo vào địa ngục, vẫn không biết do nguyên nhân gì bị đưa vào trong địa ngục, bạn nói xem có oan uổng hay không? Thực tế mà nói đó là họ không tường tận đối với Phật pháp, đó là do họ hiểu lầm.

Công phu chân thật của chúng ta, chính là “Phải quấy Nhân ngã, Tham - Sân - Si - Mạn”, mỗi năm phải tan nhạt đi, đương nhiên muốn đoạn rất khó. Đời sống nhất định phải đấm bực, tháng sau đấm bực hơn tháng trước, đến mỗi tháng tan nhạt hơn mỗi tháng, bạn chính mình sẽ cảm thấy công phu của bạn có lực, bạn có tiến bộ. Nếu như bạn có thể một tuần lễ cảm giác được, phiền não ta giảm nhẹ, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của ta tan nhạt, vậy là công phu thượng thừa, chính là mỗi một tuần lễ bạn có thể phát hiện cảnh giới chính mình nâng lên cao; Còn mỗi một tháng đều có cảm giác này, vậy là công phu trung thừa; Cảm giác của mỗi năm không như nhau, cũng được xem là công phu có lực. Nếu như không phải như vậy, ngày ngày chúng ta ở trong Phật pháp rất dụng công, ngày ngày rất tinh tấn, nhưng phiền não tập khí vẫn là như vậy, không có chút cải tiến nào,

hay nói cách khác công phu của bạn hoàn toàn không có lực, tương lai khi lâm chung, đáng đến cõi nào thì vẫn phải đến cõi đó, không có cách nào thoát khỏi. Việc này chúng ta phải cảnh giác, rất là quan trọng.

Cho nên sáu câu này của Tỳ Kheo Pháp Tạng chính là cương lĩnh tu học của chính Ngài, nguyên tắc chính mình tu học, có nhân có quả. Công phu chân thật hai câu phía trước, còn ngay trong hai câu này: “Siêu quá vô biên ác thú môn, tốc đáo Bồ Đề cứu cánh nạn” thì quả, là người ta tu nhân chứng quả rõ ràng như vậy.

“Siêu quá vô biên ác thú môn”: Chúng ta nói ba đường ác là cửa ác thú, cách nói vừa rồi nói là nghĩa hẹp. Còn nói theo nghĩa rộng sáu cõi đều là đường ác. Vì sao vậy? Chỉ cần không siêu vượt sáu cõi thì bạn quyết định vẫn phải luân hồi; Chỉ cần luân hồi thì bạn quyết định là thời gian ở trong ba đường ác dài, thời gian ba đường thiện ngắn, cho nên sáu cõi đều là đường ác.

Sáu cõi đó chân thật chính là vô lượng vô biên, nói vậy là nghĩa thế nào? Trong mỗi một cõi đều có sáu cõi. Nói thí dụ trong cõi người chúng ta, có một số người phước báo rất lớn, cả đời hưởng Phước giống như ở thiên đàng, có một số người cả đời chịu khổ chịu nạn, cũng giống như ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh, mỗi một cõi đều có sáu cõi. Sáu lần sáu thì là ba

mười sáu, trong 36 cõi mỗi một cõi lại có sáu cõi, trùng trùng vô tận.

Đại sư Thiên Thai giảng “Pháp Hoa” cho chúng ta nghe nói “*Bách giới thiên như*”⁵³, chính là nói rõ cái chân tướng sự thật này. Cho nên là “Vô biên ác thú môn”, nếu như lại đem cái ý này mở rộng ra, thì sao? Xin nói với các vị mười pháp giới đều là ác đạo, trong mười pháp giới Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, Phật trong mười pháp giới, như Thiên Thai gia đã nói “*Tạng Giáo Phật, Thông giáo Phật, đều không lìa khỏi mười pháp giới*”. Biệt giáo mới siêu việt, Biệt giáo không ở mười pháp giới, bởi vì Biệt giáo Sơ địa Bồ Tát, đã phá một phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân, bằng với Viên giáo Sơ trụ Bồ Tát. Đây là ở pháp giới nhất chân. Vậy thì chúng ta biết được Phật của Biệt Giáo phá 12 phẩm vô minh, tương đương với Viên Giáo Bồ Tát Nhị hành vị.

Vì sao nói mười pháp giới đều là ác thú môn?

Trong Phật pháp gọi là “*Dị sanh tánh*”⁵⁴, họ dùng là vọng tâm, không phải dùng chân tâm, chỉ có siêu việt mười pháp giới mới dùng chân tâm, cùng chư Phật mới là “*Đồng sanh tánh*”, đó là “Siêu quá vô biên ác thú môn”. Cho nên ở chỗ này “Siêu quá vô biên ác thú môn”, cái cảnh giới này mức độ thấp nhất là Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát, Biệt Giáo Sơ địa Bồ Tát,

đây là quả báo. Dùng công phu gì vậy? Trí tuệ “Nội tâm thanh tịnh tuyệt trần lao”, dụng cái công phu này. Câu phía sau này thù thắng:

Thứ tư: **“Tốc đáo Bồ Đề cứu cánh ngạn”** [Mau đến bờ Bồ Đề rất ráo]

Nếu như không có pháp phương tiện, vậy thì khó rồi.

“Bồ Đề” là viên mãn bồ đề, Phật quả của Viên giáo. Bạn xem vừa rồi giảng “Siêu quá vô biên ác thú môn”, thấp nhất là Viên giáo Sơ Trụ, Bồ Tát Sơ Trụ đến Như Lai quả địa có 42 giai cấp, 42 giai đoạn này cũng phải siêu vượt.

“Tốc đáo” là rất nhanh liền chứng được vô thượng Bồ Đề.

“Bồ Đề cứu cánh ngạn”: Các vị phải nên biết, Bồ Tát Pháp Vân địa chưa cứu cánh, Bồ Tát Đẳng giác cũng chưa cứu cánh, Phật quả của Viên giáo mới là Bồ đề cứu cánh ngạn.

Trong câu này chú trọng ở “Tốc đáo”, dùng phương pháp gì có thể tốc đáo? Lời nói này rất có đạo lý! Thế Tôn ở trong Đại thừa Liễu Nghĩa Kinh, nói với chúng ta, Bồ Tát tu đến cứu cánh ngạn cần phải trải qua ba đại A Tăng Kỳ kiếp. Nếu như phải

mất là qua ba đại A Tăng Kỳ kiếp vậy thì không phải “Tốc đáo”, họ từ từ mà đến: Cái A Tăng Kỳ kiếp thứ nhất tu 30 vị thứ, chúng ta lấy kinh Hoa Nghiêm để nói, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, 30 vị thứ một A Tăng Kỳ kiếp; A Tăng Kỳ kiếp thứ hai tu bảy vị thứ, từ Sơ địa đến Thất địa; A Tăng Kỳ kiếp thứ ba tu ba vị thứ, Bát địa, Cửu địa, Thập địa. Vậy ba Đại A Tăng Kỳ kiếp tu mãi đến vị thứ gì? Mới là Pháp vân địa Bồ Tát. Ba đại A Tăng Kỳ kiếp các vị phải nên biết, không phải trong mười pháp giới, thời gian tu hành trong mười pháp giới không có tính vào, các vị vạn nhất không nên hiểu lầm, phạm phu tu thành Phật ba A Tăng Kỳ kiếp, lời nói này đã giảng sai rồi, không phải phạm phu mà là Pháp Thân Đại Sĩ Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát, phải chứng được Bồ Đề cứu cánh ngàn, cần phải trải qua ba đại A Tăng Kỳ kiếp.

Hiện tại Bồ Tát Pháp Tạng phát nguyện “Tốc đáo”, ý nghĩa chính là không cần phải nói dài như vậy, rất nhanh liền có thể tu thành, thế là chúng ta liền hiểu rõ.

Năm xưa tôi đọc “Hoa Nghiêm”, giảng Hoa Nghiêm cho mọi người, cũng là có một ngày đột nhiên hiểu rõ việc này, đó là Văn Thù, Phổ Hiền, các Ngài vì sao cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc? Tôi bỗng nhiên có cái nghi vấn này. Chúng ta biết Văn Thù, Phổ Hiền là Bồ Tát Đẳng Giác trên hội Hoa

Nghiêm. Bồ Tát Đẳng Giác trên hội Hoa Nghiêm không đơn giản, không phải người phàm, vậy các Ngài vì sao phải vãng sanh thế giới Cực Lạc? Chính là vì sự việc “Tốc đáo Bồ Đề cứu cánh ngạn” này.

Chúng ta có thể tưởng tượng ra được tu hành khó dễ, càng là nội dung dễ hiểu thì càng về sau càng khó. Bạn thấy một A Tăng Kỳ kiếp thứ nhất tu 30 ngôi thứ, A Tăng Kỳ kiếp thứ hai tu 7 ngôi thứ, A Tăng Kỳ kiếp thứ ba tu 3 ngôi thứ. Vậy Bồ Tát Đẳng Giác ngôi thứ này cần phải trải qua bao nhiêu thời gian? Chúng ta cứ như vậy mà nghĩ, chỉ ít phải trải qua một A Tăng Kỳ kiếp, thời gian này quá dài.

Cho nên những Bồ Tát Đẳng giác này, Bồ Tát Thập địa này khi sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc là “Hoa nở thấy Phật”, họ liền thành công, chân thật tốc đáo. Chúng ta mới hiểu rõ ý nghĩa của hai chữ này. Nếu như không thể tốc đáo, Văn Thù, Phổ Hiền quyết định không có lý do vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, chính là vì “tốc đáo Bồ đề cứu cánh ngạn”, vậy các Ngài mới sanh đến thế giới Cực Lạc. Không chỉ các Ngài vãng sanh thôi mà các Ngài còn rất từ bi khuyến bảo trên hội Hoa Nghiêm, chánh thức tiếp nhận Bồ Tát địa thượng, nên gọi là “Thập địa Bồ Tát Thi Chung bất ly niệm Phật”, tiếp nhận giáo huấn của Văn Thù, Phổ Hiền. Bồ Tát Thập Địa “Thi” là Sơ địa, “Trung” là Thập nhất địa, chính là Đẳng giác, đó là thi. Đây là nói rõ cho chúng ta Bồ

Tát đấng địa trên hội Hoa Nghiêm, không có vị nào không niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ. Vì sao vậy? “tốc đáo Bồ Đề cứu cánh ngạn”. Không chỉ như vậy, ở trong hội chúng ta đích thực thấy được họ đã khuyên bảo 41 vị Pháp Thân Đại Sĩ, chân thật là đồng sanh Cực Lạc quốc. Chúng ta không tỉ mỉ quán sát từ trên những kinh điển đại thừa, thì “vị đạo” của hai chữ “tốc đáo” này bạn không thể hội được.

Phía trước là “Siêu quá vô biên ác thú môn”, nhỏ thì siêu quá ba đường, lớn siêu vượt mười pháp giới. Sau đó có “Tốc đáo Bồ đề cứu cánh ngạn”, vậy mới đến đại viên mãn. Đây là chúng ta phải ghi nhớ, chúng ta phải học tập. Pháp Tạng làm ra tấm gương tốt nhất cho chúng ta, chúng ta phải ghi nhớ lời giáo huấn này, biết được chính mình phải tu học như thế nào, không đoạn phiền não là quyết định không thể thành tựu, không đoạn phiền não quyết định không thể siêu việt ác thú môn, bồ đề ngạn thì không cần phải nói. Cho nên hy vọng các vị đồng tu ở trên kinh nghĩa nhất định phải lưu ý, tỉ mỉ mà tư duy, chúng ta mới chân thật có thể được thọ dụng.

Hôm nay thời gian hết rồi, chỉ giảng đến đây thôi, A Di Đà Phật!

(HẾT TẬP 7)

Chú giải:

¹ “**Ngộ hậu khởi tu**”: Sau khi ngộ bắt đầu tu sửa lỗi lầm của mình

² “**Pháp nhĩ như thị**”: Nó là thế ấy. Xin đừng hỏi tại sao lửa lại nóng hay nước lại lạnh? Bởi vì đã nói “Pháp nhĩ như thị” kia mà!

³ “**Tri túc thường lạc**”: Biết đủ thường vui.

⁴ “**A Nan Vấn Sự Phật Kiết Hung Kinh**”: Kinh A Nan hỏi Phật về sự tốt xấu

⁵ “**Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm**”: Nên vô sở trụ mà sanh tâm ấy.

1- *Ứng vô sở trụ*: Chính là khi lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, tâm không bị lục trần lôi kéo – ly tướng vô trụ (lìa tướng, không trụ). Như thế thì pháp thể thanh tịnh, khéo nhập bốn thể;

2- *Nhi sanh kỳ tâm*: Chính là y thể khởi dụng. Thể thanh tịnh, tác dụng dựa vào thể mà khởi đương nhiên cũng là thanh tịnh. Cho nên, Nhi sanh kỳ tâm, cái sanh ra chính là tâm thanh tịnh của tự tánh, cũng chính là bốn tâm, tâm vốn dĩ tự thanh tịnh. (Pháp bảo đàn kinh – Lục Tổ Huệ Năng)

⁶ “**Tâm quá khứ không thể được, tâm vị lai không thể được**”:

Tam tâm bất khả đắc. Không thể nắm bắt được. Quá khứ tâm, bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc

⁷ “**Đương thể tức không, liễu bất khả đắc**”: “Ngay bản thể chính là không, thì không thể có được”

⁸ “**Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh**”: Tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn ảo ảnh.

⁹ “**Như lộ diệt như điện**”: Như sương cũng như điện.

¹⁰ “**Bất khả đắc**”: Không thể có được.

¹¹ “**Vạn pháp giai không**”: Tất cả pháp đều là không.

¹² “**Sự lý vô ngại, sự sự vô ngại**”:

1- **Sự pháp giới**: Sự là nói về các hình tướng sai biệt các pháp trong vũ trụ, trong vũ trụ, các pháp đều có giới hạn rõ ràng như nước lạnh, nước đá, nước sôi, hơi nước, đều có tướng trạng khác nhau. Đó là đứng về sự mà quan sát vũ trụ vạn hữu hay nói theo danh từ đạo Phật là "Sự pháp giới".

2- **Lý pháp giới**: Lý là nói về các phần bên trong, vô hình của sự vật. Đây tức là lý tánh bình đẳng, chỗ nương tựa cho tất cả sự tướng; lý dung thông cho khắp tất cả, nước lạnh, nước đá, hơi nước, tuy tướng trạng khác nhau, nhưng thể tánh vẫn là một (nghĩa là gồm H₂O). Vũ trụ vạn hữu không chỉ có phần sự tướng mà còn phần lý tánh nữa. Đó tức là "Lý pháp giới".

3- **Lý Sự vô ngại pháp giới**: Như trên chúng ta đã thấy, mỗi pháp đều có Sự và Lý do nơi Sự mà rõ, Sự nương vào Lý mà thành. Lý và Sự dung thông, như nước tức là sóng, sóng tức là nước. Lý, Sự trong pháp giới cũng dung thông, vô ngại. Đó là lý nghĩa của "Lý, Sự vô ngại pháp giới".

4- **Sự Sự vô ngại pháp giới**: Trong pháp giới, có hằng hà sa

số sự vật, hình tướng tuy khác nhau, giới hạn tuy bất đồng nhưng lý tánh dung thông bình đẳng, không có phân chia ngăn cách. Nhờ lý, mà sự sự được dung thông vô ngại. Như các vật dụng bằng điện, nàò quạt điện, đèn điện, máy lạnh, ủi điện, lò xo .v.v...tuy mỗi vật đều có hình dáng, công dụng sai, nhưng đều thông nhau qua luồng điện chi phối lẫn nhau, ảnh hưởng qua lại. Một thí dụ khác: nhiều hồ chứa nước, hình dáng, rộng hẹp khác nhau, nhưng ăn thông với nhau bằng những ống nước, do đó sự đầy vơi, nhớt sạch của một hồ này đều liên quan mật thiết đến tất cả các hồ khác.

Trên đây là những thí dụ vô cùng thô hiển, cốt để gọi lên một ý niệm về "Sự Sự vô ngại Pháp giới" thôi, chứ không đúng hẳn. Trong hai thí dụ trên, chúng ta thấy những vật dụng điện khí hay những hồ nước để hình dung cho Sự Sự trong pháp giới; và lấy những luồng điện hay luồng nước để hình dung cho Lý của pháp giới; thí dụ như thế, người ta sẽ tưởng rằng Sự và Lý là hai loại khác nhau, có thể phân tách ra được. Nhưng thật ra Lý và Sự không thể phân tách ra được: trong Sự có Lý, trong Lý có Sự. Sự, Lý chẳng qua là hai phương diện của một vấn đề vô cùng tế nhị, mà lý trí của chúng ta đã phân tách ra để tạm nghiên cứu đó thôi. *(Phật học Phổ thông - HT. Thích Thiện Hoa – Thành Hội Phật giáo TP HCM ấn hành -1991)*

¹³ **“Tam tâm bất khả đắc, chư pháp vô sở hữu”**: Tam tâm không thể nắm bắt được, tất cả các pháp đều không thể có được (nói có

thì chỉ là tạm có, huyền có, giả có, trong kinh dùng chữ ‘diệu hữu’)

¹⁴ **“Sắc tức thị không, không tức thị sắc, sắc bất dị không, không bất dị sắc”**: Sắc tức là không, không tức là sắc, sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc.

¹⁵ **“Giáo học tương trường, sư chất đạo hợp”**: Việc dạy và học hỗ trợ giúp nhau tăng trưởng, cùng tiến bộ, Thầy giáo giúp cho học trò, học trò cũng tương trợ thầy giáo.

¹⁶ **“Quý vi thiên tử, phú hữu tứ hải”**: Sang quý như Thiên Tử, giàu khắp bốn biển.

¹⁷ **“Tin là mẹ đẻ công đức”**: Tín vi đạo nguyên công đức mẫu.

¹⁸ **Tam tế tướng**: Nghiệp tướng, Chuyển tướng, Cảnh giới tướng.

“Tế” là nhỏ nhất, khó thể nhận biết, còn Thô là dễ nhận thấy. Tam Tế gồm:

- 1- Nghiệp tướng (còn gọi là Vô Minh Nghiệp Tướng): Chính là tướng trạng huyền vọng sanh khởi trước hết khi vô minh dấy động, còn chưa phân biệt được đâu là chủ và khách (tức là do vô minh dấy động, chân như bị che lấp, còn chưa phân biệt đâu là chủ thể để thấy biết và đối tượng bị thấy biết).
- 2- Chuyển tướng (còn gọi là Năng Kiến Tướng, hoặc Kiến tướng): Tướng trạng khi nghiệp thức vừa dấy động, biến thành cái tướng làm chủ thể để nhận biết, tức là sanh khởi cái tâm nhận biết đối tượng mang tính chủ quan. Do cái tâm này hư huyền không thật nên gọi là Tướng;

3- Cảnh Giới Tướng (còn gọi là hiện tướng, cảnh tướng): Tức huyễn vọng được biến hiện do cái tâm năng kiến vừa nói ở phần trên, tức đối tượng được nhận biết do cái tâm phân biệt chủ quan vừa nói ở trên đây. Do quá trình từ vô minh nghiệp tướng biến chuyển thành năng kiến tướng và cảnh giới tướng rất nhanh, rất nhỏ nhiệm, hầu như không dễ gì nhận biết được nên gọi là Tế.

¹⁹ **“Kiến phần”**: Chính là Chuyển tướng trong tam tế tướng (chú thích 25)

²⁰ **“Tướng phần”**: Chính là Cảnh giới tướng trong Tam tế tướng (chú thích 25)

²¹ **“Thế giới chi đại, vô kỳ bất hữu”**: Thế giới rộng lớn không gì là không có.

²² **“Chân ngữ giả, thật ngữ giả”**: Nói lời thành thật, nói đúng như sự thật.

²³ **“Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân”**: Trong nhà Phật, không bỏ một người nào.

²⁴ **“Như đối mục tiền”**: Như đối trước mặt

²⁵ **“Chư pháp thật tướng”**: *“Duy Phật dĩ Phật, nãi năng cứu cánh chư pháp Thật Tướng, kham cộng lưu thông”* (chỉ có Phật với Phật mới có thể rớt ráo Thật Tướng các pháp, mới có thể cùng nhau lưu thông)

²⁶ **Năm Căn** (Ngũ Căn): Ngũ căn là năm căn. Căn đây tức là căn bản, là gốc rễ, là nguồn gốc để tất cả các thiện pháp xuất phát.

Năm căn ấy là: Tín căn, Tấn căn, Niệm căn, Định căn, Huệ căn.

1- Tín căn: Là lòng tin mạnh mẽ vững chắc. Lòng tin này không giống như lòng tin mù quáng, vô điều kiện, bất chấp lý trí của phần nhiều ngoại đạo. Lòng tin ở đây là con đẻ của lý trí, là kết quả của sự suy luận sáng suốt, của sự quan sát kỹ càng. Đức Phật không bao giờ bắt buộc Phật tử tin một điều gì mà không suy luận được, không giải thích được. Vì lòng tin của người Phật tử khởi từ trí xét đoán. Bởi thế nên nó vô cùng vững chắc, mãnh liệt. Chính nó là căn bản phát sinh các hạnh lành, Phật dạy: "Tin là mẹ vô lượng của công đức". Nhưng Phật tử tin cái gì? Phật tử tin Tam Bảo:

- Tin Phật: Phật tử biết rằng đức Phật là đáng hoàn toàn giác ngộ, giải thoát. Vì thế, Phật tử suốt đời tin tưởng theo Phật, để hướng tiến đến sự giác ngộ, giải thoát mà Phật đã thân chứng.
- Tin pháp: Pháp là chân lý, là sự thật mà đức Phật đã khám phá ra và truyền lại cho chúng ta. Hay nói một cách khác, pháp là giáo lý đúng như sự thật mà đức Phật đã thuyết minh. Chúng ta tin tưởng những giáo lý ấy, vì người nói ra là đức Phật, đã thân chứng được và giác ngộ được nhờ giáo lý ấy.
- Tin Tăng: Tăng là người thật hành các giáo lý của Phật để giác ngộ mình và người, là kẻ thay Phật đưa cao ngọn đuốc chánh pháp sáng ngời, để soi đường cho chúng sinh. Vì thế,

Phật tử suốt đời quy hướng về Tăng.

2- *Tấn căn*: Tấn là tinh tấn. Tấn căn là sự dũng mãnh tinh tấn trên bước đường tu tập không bao giờ thoái lui. Nếu đã có lòng tin chắc chắn mà không tinh tấn thực hiện, làm theo những điều mình tin, thì lòng tin suông ấy trở thành vô dụng, không đưa chúng ta đến đâu cả. Vậy cho nên người Phật tử đã tin Tam Bảo, thì phải luôn luôn tinh tấn thực hành giáo lý của Phật. Theo Luận Nhiếp Đại Thừa, tinh tấn có ba thứ:

- Bị giáp tinh tấn:

Nghĩa là mang áo giáp tinh tấn. Người Phật tử trong cuộc chiến đấu để diệt trừ đau khổ, tiến tới giải thoát, cần phải mang áo giáp tinh tấn, để khi xông pha vào trận địa "phiền não", khỏi bị ma quân hãm hại. Nhờ có áo giáp này, người Phật tử tin tưởng ở năng lực của mình hùng dũng tiến tới, không sợ gian nan nguy hiểm, không lùi bước trước một trở ngại hay một địch thủ nào.

- Gia hạnh tinh tấn:

Nghĩa là luôn luôn gắng sức không bao giờ dừng nghỉ trên bước đường đi đến giải thoát. Với thứ tinh tấn này, người Phật tử càng tiến càng hăng, càng thêm sức lực, càng phấn chí không bao giờ biết mệt mỏi.

- Vô hỷ túc tinh tấn:

Vô hỷ túc tinh tấn nghĩa là không vui sướng tự mãn, cho là vừa đủ khi mới thu được một ít thắng lợi trên đường tu

hành. Người Phật tử chưa chứng được Phật quả, thì còn gia công gắng sức tu luyện mãi, chứ không chịu dừng nghỉ, vui thú với một quả vị thấp thôi, tạm bợ, như người bộ hành khi chưa đến đích cuối cùng, thì còn hăng hái bước mãi, chứ không chịu chấm dứt cuộc hành trình của mình, bằng cách an phận ở mãi trong quán trọ bên đường.

3- *Niệm căn*: Niệm là ghi nhớ. Ghi nhớ những gì?

a) Thứ nhất niệm thí:

Nghĩa là nhớ tu bố thí. Người Phật tử thường ngày nhớ đem tài sản bố thí cho người bần cùng; đem hùng lực cứu giúp người sợ hãi; đem chánh pháp chỉ giáo cho người si mê, khiến họ hết khổ được vui.

b) Thứ hai niệm giới:

Nghĩa là nhớ trị tịnh giới để đoạn trừ các phiền não nghiệp chướng, tăng trưởng mọi hạnh lành. Giới có ba thứ:

- **Nhiếp luật nghi giới**: Những giới để ngăn cấm các hạnh nghiệp thô xấu, đoạn diệt các nghiệp chướng nơi thân tâm.
- **Nhiếp thiện pháp giới**: Những quy điều đúng pháp và lợi ích, người thực hành theo nó, có thể thành tựu tất cả pháp lành.
- **Nhiêu ích hữu tình giới**: Những điều luật làm lợi ích an lạc cho tất cả chúng sinh.

c) Thứ ba niệm thiên:

Luận Nhiếp Đại Thừa có nói: "Thiền niệm trụ là an trụ bốn món thiền định". Vậy niệm thiền là nhớ tu các niệm thiền định, để gan sạch tất cả phiền não, thể chứng chân như.

4- *Định căn*: Định hay tịnh lự do dịch nghĩa chữ Phạn là Dhyana (Thiền na). Định là lắng tâm yên tịnh, chuyên chú vào chánh pháp, để suy đạt thật nghĩa của nó. Theo Luận Nhiếp Đại Thừa, định có thể chia làm ba bậc:

- An trụ định: Để tâm an trụ vào định cảnh, không cho tán động, do đó phiền não được tiêu trừ.
- Dẫn phát định: Do đoạn sạch phiền não nên được phát sanh sáu món thân thông là các công đức thù thắng.
- Thành sở tác sự định: Do đã phát khởi được các công đức, thân thông, nên thường làm lợi ích cho tất cả chúng sanh; cứu độ chúng sanh giải thoát sanh tử, chứng được Niết Bàn.

5- *Huệ căn*: Huệ là trí huệ sáng suốt, thâm nhập được chân tướng của vạn pháp. Trí huệ ấy không có sự phân biệt, vì phân biệt là tác dụng của vọng thức, là mê lầm. Cũng theo Luận Nhiếp Đại Thừa, trí huệ có ba thứ:

- Vô phân biệt gia hạnh huệ: Quán trí này không còn thấy có phân biệt, nhưng còn có gia hạnh, nghĩa là còn phải dụng công tu hành, để thành tựu hoàn toàn vô phân biệt trí. Vì thế, nên gọi là "vô phân biệt gia hạnh huệ".
- Vô phân biệt huệ: Trí huệ này không có sự phân biệt, mà không cần phải gia hạnh vì đã thuần phục. Do không phân biệt nên

không có mê vọng. Nhờ trí huệ này, người tu hành được tự tại thể chứng nhân như.

- Vô phân biệt hậu đắc huệ: Hay hậu đắc trí, nghĩa là trí huệ có được sau khi đã chứng được chân như. Trí huệ này hoàn toàn sáng suốt, tỏ ngộ được thật nghĩa của các pháp. Chư Phật nhờ hậu đắc trí này mà thi tác vô lượng công đức, để cứu độ chúng sanh.

Nói một cách tổng quát giản dị, huệ căn là trí huệ do thiên định đã làm lạng sạch. Nó không đạt được sự thật của các pháp; nó là căn nguyên phát sanh mọi việc vĩ đại để giải thoát chúng sinh.

²⁷ **“Ba mươi bảy phẩm trợ đạo”**: Đạo để có 37 phẩm, chia ra làm 7 loại: 1. Bốn món Niệm xứ (Tứ Niệm Xứ); 2. Bốn món Chánh căn (Tứ Chánh căn); 3. Bốn món Như ý túc (Tứ Như ý túc); 4. Năm Căn (ngũ Căn); 5. Năm Lực (Ngũ Lực); 6. Bảy phần Bồ đề (Thất Bồ đề phần); 7. Tám phần Chánh đạo (Bát Chánh đạo phần).

1) Tứ niệm xứ: Bốn món Niệm xứ (Tứ Niệm Xứ): TỨ là bốn; NIỆM là hằng nhớ nghĩ; XỨ là nơi chốn. Tứ Niệm Xứ là bốn chữ, bốn điều mà kẻ tu hành thường để tâm nhớ nghĩ đến. Đó là:

- 1- Quán Thân bất tịnh: quan sát thân không trong sạch;
- 2- Quán Tâm vô thường: cái tướng của tự tâm (là cái phân biệt, hiểu biết hằng ngày, cái thức) chúng ta luôn luôn đổi thay, không thường.
- 3- Quán Pháp vô ngã: Nghĩa chữ Pháp rộng lớn mệnh mông, chỉ cho tất cả mọi sự thật trên vũ trụ, chẳng những các vật

hữu hình, cho đến các vật vô hình tướng tượng như lông rùa, sừng hổ, cũng gọi là Pháp cả. Tất cả các pháp làm nhân duyên cho nhau, in tuồng là có, chứ không có tự tướng. Không có tự tướng, tức là "vô ngã".

- 4- Quán thọ thị khổ: Thọ là chịu, nhận lãnh. Thọ thị khổ nghĩa là có nhận lãnh là có khổ. Càng lãnh thọ nhiều thì khổ đau càng nhiều càng khó buông xả. Càng xả chừng nào lại càng nhẹ gánh đau thương;

2) Tứ chánh cần: Bốn món Chánh cần (Tứ Chánh cần): là bốn phép siêng năng Tinh tấn hợp với chánh đạo. Đó là:

- 1- Tinh tấn ngăn ngừa những điều ác chưa phát sinh.
- 2- Tinh tấn dứt trừ những điều ác phát sinh.
- 3- Tinh tấn phát triển những điều lành chưa phát sinh.
- 4- Tinh tấn tiếp tục phát triển những điều lành đã phát sinh.

Bốn phép này như bốn nấc thang kế tiếp theo nhau, để đưa hành giả từ cái nhân hữu lậu mê mờ, đến cái nhân vô lậu giải thoát: Trước hết, do tu tâm hằng mong muốn (Dục), cho nên sự tu tập dũng mãnh (Tinh tấn); nhờ sự tu tập dũng mãnh, nên phiền não tiêu, tán động hết, do đó tâm được chuyên nhất (Nhất tâm), nhờ tâm chuyên nhất nên quán trí được thanh tịnh mãnh lợi (Quán), và có năng lực phá tan cội gốc vô minh.

3) Tứ như ý túc: Bốn món Như ý túc (Tứ Như ý túc): là bốn phép làm nơi nương tựa cho các công đức thiền định, thần thông được thành tựu mỹ mãn như ý muốn của mình. Bốn định ấy là:

- 1- Dục Như ý túc: mong muốn được thành đạt pháp thiền định mình đang tu, để tiến lên chứng các Thánh quả
- 2- Tinh tấn Như ý túc: Tinh tấn là dũng mãnh, chuyên nhất vào pháp thiền định mình đang tu.
- 3- Nhất tâm Như ý túc: Nhất tâm là tâm chuyên nhất vào định cảnh, không bảu giờ tán loạn.

Quán Như ý túc: Quán nghĩa là dùng trí tuệ sáng suốt quán sát pháp mình đang tu. Quán trí ấy do định mà phát sanh, trí ấy là tịnh trí. Vì tịnh cho nên nó có thể như thật thông đạt thật nghĩa (chân lý) của các pháp (vũ trụ).

4) Ngũ căn: (Đã nói phần chú thích trên)

5) Ngũ Lực: Năm Lực Là năm năng lực vĩ đại, năm thần lực của Ngũ căn. Ngũ căn như năm cánh tay, còn ngũ lực như là sức mạnh của năm cánh tay ấy. Những sức mạnh này là kết quả thấu đạt được do sự kiên cố tu luyện của Ngũ căn. Nó như là một ngọn lửa bật lên sau khi người ta đã nỗ lực cọ sát hai cây củi vào nhau để lấy lửa:

- 1- *Tín lực:* thần lực của đức tin, hay sức mạnh lớn lao, vi diệu do tín căn phát sinh.
- 2- *Tấn lực:* thần lực của đức tinh tấn, hay sức mạnh bất thối chuyển, kiên cố, có thể sang bằng mọi trở lực, sức mạnh này do tấn căn phát sinh.
- 3- *Niệm lực:* thần lực của sự ghi nhớ, hay sức mạnh lớn lao bền chắc của niệm căn.

- 4- *Định lực*: thân lực của sự tập trung tư tưởng hay sức mạnh vĩ đại của định căn.
- 5- *Huệ lực*: thân lực của trí huệ hay sức mạnh vô biên của huệ căn.

6) Thất Bồ đề phần: Bảy phần Bồ đề. Bồ đề là Giác đạo, hay đạo quả giác ngộ. Phần là từng phần, từng loại. Thất Bồ đề phần là bảy pháp tu tập tuần tự hướng đến đạo quả vô thượng Bồ đề, hay bảy pháp giúp người tu hành thành tựu đạo quả Đại giác hay bảy phương tiện đi đến đích giác ngộ. Gồm có:

- 1- *Trạch pháp*: Trạch là lựa chọn; Pháp là pháp môn, là phương pháp tu hành. Trạch pháp là dùng trí huệ để lựa chọn pháp lành để tu, pháp dữ để tránh.
- 2- *Tinh tấn*: là luôn luôn dũng tiến trên bước đường tu tập;
- 3- *Hỷ*: Là hoan hỷ. Nhờ tinh tấn tu hành, nên đoạn trừ được dần phiền não thành tựu vô lượng công đức, do đó, sanh tâm hoan hỷ và phấn chí tu hành.
- 4- *Khinh an*: Khinh là nhẹ nhàng. An là an ổn. Nhờ sự tinh tiến tu tập nên thân tâm được thanh tịnh; do đó người tu hành cảm thấy nhẹ nhàng, khoan khoái, khinh an, như đã trút được gánh nặng dục vọng, mê mờ.
- 5- *Niệm*: Là thường ghi nhớ chánh pháp để thực hành. Tâm niệm ta, nếu không thường nhớ chánh pháp, tất nhiên tạp niệm phát sanh, phiền não tăng trưởng. Vì thế người tu hành cần phải để tâm ghi nhớ chánh pháp, đừng cho xao

lãng buông lung nghĩ bậy.

6- *Định*: Nghĩa là tâm chuyên chú, tập trung vào pháp mình đang tu.

7- *Xả*: Là bỏ ra ngoài không vướng bận. Xả tức là hành xả tâm sở, một trong 11 món Thiện tâm sở. Hành xả nghĩa là thế nào?

Người tu hành, nhờ trí sáng suốt, nhận biết "thọ là khổ", nên không nắm giữ một thứ nào hết, dù quý báu bao nhiêu. Ngay trong sự tu hành cũng vậy, họ không trụ trước ở các pháp mình đã tu, đã chứng; trái lại họ luôn luôn xả bỏ những gì mình đạt đến, để tiến triển trên bước đường đi đến giải thoát. Pháp hành xả này giúp chúng ta thành tựu sự siêu việt.

7) ***Bát Chánh đạo phần***: Tám phần Chánh đạo

1- *Chánh kiến (hay chánh tri kiến)*: Là thấy, nghe, hay, biết một cách ngay thẳng, công minh, đúng với sự thật khách quan;

2- *Chánh tư duy*: Là suy nghĩ, xét nghiệm chân chánh, tư tưởng đúng với lẽ phải. Người tu theo phép Chánh tư duy, thường xét nghĩ đạo lý cao siêu, suy tìm thể tánh nhiệm mầu, biết xét những hành vi lỗi lầm, những ý nghĩ xấu xa để sám hối; biết suy nghĩ về ba món vô lậu học: Giới, Định, Huệ, để tu giải thoát; biết suy xét vô minh và nguyên nhân đau khổ, và nguồn gốc của tội ác, và tìm phương pháp đúng đắn để tu hành hầu giải thoát cho mình và cho người.

- 3- *Chánh ngữ*: Là lời nói chân thật, công bình, ngay thẳng và hợp lý.
- 4- *Chánh nghiệp*: Nghiệp là hành động tạo tác. Chánh nghiệp là hành động, việc làm chân chính, đúng với lẽ phải, phù hợp với chân lý, có lợi ích cả người lẫn vật. Ngoài ra cũng gọi là chánh nghiệp, khi dùng trí huệ để quán tưởng những pháp chân chính, hoặc ngòai Thiên, niệm Phật, hoặc trì tụng kinh hành, để giữ gìn thân, khẩu, ý ba nghiệp cho thanh tịnh.
- 5- *Chánh mạng*: Là sanh sống một cách chân chính bằng nghề nghiệp lương thiện, trong sạch của mình, không làm cho người và vật phải đau khổ vì nghề nghiệp của mình, sống đúng Chánh pháp, không mê tín dị đoan, và biết thân tứ đại vốn vô thường, nên lấy tịnh giới làm thể, lấy trí huệ làm mạng, bỏ niệm vọng cầu, an vui với chánh pháp.
- 6- *Chánh tinh tấn*: Là chuyên cần, siêng năng, thẳng tiến mục đích đã vạch sẵn không vì một lý do gì mà lùi bước định thành đạo quả để trước tự độ, sau hóa độ chúng sanh.
- 7- *Chánh niệm*: Là ghi nhớ đến những điều hay lẽ phải, những điều lợi lạc cho mình cho người, những đạo lý chân chính quý trọng cao siêu. Chánh niệm có hai phần:
 - a) Chánh ức niệm: Là nghĩ nhớ đến các điều lỗi lầm để thành tâm sám hối, và nghĩ nhớ đến Tứ trọng ân: ân cha mẹ, ân tổ quốc, ân chúng sinh và ân Tam Bảo để lo báo

đền.

b) Chánh quán niệm: Là dùng tâm từ bi xét nghĩ cuộc đời là khổ não, tật bệnh, mê mờ mà chúng sinh đang mắc phải, để mở rộng lòng thương yêu và quyết ra tay cứu độ. Thường quán sát cảnh chân đế, năng tưởng niệm các pháp trợ đạo; bất luận ở đâu và làm gì, cũng nhớ nghĩ đến cái quả vô lậu xuất thế gian, dù trải qua bao nhiêu số kiếp cũng không thối tâm xao lãng.

8- *Chánh định*: Là tập trung tư tưởng vào một vấn đề chính đáng, đúng với chân lý, có lợi ích cho mình và người.
(*Phật học phổ thông - tập 1- HT. Thích Thiện Hoa*)

²⁸ Chú thích 34

²⁹ Chú thích 34

³⁰ Chú thích 34

³¹ **“Tam Thập Thất Đạo Phần”**: Ba bảy phẩm trợ đạo.

³² Chú thích 34:

³³ **“Như kỳ bất năng”**: Nếu như không có năng lực này

³⁴ **“Thoái nhi cầu kỳ thứ”**: Cầu việc khác

³⁵ **“Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm”**: Nên vô sở trụ mà sanh tâm ấy.

Ứng vô sở trụ: Chính là khi lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, tâm không bị lục trần lôi kéo – ly tướng vô trụ (lìa tướng, không trụ). Như thế thì pháp thể thanh tịnh, khế nhập bản thể;

Nhi sanh kỳ tâm: Chính là y thể khởi dụng. Thể thanh tịnh, tác dụng dựa vào thể mà khởi đương nhiên cũng là thanh tịnh. Cho nên, Nhi sanh kỳ tâm, cái sanh ra chính là tâm thanh tịnh của tự tánh, cũng chính là bản tâm, tâm vốn dĩ tự thanh tịnh. (*Pháp bảo đàn kinh – Lục Tổ Huệ Năng*)

³⁶ **“Vốn dĩ không một vật”**: Bài kệ của Lục tổ Huệ Năng: Bò-đề vốn không cây, Gương sáng cũng chẳng đài, Xưa nay không một vật, Chỗ nào dính bụi nhơ (Việt dịch: HT-Thích thanh Từ).

³⁷ **“Tam bất thoái”**: Tam bất thoái đó là Vị bất thoái. Hành bất thoái và Niệm bất thoái.

1- *Vị bất thoái* : Vị thứ đã tu được không bị thoái mất. được quả vị nào thì trụ chắc quả vị đó rồi tinh tấn thêm nữa.

2- *Hành bất thoái* : Chẳng bị thoái mất đối với các pháp đã tu hành, tức là tu càng ngày càng tăng trưởng.

3- *Niệm bất thoái* : Chẳng bị thoái chuyển, về chánh niệm.

Nếu phá Kiến tư được gọi là Vị bất thoái thì vĩnh viễn chẳng mất địa vị siêu phàm, lại đoạn được Trần sa hoặc, thì được gọi là Hành bất thoái, vĩnh viễn chẳng mất hạnh Bồ Tát. Nếu đã phá Vô minh được gọi là Niệm bất thoái, thì chẳng mất chánh niệm. *Theo TDPH Hán Việt*

³⁸ **“Nhân vô lễ tắc bất lập”**: “Bất học lễ, vô dĩ lập”: Không học lễ, không làm nên gì cả.

³⁹ **“Tam quy, cửu khấu”**: Ba lần quy, chín lần khấu đầu

⁴⁰ **“Nguyện dĩ đạo hành”**: Nguyện dẫn dắt bạn tu hành.

41 **“Hành dĩ tiền nguyện”**: Hành của chúng ta thực hiện nguyện vọng của chúng ta.

42 **“Nguyện hạnh tương chất”**: Nguyện giúp cho hành, hành giúp cho nguyện

43 **“Pháp môn khó tin”**: “Nan tín chi pháp”

44 **“Chư pháp thật tướng”**: Thật tướng tất cả các pháp

45 **“Khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo”**: Do mê hoặc nên tạo nghiệp, do tạo nghiệp nên phải nhận quả báo.

46 **“Thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn”**: Cách giáo hóa cõi này là ở âm văn: Chân giáo thể phương này, thanh tịnh nơi nghe tiếng. Khổng lão phu tử dạy học dùng âm thanh, Phật Thích Ca cũng giống như vậy. Không có kinh sách, văn tự, hoàn toàn dựa vào lời nói.

47 **“Từ bi là gốc, phương tiện là cửa”**: Từ bi vi bản, phương tiện vi môn.

48 **Tứ nhiếp pháp**: 4 phương pháp lợi tha để nhiếp phục chúng sanh quay về với Phật pháp. Đó là:

1. *Bố thí nhiếp*: Nghĩa là phải làm hạnh bố thí. Do sự bố thí ấy mà mình cảm phục được người chung quanh, người chung quanh mới gần gũi thân mến mình và mong cầu học đạo giải thoát. Có 3 lối Tài thí, Pháp thí và Vô úy thí. Vô úy thí. Có 3 lối Tài thí, Pháp thí và Vô úy thí. Vô úy thí
2. *Ái ngữ nhiếp*: Là tùy theo căn cơ tánh chúng sanh mà khôn khéo nói năng, an ủi, khuyên lơn, nhân thế khiến cho họ sinh

lòng thân mến, cảm phục, rồi từ đó họ mới theo ta mà học đạo.

3. *Lợi hành nhiếp*: Là làm lợi ích cho người bằng ý nghĩ, lời nói hay hành động, khiến cho người ta sinh lòng thân mến mà theo ta học đạo.
4. *Đồng sự nhiếp*: Đồng sự nhiếp là tùy theo căn cơ, hoài bão, địa vị, nghề nghiệp của người mà lặn lội vào công việc của họ, cộng tác với họ, để một mặt giúp đỡ họ trong nghề nghiệp, một mặt nêu cao gương lành, làm cho họ cảm mến mà theo ta đến gần đạo cả. (*Phật học phổ thông* - HT.Thích Thiện Hoa)

⁴⁹ **“Tứ tất đàn”**: Bốn loại bố thí viên mãn: Thế giới tất đàn, Vi nhân Tất đàn, Đồi trị tất đàn, Đệ nhất nghĩa tất đàn.

“Tất Đàn”, cái danh từ này là Hoa Phạn cùng hợp dịch: “Tất” là chữ Trung Quốc, “Đàn” là tiếng Ấn Độ. “Đàn” là “Đàn na”, chính là bố thí, “Tất” chỗ này nếu dùng dùng lời hiện đại ở chúng ta mà nói thì “Tất Đàn” ý nghĩa chính là bố thí viên mãn, bình đẳng bố thí, phổ biến bố thí. Phật nói pháp có bốn loại. Đây đều là nói “*Nhiếp Thọ chúng sanh*”, bạn lia khỏi bốn loại phương pháp này, thì không làm được nhiếp thọ chúng sanh, cũng chính là nói bạn muốn cùng với tất cả chúng sanh làm tốt mối quan hệ thì thật là không dễ chút nào, đặc biệt là xã hội hiện tại này, cha con đã không còn thân ái, vợ chồng cũng không còn nói đạo nghĩa, loại quan hệ giữa người và người như vậy thì làm sao mà xây dựng? Thế nhưng chúng ta tưởng tượng xem, phương thức đó của Phật vẫn còn làm được tốt, đó là “biến thí”, là bạn phải chịu bố thí. Cho

nên bốn điều này, điều thứ nhất chính là khiến tất cả chúng sanh sanh tâm hoan hỷ gọi là “Thế giới tất đàn”.

1- *Bước thứ nhất gọi là “Thế giới Tất Đàn”.*

Thế giới tất đàn là trước tiên khiến cho tất cả chúng sanh sanh tâm hoan hỷ. Muốn khiến cho tất cả chúng sanh sanh tâm hoan hỷ, vậy thì bạn nhất định phải biết hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Nếu bạn không thể hằng thuận chúng sanh, mà bạn lại muốn chúng sanh phải hằng thuận ta, vậy thì khó rồi, cần phải biết chính mình đi hằng thuận chúng sanh. Phật làm ra tấm gương cho chúng ta xem trước phải khiến cho họ hoan hỷ.

2- *Bước thứ hai “Vi nhân Tất Đàn”.*

Cái ý này chính là nói mỗi niệm đều nghĩ đến lợi ích của họ, vậy người ta đương nhiên hoan hỷ. Còn như mỗi niệm bạn chỉ nghĩ đến lợi ích của chính ta, thì bạn sẽ rất khó mà ở chung với người khác. Vì mọi người liền tranh lợi, còn chúng ta có thể buông bỏ, chúng ta có thể xả bỏ, thoã mãn mong cầu của tất cả chúng sanh, vì họ, mọi thứ đều vì họ. Thời gian lâu dần về sau, họ sẽ xem bạn là người bạn tri âm, xem thấy con người bạn ở ngay trong một đời này, họ cảm thấy rất đáng nương nhờ, vậy bạn kiến nghị cho họ, họ liền sẽ nghe theo. Cho nên đến bước thứ ba, vậy mới giúp họ cải đổi tự làm mới gọi là “Đối trị tất đàn”.

3- *Bước thứ ba: “Đối trị Tất đàn”.*

Ở trong loại quan hệ thân thiết này, giao tình dài lâu, Bồ Tát mới bắt đầu nói rõ chân tướng của vũ trụ nhân sanh, sự thật

cùng lý luận của nhân quả báo ứng, khuyên bảo họ, chỉ cho họ cái gì là lợi ích chân thật? Cái gì là hại? Cái gì là phải? Cái gì là trái? Phải quấy lợi hại mới có thể nói, làm cho họ dần dần tỉnh ngộ ra, biết được đoạn ác tu thiện, phùng hung hoá kiết (thông thường người học Phật chúng ta gọi là tiêu tai giải nạn), dạy cho họ cái đạo lý này, đó là Phật pháp sơ cấp. Nhưng đây chưa phải là giúp cho họ mục tiêu chân thật, mục tiêu chân thật ở sau cùng. Đó là:

4- *Bước thứ tư: “Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn”.*

Giúp cho họ thành Phật. Còn như giúp cho họ làm một người tốt, được phước báo trời người cũng không tệ, nhưng không cứu cánh. Vì sao? Vì con người phải chết sống không lâu, nên phước của bạn hưởng không lâu, vậy làm thế nào có thể học đến không chết, không sanh không diệt, làm thế nào có thể gìn giữ phú quý của bạn, ngàn năm vạn thế vĩnh viễn không suy? Vậy thì phải làm Phật, không làm Phật thì những việc này không thể làm được. Cho nên mục tiêu sau cùng là giúp cho họ thành Phật. (*Tập 9 - VCD 81 - Thuyết giảng Phật thuyết đại thừa Vô lượng thọ, Trang nghiêm, Thanh tịnh, Bình Đăng giác Kinh, Chủ giảng: lão Pháp sư Tịnh không- Lần thứ 10- tại đạo tràng Cư sĩ Lâm – Tân Gia Ba*)

⁵⁰ **“Bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai”**: Chẳng cần phương tiện, tự được tâm khai.

⁵¹ **“Như Lai tạng hữu nhiễm hoàn tịnh”**: Như Lai tạng là gì? Khởi Tín luận gọi là “Pháp giới đại tổng tướng” nhiếp thâu các pháp của toàn bộ pháp giới gồm có nhiễm và tịnh. Tịnh là chơn

như, nhiễm là vô minh, chân như và vô minh kết thành một khối bất ly trong tâm chúng sanh, cả hai đều thâm nhiếp các pháp ngang nhau. Nếu xuôi dòng vô minh thì bị giam hãm trong vòng sinh tử thì gọi là Như lai tại triền (trạng thái bị phiền não trói buộc). Mặt khác nếu thuận chơn như tu tập, huân tu bên trong làm nhân và lấy giáo pháp bên ngoài làm duyên thì tịnh dần dần mạnh lên và nhiễm bị yếu đi, tịnh bọc lấy nhiễm và chuyển lực dụng của nhiễm thành nghiệp dụng bất khả tư nghì thì gọi là Như lai xuất triền. (*Thích Nghiêm Quang*)

⁵² **“Tuyệt tư tuyệt lục”**: Đoạn tuyệt hoài niệm, đoạn tuyệt lo âu, phiền não, suy nghĩ.

“Đại đạo hư khoáng tuyệt tư tuyệt lục”: Đại đạo thênh thang rộng lớn bật suy dứt nghĩ.

⁵³ **“Bách giới thiên như”**: Trăm giới ngàn như.

Đúng là dù lớn cũng không lọt ra ngoài, dẫu nhỏ nhất đến mấy cũng không có gì chẳng thuộc vào đây. Trăm giới ngàn như: Theo tông Thiên Thai có mười giới: từ ngã qui, súc sanh, địa ngục.. cho đến, trời, người, A Tu la, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chư Phật. Trong mỗi giới lại có đủ mười giới (mỗi giới có đủ mầm mống mười pháp giới ở trong), nên $10 \times 10 = 100$ giới. Trong mỗi giới lại có mười môn như thị (mười thứ đúng như thế). Diệu lý của thật tướng từ xưa đến nay vẫn như như, chẳng hề biến đổi nên gọi là Như; y vào Thực Tướng và phải hiện ra Thế Đế nên gọi là Thị. Hai chữ Như Thị là trạng thái của Thực tướng, nó phải như

như thể thể. Mười cái Như thị là như thị tướng, như thị thể, như thị tánh, như thị lực, như thị tác, như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị bản mặt cứu kính (cái gì cũng có gốc, ngọn, từ gốc đến ngọn đều bình đẳng rớt ráo), (xem kinh Pháp Hoa) Mỗi một pháp giới có mười cái Như Thị, một trăm pháp giới thành ra một ngàn cái Như Thị. Tông Thiên Thai dùng chữ bách giới thiên như để chỉ tất cả các pháp.

⁵⁴ **“Dị sanh tánh”, “Đồng sanh tánh”**: Trong Bách Pháp Minh Môn nói đến: ‘Đồng Sanh Tánh, Dị Sanh Tánh’, hai thứ này đều là ý nghĩa của chữ Bồ này. Dị Sanh Tánh tức là dùng vọng tâm, *Dị tức là chẳng giống nhau*, chẳng giống Phật, Bồ Tát, dùng tâm chẳng giống; Phật, Bồ Tát dùng chân tâm, bạn dùng vọng tâm, bạn khác với Phật, Bồ Tát nên gọi là Dị Sanh Tánh. Ai là Dị Sanh Tánh? Thập pháp giới đều là Dị Sanh Tánh. Đừng nói lục đạo phàm phu, [ngay cả] Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, và Phật trong thập pháp giới - Tạng Giáo Phật và Thông Giáo Phật nói trong Tông Thiên Thai - đều là Dị Sanh Tánh.

Ai là Đồng Sanh Tánh? ‘Đồng Sanh Tánh’ dùng tâm giống chư Phật Như Lai. Nếu dùng lời của Tướng Tông để nói thì: ‘*Chuyển Tám Thức thành Bốn Trí*’, đây tức là dùng chân tâm, đó chính là Đồng Sanh Tánh. Đồng là tương đồng với chư Phật, Như Lai, dùng tâm giống với tâm Phật, dùng chân tâm. Tâm Phật ví như trăng ngày rằm, nếu bạn biết dùng Đồng Sanh Tánh thì bạn cũng ví như trăng khuyết ngày mùng hai, mùng ba. Ánh sáng

trăng khuyết tuy chẳng giống như ánh trăng tròn, nhưng đều là chân thật, đều là ánh trăng thật sự, chẳng phải giả. Dị Sanh Tánh, người xưa ví như ánh trăng trong mặt nước, có bóng dáng của mặt trăng, đó gọi là Dị Sanh Tánh, nó chẳng giống, chẳng phải thật. Tuy là trăng khuyết, như Sơ Trụ Bồ Tát, Thập Trụ Bồ Tát đúng là giống như trăng khuyết, đến Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, dần dần tăng thêm ánh sáng, đến quả địa Như Lai thì là trăng tròn, tất cả đều dùng chân tâm. Xây dựng lòng tin từ chân tâm, từ chân tâm phát ra đại nguyện, đó chính là Bản Nguyện. Người xưa nói nguyện lực như vậy vượt qua được khảo nghiệm, mưa to gió lớn gì họ cũng chẳng bị lay động; bất luận cảnh thuận, cảnh nghịch gì họ nhất định đều chẳng bị cảnh giới lay động. Tại sao vậy? Nguyện của họ từ chân tâm phát ra, họ nương dựa vào chân tâm. Nếu chẳng dựa vào chân tâm, mà là nguyện phát từ vọng tâm, nguyện lực ấy chẳng mạnh, rất yếu, rất dễ bị cảnh giới lay chuyển, rất dễ mê mất phương hướng, việc này chúng ta nhất định phải biết.

(Trích: Địa Tạng Bồ tát giảng nguyện ký - Hòa thượng Tịnh Không giảng tại Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba, bắt đầu từ ngày 28/5/1998, Đệ tử Nhan Thụy Thành đem những tư liệu liên quan đến những buổi giảng này từ Trang Nhà www.amtb.org.tw, chỉnh lý thành sách cúng dường độc giả, cùng nhau chia sẻ pháp nhũ)

HỒI HƯỚNG

Nguyện đem công đức này
Trang nghiêm Phật Tịnh độ
Trên đền bốn ơn nặng
Dưới cứu khổ ba đường
Nếu có ai thấy nghe
Cùng phát tâm bồ đề
Hết một báo thân này
Đồng sanh về Cực Lạc quốc.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT!

Cẩn dịch: Vọng Tây cư sĩ - Email: Vongtaycusi@gmail.com

*Phát tâm cúng dường: Da giới “Thuyết giảng Phật Thuyết Đại
Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác
Kinh” - thành tâm cúng dường.*

HOAN NGHÊNH BẠN ĐỌC ÁN TỔNG SÁCH
(Tải file mềm tại www.niemphatvangsinh.com)

PHẬT DẠY ÁN TỔNG KINH ĐƯỢC MƯỜI CÔNG ĐỨC

1. Đã lỡ phạm tội, nếu tội nhẹ thì liền được tiêu tan, nếu tội nặng thì được chuyển thành nhẹ.
2. Thường được thiện thần ủng hộ, tránh khỏi tất cả ôn dịch, đao binh, giặc cướp, tù tội, lửa cháy, nước trôi v.v...
3. Nhờ chánh pháp mà những kẻ oán thù với mình trong kiếp trước được giải thoát nên tránh được sự khổ sở về tội báo thù.
4. Ác Quỷ Dạ xoa không thể xâm phạm, cọp đói, rắn độc không hại được.
5. Tâm được yên ổn, ngày không có sự nguy hiểm, đêm không có ác mộng, nhan sắc sáng sủa tươi tắn, khí lực dồi dào, việc làm tốt, lợi.
6. Hết lòng phụng sự chánh pháp, tuy không mong cầu nhưng cơm ăn áo mặc tự nhiên đầy đủ, gia đình hòa thuận phước thọ miên trường.
7. Lời nói và việc làm, trời, người đều hoan hỷ; đến nơi nào cũng được nhiều người kính mến.
8. Nếu ngu si thì chuyển thành trí huệ, bệnh tật chuyển thành lành mạnh, nguy hiểm chuyển thành yên ổn, nếu là đàn bà sau khi chết sẽ chuyển thành đàn ông.
9. Xa lìa các đường dữ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh), được sanh vào các cõi thiện (người, trời) tướng mạo đoan chánh, thông minh, xuất chúng phước lộc hơn người.
10. Dù năng lực để gây căn lành cho chúng sanh, lấy tâm chúng sanh làm ruộng phước và sẽ thu hoạch được nhiều quả tốt. Sanh vào chỗ nào cũng được thấy Phật, nghe pháp; ba thứ trí huệ (Văn, Tư, Tu) mở rộng, chứng được sáu thần thông (thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, thần túc và lậu tận thông) .

